N° 90 Décembre 1924

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

HOÀN-CẢNH

« Hoàn-cảnh » là một tiếng mới, chỉ cái cảnh hữu-hình vô-hình nó bao-bọc chung-quanh và ảnh-hưởng đến đường sinh-hoạt, sự hành-động của người ta và các giống sinh-vật. Cái hoàn-cảnh hữu-hình, như nắng, mưa, nóng, lạnh, sự ẩm-thấp, sự khô-ráo, v. v., quan-hệ đến đường sinh-hoạt của các giống vật thế nào, khoa sinh-vật-học đã nghiên-cứu tường, lập thành hẳn một chuyên-môn gọi là « hoàn-cảnh-học » (*mésologie*). Hoàn-cảnh-học thường xét về hoàn-cảnh ảnh-hưởng đến sự động-tác của các cơ-thể, đến thói ăn cách ở, sức khỏe và sự sống lâu của các giống vật, đến hình-thể các cơ-quan và sự tập-hợp tự-nhiên của các giống vật trên mặt đất. Sự ảnh-hưởng ấy đối với mỗi giống có khác, nhưng đại-suất loài thực-vật chịu sức của hoàn-cảnh mạnh hơn loài động-vật, và trong các giống động-vật thời giống có vú là vào hạng « cao-đẳng-động-vật » lại chịu cái sức ấy nhẹ hơn nhất, vì giống này đã sẵn có hoàn-cảnh ở trong mình, — chữ khoa-học là « nội-dung hoàn-cảnh » (*milieu intérieur*), — khiến cho thân-thể bao giờ cũng có thấp-độ nhiệt-độ nhất-định, ít phải thay đổi theo ngoài.

Người ta là bậc siêu-đẳng trong các giống cao-đẳng-động-vật, tất là chịu ảnh-hưởng của hoàn-cảnh lại nhẹ hơn nữa. Không những chịu nhẹ hơn, mà lại có sức đề-chế lại, có phương phòng-ngừ nữa. Nhưng chính bởi người ta là một giống khôn-ngoan nên chịu cái hoàn-cảnh hữu-hình ít mà chịu cái hoàn-cảnh vô-hình lại nhiều. Cái hoàn-cảnh vô-hình tức là cái hoàn-cảnh của xã-hội, bởi phong-tục, bởi chính-trị, bởi học-thuật, bởi tôn-giáo, bởi cái tâm-lý chung của người ta cùng sinh-hoạt với nhau mà thành ra, khác nào như một cái không-khí nó đầm-thấm cả tâm-hồn tình-tính mà ba-động đến tư-tưởng hành-vi. Sự ảnh-hưởng của cái hoàn-cảnh vô-hình đó sâu-xa và thấm-thía, nhiều khi chịu mà không biết, tiếp mà không hay, như thuộc về vô-ý-thức vậy. Cớ sao khi vào chơi một nhà, trông cái cách bày-biện, nghe câu chuyện nói-năng, hô-hấp cái không-khí trong nhà mà hoặc thấy như ấm-áp vui-vẻ, hoặc thấy như nhạt-nhẽo lạnh-lùng, hoặc thấy sinh lòng quyến-luyến, hoặc thấy sinh dạ cách-niềm? Lại cớ sao như khi đến ở một xứ nào, sau buổi đầu bỡ-ngỡ, rồi dần-dần thấy như tiêm-nhiễm những thói ăn cách ở, cho chí sự tư-tưởng, sự cảm-tình của người xứ ấy mà không biết? Lại như vào nơi tế-tự thời sinh lòng kính-cẩn, đến chỗ vui chơi thì nghĩ cách truy-hoan? Đó tức là cái ảnh-hưởng của hoàn-cảnh vậy.

Cái ảnh-hưởng ấy nó ngấm-ngầm mình không biết, mà biết ra mới biết rằng sâu-xa. Tôi còn nhớ khi ở *Paris*, có lúc hồi-tưởng đến công việc ở nhà, việc nhà, việc nước, việc xã-hội, việc công-danh, thấy nó xa lắc xa lơ mà nhỏ-nhen thấp-hẹp vô-cùng, tưởng không

đáng bận lòng nhọc trí một chút nào, và còn nhiều việc khác lớn-lao quan-trọng hơn. Lại nghĩ đến nông-nỗi người mình tranh ăn tranh nói, tranh đứng tranh ngồi, thiết-tha những chuyện chẳng đâu đâu, hơn nhau một thước một bước đã lấy làm tự-mãn tự-cao, không biết rằng tổng-chi là một giống yếu-hèn cả, càng thêm chán ngắt buồn tênh, mà ngậm-ngùi cho cái số-phận hẩm-hiu của giống mình. Kịp đến khi về đây thời những cái khái cao-thượng ấy tự-nhiên vợi dần đi, và những công việc cho là ti-tiện nhỏ-nhen cũng gia-công chăm-chút, những nông-nỗi lấy làm buồn-bã chán-ngán, cũng coi như sự thường. Ấy chính là cái hoàn-cảnh nó sinh ra như thế. Cái hoàn-cảnh thành *Paris* là cái hoàn-cảnh rộng-rãi thảnh-thơi, cho nên tư-tưởng mình cũng nhân đó khoáng-trương phát-đạt ra; cái hoàn-cảnh nước nhà là cái hoàn-cảnh chật-hẹp bức-tức, cho nên tư-tưởng mình cũng nhân đó ủy-súc đốn-tỏa lại.

Xem như thế thì biết cái hoàn-cảnh vô-hình quan-hệ cho người ta biết dường nào.

Nay cái hoàn-cảnh vô-hình có khác cái hoàn-cảnh hữu-hình, là hoàn-cảnh hữu-hình thuộc về vật-lý, thuộc về hiên-nhiên, sức người không thể biến-dịch được: nắng, mưa, nóng, lạnh, những sự ấy người ta có thể phòng-ngữ mà không thể thay đổi; hoàn-cảnh vô-hình thuộc về tâm-lý, thuộc về xã-hội, sức người có thể biến-dịch được: bác-sĩ BERTILLON trong mục « Hoàn-cảnh-học » ở sách « Y-học bách-khoa từ-điển » đã nói rằng: « Hoàn-cảnh xã-hội, người ta vẫn có thể thay-đổi được. Xem như các chính-phủ hủ-bại từ xưa đến nay, chỉ là bởi người ta không biết phấn-nhiên cải-cách, mà các chính-phủ hưng-thịnh chính là bởi người ta hay chấn-loát tự-cường, thì đủ biết vậy. »

Cái hoàn-cảnh tâm-lý, cái hoàn-cảnh xã-hội đã có ảnh-hưởng sâu-xa đến người ta như thế, mà lại thuộc sức người có thể biến-dịch được, như thế thời vấn-đề hoàn-cảnh ở nước ta há chẳng phải là một vấn-đề quan-hệ cho sự tiến-hóa của quốc-dân lắm ư?

Ta nên xét xem hiện cái hoàn-cảnh xã-hội nước ta bây giờ có lợi cho sự phát-đạt của quốc-dân về đường tinh-thần không, và sau này có thể biến-dịch thế nào cho được tiện-lợi hơn.

Trên kia đã ví hoàn-cảnh như không-khí. Nay vào một cái nhà cũ-kỹ tối-tăm, ít cửa thông, không thoáng khí, tất thấy hầm hơi mà khó thở. Nhà ấy chắc là không hợp phép vệ-sinh, không lợi cho sức khỏe. Xã-hội ta cũng tựa như một cái nhà hầm hơi, không phải là cái hoàn-cảnh tốt cho tinh-thần được sáng-sủa mạnh-mẽ. Ở trong nhà ấy lắm khi thấy nồng-nàn bức-tức, không được khoan-khoái thảnh-thơi. Ta thường phàn-nàn rằng nước ta ít nhân-tài. Nhưng cứ cái hoàn-cảnh ấy thì cũng khó lòng gây được lắm nhân-tài lỗi-lạc. Không phải là bởi chủng-loại không tốt; cứ xem lịch-sử thì biết giống Việt-Nam ta đời nọ qua đời kia cũng đã từng sản được lắm kẻ hay làm vẻ-vang cho nòi giống. Gần đây cây cằn lá úa, hoa ít quả thưa, chỉ là bởi cái hoàn-cảnh sử-nhiên vậy.

Bởi cớ sao mà cái hoàn-cảnh của ta lại không lợi như thế? Bởi cớ sao mà cái không-khí trong xã-hội ta lại nồng-nàn khó thở như thế?

Trên kia đã nói rằng những nguyên-nhân gây ra hoàn-cảnh là thuộc về chính-trị, thuộc về xã-hội, thuộc về học-thuật, thuộc về phong-tục, nhưng rút lại cũng là ở cái tâm-lý chung của người trong nước. Nay không thể bàn tường về các phương-diện, ta hãy xét

về cái tâm-lý của người nước ta.

Phẩm-bình về người đương-thời, thật cũng khó quá. « Há miệng mắc quai », nói người phải nghĩ đến mình. Có ông khôi-hài đã nói rằng : « Tôi thường nghe lắm kẻ chê người nước mình thế nọ, than người nước mình thế kia. Chẳng hay những kẻ bình-phẩm về đồng-bào như thế, có kể cả mình vào đấy không, hay là trừ mình ra ngoài? Nếu không kể mình vào đấy, thì sao không phấn-phát đứng dậy, ra mà làm gương cho người, nhỉ? » Lời bình-phẩm những kẻ bình-phẩm ấy thật là đáng lắm, và ai có tính hay chê người cũng phải nhớ rằng lời chê chửa tất mình đã khỏi. Nhưng muốn sửa những điều lầm-lỗi, phải biết lầm-lỗi tại đâu, biết phải nói để cảnh-cáo cho nhau mà cùng nhau tìm đường sửa đổi, miễn là đừng nên làm mặt kẻ cả chê người mà tự để hẳn mình ra ngoài vậy.

Nay xét về cái tâm-lý chung của người nước ta, tức là đã nghiệm với cái tâm-lý riêng của mình, thấy đồng-bệnh tương-liên, nên muốn tìm phương thuốc chữa ; thật không dám cho mình là hoàn-toàn vô-tật vậy.

Mà lạ thay, xét ra cái tật thứ nhất của người mình, làm cho không-khí trong xã-hội đến nồng-nàn khó chịu, nhuệ-khí của người ta đến kém-nhụt tiêu-mòn, lại chính là cái tật « bình-phẩm », cái tính hay xét-nét lẫn nhau, hay khe-khắt với người mà rộng-rãi với mình, gây ra cái lòng nghi-kỵ lẫn nhau, hại cho cái hòa-khí trong đoàn-thể. « Bới lông tìm vết », ấy là cái sở-trường của bà con mình. Người mình không phải là không có trí khôn, nhưng dùng trí-khôn để làm việc, để học-hành, để gây-dựng, kiến-thiết, tổ-chức, kinh-doanh thì ít, mà dùng trí-khôn để dò-xét lẫn nhau, phát-minh những cái ẩn-tích, những sự khuyết-điểm của nhau thì nhiều. Trí-khôn của mình là thuộc về tiêu-cực, không phải thuộc về tích-cực. Bởi thế cho nên xã-hội ít tiến-bộ, sự-nghiệp ít mở-mang, nhân-tài cũng ít phát-lộ ra được. Gây lấy nhân-tài một nước, tức cũng như gây lấy giống hoa đẹp cỏ lạ, phải có cái hoàn-cảnh ấm-áp mới mọc lên được. Trong một xã-hội, người ta biết thương-yêu âu-yếm nhau, có lòng khoan-dung nhân-thứ với nhau, thời cái không-khí tất ấm-áp dễ chịu, mỗi người được thảnh-thơi phát-siển hết cái năng-lực của mình, mà cái trình-độ hạnh-phúc, cái thế-lực phú-cường cũng nhân đó tăng-gia lên. Nếu mỗi người chỉ chăm-chỉ xét-nét nhau, đối với nhau không có cảm-tình, không có độ-lượng, không biết lược-tích mà nguyên-tâm cho nhau, khắc-khổ nghiêm-nhặt quá, thời cái không-khí xã-hội tất lạnh-lẽo, mà những mầm hay nhị tốt không thể nào nẩy-nở ra được, dẫu có mọc lên cũng phải cằn-cọc lại. Thường tưởng-tượng xã-hội nước ta như một cái « sa-lông » đông khách ngồi, nhưng bấy nhiêu ông cứ ngồi yên mà nhìn nhau, rụt-rè, khép-nép, ngoài những câu hàn-huyên vô-vị, những lời thăm hỏi vẩn-vơ, không gây lên được câu chuyện đượm-đà lý-thú ; trong khi ấy ví có một ông khách mới bước vào, thấy cái không-khí lạnh-lẽo đã rụt-rè, trông cái thái-độ những người ngồi đấy không những không có ý vồn-vã hỏi-han, mà lại có ý lặng-lẽ xét-nét, như muốn bẻ-bắt từ cái cách ăn mặc, đứng ngồi, tới lui, chào hỏi của mình, lại càng thêm ngượng-ngập, chỉ muốn vào ngồi yên một chỗ cho mau, không muốn cử-động nói-năng gì nữa. Ông khách ấy có lẽ là người tài-hoa lỗi-lạc, hoạt-bát phong-lưu, nhưng đặt vào cái hoàn-cảnh nhạt-nhẽo lạnh-lùng đó, thời cũng không thể nào trổ tài ra được. Giá vào chốn

đậm-đà vui-vẻ thì người ấy làm khoái-trá cho đồng-nhân biết bao nhiêu, mà vào đây thành ra con người thật-thà ít nói, kẻ không biết cho là người dần vậy.

Ấy có cái hoàn-cảnh nó làm cho tiêu-ma tinh-lực người ta như thế. Mà cái nguyên-nhân nó chỉ là bởi thiếu chút cảm-tình trong người đồng-loại, thiếu chút độ-lượng trong khi đối-đãi với nhau. Gia-chi-dĩ nếu đã không có cảm-tình, không có độ-lượng, mà lại thêm những thói thường-tình, như lòng đố-kỵ, sự hủy-báng, thì không những thành cái hoàn-cảnh lạnh-lùng nhạt-nhẽo mà lại thành cái hoàn-cảnh cừu-địch hiểm-thù nữa. Đến như thế thì xã-hội không phải là chốn yên-vui cho người ta xum-hiệp cùng nhau nữa, mà thành ra trường xung-đột cho người ta khuynh-loát lẫn nhau. Có kẻ nói xã-hội nước ta cũng đã có khi bày ra cái trạng-thái nguy-hiểm đó. Nếu thế thì thật là một sự không may cho ta lắm.

Sự chỉ-trích, sự đố-kỵ, sự hủy-báng, ấy là những luồng gió lạnh nó thường thổi qua trong xã-hội ta, làm cho nguội cả cái lửa ái-tình.

Trên kia đã nói trong bài này không thể xét tường các nguyên-nhân về chính-trị, về học-thuật, về phong-tục, làm cho cái hoàn-cảnh của ta không lợi cho sự phát-đạt nhân-tài trong nước. Nay chỉ nói về tâm-lý chung của quốc-dân, thời trong tâm-lý ấy đã ít cái mối cảm-tình, lại nhiều cái mối hoài-nghi. Thường nghiệm ra các dân-tộc đã làm nên sự-nghiệp lớn-lao, đã trở nên thịnh-vượng phú-cường, hay giàu cái tính hào-hiệp và cái lòng đốc-tín. Có tính hào-hiệp nên không thiết-tha những sự nhỏ-nhen, không câu-nệ những điều vụn-vặt, biết đem một cái thái-độ rộng-rãi khoan-dung mà đối với mọi người mọi việc ở đời, nuôi được cái khí hạo-nhiên ở trong người mà có cái sức hoài-bão những sự to-tát. Có lòng đốc-tín nên biết thành-thực sốt-sắng về những việc mình làm, không có chểnh-mảng hững-hờ, không có cẩu-thả tắc-trách, lại biết chọn một cái chủ-nghĩa mà giốc lòng theo, đặt một cái mục-đích mà hết sức tới, cho kỳ đạt được mới nghe, khiến cho đời người có phương-trâm mà có thực-hiệu. Người nước ta đối-đãi nhau một cách nghiêm-khắc, lại trách-bị nhau những sự nhỏ-nhặt, xét-nét nhau ở điều tiểu-tiết, thiếu cái bụng hào-hiệp không bằng người; lại ngoài sự hư-danh, ngoài mối tiền-lợi, nhất-thiết hoài-nghi cả, không thiết chuyện gì, phàm những sự-nghiệp lớn-lao, những chủ nghĩa cao-thượng, cho là chuyện viển-vông, không biết đem lòng ham-chuộng, không biết giốc chí theo đòi, thiếu cái lòng đốc-tín không bằng người.

Bấy nhiêu cái khuyết-điểm trong tâm-lý đã làm cho tư-cách người nước ta nhỏ-nhen thấp-hẹp lại. Đem cái tư-cách ấy ra mà đối-đãi với nhau, gây thành một cái hoàn-cảnh bức-tức khó chịu, như trên kia đã tả. Hoàn-cảnh ấy lại ảnh-hưởng vào người ta, thành ra nhân-tuần bất-tuyệt, mà cái nguồn tích-nhược không bao giờ trừ đi được. Song tư-cách người ta tuy gốc tự thiên-nhiên, khó lòng thay đổi, mà hoàn-cảnh xã-hội thuộc ở nhân-lực có thể dần dần biến-dịch được. Vậy thời nếu có cách cải-lương được hoàn-cảnh xã-hội, tư-cách người ta tất sẽ chịu ảnh-hưởng mà cũng có thể gián-tiếp cải-lương dần.

Hoàn-cảnh là bởi các nguyên-nhân thuộc về chính-trị, phong-tục, học-thuật, tôn-giáo, cả kinh-tế tập-quán, hiệp-lực lại mà gây thành ra. Muốn thay đổi hoàn-cảnh thời phải thay đổi cả các nguyên-nhân ấy. Việc đó tuy to-tát, nhưng không phải là không thể làm được. Cứ xem như những

khi có phong-trào chính-biến trong một nước, bao nhiêu chế-độ phong-tục nước ấy nhất-đán canh-tân cả, thì đủ biết. Song đó là những sự cải-cách kịch-liệt, phải có những cơ-hội đặc-biệt mới gây nên được. Khác nào như những khi ngày hè nồng-nực, khí nóng uất-tích, chiều đến có cơn gió to giải nồng, ào-ào đổ lộc rung cây, trong một khắc đồng-hồ như quét sạch cả những hơi nồng trong không-khí, mà từ đấy khí trời nhẹ-nhàng mát-mẻ, người ta dễ chịu thảnh-thơi. Nước ta ngày nay chưa gặp được những cơ-hội như thế, chưa mong có cơn giông-tố giải nồng để làm cho mát-mẻ cái không-khí trong xã-hội. Xã-hội ta còn ví như một cái nhà hầm hơi kín cửa, nay ta hẵng nên mở cửa cho thoáng hơi đã, đó cũng là một cách cải-lương hoàn-cảnh vậy.

Vậy ta hẵng tạm không bàn những sự cải - cách về hoàn-cảnh chính-trị, hoàn-cảnh kinh-tế, hoàn-cảnh giáo-dục, hoàn-cảnh học-thuật, mà chỉ xét riêng về sự cải-lương cái hoàn-cảnh xã-hội mà thôi. Nghĩa là chỉ xin bàn về một khoản giao-tế trong xã-hội, và xét xem sự giao-tế ấy phải nên thế nào cho cái hoàn-cảnh xã-hội được êm-đềm ấm-áp hơn, khiến cho người ta được vui-vẻ trong lòng mà phát-siển hết cái nhân-cách của mình.

Ta đã nói rằng người nước ta đối - đãi với nhau ít có cảm - tình, ít có độ-lượng, nhiều sự hoài - nghi, nhiều sự hiềm-kỵ, vì đó nên cái hoàn-cảnh xã-hội mới đến lạnh - lùng đạm - bạc như thế. Nhưng bởi sao mà có những cái tính thiên-lệch đó? Chỉ là bởi không thân gần nhau, không quen biết nhau, rồi thành ra cách-biệt nhau, hiềm-nghi nhau, lấy những sự bất-bình riêng mà kỳ-thị nhau, lấy những điều danh-lợi nhỏ mà ganh ghen nhau, khiến cho mỗi người chỉ khu-khu trong cái phạm-vi nhỏ-hẹp của mình, coi đồng-bang như dị-loại, mà thậm-chí có khi coi đồng-chí như cừu-thù. Những cái thiên-kiến đó, ta phải cố trừ bỏ đi cho hết, kể cũng không khó gì. Ở các nước văn-minh, việc chính-trị là việc cả quốc-dân, phàm người nào đủ tư-cách công-dân cũng có quyền tham-dự chính-trị, nên mới phân ra bè nọ đảng kia, chắc là phe nào cũng một lòng vì nước vì dân, nhưng mỗi phe muốn thi-hành một chính - sách khác, thành ra cạnh-tranh nhau kịch-liệt. Nước ta thời chưa đến trình - độ đó; ngoài những việc hiềm riêng nhỏ-mọn, tưởng không có cớ gì đến chia-rẽ nhau, xung-đột nhau, mà lại rất là nhiều lẽ nên xum-vầy hòa - hiệp với nhau. Người các nước người ta cạnh-tranh nhau hoặc là vì việc nước, hoặc là vì một cái chủ-nghĩa cao-thượng muốn đem ra thi-hành mà phải chống lại những kẻ phản-đối; những sự-nghiệp đó, người mình tuyệt-nhiên không có, như thế thì cớ gì mà người một nước đến phải coi nhau như kẻ Việt người Tần, người một phường đến phải nguýt nhau như hàng thịt hàng cá? Phàm sự cạnh tranh, chỉ có cạnh-tranh về chủ-nghĩa, về sự-nghiệp là chính-đáng, còn về cớ gì cũng là nhỏ-nhen không đáng cả. Nay người mình đã mấy người có chủ-nghĩa đem ra đối nhau, có sự-nghiệp đem ra ganh nhau? Chỉ ganh hơi, ganh tiếng, ganh cái miếng danh-dự hão-huyền! Thả ra đến công to nghĩa cả, cũng một phường vô-lực bất-tài cả. Đã là một giống bất-tài vô-lực, thời cớ sao không quây-quần đùm-bọc lấy nhau, chị ngã em nâng, thằng đui cõng lấy thằng què, cùng nhau dắt-díu cho bước lên theo kịp cùng người, lại lườm nhau, nguýt nhau, coi nhau như kẻ địch người thù làm chi?

Nước ta số người không phải là không nhiều, có nơi đã phải lo về cái hoạn « nhân-mãn »; vậy mà mỗi khi

bàn đến công-việc, không khỏi than rằng không người, há chẳng phải là chủng-loại vốn vẫn phồn-thịnh mà hoàn-cảnh không lợi cho nhân-tài dư? Nay muốn gây lấy nhân-tài thời phải sửa cái hoàn-cảnh. Hoàn-cảnh là bởi sự giao-tế của người ta trong xã-hội mà thành ra, sửa cái hoàn-cảnh tức là sửa sự giao-tế. Người ta đi lại với nhau, đối-đãi lẫn nhau, nếu biết bỏ cả những cái thiên-kiến hẹp-hòi, bỏ cả những sự hiềm-nghi vô-ích, bỏ cả những cái tư-tưởng tây riêng, mà đem một tấm lòng khoan-dung khoát-đạt, ân-ái đậm-đà xử với nhau, không coi nhau như người dưng nước lã, mà coi nhau như một giống một nhà; không trách-bị nhau những việc cỏn-con mà cầu cho nhau những sự-nghiệp lớn; thấy thành-công thời vui-vẻ, thấy thất-bại thời buồn rầu, biết rằng sự thành-bại riêng của mỗi người góp lại tức là sự thành-bại chung của cả nước; nhớ đến câu: «con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ», mà thấy ai gặp sự hoạn-nạn chẳng may, đừng có vỗ tay mừng thầm, đừng có mỉa-mai bới-móc; biết rằng «nhân vô thập-toàn», người ta không phải là thánh-nhân cả, ai cũng có cái hay cái dở, xét người phải biết cho cái sở-trường mà thử cho cái sở-đoản của người ta, để cho người ta vui lòng mà làm điều hay, phấn-phát mà lo việc nghĩa; nếu sự giao-tế của người trong một nước mà có độ-lượng, có cảm-tình như thế, thì hoàn-cảnh xã-hội lo gì không ấm-áp đậm-đà thêm lên, nhân-tài trong nước lo gì không đua nhau thích cảnh mà ra?.

Tục-ngữ có câu: «Tre ấm bụi». Cũng là một cây tre mà mọc trơ-trọi một mình thời khó gây lên cho tốt, mọc thành bụi ấm-áp, thời dễ rậm-rạp tốt-tươi. Bụi tre, tức là cái hoàn-cảnh vậy. Bởi bụi tre ta lơ-thơ trơ-trụi, nên cây tre ta cằn-cọc ngẳng-nghiu. Ta phải cố gây lấy cái bụi cho ấm, để cho những búp măng mới mọc được cái hoàn-cảnh tốt mà lớn lên, ngày một xanh um tươi-tốt, khiến cho sau này thành cái lũy dài mấy nghìn dặm, cao ngất trời xanh, chẳng qui-hóa lắm du?

THƯỢNG-CHI

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

XXII

Thứ bảy, mồng 1 tháng 7

Hôm nay đi chơi *Saint Cloud*, cách *Paris* chừng 15 cây-lô-mét. Tỉnh này nhỏ, nhưng địa-thế đẹp, nhà cửa xây thành từng lớp ở sườn các cao-nguyên, bên tả-ngạn sông *Seine*, cảnh rừng, núi, sông, rất ngoạn-mục. Ở *Saint Cloud* trước có một cái cung vua chúa ở, nhưng hồi trận năm 1870 cung bị cháy. Ngày nay chỉ còn có cái vườn ngự-uyển là chỗ khách du-lịch thường đến xem. Vườn ngự-uyển rộng ngót 400 mẫu tây, cây-cối rậm-rạp như cái rừng ở trên cao-nguyên. Trong vườn có những đình, những tạ, những bể cạn, những rồng phun nước. Có một cái cầu cao như hình cái tháp, gọi là «Lalanterne de Diogène», xây ở đỉnh núi, đi lên do một con đường giốc

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 85.

xây lan-can, quanh-co khuất-khúc, đến mỗi chỗ góc lại nhìn ra một cảnh khác, lên đến nơi thì thu được cả toàn-cảnh thành *Paris*, chỉ thấy những cây xanh rì như rừng rậm, lác-đác có một vài cái mái nhà cao.

Các vùng chung quanh thành *Paris* này thật là sơn-thanh thủy-tú, cũng núi-non, cũng rừng nước, nhưng mà nhỏ-nhỏ xinh-xinh, tươi-tươi đẹp-đẹp, như một cái vòng hoa bao-bọc chốn kinh-đô vậy. Người Pháp không tin phong-thủy ; giá cho thầy địa-lý ta xem cái thế đất này, thời chắc ai cũng phải cho là kiểu đất đẹp, gồm được cả cái tú-khí của giang-sơn, thu được cả cái vượng-mạch của địa-đạo, thật đáng làm chốn trung-tâm của văn-hóa một phương cầu.

Thứ ba, mồng 4

Tối mai đây đã phải diễn-thuyết ở Hội Đông-phương Ái-hữu. Mấy hôm nay nằm bẫm ở nhà để soạn bài, không đi chơi đâu cả.

Thứ tư, mồng 5

Ông A. V. biên-tập ở tạp-chí *Le Monde nouveau*, có chân Hội Đông-phương nghe thấy mình sắp diễn-thuyết, có viết thư lại trọ muốn mời đến nhà chơi. Ông ở đường *Saint Gemain*. Hẹn 11 giờ, nhưng đến nhà thì ông ở tòa soạn chưa về, có cụ thân-sinh ra tiếp. Cụ trông đạo-mạo lắm, ra dáng một bậc túc-nho, tuổi đã cao. Nhà này xem chừng một nhà nền-nếp, coi cái phong-thể trong nhà thì đủ biết. Nói chuyện với cụ chừng nửa giờ thì ông con về. Ông nói ông có quen biết người Đông-phương nhiều, như người Ấn-độ, người Nhật, người Tàu, nhưng chưa từng được biết người An-Nam, nay nghe tin mình sang diễn-thuyết bên này muốn làm quen để trước là hỏi về bài diễn - thuyết hôm nay để nói trong tạp-chí của ông, sau là hỏi về chuyện nước Nam. Nói chuyện đến trưa mới về. Tuy mới quen biết nhau lần đầu mà đã ý-hợp tâm-đầu có tình thân-mật vậy.

8 giờ tối diễn - thuyết ở Kinh - tế-cục cho các hội-viên hội Đông-phương Ái-hữu nghe. Nói về « Thi-ca Việt-Nam » (*La Poésie annamite*). Trước khi diễn ông MAITRE (nguyên đốc trường Bác-cổ Hà-nội trước) nói mấy lời giới - thiệu cho người nghe. Diễn-thuyết chừng một giờ đồng-hồ. Được lắm. Nói xong nhiều người đưa thiếp-danh đến bắt tay mừng. Có một vị phu-nhân coi người lịch-sự lắm, mời đến mai lại nhà uống nước chè.

Thứ năm, mồng 6

4 giờ chiều đến chơi nhà bà F. ở *boulevard Maillot*, trông mặt ra rừng *Boulogne*. Bà này quen mình chiều hôm qua, ở cuộc diễn-thuyết. Người có chân hội Đông-phương Ái - hữu. Nhà lịch-sự lắm. Trong sa - lông bày những thảm cùng đệm, có vẻ đầm-ấm. Vào đến nơi thì đã thấy đông người, vì ngày hôm nay là ngày bà tiếp khách, có năm sáu vị phu - nhân, ba bốn ông quí-khách, chừng là những tay văn-nhân tài-tử cả. Trong bọn có một người Ba - tư, nghe đâu làm quan ở tòa sứ Ba-tư, nói tiếng Pháp thạo lắm, và cách giao-tế rất thiệp. Bà chủ người tuyệt nhã ; tuổi còn thanh-xuân, hình-dung yểu-điệu, dáng-dấp dịu - dàng, mà câu chuyện phong-thú biết bao nhiêu ! Thật là một bà chủ sa - lông theo như lịch-sử phong-nhã của nước Pháp. Bao giờ cho xã-hội An-Nam ta cũng có những bậc đàn-bà nhã - thú như thế ?

Bà mời ngồi chơi, rồi hỏi chuyện về bên ta, nói về đạo Khổng, đạo Phật, về văn-hóa Đông-phương Tây-phương. trong bài diễn-thuyết hôm qua bà lấy làm thích nhất là chỗ nói về cái tục

nam-nữ giao-ca ở nước ta, bà muốn biết rõ cái cách hát thi ở nhà quê ta thế nào ; mình cắt nghĩa cho nghe về cách hát trống-quân, hát quan-họ, những buổi ngày xuân nhân-hạ, hay những đêm trăng sáng mát-mẻ, con trai con gái các làng thường họp nhau trước cửa đình để thi nhau mà ngâm-vịnh, dùng những lời thật-thà mà tả tấm lòng tưởng-vọng, các quan-viên làng ngồi nghe, người nào đối-đáp khéo, giọng điệu hay mà có ý-tứ thời được thưởng; bà cho cái tục đó là tuyệt-thú mà nức-nỏm khen. Các khách cũng xúm lại nghe chuyện, tựa-hồ như cho nước ta là một chốn Bồng-lai tiên-cảnh, mà dân ta như một bọn mục-tử đất *Arcadie* vậy. Có bà có cái tư-tưởng lãng-mạn đến ngờ rằng dưới bán-đảo Ấn-độ Chi-na ta có lẽ có một cõi đất ngầm, trước kia đã có hồi văn-minh rực-rỡ như đất *Atlantide* ở sa-mạc Phi-châu, mà sau bị sóng Thái-bình-dương tràn ngập. Lại có bà mơ-tưởng rằng các rừng hoang cùng-tịch ở nước ta đầy những lâu-đài cung-điện như *Angkor* hết cả. Cho hay cái tên Đông-phương đối với những nhà lãng-mạn Tây-phương vẫn còn có một cái thanh-hưởng déo-dắt lì-kỳ. Nhưng những nhà lãng-mạn này không phải số nhiều, còn đối với những tay doanh-lợi thì Đông-phương chẳng qua là một cái thị-trường để tiêu-thụ đồ hàng của Tây-phương mà thôi, cái tư-tưởng này thật khác cái tư-tưởng lãng-mạn nhiều . . . — Phu-nhân mời khách ăn kẹo để trong một cái tráp tròn đỏ của ta. Phu-nhân nói có người bà con ở bên An-Nam về biếu cái tráp này, nhưng không biết vốn dùng để làm gì. Mình cắt nghĩa cho nghe là tráp để đựng trầu và cái tục ăn trầu ở nước ta thế nào, « miếng trầu là đầu câu chuyện », là môi-giới cho sự vãng-lai trong xã-hội, sự ái-tình của người ta, cử-tọa lấy làm thích lắm, cũng cho là một cái tục rất nhã, nói rằng người Âu-châu gần đây, — nhất là người nước Anh, — muốn bắt-chước Đông-phương, khi tiếp chuyện nhau cũng nhai một thứ quế cho thơm miệng, nhưng tưởng cái tục ăn trầu của An-Nam còn thú hơn nhiều, vì cách têm trầu, xếp trầu, mời trầu, thật là một cái lễ trang-trọng trong cuộc giao-tế, chứ không phải là chỉ nhai cho bận mồm thơm miệng mà thôi. Thế mới biết những tục rất tầm-thường của mình, có khi cho là những sự phiền, không nghĩa-lý, đối với con mắt lạ, cái cảm-tình của người nước khác, lại thành ra có ý-nghĩa, có phong-thú vô-cùng. Cho nên thuộc về phong-tục tập-quán của nước nhà, ta cũng chớ nên nhẹ dạ mà vội đem lòng rẻ-rúng.

Khi sắp đứng ra về, mới nhận thấy trên bàn có cái lọ cắm mấy cái hoa giống như thứ hoa sen nhỏ, mà không phải là hoa sen ; phu-nhân nhìn thấy tủm-tỉm cười mà rằng : « Hôm qua nghe ông diễn-thuyết thấy nói hoa sen là biểu-hiệu người quân-tử, nay ông đến chơi tôi cũng muốn kiếm mấy cái hoa sen để cắm mừng, nhưng tiếc đây không có, chỉ có thứ dã-hoa này trông cũng phảng-phất, nhưng không có hương có sắc như sen bên quí-quốc. » Nghe phu-nhân nói mới biết cái thịnh-tình nhã-ý của phu-nhân, trong lòng lấy làm cảm-phục vô-cùng. Lúc tiễn về phu-nhân còn ân-cần nói rằng : « Tôi ước-ao khi về bên An-Nam ông còn giữ được cái kỷ-niệm êm-ái về nước Pháp chúng tôi. » Nghĩ bụng rằng nếu nước Pháp được những người nhã-nhặn như phu-nhân cả, và nếu người Pháp ở bên ta cũng được như phu-nhân hết, thì ta không thể không đem lòng yêu-mến vậy.

Thứ sáu mồng 7.

Hôm qua ở nhà bà F., có gặp bà Nam-tước d'E. mời hôm nay đến nói

chuyện ở Hội «*La Bienvenue française*,» đường *Faubourg Saint-Honoré*. Hội này là do các bậc qui-phái và các nhà danh-giá nước Pháp lập lên để đón tiếp và chỉ-dẫn cho các khách ngoại-quốc sang chơi bên Pháp, quan Thống-chế Foch làm hội-trưởng, bà bá-tước Boas de Jouvenel làm tổng-thư-ký. Hội-sở chính là nhà «Đồng-minh Câu-lạc-bộ» (*Cercle interallié*) lập ra từ hồi chiến-tranh để tiếp các bạn đồng-minh nước Pháp. Nhà lịch-sự lắm, trong chia ra vô-số những sa-lông rộng-rãi và trang-hoàng thật đẹp. Sau lại có một cái vườn rộng, cây-cối um-tùm, có vẻ u-nhã. Bà namt-ước đón vào sa-lông ngồi nói chuyện một lát, rồi mời ra vườn uống nước chè. Trong vườn bày la-liệt những bàn cùng ghế, bàn nào cũng đông người ngồi, phần nhiều là khách ngoại-quốc. Nam-tước giới-thiệu mình cho bà Bá-tước tổng-thư-ký, bà này coi người vừa có nhan-sắc và vừa có vẻ lanh-lợi thông-minh lắm. Hai bà cắt nghĩa cho nghe về mục-đích của Hội là trước nhất cổ-động cho người các nước có lòng yêu-mến nước Pháp mà sang chơi bên Pháp, sau là khách sang đến Pháp thời Hội chỉ-dẫn cho những chỗ nên đi xem, giới-thiệu cho những người nên quen biết. Hiện ở hội-sở có đặt một sảnh thư ký để sưu-tập những điều có ích-lợi về các loại, phòng cống-hiến cho các khách muốn hỏi-han việc gì, xếp thành mục để tiện tra-cứu, khác nào như một bộ tự-điển vậy. Thí-dụ như có người khách đến *Paris* muốn nghiên-cứu về họa học ở nước Pháp, sẽ mở mục « họa-học » trong tập ra, đấy có biên rõ ra từng mảnh giấy những tên các sở bảo tàng có tranh đẹp, ngày nào giờ nào vào xem được, những nhà riêng có tranh đẹp, những tay danh-họa sẵn lòng tiếp khách đến xem nhà hay sẵn lòng chỉ-dẫn cho hoặc giúp cho trong sự nghiên-cứu, vân - vân. — Về các loại khác cũng thế, mỗi loại có một tay chuyên-môn hay một bậc danh - giá đứng chủ - trương, như mục « Họa-học » thì ông Besnard có chân Hội « Mĩ - thuật bác - sĩ » ; mục « Báo-quan » thì ông Bá-tước de Nalèche, chủ báo *Les Débats* ; mục « Các thư-viện và các hội học » thì ông Pereire, tổng-thư-ký Hội các quan-viên tổng-sự các thư - viện nước Pháp ; mục « Nông-nghiệp » thì ông Ricard, nguyên Nông - bộ-tổng - trưởng ; mục « Thuộc - địa », thì ông Gourdon, nguyên Học-chính Giám-đốc ở bên ta, v. v. . Các mục xếp theo thứ-tự A B, mỗi khoản biên ra một cái « phích » (*fiche*) riêng, « phích » đặt vào tủ có ngăn có ô, như mục-lục tên sách trong các thư-viện, tra tìm dễ lắm. Ai muốn nghiên-cứu về việc gì, vào tra trong mục-lục sẽ biết hết những nơi có thể đến xem-xét, những người có thể đến hỏi-han, bấy giờ muốn đi xem đâu hay muốn đến thăm ai Hội sẽ cho giấy giới-thiệu. Không những giới-thiệu cho những khách nghiên-cứu, mà lại giới-thiệu cho những khách du-lịch các nơi nữa. Hội có đặt các chi ở các tỉnh, khách định đi xem tỉnh nào thì Hội viết thư cho đại-biểu ở chi tỉnh ấy để chỉ-dẫn cho. Những người đại-biểu của Hội thường-thường lại là những nhà qui-phái, những bậc sang-trọng ở địa-phương, nếu gặp khách sang thời có khi đặt tiệc và đón tiếp ở nhà. Hội mới lập vào khoảng giữa năm 1921, đến cuối năm tiếp được mười bọn khách các nước sang chơi Pháp : như tiếp học-sinh trường Đại-học *Harvard* nước Mĩ, tiếp các học-sinh về môn kiến-trúc-học nước Mĩ, tiếp các ông giáo pháp-văn ở Mĩ, tiếp các giáo-viên *Canada* và *Néo-Zelande*, tiếp các giáo - viên *Roumanie*, tiếp các giáo-viên và học-sinh *Pologne*, tiếp các thân-hào *Ecosse*, tiếp các học-

sinh nước *Afghanistan*, các học-sinh thành *Damas*. v. v.

Nói tóm lại thì Hội này tổ-chức dã khéo mà mục-đích rất cao, muốn liên-lạc cái cảm-tình người các nước đối với nước Pháp. Khách du-lịch đến đây được giao-tiếp với những người trong Hội này tức là được biết bậc thượng-lưu-xã-hội nước Pháp vậy. Tiếc thay mình không chủ-ý ở lâu, nên không mong đi lại với các ông các bà đây nhiều. Khi ra về, bà Nam-tước có ân-cần dặn rằng còn ở *Paris* thôi hoặc có cần đến việc gì cứ đến đây, Hội sẽ sẵn lòng giúp.

Thứ bảy, mồng 8

Sớm đến Kinh-tế-cục, tiếp chuyện quan Cai-trị C.

Chiều đến nhà Bảo-tàng *Guimet* thăm ông B. và cô K. là thư-ký Hội Đông-phương Ái-hữu. Hai người hôm minh diễn-thuyết cho Hội mắc bận không thể lại được, đều lấy làm phàn-nàn. Chuyện xong, nhân-tiện đi xem nhà bảo-tàng một lần nữa. Ở giữa nhà, có một cái thư-viện rất nhiều sách về Đông-phương.

Ở nhà bảo-tàng ra, đi luôn đến sở xuất-bản *Ernest Leroux* ở đường *Bonaparte*, để thăm ông G., chủ-bút tạp-chí « Đông-phương và Tây-phương » (*Orient et Occident*). Nhân ông có viết thư xin bài diễn-thuyết về Thi-ca Nam-Việt để đăng vào tạp-chí, nên đến chơi để nói chuyện với ông. — Năm xưa làm việc ở trường Bác-cổ vẫn đã biết tiếng hiệu *Ernest Leroux* là nhà xuất-bản các sách về Đông-phương nhiều lắm, vẫn tưởng là một cửa hàng to, nay đến thì thấy một cái nhà cũ ở một đường phố nhỏ, ngoài cửa không có đề gì cả, đến nơi rồi còn ngờ chửa dám vào, sau nhận đích số nhà mới bước vào thì phải trèo lên một tầng gác mới thấy ngoài cửa có cái biển đồng con đề tên *Ernest Leroux*. Gõ cửa vào thì thấy ở trong có giám người làm dương soạn sách, buồng giấy ông chủ-bút tạp-chí « Đông-phương » thì lại ở vào bên trong nữa. Còn nhớ bữa trước đi tìm hiệu *Hachette* và hiệu *Armand Colin* cũng thế; ai không biết tiếng hai hiệu sách đó, mình vẫn tưởng rằng cửa hàng to lớn, đi ngoài đường tất trông thấy tên hiệu rực-rỡ, còn phải dò số nhà làm chi nữa, nên không nhớ số, thành ra đi suốt từ đầu phố đến cuối phố không tìm thấy, sau phải về tra số nhà mới tìm được, thì ra bề ngoài cũng giống các nhà ở khác, không có bày sách vở, không có cheo biển hiệu gì cả. Bấy giờ mới biết cửa hàng sách và sở xuất-bản khác nhau, hàng sách thì mới bày sách bán, còn sở xuất-bản thời chỉ nhận in sách, rồi bán-buôn cho các cửa hàng, nên không cần phải bày-biện gì. Những sở xuất-bản sách phổ-thông và sách giáo-khoa như nhà *Hachette* và nhà *Armand Colin* còn khó tìm như thế, huống một sở xuất-bản sách chuyên-môn về Đông-phương như nhà *Ernest Leroux* này, khách mua hàng chỉ có một số ít người, không cần phải mở cửa hàng ra phố. Tiếp chuyện ông G. xong, nhân tiện ra mua một ít sách khảo-cứu về Tàu.

Tối ăn cơm ở nhà ông bà V. Từ bữa nhân đến chơi với ông con là ANDRÉ được biết hai cụ, thì hai cụ cũng có lòng yêu-mến, cố hẹn làm thế nào tối hôm nay cũng đến ăn cơm để nói chuyện. Hai cụ lại hẹn đến trước giờ ăn cơm để nói chuyện được lâu. Cơm nước xong mãi đến 11 giờ khuya mới về trọ. Nhà này thật là một nhà nền-nếp, mà hai cụ thật là người phúc-đức quá. Cụ ông rõ ra một bậc túc-nho, thủa trẻ đã từng làm báo, thường viết trong báo *Les Débats*, lại có xuất-bản sách về Tây-ban-nha, nghe muốn ứng-cử vào hội Hàn-lâm (ban Luân-lý Chính-trị-

học) ; cụ bà thời người hiền-hậu và học-thức cũng rộng, lại có ý muốn kê-cứu về nghĩa-lý Đông-phương. Hai cụ sinh được hai người con : người con trai là ông ANDRÉ, hiện làm tổng-thư-ký bộ biên-tập một cái tạp-chí lớn, với một cô con gái chừng ngoài hai-mươi tuổi. Hai cụ nói khi ông con trai còn nhỏ chính hai cụ dạy học lấy ở nhà, không cho học trường công, sợ nhiễm lấy những thói xấu, xem thế thì biết hai cụ chăm-chút về sự giáo-dục biết dường nào. Hai cụ hỏi-han về phong-tục, luân-lý, cách ăn ở trong gia-đình xã-hội nước Nam thế nào. Mình cũng nói rõ về cái chế-độ cũ nước nhà có vẻ thuần-túy, có tình liên-lạc, có nền-nếp, có phong-thể, mà bây giờ có ý kém sút hơn xưa. Cụ lấy làm phải và đối với cái tình-trạng xã-hội nước Pháp ngày nay cũng có cái cảm như thế. Cụ khuyên cứ nên giữ lấy những nền-nếp cũ, không nên theo thói thường hay ham mới chán cũ, vì một xã-hội không thể một buổi gây dựng nên được, và cái mới chưa chắc đã hơn gì cái cũ. Câu chuyện càng lâu càng có ý-vị thâm-trầm thân-mật. Sau dần-dà cụ hỏi đến lịch-sử riêng của mình. Mình cũng lấy lòng thành-thực đáp lại, kể những nông-nỗi linh-đinh cô-khổ lúc thiếu-thời, nhờ bà già nuôi cho đi học, may mà giữ được nghiệp nhà, thật cũng là tổ-tiên có phúc ; từ khi khôn lớn biết nghĩ đến giờ, chỉ nuôi một cái chí ở trong lòng, là đối với nhà làm thế nào nối được nghiệp của ông cha, dắp được cái nền « sĩ-phong » cho xứng-đáng để chống đối với những phong-trào mới đời nay, đối với nước làm thế nào giúp cho quốc-hồn được tỉnh-tao để mong cho quốc-vận được sáng-sủa ; cũng biết rằng tài có khi không kịp chí, nhưng khu-khu một tấm lòng thành, chỉ sở-nguyện có thể mà thôi, còn sự phong-lưu phú-quí là cái thêm ra ở ngoài, có thì cũng hay mà không thì cũng chịu, không dám đem cái chí-nguyện mà hi-sinh cho sự giàu-sang. Cụ thấy lời nói thành-thực thiết-tha, cũng lấy làm cảm-động, lại quá yêu khen rằng người ít tuổi mà biết nghĩ xa. Cụ nói : « Cái chí của ông, thật đáng khen mà đáng phục. Thờ nhà, thờ nước, đó là hai cái nghĩa-vụ cốt-yếu ở đời, mà cả cái nghĩa đời người rút lại dễ cũng chỉ có thế mà thôi. Tôi chúc cho cái gia-đình quí-báu của ông được hưởng mọi sự phúc lành, cho bõ sự tân-cần lúc thủa nhỏ. Tôi chắc rằng vong-linh hai cụ thân-sinh ra ông ở dưới suối vàng cũng mừng rằng để được trên đời một người con lành có thể nối nghiệp tổ-tiên. Tôi lại rất thành-tâm mà chúc cho nước Nam được hưởng một cái vận-mệnh rỡ-ràng tốt-đẹp hơn bây giờ, cho thỏa lòng những bậc chí-sĩ như các ông, và cho xứng-đáng cái lịch-sử vẻ-vang của quí-quốc đã mấy nghìn năm. » Những lời vàng ngọc đó làm cho mình thổn-thức trong lòng, bồi-hồi trong dạ, nửa tủi nửa mừng, cảm cái bụng trượng-phu đã quá yêu mà kỳ-vọng cho như thế, lại thương cái tài hèn chẳng biết có làm nên công chuyện gì không. — Cụ bà thời ân-cần hỏi đến lũ trẻ ở nhà, nói rằng : « Thôi, tôi đàn-bà, chỉ khuyên ông chăm nuôi dạy lấy bọn nhỏ đó cho thành người, ấy là cái nghĩa-vụ thứ nhất. Nhiều con cũng là cái phúc, nhưng thực là gánh nặng. Tôi đã từng nuôi con tôi biết. Các ông đàn-ông lo việc quốc-gia, lo việc xã-hội thế nào mặc lòng, nhưng xin cốt nhất lo cho gia-đình được ấm no, lo cho con-cái có giáo-dục, thế là có công với nước với đời đó. » Lời nói thật cũng chí-tình vậy.

Người ở Cực-Đông, người ở Cực-Tây, tình-cờ một buổi gặp nhau, mà nói được những lời chí-tình như thế, thật cũng là một sự lạ. Cho hay đạo làm người đâu cũng là một, mà điều nghĩa-lý thật là điều chung. Nếu bỏ được những sự thiên-kiến bề ngoài,

mà tới được chỗ nhân-tình cốt-thiết, thì dù Đông dù Tây, cũng nhân-tâm ấy, bá thiên-lý nào. Mình may được biết một nhà có đạo-đức, có phong-thể như thế này, thật là một sự đáng kỷ-niệm trong cuộc Âu-du này vậy.

Hai cụ hẹn đến thứ ba này lại đến ăn cơm trưa nữa.

Chủ-nhật, mồng 9

Hôm nay đi chơi *Neuilly*, có đường xe điện đến tận nơi. *Neuilly* là một nơi phố-xá đẹp nhất ở ngoại châu-thành *Paris*, về mặt cửa ô *Maillot*. Người ở phần nhiều là những nhà tư-bản, nhà văn-sĩ, mĩ-thuật, nên nhà cửa đường phố có cái vẻ bình-tĩnh êm-đềm, phong-lưu mà không náo-nhiệt. Ở đây đẹp nhất có cái cầu đá cũ, gọi là « cầu *Neuilly* » của ông kiến-trúc-sư PERRONET dựng ra từ năm 1766 đến 1772; cầu bắc qua sông *Seine*, có năm cái cuốn, dài cả thảy là 240 thước, coi có vẻ trang-nghiêm mà kiên-cố.

Nhân ông MADROLLE có hẹn đến chơi, nên đi dạo qua các phố rồi tìm lại nhà ông ở đường *Avenue du Roule*. Ông này là một nhà du-lịch có tiếng, đã làm những sách «du-lịch chỉ-nam» về các nước Đông-Á (Tàu, Nhật, Đông-Pháp ta). Những *Guides Madrolle* đã nổi tiếng, ai cũng biết. Ông lại là một tay bác-học nữa, thường nghiên-cứu về dân-tộc-học, đã có bài khảo về các thổ-dân ở đảo Hải-nam. Hiện ông đương soạn một cái địa-đồ về các dân-tộc ở Đông-Pháp (*Carte ethnographique de l'Indochine*), còn dự-thảo chưa xong, muốn mời mình đến chơi để đưa xem. Lại đương sửa-soạn in tái-bản quyển « chỉ-nam » về Bắc-kỳ của ông, nên muốn hỏi-han mấy điều về ngữ-ngôn, văn-tự, phong-tục, xã-hội xứ Bắc ta. Ông ở tầng thứ nhì một cái nhà lớn sang-trọng lắm. Ông mời vào trong thư-viện của ông ngồi nói chuyện. Sách rất nhiều, mà nhiều bộ quí lắm, phần nhiều đóng da bìa cổ, thếp chữ vàng cả. Cái thư-viện này cũng là một cái của to. Ông có cho xem mấy bộ du-ký của các nhà du-lịch, các tay thám-hiểm đời xưa, những địa-đồ, tranh vẽ cổ quí lắm. Ông này cũng là một nhà hiếu-cổ, xem cái cách sưu-tập và bảo-tồn những cổ-thư-họa thì đủ biết. Nói chuyện giờ lâu về sách-vở, rồi ông dẫn đi chơi phố, sau mời vào ăn cơm trưa ở cao-lâu. Ăn cơm xong lại mời về nhà chơi, uống nước nói chuyện, cho đến bốn giờ chiều. Phu-nhân mới đi vắng về, cũng ra tiếp chuyện. Người lịch-sự và nhã-nhặn lắm. Ông M. đã sang chơi bên ta nhiều lần, nhưng cách mươi năm nay ông chưa trở lại, muốn biết những sự thay đổi trong bấy lâu thế nào. Mình cũng nói rằng ở các nơi thành-thị thì xem ra có ý khởi-sắc hơn xưa, phố-xá cũng thấy đã mở mang, buôn bán cũng có ý phát-đạt, những thói xa-hoa đã thấy thịnh-hành, cứ bề ngoài mà xét thì có tiến-bộ thật, cứ nội-dung thì nhân-tâm nhân-trí hãy còn dở-dang lắm, sự giàu-có phần nhiều là cái giàu-có sốc-nổi chứa lấy gì làm chắc bằng, sự khôn-ngoan phần nhiều là cái khôn-ngoan mánh-khóe, chưa lấy gì làm lọc-lõi; đến như chỗ dân-thôn thì tuy cũng ơn nhờ Bảo-hộ được yên-ổn hơn xưa, nhưng những lại-tệ dân-tình vẫn còn nhiều nỗi khó chịu, mà cái vấn-đề giáo-dục lại là gian-nan lắm, bất-luận nho-học với tây-học hơn kém nhau thế nào, có một điều hiển-nhiên là xưa kia các con em nhà quê còn có giáo-dục, đi đến nơi ngõ hẻm hang cùng còn nghe thấy tiếng bình văn đọc sách, ngày nay tuy trường sơ-học cũng thấy lác-đác một vài nơi, mà sự phổ-thông-giáo-dục chốn dân-thôn hầu như tuyệt-nhiên không có vậy. — Ông cũng hiểu rằng cái tình-thế như thế cũng có điều bối-rối, nhưng mong rằng buổi giao-thời này rồi sẽ qua được trót-lọt vậy.

(*Còn nữa*)

P. Q.

TANG-LỄ
喪禮

Việc tống-chung cha mẹ là lúc người con đối với cha mẹ lần cuối cùng, rất phải nên cẩn-thận. Vậy đương lúc cha mẹ hơi chưa tắt nghỉ, cùng khi hồn đã về thần, việc tang việc tế, sao cho hợp được lễ-nghi, để báo đền công-đức cù-lao chút-đỉnh. Tuy rằng lễ-nghĩa phải tùy-thời, nhưng đạo con vẫn là phải hiếu ; giàu nghèo dẫu có khác, nhưng cúng tế vẫn là phải thành ; dù phong dù kiệm, cốt giữ được câu : « Tang chủ ai, lễ chủ kính 喪主哀禮主敬 » là hơn. Còn như theo cổ-lễ mà không quá ư câu-nệ, theo kim-lễ mà không quá ư khoa-trương, thì còn mong ở người dùng lễ vậy.

Nay xin tham-khảo *Văn-công gia-lễ* 文公家禮 và lễ *Thọ-mai* 壽梅 lược-dịch cả cổ-lễ tục-lễ như sau này.

1o *Thiên-chính-tầm* 遷正寢. — Nghĩa là khi ngài gần hớp-hối thì rước ngài ra nằm ở cái giường chính giữa nhà, quay đầu về hướng đông để thụ sinh-khí.

2o *Giới-nội-ngoại* 戒內外. — Nghĩa là phải bảo người nhà con cháu trong ngoài đều im lặng không được khóc-lóc huyên-náo vội. Phải cắt người ngồi coi sóc để nắn chân tay. Trong Lễ lại dặn rằng : « Nam-tử đừng để chết ở tay phụ-nhân, phụ-nhân đừng để chết ở tay người nam-tử. »

3o *Thư-di-ngôn* 書遺言. — Là sẽ hỏi-han ngài xem có dặn bảo về sau điều gì thì ghi chép vào giấy.

4o *Thụy-hiệu* 諡號. — Là đặt tên thụy tên hiệu cho ngài, tục gọi là tên hèm, tên cúng cơm, đặt chữ gì thì cứ tùy theo cái đức-tính của ngài (như đàn-ông thì chữ *Trực* 直, đàn-bà thì chữ *Từ* 慈, v. v.). Nhưng cần phải thưa trình cho ngài biết, hoặc tùy-ý ngài đặt lấy thì càng hay. Những bậc có phẩm-hàm thì chiếu theo quan-chế đã có tên thụy sẵn. Nay theo như quan-chế năm Minh-mệnh lệ-định thụy-hiệu, phụ-lục như sau :

QUAN-CHẾ

Chính nhất-phẩm

Văn : Cáo thụ Đặc-tiến Vinh-lộc đại-phu. Thụy : Văn-nghị.

誥授特進榮祿大夫。諡文誼。

Võ : Cáo thụ Đặc-tiến Tráng-võ tướng-quân. Thụy : Võ-nghị.

誥授特進壯武將軍。諡武毅。

Tùng nhất-phẩm

Văn : Vinh-lộc đại-phu. Thụy : Văn-ý.

榮祿大夫。諡文懿。

Võ : Tráng-võ tướng-quân. Thụy : Võ-khắc.

壯武將軍。諡武恪。

Vợ đều được gọi là : Chính nhất phẩm-phu-nhân. 正一品夫人。

Chính nhị-phẩm

Văn : Tư-thiện đại-phu. Thụy : Trang-lượng.

資善大夫。諡壯亮。

Võ : Nghiêm-vệ Tướng-quân. Thụy : Trung-cần.

嚴威將軍。諡忠謹。

Tùng nhị-phẩm

Văn : Trung-phụng đại-phu. Thụy Trang-khải.

中奉大夫。諡莊凱。

Võ : Hùng-uy tướng-quân. Thụy : Trung-phấn.

雄威將軍。謚忠奮。

Vợ đều được gọi là : Nhị-phẩm Đoan-nhân.

二品端人。

Chính tam-phẩm

Văn : Gia-nghị đại-phu. Thụy : Ôn-mục.

嘉議大夫。謚温穆。

Võ : Anh-dũng tướng-quân. Thụy : Anh-túc.

英勇將軍。謚英肅。

Tùng tam-phẩm

Văn : Trung-nghị đại-phu. Thụy : Ôn-tĩnh.

中議大夫。謚温靜。

Võ : Phấn-võ tướng quân. Thụy : Anh-mại

奮武將軍。謚英邁。

Vợ đều được gọi là : Tam - phẩm Thục-nhân. 三品淑人。

Chính tứ-phẩm

Văn : Trung-thuận đại-phu. Thụy : Đoan-cẩn.

中順大夫。謚端謹。

Võ : Minh-nghĩa đô-úy. Thụy : Tráng-dực.

明義都尉。謚壯翼。

Tùng tứ-phẩm

Văn : Triều - liệt đại-phu. Thụy : Đoan-lượng.

朝列大夫。謚端諒。

Võ : Tín-nghĩa đô-uý. Thụy : Tráng-nghĩa.

信義都尉。謚壯義。

Vợ đều được gọi là : Tứ-phẩm Cung-nhân.

四品恭人。

Chính ngũ-phẩm

Văn : Phụng-nghị đại-phu. Thụy : Đoan-trực.

奉議大夫。謚端直。

Võ : Võ-công đô-úy. Thụy : Tráng-nhuệ.

武功都尉。謚壯銳。

Tùng ngũ-phẩm

Văn : Phụng-thành đại-phu. Thụy : Đoan-thận.

奉誠大夫。謚端慎。

Võ : Kiến-công đô-úy. Thụy : Tráng-hiển.

建功都尉。謚壯顯。

Vợ đều được gọi là : Ngũ - phẩm Nghi-nhân. 五品宜人

Chính lục-phẩm

Văn : Sắc-thụ Thừa-vụ-lang. Thụy : Đôn-nhã.

敕授承務郎。謚敦雅。

Võ : Tráng-tiết kỵ-úy. Thụy : Hùng-kính.

壯節騎尉。謚雄勁。

Tùng lục-phẩm

Văn : Văn-lâm-lang. Thụy : Đôn-túc.

文林郎。謚敦肅。

Võ : Tráng-tiết tả-kỵ-úy. Thụy : Hùng-tiết.

壯節佐騎尉。謚雄節。

Vợ đều được gọi là : Lục-phẩm An-nhân.

六品安人。

Chính thất-phẩm

Văn : Chưng-sĩ-lang. Thụy : Đôn-giản.

徵仕郎。謚敦簡。

Võ : Hiệu-trung-kỵ úy. Thụy : Hùng-quả.

効忠騎尉。謚雄果。

Tùng thất-phẩm

Văn : Chưng-sĩ tả-lang. Thụy : Đôn-kính.

徵仕佐郎。謚敦敬。

Võ : Hiệu-trung tả-kỵ-uý. Thụy : Hùng-cảm.

効忠佐騎尉。謚雄敢。

Vợ đều được gọi là : Thất-phẩm An-nhân.

七品安人。

Chính bát-phẩm

Văn : Tu-chức-lang. Thụy : Cung-doãn.

修職郎。謚恭允。

Võ : Trung-tín hiệu-úy. Thụy : Dũng-kiên.

忠信校尉。謚勇堅。

Tùng bát-phẩm

Văn : Tu-chức tả-lang. Thụy : Cung-ý.

修職佐郎。謚恭懿。

Võ : Trung-tín tả-hiệu-úy. Thụy : Dũng-mậu.

忠信佐校尉。謚勇懋.

Vợ đều được gọi là : Bát-phẩm Nhụ-nhân.

八品孺人。

Chính cửu-phẩm

Văn : Đăng-sĩ-lang. Thụy : Cung-mận.

登仕郎。謚恭茂。

Võ : Hiệu-lực hiệu-úy. Thụy : Dũng-lệ.

効力校尉。謚勇勵。

Tùng cửu-phẩm

Văn : Đăng-sĩ-tá-lang. Thụy : Cung-phác.

登仕佐郎。謚恭樸。

Võ : Hiệu-lực tá-hiệu-úy. Thụy : Dũng-mẫn.

効力佐校尉。謚勇敏。

Vợ đều được gọi là : Cửu-phẩm Nhụ-nhân.

九品孺人。

5o *Gia tân-y* 加新衣. — Là thay bỏ áo cũ mà mặc áo mới cho ngài (Tang-lễ đại-ký thì mặc triều-phục, nhưng nay chỉ thay mặc áo mới là phải.) Và để chân tay ngài cho ngay thẳng.

6o *Chúc-khoáng* 屬纊. — Là để một tí bông vào trên lỗ mũi ngài, hễ thấy bông không động nữa thì biết là khí-tuyệt (tắt hơi).

7o *Khiết-xỉ* 楔齒. — Là lấy một chiếc đũa cài ngang vào miệng ngài cho hé răng ra, để phòng sau phạn-hàm.

8o *Hạ-tịch* 下席. — Là giải chiếu xuống đất sẽ rước ngài xuống một lát, ý là mong cho sinh-khí phục-hồi. Rồi lại rước ngài lên giường gối đầu để nằm cho ngay và lấy chăn che đi.

9o *Phục-hồn* 復魂. — Là sai người cầm cái áo của vong-nhân thường mặc khi xưa, tay tả cầm cổ áo, tay hữu cầm lưng áo, từ đàng trước trèo lên nóc nhà, mà gọi tên thường gọi của người chết ba lần (Tục thường gọi: Hú vía ông. . . (hoặc bà. . .) ở đâu thì về !) Xong rồi theo đàng sau nhà mà xuống, đắp áo ấy vào bụng người chết. Cách làm thế là mong hoặc có sống lại được chăng.

Bấy giờ con cháu khóc-lóc hết tình thương xót, và thay đổi những quần áo đẹp và đồ trang-sức của mình đi, quấn tóc, đi chân không, kém ăn, hoặc ăn cháo, là có ý để tang vậy.

1o *Thiết-hồn-bạch* 設魂帛. — Nghĩa là kết lụa trắng để cho thần-hồn y-ỷ. Khi ngài gần tắt hơi, lấy 7 thước lụa trắng đặt lên trên ngực ngài, trước khi ngài còn sinh-khí, nếu thấy khí-tuyệt rồi, thì đem lụa ấy kết làm hồn-bạch, kết như hình người, một đầu hai tay, thừa làm hai chân, kết xong lại đặt lên trên mình ngài. Khi đã nhập-quan, thì để lụa ấy lên cái ỷ trên linh-sàng hoặc linh-tọa, để sớm tối rước ra rước vào cho thỏa lòng tưởng nhớ. Nay các nhà thường dùng ảnh để thờ. Kiểu kết hồn-bạch xem đồ số 1 ở sau.

11o *Lập tang-chủ và chủ-phụ* 立喪主主婦. — Tang-chủ thì lập con trưởng người chết ấy, hoặc là cháu trưởng thừa-trọng (Thừa-trọng là khi người ông hoặc bà chết mà con trưởng cũng đã chết rồi, thì cháu trưởng đứng thay mặt cha mình mà để tang ông (hoặc bà) ba năm, gọi là thừa-trọng.)

Chủ-phụ là vợ người chết ấy hay là vợ người tang-chủ.

Nếu người cha còn, mà con có tang mẹ, hoặc tang vợ con thì người cha làm tang-chủ, còn ông thì ông làm chủ. (Tang-chủ mà lấy người thân là cốt chủ về việc tế-điện. Còn như cha hoặc ông làm chủ là cốt chủ về lễ tiếp khách, nên phải thống về người tôn-trưởng vậy.)

12' *Lập tướng-lễ, h tang, tư-thư, tư-hóa.* 立相禮護喪司書司貨. — Tướng-lễ thì chọn người thân-thuộc hoặc làng xóm đã am-hiểu lễ-nghi ấy, phàm các việc tang đều do người ấy xếp đặt. Lại đặt một người hộ-tang biết lễ để giúp việc. Một người tiếp-tân thì chọn trong bậc tôn-

trưởng hoặc người thân – hữu để chuyên việc tiếp khách. Đặt người tư-thư để giữ sổ biên các đồ lễ phúng và viết văn tế, đạt tờ cáo-phó. Người tư-hóa để giữ sổ thuộc về việc tiền-bạc tiêu dùng và sắm-sửa những đồ trị-tang.

13° *Trị-quan* 治 棺. — Trước khi trị-quan thì phải dự-bị một cái quan-tài bằng thứ gỗ tốt như ngọc-am, gỗ dổi, vân-vân, mà sơn các chỗ mạch gỗ trong ngoài áo quan cho cẩn-thận. (nhà có ông bà già nên sắm trước) Đến khi trị-quan thì phải sắp đủ các đồ như sơn sống, mặt cưa, tro, giấy, đanh sắt và bản thất-tinh, v. v.. Dưới lòng quan thì giải bột bỏng bằng gạo nếp sao, hoặc tro, dầy độ 4 tấc Nam, trên giải giấy và đặt ván thất-tinh. (Ván thất-tinh thì dùng ván gỗ mỏng vừa lọt trong lòng quan, khoét thủng 7 lỗ để tượng 7 sao Bắc-đẩu, hoặc làm bằng vải hay lụa cũng được, vì sợ làm bằng gỗ lâu ngày trong quan có nước, ván để không chặt nổi rềnh lên, thì hài-cốt nghiêng lệch, nên tùy-nghi làm bằng vải lụa cũng phải.)

Địa-vị thất-tinh có câu rằng:

Nhất, Ngũ, Thất thẳng dây dàn,
Nhị, Tứ, Lục cũng ngang hàng;
Duy để Tam riêng một vị,
Tượng trời đã bảo rõ-ràng.

Cứ theo như câu ca ấy mà vẽ, xem đồ số 2.

14° *Phó-cáo* 訃 告. — Người tư-thư phải làm tờ phó-cáo cho các thân-thích liêu-hữu biết tin là vong-nhân mất ngày tháng nào, và ngày giờ tháng nào an-táng tại đâu, để cho các thân-bằng biết đến mà hội-táng. Thư-thức phó-cáo nay xin châm-chước cổ-lễ tục-lễ phỏng như sau này:

Chúng tôi lấy làm đau-đớn có lời phó-cáo để các cụ các ông các bà biết cho rằng:

Thân-phụ (mẫu) chúng tôi là:

Ông (Bà). . . . . .

Bất-hạnh tạ-thế hồi . . . . . giờ ngày . . . tháng . . . tại nhà chính-tẩm ở làng (phố). . . . . số nhà . . . Năm nay hưởng thọ . . . . tuổi.

Định đến ngày . . . tháng . . . hồi . . . giờ rước linh-cữu an-táng tại địa-phận làng. . . .

Nay phó-cáo

Năm . . . tháng . . . ngày . . . .

Cô-tử (ai-tử (1) *. . . . . đẳng*

Khấp-huyết.

15° *Mộc-dục* 沐 浴. — Trước khi sắp mộc-dục thì phải dự-bị những đồ sau này:

1 cái dải lụa hoặc vải để buộc tóc.

1 con dao nhỏ. 2 cái khăn vải trắng (1 khăn tắm, 1 khăn lau mặt.) 1 lược thưa.

1 cái chậu đựng nước và 1 cái gáo.

1 nồi nước ngũ-vị-hương, và 1 cái chậu chứa nước thừa.

Khi sắp mộc-dục thì phải che màn kín-đáo làm theo nghi-tiết sau này:

Chủ-tang trở xuống vào cử-ai rồi lui ra đứng ngoài màn, người chấp-sự vào làm giúp việc (Nếu vong-nhân là cha thì con trai rửa, là mẹ thì con gái rửa. Hoặc dùng người chấp-sự trai hoặc gái vào làm thay giúp việc cũng được.)

Trước lấy một cái khăn giấp nước hương lau mặt ngài cho sạch, thứ lấy lược chải tóc cho xóng, lấy dải lụa hoặc vải buộc tóc cho ngay. Rồi lấy khăn khác

(1) Theo cổ-lễ thì cha mẹ mất, người con đều xưng là *ai-tử* 哀 子. Nhưng theo tục thì cha mất con xưng là *cô* 孤, mẹ mất con xưng là *ai* 哀, mẹ mất sau cha thì con xưng là *cô-ai-tử* 孤 哀 子. Hoặc đứng tên một người con trưởng hoặc cháu thừa-trọng để cáo-phó là đủ. Nếu có nhiều con muốn đứng cả tên các con cũng được. Còn như lối thư báo-tang ngày nay thì rườm quá không hợp cổ-lễ.

giấp nước hương lau qua mình rồi lau hai tay và hai chân. Lấy dao cắt móng tay móng chân. Đâu vào đấy rồi, sửa-sang áo quần lại cho chỉnh-tề.

Những tóc rụng ra với móng tay móng chân cắt ra thời bọc lấy rồi sau nhớ bỏ vào quan-tài. Còn khăn, lược, dao và nước thừa đem ra chỗ đất sạch mà chôn đi, xong rồi làm lễ phạn-hàm.

16° *Phạn - hàm* 飯 含. — Trước khi sắp phạn-hàm thì lấy một cáp gạo nếp vo cho kỹ, ba đồng tiền mài cho sáng, đựng vào cái đĩa hoặc cái cơi. (Nhà giàu sang hoặc dùng ba đồng tiền vàng với chín hạt ngọc trai).

Khi phạn - hàm thì làm theo nghi-tiết sau này : Tang-chủ vào cử-ai, chấp-sự một người cầm đĩa đựng đồ phạn-hàm theo vào bên tả. Tang-chủ đứng bên hữu, sẽ mở một ít cái khăn đậy mặt ra để cho hở miệng, rồi bỏ cái đũa cài răng ra, hạ bỏ gối thấp xuống.

Sơ phạn - hàm thì tang-chủ lấy cái thìa súc lấy gạo nếp và một đồng tiền, tra vào bên hữu. *Tái phạn-hàm* thì tra vào bên tả. *Tam phạn-hàm* thì tra vào chính giữa miệng. Mỗi lần 3 hạt gạo và 1 đồng tiền, ba lần như thế, ý là không nỡ để cho trong mồm không-hư, rồi nặn cầm ngài lại cho khít, lại đắp khăn minh-mục phủ lên mặt như trước.

Con cháu đều cử-ai.

17° *Cách mặc quần áo.* — Trước khi sắp mặc quần áo thì phải dự-bị các đồ như sau:

1) *Bức-cân* 幅 巾. — Một cái khăn để chít đầu.

2) *Bông sung-nhĩ* 充 耳. — Một ít bông bằng quả táo để thút nút lỗ tai.

3) *Khăn minh-mục* 瞑 目. — Là khăn phủ - diện. Khăn này làm bằng một vuông lụa chín (mùi thâm) trong lót lụa đỏ, giữa giải một ít bông mỏng, bốn góc có 4 cái dải để phủ diện rồi buộc dải ra đàng sau. (xem đồ số 3)

4) *Lụa bao-tay* 握 手 帛. — Lấy hai vuông lụa chín (mùi huyền) rộng hơn hai bàn tay, bốn góc có 4 cái dải. Trước lấy bông hoặc giấy đệm vào giữa bàn tay, rồi buộc khăn ấy vào bàn tay cho chặt cho khỏi cong ngón tay vào. Nghĩa là cốt giữ lấy ngón tay cái đừng cho cong trỏ vào các ngón. (Thế-tục thường may như cái túi để tra vào bàn tay thì không phải là cổ-chế). (xem đồ số 4)

5) *Áo thâm.* — (Một vài chiếc hoặc đơn hoặc kép)

6) *Áo trắng.* — (Dùng để mặc trong, và quần trắng, dây lưng)

7) *Đại-đái* 大 帶. — Làm bằng một đoạn vải trắng (hoặc lụa) để thắt ngang lưng.

8) *Bít tất.*

9) *Giầy.* v.v.

Khi mặc quần áo thì làm theo nghi-tiết sau này :

Trước hết đội khăn bọc đầu cho ngay, rồi đặt cái gối đầu cho thẳng. Rồi lấy bông thút-nút hai lỗ tai. Lấy khăn lụa minh-mục phủ mặt, buộc dây ra đàng sau. Sau đến cái bao-tay, để đệm bông hoặc giấy vào trong lòng bàn tay ngài rồi lấy dây buộc chặt khăn bao tay lại, để cho khỏi cong ngón tay. Sau nữa lấy lụa bao chân.

Xong rồi mặc quần áo như lúc sinh-thời. Theo thế - tục thì áo cắt bỏ khuy đi, mặc lễ không nên mặc chẵn. Khép vạt cả vào trước, vạt con vào sau, lẫn vào cho chặt.

Rồi đến thắt đại-đái, lấy một đoạn lụa hoặc vải làm đại-đái, để hai tay ngài ấp vào hai vế, thắt ngang bụng cho chặt. Rồi lấy giầy xỏ vào chân ngài cho chỉnh-tề.

18° *Tiểu-liệm đại-liệm* 小 斂 大 斂.

— Những đồ tiểu-liệm đại-liệm này làm bằng vải trắng hoặc lụa, dài ngắn theo thước kinh.

Tiểu-liệm. — Tiểu-liệm làm bằng một đoạn vải dài 14 thước. Ngang ba đoạn vải mỗi đoạn dài 6 thước. Ở hai đầu các đoạn ngang dọc ấy đều xé nhớm làm ba để phòng khi buộc. (đồ số 5)

Đại-liệm. — Đại-liệm thì ngang dọc dài ngắn cũng thế. Nhưng một đoạn dọc thì đôi đầu xé nhớm làm ba, còn ngang thì năm đoạn, mỗi đoạn làm bằng nửa khổ vải mà không xé nhớm. (đồ số 6)

Khâm 衾. — Khâm là chăn liệm thì mỗi chăn 5 khổ dài 12 thước. (Đại-liệm một chăn, tiểu-liệm một chăn, hoặc dùng đơn hay may kép cũng được).

Tạ-quan 藉 棺. — Tạ-quan là cái vải lót quan thì làm 8 khổ, dọc ngang bằng nhau, đặt ngang can lại, không nên làm 4 khổ can dọc, sợ khi vội-vàng khâu chỉ không chặt ngộ lỡ ra chăng.

Tiểu-liệm đại-liệm lại phải sắm sẵn những đồ bổ-khuyết sau này :

Một tấm gối lót đầu, khoát 4 tấc, trường 6 tấc 5 phân, dầy 1 tấc, giữa làm lõm xuống một lỗ tròn. (Xem đồ số 7)

Hai tấm ép tai, trường 6 tấc 5 phân, dầy 2 tấc 5 phân, cao 5 tấc. (Xem đồ số 8)

Đệm đầu và chân 2 tấm, dầy 1 tấc, cao 5 tấc, đầu bề hoành 9 tấc, chân bề hoành 8 tấc 5 phân. (Xem đồ số 9).

Che mặt 1 tấm, dầy độ một tấc, trường khoát vừa bằng mặt. (Xem đồ số 10).

Một tấm đệm vế đùi, trường 1 thước 3 tấc, đầu trên khoát 6 tấc, mỏng 5 phân ; dưới khoát 4 tấc, dầy 3 tấc 5 phân. (Xem đồ số 11)

Hai tấm đệm vế chân, trường 1 thước 5 tấc, cao 5 tấc, đầu trên mỏng 5 phân, dưới dầy độ 25 phân. (Xem đồ số 12)

Những đồ trên này đều làm bằng giấy bồi, hoặc trong nhồi bấc càng tốt.

Sắp đến giờ liệm thì giải chiếu ra giữa gian nhà, đặt đồ đại-liệm xuống trước. Trước đặt 5 đoạn ngang, đo từ đầu đến chân cho đều khoảng ; rồi giải cái đoạn dọc lên trên và chăn đại-liệm để trên cái dọc ấy. Hễ giải lần nào thì lấy bút mực đánh dấu cho chính giữa, đính chỉ lại cho chặt, rồi sẽ giải đồ tiểu-liệm lên trên, cũng trước đặt 3 cái ngang, thứ đến cái dọc rồi đến cái chăn. Đại tiểu-liệm đính vào làm một, rồi thu gấp bốn bề lại cho gọn để chờ buộc liệm.

Khi liệm thì tang-chủ vào cử-ai, qui, chấp-sự cũng qui. Cáo rằng :

— *Nay được ngày tốt xin làm lễ liệm. Cẩn-cáo.*

Phủ-phục, hưng, bình-thân.

Bấy-giờ người chấp-dịch vào hai bên, rước ngài ra đặt lên trên đồ khâm-liệm ấy cho trung-chính. Rồi đặt gối đầu cho ngay, thứ đặt đến hai tấm ép tai, rồi đặt đến tấm tiếp trên đầu cùng dưới chân và kê vế, đem giấy bổ-khuyết cho vuông. Xong rồi sẽ gấp hai bên chăn tiểu-liệm lại, bên tả trước bên hữu sau. Rồi gấp đầu dưới chăn lên và gấp đầu chăn trên xuống. Thứ đến buộc dải dọc rồi buộc dải ngang. Tiểu-liệm xong rồi, xem có khuyết đâu thì bù cho vuông. Sau cứ lần lượt bọc đồ đại-liệm cũng thế.

Liệm xong cả rồi thì giải cái lót quan (tạ-quan) ra rước ngài lên cho trung-chính.

Bấy giờ con cháu lấy gai hoặc vải buộc tóc lại (trở trảm-thôi 3 năm th.

dùng gai buộc tóc, trở tư-thôi thì dùng vải trắng), đợi khi thành-phục rồi sẽ bỏ đi.

Khâm-liệm đã xong thì nên nhập-quan ngay, không nên quá nghe sự dị-đoan, chọn ngày giờ chậm trễ quá, để khi ngài lõa-lồ ra thành con bất-hiếu.

19º *Nhập-quan* 入 棺. — Khi nhập quan thì các con vào tự-lập, cử-ai, quỉ. Chấp-sự cũng quỉ, cáo rằng

— *Nay được ngày tốt, xin làm lễ nhập-quan, cẩn-cốc.*

Phủ-phục, hưng, bình-thân.

Trai đứng bên tả, gái đứng bên hữu, lánh ra hai bên. Người chấp-dịch vào đều cầm lấy bốn bên góc cái vải tạ-quan mang lên đưa ngài vào quan cho êm-ái. Các con đều thương khóc. Người chấp-dịch xem trong quan có ngót đâu thì lấy áo cũ của ngài hay là giấy bù vào cho đầy. Rồi gấp đầu dưới cái lót quan lên, gấp đầu trên cái lót quan xuống, thứ đến gấp bên tả sang, gấp bên hữu lại. Xong cả rồi, bôi sơn vào bên thành quan, và đậy nắp, đóng đanh con-cá lại, rồi bó mạch sơn lại cho kín.

Đặt quan ở giữa nhà, quay đầu hướng nam (ngoài là nam, trong là bắc), nghĩa là để đầu ra ngoài.

Trai bên tả, gái bên hữu giải rơm mà ngồi đôi bên cữu. Lại phải để sẵn dây thừng và đòn khiêng ở bên cạnh cữu để phòng khi ngộ xảy ra việc thủy-hỏa bất-trắc gì chăng.

20º *Đặt linh-sàng linh-tọa* 設 靈 床 靈 座. — Khi đặt cữu đã yên, nhà rộng thì đặt linh-sàng ở phía đông cữu, bày mùng màn chăn gối như lúc còn sống, để sớm tối rước ra rước vào. Nếu chẳng được thế thì đặt một linh-tọa ở trước cữu. Hồn-bạch thì để trên giao-ỷ mà thờ, hoặc thờ bài-vị giấy, hay là thờ ảnh cũng được. Ngoài thì bày các đồ thờ (đồ thờ thì dùng đồ sơn cũng được, chỉ duy cái giá chậu quán-tẩy là đồ tang-chủ dùng, thì dùng đồ mộc), rồi chiếu nghi-tiết mà làm lễ an-vị.

21º *Thiết linh-tọa nghi-tiết.* — Cứ theo như *Văn-công gia-lễ* thì khi thiết linh-tọa không có cáo-văn, không có nghi-tiết tế-lễ gì cả. Nhưng theo như gia-lễ *Thọ-mai* thì khi thiết linh-tọa cũng có cáo-văn có làm lễ cáo, theo như nghi-tiết (1) sau này:

Tự-lập. (Khi vào lễ thì cức hiếu tang-thứ mà đứng, người trọng-tang đứng trước, người khinh-tang đứng sau, cho có thứ-tự) Cử-ai. Chúc quán-tẩy. Thuế-cân. (Chúc là người biết lễ vào làm tướng-lễ thay việc cho tang-chủ. Vì tang-chủ khi cha mẹ mới mất chửa táng chưa dám thân dự các việc). Nghệ linh-tọa tiền. Quỉ. *Phần-hương*, (chấp-sự thay), phủ-phục, hưng, bình-thân. Châm-tửu (chấp sự thay). *Điện-tửu. Ai-chỉ.* Giai-quỉ. *Độc cáo-văn* (quỉ ở phía hữu chủ-nhân). *Chủ-phục*, hưng, bình-thân. *Cử-ai*, cúc-cung bái (đều lạy 2 lạy), hưng, bình-thân. Điểm-trà. Phần cáo-văn. Lễ-tất.

22º *Thể-thức viết văn.* — Viết văn cáo tế khi cha mẹ chửa táng thì viết: «告 于 故 父 *Cáo vu cố-phụ*» (故 母 *Cố-mẫu*) v. v.. Từ thành-phần về sau thì viết: «告 于 顯 考 *Cáo vu Hiển-khảo*» (顯 妣 *Hiển-tỉ*) v. v..

Tế cha thì con xưng là «Cô-tử 孤 子». Tế mẹ thì con xưng là «*Ai-tử* 哀 子». Nếu mẹ chết về sau khi cha đã mất rồi, thời xưng là: «*Cô-Ai-tử* 孤 哀 子». Xét lối xưng-hô như thế là theo thế-tục. Nhưng theo cổ-lễ thì cha mẹ mất người con đều xưng là: «*Ai-tử*» *Trịnh-thị lễ-chú* có nói rằng: «Nếu trong 30 tuổi mà mất cha còn có thể

(1) Những nghi-tiết sau này cốt để ghi-nhớ cho tiện lúc vào làm lễ cáo, vì đây còn theo hung-lễ không phải cao-thanh xướng-tế như là cát-lễ.

xưng là *Cô-tử* được. Chứ như ngoài 30 tuổi mà gọi là *Cô-tử* sao cho đáng.» Song thế-tục đã quen theo như trên, hì không thể đổi ngay được.

Lại như cha mất mẹ còn thời phải xưng : *Cô-tử*... (họ tên) 恭協母某氏命 *Cung-hiệp mẫu*... (họ gì) *thị mệnh*, nghĩa là kính-hiệp theo mệnh mẹ họ gì. Hoặc là mẹ mất cha còn thì xưng : *Ai-tử*... (họ tên) 恭承父命 *Cung thừa phụ mệnh*, v. v.. Nghĩa là kính vâng mệnh cha.

Hoặc là cha làm chủ-tang, tức là chồng tế vợ thời xưng : *Ai-phu* 哀夫... (họ tên) *Suất-ai-tử* 率哀子... (1) (tên các con). Chồng đứng đàng trước mà vái, con đứng đàng sau mà lạy.

Còn như văn-tế cát-kỵ (ngày giỗ) thì xưng : *Tự-tử tự-tôn* 嗣子嗣孫 (con nối cháu nối) chớ không dám tự-xưng hiếu-tử hiếu-tôn. Nghĩa là không dám đương chữ hiếu vậy.

Thí-dụ một thể văn cáo về khi chưa táng thì viết như sau này :

維 *Duy* (2)..... (niên-hiệu gì viết điền vào) 歲次 *tuế thứ*... (Can-chi năm gì điền vào)... 月建 *nguyệt kiến*...(can chi) 朔 *sóc*... 越 *việt*...日 *nhật*... can chi 孤子 *cô-tử*... (họ tên gì điền vào) 恭協母某氏命 *cung hiệp mẫu mỗ thị mệnh*. 敢哀告于 *cảm ai cáo vu*, 故父 *Cố-phụ* (Hiển-khảo) (mẹ thì xưng: *Cố-mẫu* (Hiển-tỉ)... (quan tước thụy hiệu điền vào, chứ không phải xưng họ của người cha) 府君 phủ-quân (3) (nhụ-nhân) 靈座前曰 *Linh tọa tiền viết*: *Than ôi!* ...(Từ đây trở xuống viết điền lòng văn cáo vào)

Văn cáo thiết linh-tọa. — Vân vân.

Than ôi! Núi Hỗ (mẹ xưng là Dĩ (4).
sương mù, nhà xuân (huyên) mây tỏa.

Đau lòng khóc huyết, chạnh thương gia-biến bỗng nên nhường.

Mỏi mắt trông mây, luống tưởng chân-dung đâu vắng tá?

Chọn ngày tốt tạm bày linh-tọa, gọi chút lễ thường.

Ngụ lòng thành dâng tiến phỉ-nghi, khôn khuây tấc dạ. *Cẩn-cốc.*

23° *Thiết minh-tinh* 設銘旌. — Minh-tinh là cái cờ làm biệt-hiệu cho người chết, làm bằng lụa đỏ, rộng vừa một khổ lụa, (Quan tam-phẩm trở lên dài 9 thước, cnguũ phẩm trở lên 8 thước. Lục-phẩm trở xuống cho đến người dân đều 7 thước.) Viết chữ bằng phấn trắng

Cha thì viết: «故父 cố-phụ . .(quan) chức tính-thị thụy hiệu gì điền. vào đây 府君之靈柩 *Phủ quân chi linh cữu*)

(Mẹ thì viết : «故母 *cố mẫu*... (Xưng quan chức và họ của cha điền vào đây) 正室 *chính-thất*, (亞室 *á-thất*) ... (Họ gì thụy-hiệu gì điền vào đây) 孺人之靈柩 *nhụ nhân chi linh cữu*.

Đàn-ông nếu không có quan-tước thì cứ theo thụy-hiệu lúc sinh-thời mà điền vào những chỗ lưu-không. Đàn-bà theo quan-chế thì nhất-phẩm Phu-nhân, nhị-phẩm Đoan-nhân, tam-phẩm Thục-nhân, tứ-phẩm Cung-nhân, ngũ-phẩm Nghi-nhân, lục thất-phẩm An-nhân, bát cửu-phẩm Nhụ-nhân, cứ theo thứ bậc mà viết điền vào.

Viết minh-tinh lại phải tính theo 4 chữ : 鬼哭靈聽 *Quỉ khốc linh thính*,

---

(1) *Suất* nghĩa là đóng-dả đem các con.

(2) *Duy* là cái dây to làm giương lưới, tóm tất cả các mắt lưới, nên đặt lên đầu bài văn tế, là tóm cả toàn-văn.

(3) Đây theo *Thọ-mai* thì xưng phủ-quân. Những thiết-nghĩ khi chưa táng nên xưng công 公, táng rồi mới xưng *phủ-quân* 府君.

(4) Kinh *Thi* có điển lên núi Hỗ 岵 trông cha, lên núi Dĩ 屺 trông mẹ.

nam đến chữ *linh* 靈, nữ đến chữ *thính* 聽 là vừa hết dòng thì tốt, chớ đừng đúng phải chữ *quỉ* 鬼 chữ *khốc* 哭. Viết xong lấy cây tre làm cần dựng ở phía đông linh-tọa.

24º *Thành - phục* 成 服. — Lễ cồ 4 ngày mới thành-phục, vì là trong 4 ngày chưa nỡ vội coi như đấng thân đã chết. Nhưng nay theo phép mới trong 24 giờ phải táng, thì lễ thành-phục nên làm sau khi thiết linh-tọa.

Cách chế áo tang. — Áo tang có 5 hạng, gọi là ngũ-phục:

1º Áo Trảm-thôi 斬 衰. Trảm nghĩa là cắt, để nguyên gấu áo có dấu cắt không viền. Như tang cha thì phải để trảm - thôi 3 năm, dùng thứ vải sô sống rất thô mà làm áo trảm - thôi.

2º Áo Ti-thôi 齊 衰. Ti là bằng, nghĩa là gấu áo hơi viền qua lại. Như tang mẹ thì phải để ti-thôi 3 năm dùng thứ vải sô hơi xấu mà làm áo ti-thôi. Nếu cha mất trước rồi, thì trở mẹ cũng dùng áo trảm-thôi.

Lại còn những tang trở cơ - niên (một năm) có gậy (như cha mất trước rồi mà ông còn, mình là đích-tôn để trở bà) hoặc cơ-niên không gậy (như trở ông bà) và trở 5 tháng (như trở ông bà tằng-tổ) hoặc 3 tháng (như trở ông, bà cao - tổ) cũng đều dùng áo ti-thôi cả, sẽ tường ở đồ vẽ ra sau.

3º Áo Đại-công 大 功 để trở 9 tháng, thì dùng vải sô sống. Chữ Đại - công nghĩa là làm vải đã hơi gia - công mà còn thô-lớn.

4º Áo Tiểu-công 小 功 để trở 5 tháng, thì dùng vải nhỏ chín. Nghĩa chữ Tiểu-công là nói công làm vải đã kỹ - càng tinh-tế hơn trước.

5º Áo Ti-ma 緦 麻 để trở 3 tháng, thì dùng thứ vải nhỏ chín, sợi đã tinh-tế nhỏ như tơ vậy.

Phàm áo Trảm - thôi, Ti - thôi và trượng-cơ 杖 朞 (là trở cơ-niên mà có chống gậy), đều có một miếng vải ở trước ngực gọi là cái *thôi* 衰. *Thôi* nghĩa là chịu tang mà hình-dung suy-đồi vậy. Một miếng vải ở sau lưng gọi là *phụ-bản* 負 版, *Phụ* nghĩa là gánh đội việc thương xót. Hai miếng vải ở hai vai gọi là *Thích* 適. *Thích* nghĩa là chuyên-chủ lo về việc tang vậy. Sách *Chính-hành tân-tăng-ký* nói rằng: « Phàm những áo trở đã may xong rồi, không nên vá thêm hoặc tiếp thêm vào nữa. »

Những tang trên này còn phải theo thứ-tự trọng-tang khinh-tang mà chế ra xiêm gai mũ quầy sẽ tường ở các đồ vẽ sau này. (13-17).

Tang cha thì dùng gậy tre, tang mẹ thì dùng gậy vông, trên tròn dưới vuông, đều chống dấng gốc xuống dưới. Vì người hiếu-tử lúc mới gặp sự tang-cố thương khóc khôn gắn được mà sinh yếu, nên mới phải dùng gậy để chống đỡ.

Lễ thành-phục theo như *Văn- công gia-lễ* thì không có tế cáo gì cả, chỉ làm lễ tương-điếu mà thôi, nghĩa là cùng đối nhau mà khóc viếng. Theo lễ thì cứ sáng sớm ngày hôm thứ tư là sau khi người mất đã được 4 ngày, người trong ngũ-phục đều theo thứ-tự mà mặc tang-phục, rồi đàn - ông thì vào đứng ở phía đông bên cửu, ngảnh mặt về phía tây, đàn-bà thì vào đứng ở phía tây bên cửu ngảnh mặt về phía đông, cứ theo thứ-tự người trọng-tang đứng trước, người khinh - tang đứng sau, rồi cử-ai cùng khóc. Các kẻ ti-ấu lại quị trước mặt các bậc tôn-trưởng mà khóc, để tỏ tình thăm viếng, thế là xong lễ thành-phục. Vì trong 4 ngày chưa táng còn phải theo hung-lễ, nếu mà tế-lễ linh - đình thì là theo cát-lễ, không phải.

Nhưng thế-tục vẫn thường theo lễ

Thọ-mai có bài cáo-văn và dùng nghi-tiết giản-dị như sau này:

Tự-lập. Cử-ai. Quán-tẩy. (chấp-sự) Thuế-cân, nghệ hương-án tiền. Phần-hương (chấp-sự đứng đốt hương). Châm-tửu (chấp-sự). Quị, Điện-tửu. Ai chỉ, Giai-quị. Độc chúc. (đọc ở bên hữu tang-chủ). Phủ-phục. Hưng, bình-thân. Phục-vị. Điểm trà. Cử-ai. Cúc-cung bái (hai lạy). Hưng. Bình-thân. Phần-chúc. Lễ tất.

Văn cáo thành-phục— . . . Than ôi! Khe-khắt chi con tạo, kiếp phù-sinh thấm-thoát trăm năm;

Ngao-ngán lẽ cơ-trần, cuộc xương-hải đổi thay mấy độ.

Xe Phụ-thân (mẫu-thân) *phút đã xa khơi, lòng cô-tử* (ai-tử) *xiết bao sầu khổ.*

Chợt nhớ thủa nhà gương trăng tỏ, đo ban-lan chưa kịp buổi ngu-thân;

Bỗng vì đâu núi Hồ (Dĩ) *sương che, mùi quảy-bả đã bận tang đại-cố.*

Thành-phục gọi là manh áo trở, lễ tạm tòng-nghi;

Chung-thiên khôn tỏ mối tình thương, nghĩ càng thêm hổ.

Cần cốc.

25° *Chiêu tịch điện* 朝夕奠. — Nếu có đặt linh-sàng, có kết hồn-bạch, thì sớm ngày dậy, đem dâng nước rửa, khăn lược, hộp giầu, các con vào đứng bên màn, cử-ai ba tiếng, rồi cuốn màn lên. Người chấp-sự quì mà cáo rằng: «*Ngày đã sáng rồi, xin rước linh-bạch ra linh-tọa*». Rồi sẽ rước hồn-bạch ra đặt vào ỷ. Bạch đã rước ra thì người hầu vào xếp chăn gối. Sớm ngày làm lễ chiêu-điện, trưa lễ thượng-thực, tối lễ tịch-điện. Tịch-điện xong lại rước hồn-bạch vào. Chấp-sự quì cáo rằng: «Ngày đã tối rồi, xin đón linh-bạch vào linh-sàng.» Làm như thế là tỏ nghĩa sự-vong như sự-tồn vậy.

Chiêu-tịch-điện và thượng-thực theo nghi-tiết như sau:

Tựu-vị. Cử-ai. Chúc quán-tẩy, thuế cân, phần hương, châm-tửu. Ai-chỉ. Giai-quị. Độc cáo-văn (đọc ở bên hữu tang-chủ). Phủ-phục. Hưng, bình-thân. Điểm trà. Bái, hưng (2 lạy). Phần cáo-văn. Lễ-tất. Cáo-cân (nghĩa là lễ xong thì triệt cất lễ-phẩm đi, lấy khăn đậy những thức quả-phẩm lại.)

Văn cáo chiêu-tịch-điện. — ... Than ôi! Phụ thân (mẫu-thân), *xa bỏ trần-thế. Nghĩ đức sinh-thành, nhớ công trời bể, sớm tối chạnh lòng, điện dâng bạc-lễ. Thành kính gọi là, nhớ thương xiết kể. Cần-cốc.*

Từ đây cứ sớm tối hễ lúc nào thương đến thì khóc, gặp có cơm mới của mới thì đem lên dơm cúng. Gặp ngày sóc vọng thì làm lễ sóc vọng về buổi sớm có phần gia-hậu hơn, nghi-tiết cũng như chiêu-tịch-điện. Văn cáo thì đổi bốn chữ: «*sớm tối chạnh lòng*» làm chữ: «*ngày sóc* (vọng) *tới nơi*», v. v..

26° *Văn-tang bôn-tang* 聞喪奔喪. — Nếu người hiếu-tử hoặc có phương-trở đi xa, khi nhà có tang-cố không biết, đến khi nghe tin, thì cử-ai thương khóc, hỏi thăm bệnh-cố ở người sứ-giả đưa tin đến. Rồi liền dịch-phục mà về bôn-tang, đến nhà làm lễ thành-phục ngay. Nếu mới nghe tin mà đường xa chưa về kịp thì 4 ngày làm lễ thành-phục, mà để tang thì cứ tính từ ngày mới biết tin trở đi, những ngày người mất mà mình chưa biết tin không kể.

27° *Tân-khách đến điếu-tang.* — Như ngày chửa thành-phục, có khách đến thăm, chủ-nhân chưa có áo mũ, thì không nên ra tiếp, nghe có khách vào thì cử-ai lên, mà cho người hộ-tang ra đáp lễ tiếp khách, nói rõ chân-tình cho khách biết. Nếu đã thành-phục có khách đến thăm thì chủ-nhân chỉnh áo, mũ, gậy, khóc mà ra tiếp khách. Như khách đến thăm có đưa phẩm-vật

hoặc tiền bạc gì, mà khách muốn làm văn-trạng vào làm lễ thì theo nghi-tiết sau này :

Nghi-tiết lễ phúng. — Khi khách sắp làm lễ, chủ-nhân mặc áo mũ và gậy đến bên linh-tọa, quì mà mật-cáo rằng : « *Nay có mỗ* (1) *quan vi cố-nghĩa vào làm lễ phúng* ». Cáo xong đứng ra phía đông, đợi khách tế xong thì lễ tạ khách.

Nghi-tiết : Tự-lập. (Khách đổi mặc áo dài trắng đứng thành hàng, một tế-viên tựu-vị).

Cử-ai. Ai chỉ. Cúc-cung bái (hai lạy hoặc hai vái). Hưng, bình-thân. Nghệ linh-tọa tiền. (Các khách đều đứng yên, chỉ một người tôn-trưởng bước tới trước linh-tọa. (Phần-hương. Quị (người tôn-trưởng không quì.) Loại-tửu (chấp-sự đưa chén rượu cho khách, khách đổ xuống sa-mao một tí) Điện-tửu. (Chấp-sự lại nhận lấy chén rượu dâng lên) Giai quị. Tuyên trạng. (đọc văn tế thì xướng : « *Độc chúc-văn.* » (Hoặc quì hoặc đứng đọc ở phía bên hữu khách.)

Phủ-phục. Hưng, bình-thân. Phục-vị. Cúc cung bái (2 lạy). Hưng, bình-thân. Nạp-trạng. (hoặc xướng : *Nạp chúc-văn*). Lễ-tất.

Bấy giờ khách đứng phía tây hướng sang phía đông, chủ-nhân lạy tạ 2 lạy.

CÁCH VĂN-TẾ PHÚNG. — *Duy* (niên-hiệu)... *nguyệt*. . . *nhật*. *Thiềm-thân*. . . (quan chức họ tên gì điền vào) *Nay có lễ mọn...thứ-phẩm kinh dâng lên* . . . (mỗ quan mỗ công) *trước linh-tọa mà cáo rằng : Nghĩa cũ tình xưa, kẻ còn người thác, gọi là lễ mọn viếng thăm, muôn đội khôn thiêng giám-nạp. Thượng-hưởng.*

Văn-trạng thì viết như sau này :

Thiềm-thân . . . (quan chức họ tên) *Cẩn cụ phỉ-lễ* . . . *dâng lên* . . . (mỗ quan mỗ công) *linh-tọa. gọi chút lễ thường, tỏ bày lòng kính. Cẩn-trạng.*

Niên-hiệu . . . *nguyệt* . . . *nhật.*

(Họ tên quan chức mỗ) *cẩn-trạng.*

Xét kinh *Lễ* (thiên *Tăng-tử-vấn*), đức Khổng-phu-tử nói : « Kẻ mắc trọng-tang 3 năm mà đi thăm viếng người, nếu thương khóc người thì quên mất tang đấng thân, nếu không thương thì là đi thăm giả-dối. » Thế cho nên người cư trọng-tang không nên đi thăm viếng. Kinh *Lễ* lại nói : « Nội ngày hôm đi điếu-tang thì không nên vui chơi, không nên uống rượu ăn thịt. » Thiên *Dung-hạnh-biên* về loại tang tế cũng nói : « Khi đến nhà tang-gia không nên nói to cười lớn, đối với người mặc áo tân-tang, không nên đùa bỡn cớt nhả. » Thế thì lúc đi điếu-tang nên phải giữ-gìn theo cho hợp-lễ. Còn những tục ăn uống về đương lúc tang-sự nên tỉnh-giảm bỏ đi.

Xét kinh *Thi* có câu « 凡民有喪匍匐救之 *Phàm dân hữu tang, bồ-bặc cứu chi* » Nghĩa là người ta mà gặp việc tang, thì mình chịu khó giúp đỡ. Ấy cái lễ điếu-tang cốt là trước đến thăm viếng sau đến giúp đỡ lẫn nhau, chủ-ý để tỏ cái tình thân-thích họ-hàng làng-xóm với nhau, cho nên khi mới nghe tin tang-biến, thì kẻ thân-thích đến đưa đồ cụ-ngọc gọi là lễ Hàm 含, hoặc đưa đồ chăn áo gọi là lễ Tụy 襚, những đồ ấy để giúp cho người tử-giả dùng về việc liệm. Hoặc thấy tang-chủ có thiếu thốn thì giúp tiền của gọi là lễ Phụ 賻, giúp đồ xe ngựa gọi là lễ Phúng 賵, đức Khổng-tử khi qua nước Vệ gặp tang người cựu-quán, sai cởi ngựa

(1) Kể rõ người đến phúng là quan chức họ tên gì, bỏ tiếng « mỗ » đi. Phàm chỗ nào để chữ « mỗ » cũng là tạm thay mà thôi.

tham để làm lễ phúng, cũng là nghĩa ấy. Còn như đem đồ hương sáp tửu quả đến viếng gọi là lễ Điện 奠. Đó đều là lấy thực-tình thực-lễ mà thăm viếng giúp nhau trong lúc tang-biến.

Lại xét như Lỗi-văn 誄文 là bài văn thương viếng người chết. Lục-Cơ-phú 陸機賦 có nói : « Văn Lỗi chiền-miên mà thương thảm », ý cũng như bài hành-trạng thuật lại cái đức-tính lúc bình-sinh của người chết mà thôi. Nhưng cứ như trong lễ thì kẻ hèn không được làm lời Lỗi-văn cho người sang, kẻ ấu không được làm lời Lỗi-văn cho người trưởng. Lại xét *Tả-truyện* : Công-tôn Hạ 公孫夏 sai học-trò làm khúc Vãn-ca 挽歌 để tống-táng. Lại một thuyết nữa cho Vãn-ca là tự khách người Điền Hoành 田橫 làm ra. Sau này Lý Diên-Niên 李延年 mới phân ra làm Phỉ-lộ 薤露, Cao-lý 蒿里 hai khúc, cũng là tả cái giọng thương cảnh đời người như hạt sương buổi sớm mà thôi. Hoặc có người cho là bởi cái giọng ca thương-thảm của kẻ dịch-phu tự đời Vũ-đế nhà Hán mới dụng làm khúc tống-chung. Đại-để cổ-nhân dùng giọng vãn-ca là để đỡ sức cho kẻ lực-dịch, cho nên kẻ khiêng đại-dư linh-cữu cũng bắt chước giọng ấy mà ca-vãn, tuy là giọng thương thảm, song đương trong lúc việc tang lễ nào lại dụng lời ca thì không hợp lễ. Đời sau lại có lối Vãn-thi 挽詩 là khi tổ-phụ qua đời, con cháu đi nhờ mượn được kẻ thi-nhân hay chữ làm ra bài thơ để truy-niệu người đã mất tự và mươi năm trước, như thế cũng không phải là cổ-ý. Đời Đường đời Tống cũng có kẻ làm ra các bài vãn-thi để viếng, nhưng phải là người giao-du với nhau tình-nghĩa thân-mật, chợt khi nghe tin bạn mất, thì tự phát ra lời thơ để cảm-hoài thương xót mới là phải. Chớ còn như mới giao chơi bán-diện, chưa hiểu rõ bình-sinh, mà cũng làm thơ viếng thì thực là vô-vị.

Ấy là cổ-nhân có những lễ phúng-viếng đã kể như trên. Đến như tục-lễ phúng viếng của nước ta tưởng cũng còn lắm điều nên sửa đổi, tức như lối câu đối phúng của ta không biết khởi-thủy tự đời nào, mà xét ra không phải Lỗi-văn, không phải Vãn-ca, cũng không phải là Vãn-thi ; mà so với lễ phúng, lễ phụ, lễ điện của cổ-nhân là cốt để giúp đỡ lẫn nhau để tỏ tình thương xót, thì dùng một câu đối phúng tưởng cũng không có ý-nghĩa gì như thế. Ta nay phải nên hiểu biết cái nghĩa bổ-bặc cứu-tang mà cải-lương lễ phúng-viếng cho hợp cổ-ý mới phải.

28° *Lễ dụ-tế* 諭祭. — Dụ-tế là lễ viếng thăm các bậc công-thần trong nước, đến khi mất mông-ân vua sai sứ ra dụ-tế.

Trước hôm tế, tang-chủ phải theo đồ-thức (xem đồ số 18) mà bày đặt. Hễ thấy báo sứ-giả đến, thì tang-chủ trở xuống đều phải thôi khóc thay đồ áo trở (đổi mũ áo thôi-điệt đi mặc áo dài vải thâm) ra đón ở ngoài ngõ, dẫn sứ-giả vào. Lễ tế đã có nghi-tiết triều-đình. Tế xong, tang-chủ vọng long-đình làm lễ ngũ-bái tam-khấu (5 lạy 3 lần gật đầu). Xong rồi sẽ lui một chút lại làm lễ lạy 4 lạy, mời sứ-giả ra nhà khách, bái-kiến như lễ.

29° *Thiên-cữu* 遷柩 — Sắp đến ngày táng, trước khi sắp rước cữu đi yết-tổ tại làm lễ thiên-cữu. Nếu có nhà sảnh-sự thì rước ra đấy, không có thì tùy-nghi cũng chuyển-di linh-cữu một ít, chiếu nghi-tiết như sau :

Tự-lập. Cử ai. Ai chỉ. Giai-quị. Chúc cáo từ. Chúc quị ở bên hữu cáo rằng : « *Nay chọn ngày lành, kính xin thiên-cữu, cẩn cáo* ». Phủ-phục. Hưng, bình-thân. Lễ tất.

Người chấp-dịch đều vào thiên-cữu

để đợi phát-dẫn (1).

30° *Rước linh-bạch đi yết-tổ.* — Trước khi sắp rước cữu đi an-táng, cổ-giả có lễ rước cữu đến từ-đường yết-tổ, là tỏ ý khi đi ra phải cáo-từ bậc tôn-giả. Nhưng vì tang-gia nhiều nhà chật hẹp, rước cữu đi không tiện. Nay thường rước linh-bạch đi thay, dẫu không hợp cổ-lễ nhưng cũng tiện. Phong-vì linh-bạch đi yết-tổ thì nên đội khăn ô-sa, mặc áo thanh-cát mới hợp lễ. Nếu vong-giả là người quan-chức, mà có triều-phục quan đái, thì chỉ nên phong-vì để lúc tống-chung rước đi cho tỏ là người có phẩm-tước, chớ không nên mặc triều-phục đi yết-tổ là thất-lễ, vì triều-phục chỉ để chầu vua mà thôi.

Lễ yết-tổ. — Sớm ngày sai người dọn-dẹp từ-đường, bày đèn hương giầu rượu đâu vào đấy. Một đàng thì chúc dẫn chủ-nhân vào quỉ trước linh-bạch, chúc quỉ bên hữu chủ-nhân mà khấn rằng: « *Xin rước linh-bạch, đi yết từ-đường.* » Khấn xong thì chấp-sự vào rước linh-bạch đi, và đem minh-tinh dẫn đi trước. Từ tang-chủ trở xuống, nam tả nữ hữu đều mặc tang-phục đi theo sau. Khi đến sân từ-đường thì hãy tạm dừng lại ở phía tây hướng về phía đông. Để cho một người tang-chủ và một người chúc đi vào trước. Tang-chủ làm lễ hai lạy. Chúc quỉ ở bên tả tang-chủ mà khấn rằng: « *Tự-tôn ... vi phụ-thân* (mẫu thân) ... *quyên-trần, sắp tới u-trạch, kính yết từ đường, cẩn cốc.* » Khấn rồi, tang-chủ lạy 4 lạy, rồi ra rước linh-bạch vào để ngồi trông về hướng bắc. Các con cháu trai gái theo vào đứng sau linh-bạch. (Đàn-bà bỏ mũ mấn chùm đầu ra), làm lễ 4 lạy là lạy thay cho đấng thân. Rồi lui xuống một ít lại lạy 4 lạy nữa là lễ con cháu bái-yết tổ-tiên (2). Xong rồi lại rước linh-bạch về cữu-sở. Tang-chủ trở xuống lại khóc theo về.

31° *Cáo thần đạo-lộ.* — Lễ này trước ngày phát-dẫn làm lễ ở ngã ba ngoài đường. Chọn một người khác thay tang-chủ ra làm lễ cũng được.

Nghi-tiết theo lễ thập-bái. Văn cáo như sau:

Duy... niên... nguyệt... nhật.., tỉnh .. phủ...huyện...xã...,tế-chủ...thay hiếu-chủ... cẩn biện lễ mọn... kính dâng lên linh-vị thần đạo-lộ ngũ-phương lạy mà tâu rằng:

Nay vì cố phụ (mẫu) là... *tạ-thế, xin chọn ngày . tống táng ra ở xứ...nay sắp phát-dẫn ra đường. Vậy dám kính-trình, cúi xin bảo-hựu ; giúp cho linh-hồn yên-ổn đi về âm-giới thảnh-thơi. Cẩn-cốc.*

32° *Lễ khai-huyệt cáo thần thổ-địa.* — Trước khi khai-huyệt thì chọn một người thay hiếu-chủ đi làm lễ thần thổ-địa, nghi-tiết cũng theo lễ thập-bái như trên. Cáo văn cũng vân vân như trên. chỉ đổi từ đoạn:

Kính dâng lên linh-vị thần thổ-địa lạy mà tâu rằng:

Nay vì cố-phụ (mẫu) là... *quyên trần, cẩn chọn ngày... an táng ở cán đồng xứ... này. Trước khi khai-huyệt, kính biện phỉ-nghi. Cẩn cốc.*

33° *Thăng-dư* 升 輿. — Sớm ngày phát-dẫn thì chấp-sự một người vào làm lễ thăng-dư (nghi-tiết theo lễ thiên-cữu) chúc cáo-từ rằng: « *Nay xin rước cữu lên đại-dư và đón linh-bạch lên xe.*

---

(1) Lễ thiên-cữu này nếu có thiên ra nhà sảnh-sự, hoặc rước cữu đi yết-tổ, thì mới nên chiếu nghi-tiết như trên mà làm. Nếu nhà chật hẹp thì nên giảm bớt lễ thiên-cữu này đi.

(2) Hồ Thượng-thư nói: « Con cháu vào đến Từ-đường phải lạy 4 lạy là tỏ ý trọng tổ-tiên. Nên đây theo lễ *Thọ-mai* thì có lạy. Còn như *Văn-công gia-lễ* thì chỉ cử-ai mà thôi, rồi lại rước linh-bạch về cữu-sở.

rước tới u-trạch, cần cấc». Khẩn xong, dịch-phu vào cử-cữu rước ra. Để cữu lên dư thì đặt đầu cữu về trước, nghĩa là tự u (tối) mà ra minh (sáng) vậy. Xong rồi giàng buộc cho chặt-chẽ, để nhà dư lên, bài-trí đầu đấy rồi rước đại-dư đi.

Đoạn này còn có lễ khiển-điện và lễ tế dư-thần, nay tỉnh bớt đi.

34o *Thứ-tự phát-dẫn.* — Lúc phát-dẫn rước linh-cữu đi thì theo thứ-tự như sau.

1) Trước nhất phương-tương 方相 (nghĩa là phỏng-tượng làm ra hình người đạo-sĩ) (nguyên ở *Chu-lễ* có Phương-tương-thị dùng 4 người Cuồng-phu) vẽ bốn mắt gọi là Phương-tương 方相, hai mắt là Kỳ-đầu 騎頭, quan tứ-phẩm trở lên thì được làm Phương-tương 4 mắt; trở xuống thì chỉ được làm Kỳ-đầu 2 mắt (đồ 19), đầu đội lốt da gấu, áo huyền, quần đỏ, cầm gươm giơ mộc đi trước, để khu-trừ dịch-quỉ. Khi đến huyệt thì cầm gươm đánh bốn góc huyệt.)

2) Thứ hai đến cờ đan-triệu 丹旐 (nam viết chữ: «Trung-tín 忠信» nữ viết chữ: «Trinh-thuận 貞順» (đồ 20).

3) Thứ ba đến đồ minh-khí (các đồ dùng làm giả như đồ thần-minh.)

4) Thứ tư đến minh-tinh 銘旌. (Thế-tục thường đem hương-án hoặc án-thực đi vào quãng sau minh-tinh này.)

5) Thứ năm đến linh-xa 靈車 để rước hồn-bạch.

6) Thứ sáu đến công-bố 功布. Làm bằng 3 thước vải trắng (vải to, dùng công còn thô, nên gọi là công-bố) đi trước đại-dư để thấy khúc đường nào cong queo cao thấp không đều, thì cầm cái công-bố giở lên giơ xuống làm hiệu cho biết để đi cho đều. (xem đồ số 21)

7) Thứ bảy đến đại-dư 大輿. Tang-chủ trở xuống khóc mà đi bộ theo sau. Kèn trống thì đi trước đại-dư. Kèm đôi bên đại-dư có cái Thiếp 翣 bằng giấy để che. Hình cái Thiếp có ba thứ: 1o *Phủ-thiếp* 黼翣. Vẽ sắc đen sen với sắc trắng, vẽ hình cái bua. (xem đồ số 22.) 2o *Phất-thiếp* 黻翣 sắc đen xanh hình chữ Á 亞. (đồ số 23). 3o Vân-thiếp 雲翣. Vẽ sắc tía, vẽ, vân-hình. (đồ số 24). Người sang dùng 4 cái, người thường chỉ dùng hai cái Vân-thiếp.

8) Thứ tám sau đại-dư đến cái bạch-mạc 白幕 (đồ 25) là cái màn trắng, những người đàn-bà con gái trong ngũ-phục đều vào trong màn mà đi theo.

Sau cùng đến các bậc tôn-trưởng, rồi đến các người họ-hàng vô-phục, thứ nữa đến các hạng tân-khách đi tống-tang theo sau, phải nên theo lễ mà đi cho nghiêm-trang chỉnh-túc, không nên nói chuyện ồn-ào là không hợp lễ. Cổ-giả cũng có lễ người đi trợ-tang chấp-phất 執紼, là cầm bốn đầu dây xe đại-dư.

35o *Tế-điện trung-đồ.* — Lễ này trong *Văn-công gia-lễ* chỉ nói rằng con cháu rước cữu đi đường xa phải nghỉ, gặp lúc thương đến thì khóc, gặp buổi thì dâng thượng-thực mà thôi. Còn các bậc thân-tân mà có lễ tế điện ở trung-đồ, thì nghi-tiết chỉ theo như lễ tế phúng ở nhà. Sách *Tiệp-kinh* mới bày ra một nghi-tiết tế trung-đồ, mà không phân-biệt kẻ thân người sơ tế điện có khác nhau, thì không hợp lễ-ý Văn-công vậy, nay xin phân-biệt như sau.

Lễ này nếu là tang-chủ thiết-tế thì còn phải theo lễ điện, tang-chủ chưa dự-sự, các việc như phần-hương, châm-tửu đều do chấp-sự làm thay. Nếu người tình-nghĩa hoặc rể hoặc anh em họ hàng thiết-tế thì tự vào làm tế-chủ mà tế. Tang-chủ thì đứng về phía đông hướng về phía tây để đáp lễ (đáp

lễ các bậc tôn-trưởng, bậc ti-ấu thì thôi.)

Nghi-tiết tế điện theo như sau :

Tự-lập. Cử-ai. Quán-tẩy (con trai tế thì chấp-sự tẩy. Người tình-nghĩa tế thì tế-chủ tẩy). Thuế - cân. Nghệ hương-án tiền. Quị. Phần-hương (con trai tế, thì chấp-sự phần. Người tình-nghĩa tế thì tế-chủ phần, châm-tửu sau này cũng vậy). Châm-tửu. Hiến-tửu. Hiến-soạn. Giai quị. (tế một mình thì xướng bớt chữ *Giai*. Độc-chúc (đọc ở bên hữu chủ-nhân). Phủ-phục, hưng. Bình-thân. Phục-vị. Điểm-trà. Cử-ai, cúc-cung bái (hai lạy), hưng, bình-thân. Phần-chúc. Lễ tất.

Rước hồn-bạch lên xe.

VĂN TẾ TRUNG ĐỒ. — v. v... *Hỡi thương ơi ! Xe vĩnh-biệt khôn toan ngăn đón, gió cuốn mây bay.*

Dặm trường - đình luống những ngẩn-ngơ, hoa sầu liễu tủi.

Sầu vì Phụ-thân (mẫu-thân), *vội xa trần-giới.*

Ai giục nguồn cơn, bỗng nên nông - nỗi.

Ruổi mây khôn kịp ngựa, xiết nỗi bồi-hồi!

Nghỉ bước tạm dừng xe, bõ lòng ngong-ngõi.

Giữa đường nắng rợp, điện dâng gọi đủ một tuần ;

Vài nén hương xông, linh-sảng thấu cùng chín suối. Cẩn cốc.

36° *Hạ-quan* 下 棺. — Lúc hạ-quan thì chủ-nhân trở xuống sẽ yên khóc, phải ngẫm hướng cho tử-tế. Rồi sửa áo quan, giải Minh-tinh cho ngay-ngắn. Theo thói cũ (sách *Vạn-hộc minh-châu*) thì giải Minh-tinh lên mặt quan một lát, rồi đem ra phương bắc đốt đi.

37° *Tặng huyền - huân* 贈 玄 纁. — Khi đã đặt quan xuống ngay - ngắn rồi, thì hiếu-chủ lấy 6 tấm lụa huyền mầu thâm, 4 tấm lụa huân mùi thiên-hồng, dài 1 trượng 8 thước (nếu không đủ số lụa thì mỗi thứ một tấm), để xuống bên cữu, gọi là lễ tặng huyền-huân (còn những đồ vàng bạc ngoạn-bảo không nên bỏ vào trong huyệt), rồi đứng đàng trước mồ vừa khóc vừa lạy 2 lạy.

Bấy giờ dinh-phu dần dần lấp đất lại phải cho cẩn-thận, không nên động mạnh, sợ động đến quan-tài.

Người thân-bằng đi tống-táng đến mộ mà cáo-từ về, khi hạ huyệt rồi thì lạy (vái) 4 lạy (vái), nếu cáo-từ khi trung-đồ là trước khi chửa hạ-huyệt, thì đến trước cữu lạy 2 lạy hoặc 2 vái. Chủ-nhân đáp lễ.

38° *Tàng minh-khí* 藏 明 器. — Khi lấp phần-mộ được nửa rồi thì bỏ minh-khí xuống mà lấp đi. Hoặc nên đào riêng ra một hố ở gần đó mà chôn xuống.

39° *Hạ chí-thạch* 下 誌 石. — Đặt một cái bia bằng đá về phía trước mộ để làm mộ-chí cho dễ nhớ.

40° *Tế thần thổ địa* 祠 土 地. — Thổ-địa là thần-kỳ ở phương đất chỗ táng mả ấy (gọi là hậu-thổ thì không hợp-lễ), nên khi táng phải có lễ tạ, thì đặt lễ ở bên tả mộ, khi sắp thành-phần, cắt một người thân mặc áo thâm khăn thâm làm lễ thay cho tang-chủ. Nghi-tiết theo lễ thập-bái.

VĂN TẾ THẦN THỔ-ĐỊA. — Vân-vân như trước... *Tế-chủ... thay tang-chủ... cẩn biện lễ mọn... thứ-phẩm kính dâng lên trước linh-vị thần thổ-địa ở xứ... lạy mà tâu rằng :*

Nay vì phụ-thân (mẫu-thân) *là...* (quan tước họ tên) *chợt bỏ cõi trần, về nơi âm-giới. Nay xin an-táng ở xứ này, phần mộ đã định, lễ mọn kính dâng. Muốn trông thần-lực phù-trì, cho được vong-linh yên-ổn. Mồ yên mả đẹp, để phúc lâu dài. Cẩn cốc.*

41° *Đề-chủ* 題 主. — Theo lễ cổ thì đặt nghi-tiết ở phía tây bên mả, đề chủ xong rồi rước về. Bây giờ thường rước về nhà mới đề chủ cho tiện.

Cách trần-thiết theo như gia-lễ Hồ Thượng-thư thì đặt một cái hương-án

ở trước linh-tọa. Đàng trước lại đặt một cái đẳng (trắc-tử) để rồi đặt mộc-chủ. Bên tả cái đẳng thì đặt nghiên bút mực, quan đề-chủ đứng ở phía đông cái đẳng. Phía ngoài bên tả lại đặt cái đẳng nữa để đặt tửu-hồ, lư-hương và chậu quán-tẩy. Bên hữu lại đặt đối cái đẳng nữa để đặt chúc-bản và hộp-hương, bàn trà, v. v.. Xong đâu vào đấy, chấp-sự dẫn tang-chủ ra đứng trước cái đẳng trên ấy.

Nghi-tiết: Quán tẩy. (Đề chủ quan với chúc đều tẩy) Thuế cân. Xuất-chủ. (Chúc khai xương ra phủng mộc-chủ để lên trên cái đẳng) Đề chủ. (Trước đề hãm-trung, sau đề phấn-diện.) Phủng chủ trí linh tọa (chúc) Thu hồn-bạch (chúc thu lại để sau thần-chủ). Nghệ linh-tọa tiền. Phần-hương (chấp-sự.) Qui. Châm-tửu (chấp-sự). Hiến-tửu. Hiến-soạn. Dĩ hạ giai qui. Độc chúc. (Đọc ở bên hữu chủ-nhân. Đọc xong để chúc-văn lại đợi lúc làm lễ phần-khốc rồi đốt chúc-văn một thể.) Phủ-phục. Hưng, bình-thân. Phục-vị. Điểm-trà. Cử-ai. Cúc-cung bái (4 lạy), Hưng, bình-thân, Ai-chỉ. Tạ Đề-chủ quan (2 lạy) (quan đề-chủ vái đáp lại)

Cách đề-chủ. — Cách đề-chủ thường cũng tính theo 4 chữ: «*Qủi, khốc, linh, thính*» như đề minh-tinh đã nói ở trên. Nếu đề dài chữ quá thì thường phải đề sẵn trước, chỉ để lại một nét chấm chữ *chủ*, đến khi tế đề-chủ thì chấm thêm vào. A.

Trước đề hãm-trung là trong chỗ lõm, cha thì đề:

«皇朝故某官某公諱某字某行幾神主。»

(Nghĩa là đề: Hoàng-triều cố quan chức gì, họ gì, húy gì, tên tự là gì, thần-chủ hàng thứ mấy.)

Mẹ thì đề:

«故某封某氏諱某號某行幾神主。»

(Nghĩa là đề: Cố phong chức gì, họ gì, húy gì, hiệu gì, thần-chủ hàng thứ mấy.)

Bề ngoài rìa hai bên hãm-trung: Bên tả viết mấy chữ: «生於某年月日辰。享齡千歲» (Nghĩa là sinh về ngày giờ tháng năm nào, hưởng tuổi thọ bao nhiêu.)

Bên hữu viết chữ: «卒於某年月日辰» (nghĩa là mất về ngày giờ tháng năm nào.)

B. Thứ đề phấn-diện là chính giữa trên mặt miếng gỗ mỏng sơn phấn trắng, cha thì đề:

«顯考某官某公字某府君神主»

(Nghĩa là đề: Hiển-khảo quan chức gì, họ gì, tên tự là gì, phủ-quân thần-chủ.)

Mẹ thì đề:

«顯妣某封某氏號某孺人神主»

(Nghĩa là đề: Hiển-tỉ phong chức gì, họ gì, hiệu gì, nhụ-nhân (1) thần-chủ.)

Phía dưới bên tả phấn-diện thì đề chữ: «孝子某奉祀» (con hiếu tên gì phụng thờ).

Thần-chủ thường làm bằng gỗ lật (hoặc gỗ táo) lại có cái hộp đề lồng ngoài. Hãm-trung phấn-diện cách đề như thế nào sẽ tường xem đồ số 26 A. B.

Văn tế đề chủ. — ... Hỡi thương ôi! nhà xuân (huyên) lạnh lẽo, lòng cúc (2) ủ-ê.

Khẩu-khoái càng thương càng nhớ chập-chờn như tỉnh như mê.

Bồi-hồi xe hạc chín tầng mây, nào nơi

(1) Hai chữ «*nhụ-nhân* 孺人» là thông-xưng từ bậc bát-cửu-phẩm trở xuống. Theo quan-chế phẩm-trật thì vong-nhân về bậc nào đề theo bậc ấy, như những bậc: Phu-nhân, Cung-nhân, Nghi-nhân, An-nhân v. v..

(2) *Cúc* là gai, ủ như người con tài bèn mọn.

Lãng-uyển, nào chốn Bồng-lai, khuất nẻo nước non người cách-biệt.

Nông-nổi gò ngưu ba thước đất, khi đêm trăng soi, khi ngày gió thổi, tưởng dâu khuya sớm lúc đi về.

Nay nhân :

Linh-phần đã định, mĩ-hiệu kính đề.

Chữ một hàng nét bút thiêng-liêng, rõ-ràng linh-vị.

Thờ muôn thủa khói hương nghi-ngút, tưởng-tượng hồn quê.

Cẩn cốc.

42° *Lễ thành-phần* 成墳. — Khi hạ-huyệt đắp mồ yên rồi, hoặc không làm lễ đề-chủ, thì làm lễ thành-phần. Nghi-tiết như sau :

Tự-lập. Cử-ai. Quán-tẩy (chấp-sự). Thuế-cân. Phần-hương (chấp-sự) Cúc-cung bái (2 lạy). Hưng, bình-thân. Châm-tửu (chấp-sự), quị. Hiến-tửu. Giai-qui. Độc-chúc (bên hữu chủ-nhân). Phủ-phục. Hưng, bái (4 lạy). Hưng, bình-thân. Điểm-trà. Phần-chúc. Lễ tất.

Văn tế thành-phần theo như văn đề-chủ, chỉ đổi từ đoạn :

Nay nhân : mộ phần yên đẹp, ngửa mong hồn-phách thỏa-thuê.

Chốn giai-thành (1) *một nấm cỏ hoa, lạnh lùng khối thảm.*

Nơi cố-lý nghìn năm hương-hỏa, tưởng-tượng hồn quê.

Cẩn cốc.

Tế xong, chúc phụng thần-chủ hoặc linh-bạch lên xe. Khi rước về thì hiếu-chủ một người dẫn trước (đi lùi) linh xa. Trông gần đến nhà thì khóc. Còn các con thì đi theo sau. Về đến trước cửa nhà thì chấp-sự một người qui khấn rằng : « *Xin rước thần-chủ (linh-bạch) vào linh-tọa* » Rồi rước vào theo nghi-tiết làm lễ phản-khốc.

43° *Lễ phản-khốc* 反哭. — Lễ phản-khốc thì *Văn-công gia-lễ* chỉ nói : Tang-chủ trở xuống về đến nhà thì đến trước linh-tọa khóc cực thương-thảm mà thôi. Lễ *Thọ-mai* thì có nghi-tiết đại-lược như nghi-tiết chiêu-tịch-điện. Trước lạy 2 lạy, rồi chấp-sự châm-tửu, hiến-tửu, độc-chúc ở bên hữu tang-chủ, rồi lễ tạ 4 lạy.

Chúc văn khấn rằng :

Thương ôi ! Thân-phụ (mẫu) *chợt bỏ cõi trần. Nay đã yên-táng ở cánh đồng... kính rước thần-chủ* (linh-bạch) *về linh tọa, sớm tối phụng-thờ, cúi mong hâm-hưởng.*

Cẩn-cốc

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU

Phụ vẽ các đồ về tang-lễ

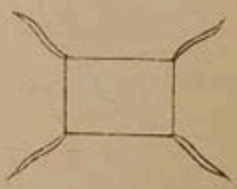

(1) Là chỗ để mộ.

Đồ bổ khuyết (7-12)

5° Tiểu liệm

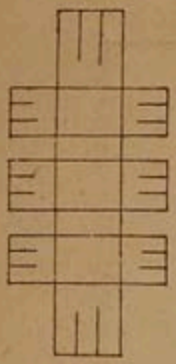

6° Đại liệm

7° Gối 1 tấm

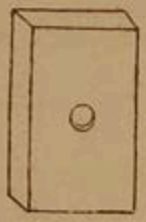

8° Áp tai 2 tấm

9° Đệm đầu và chân 2 tấm

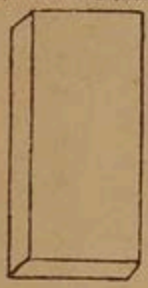

10° Che mặt 1 tấm

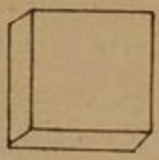

11° Đệm đùi 1 tấm

12° Đệm vế chân 2 tấm

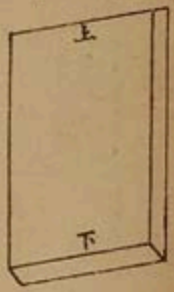

13° Áo chẽ phía trước

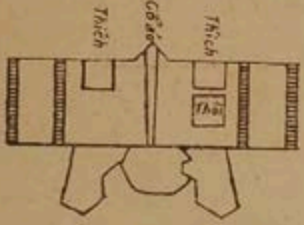

Áo chẽ phía sau

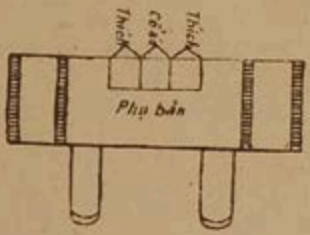

14° Mũ trảm thôi

15° Mũ tỉ thôi

16° Xiêm

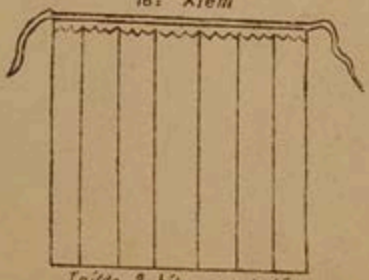

Trước 3 bức sau 4 bức

17° Mũ mãn

Tang lễ
18º Đồ khí bầy dự tế

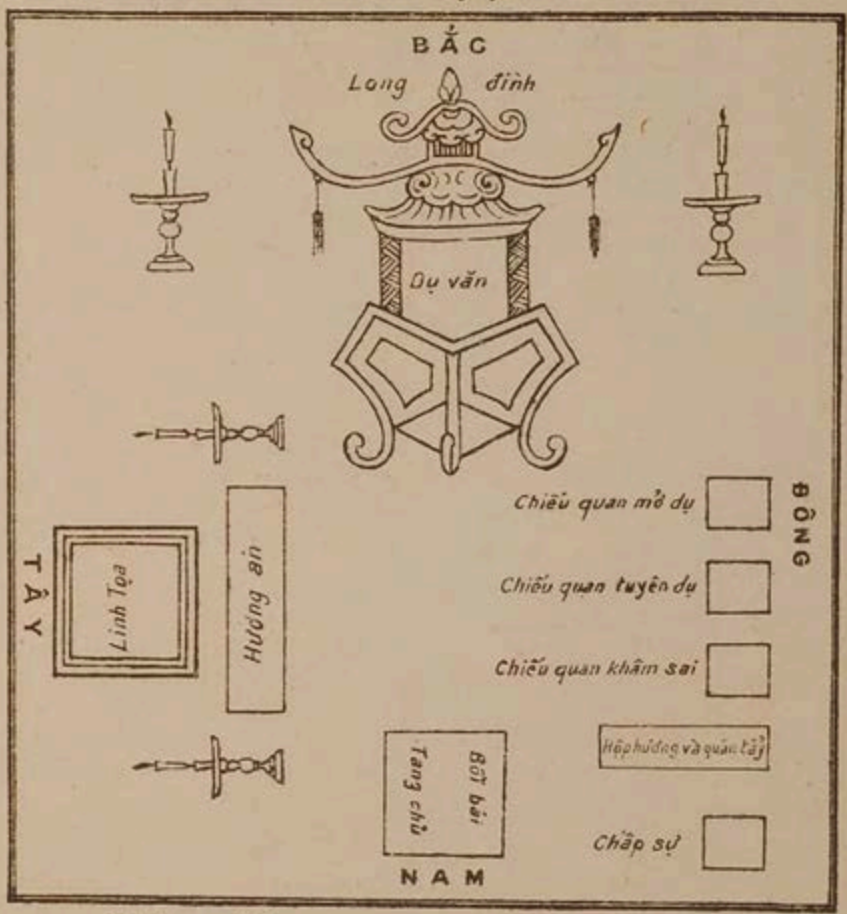

19º Phường tướng

20º Đan Triệu

21º Công Bô

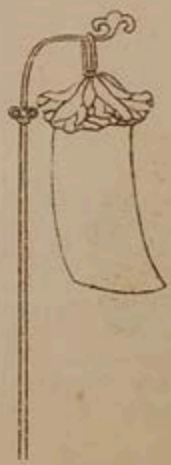

22. Phủ Thiếp

23. Phất Thiếp

24. Vân Thiếp

25. Bạch mạc

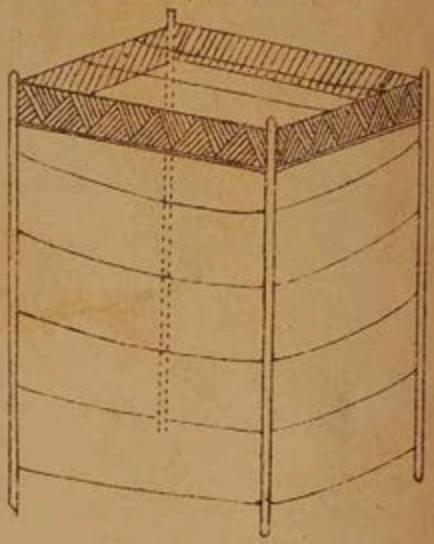

THẦN CHỦ (1)

A
Hãm-trung
Thân sau cái chủ

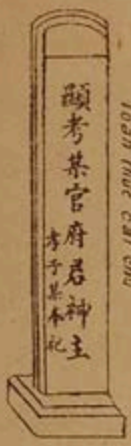

Toàn thức cái chủ

B
Phấn diện
Mặt trước cái chủ

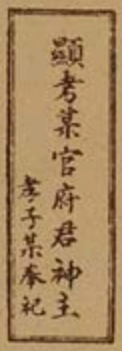

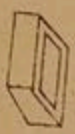

Chân cái chủ

Cái hòm để thần chủ

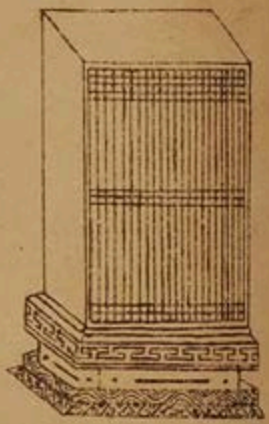

(1) *Mực thước thần-chủ.* — A. Thân sau cái chủ cao 1 thước 2 tấc, bề ngang 3 tấc, dầy 1 tấc 2 phân. Trên đầu làm nguyệt góc độ 5 phân. Trừa đầu ra độ 1 tấc, còn từ cổ trở xuống phần trước khắc sâu 4 phân, phần sau vẫn để nguyên dầy 8 phân, chỗ chính-giữa phần sau lại khắc sâu xuống 4 phân, rộng 1 tấc, dài 6 tấc, chỗ khắc lõm sâu xuống đó gọi là hãm-trung. Đôi bên hãm-trung lại đục thủng hai lỗ tròn rộng độ 4 phân để làm hai tai.

B. Mặt trước cái chủ là một miếng gỗ mỏng sơn phấn trắng, bề ngang rộng 3 tấc để lắp vào mặt trước, gọi là phấn-diện.

Chân cái chủ vuông 4 tấc, dầy 1 tấc 2 phân, đục rỗng giữa để lắp toàn-thân thần-chủ vào, cho vừa cao 1 thước 2 tấc.

HAI SÁCH MỘT ĐÈN

TRUYỆN DƯƠNG-LỄ LƯU BÌNH

TỰA

Phong-hóa trong nước quan - hệ ở văn - chương ; văn - chương hay thì phong-hóa mỗi ngày một hay, mà văn-chương dở thì phong-hóa cũng mỗi ngày một dở. Vậy nên ngày trước các bậc thánh-vương nước Tàu có lệ đi thái-thi các nước chư-hầu, để xem phong-hóa của dân-gia . Như thế thì văn-chương thực có quan-hệ cho vận-hội của nước nhà, chẳng những chỉ để ngâm cho vui miệng, nghe cho êm tai mà thôi đâu.

Các lối văn nước ta từ trước đến giờ, người soạn cũng nhiều mà người xem cũng lắm, trừ ra mấy quyển thật là hùng-văn kiệt-tác, như truyện *Kim-Vân - Kiều*, *Cung-oán-ngâm*, vân-vân, thì không kể, còn phần nhiều là những văn phong hoa tuyết nguyệt, những lời ly - biệt thảm - sầu, mà về phần cương-thường luân-lý thì ít nhà chịu lưu-tâm đến. Truyện Dương Lễ Lưu Bình nước ta, thực là một truyện đang lưu-truyền, đáng ghi nhớ ; sai vợ nuôi bạn, đã là một truyện thiên-cổ kỳ-văn, mà nuôi bạn thay chồng, thực cũng là thủ-đoạn nữ-nhi có một, khen thay cho Dương Lễ là một người cao-nghĩa, mà lại đáng phục thay Chân-Long là một gái kiên-trinh, bầu-bạn như thế mới là thâm-giao, vợ chồng như thế mới là chí-tình. Người ấy truyện ấy, há chẳng đáng ghi truyền để làm gương thiên-cổ ru ? Truyện cũ trước kia đã có, nào phú-thể, nào truyện-thể có dám đâu suy - bì với các bậc tiền - bối, chẳng qua hay hèn lẽ cũng nối điêu, nhưng mà trong khi nhàn-nạ, giở truyện ra xem, thì cái cảm-tình đối với cổ-nhân, tự-nhiên phát-lộ ra đầu ngòi bút. Sực nghĩ đến nỗi nhân-tình lãnh-noãn, thế - thái viêm-lương, thì tưởng dẫu đem truyện ấy ra mà ngày ngày truyền-bố phẩm-bình, cũng không lấy làm nhiều vậy.

Vậy không tự-lượng, chấp nhặt rong-rài, gọi là góp một vài hạt bụi vào trong áng văn-sơn, trước là để tỏ cái cam tình đối với cổ-nhân, sau là để giải cái nhiệt-thành đối với quốc-văn.

B. Đ. T.

.·.

Nghìn xưa hai chữ tâm-giao,
Xem trong đất rộng trời cao mấy người?
Nguồn ân bể ái đầy vơi,
Truyện người kim-cổ, sự đời tang thương.
Trải xem liệt-truyện Nam-bang,
Lưu Bình Dương Lễ hai chàng nghĩa thu.
Tình bầu-bạn, nghĩa giao-du,
Đan-thanh còn bức họa đồ chưa phai.
Bút hoa rạng vẻ đài-đài
Mấy câu ghi chép truyện người xưa nay.
Chàng Dương quê ở Sơn-tây,
Theo nghề hàn-mặc từ ngày xuân xanh.
Kim-lan gặp-gỡ bạn lành,
Lưu Bình quê ở Bắc-ninh cũng gần.
Một đôi tài-tử văn-nhân,
Cùng nhau đèn sách chuyên-cần sớm khuya.
Phòng lan ngày tháng đi về,
Thuộc lòng kinh-sử đủ nghề văn-thi.
Tài-hoa nức tiếng một thì,
Giang-san chung đúc nam-nhi tinh-thần.
Rõ-ràng mai tuyết đào xuân,
Muôn hồng nghìn tía thua phần điểm trang

Những là vui thú thư-hương,
Mười năm áo sẻ cơm nhường đổi thay.
Lối trời đã bắc thang mây,
Tân-hưng đại-tị đến ngày khai-khoa.
Hòe vàng vừa ố mầu hoa,
Bốn phương sĩ-tử gần xa nức lòng.
Ba thu gặp hội mây rồng,
Nam-nhi trắng nợ tang-bồng là đây.
Nào người côn nhầy bằng bay,
Nào người bẻ quế cung mây đâu nào?
Chật đường lều chiếu xôn-xao,
Hương bay dương-liễu hoa chào phù-dung.
Mã-đề tỏ nẻo thu-phong,
Dương, Lưu hai gã thung-dung lên đường.
Roi câu giỏng-giả dặm trường,
Giang-hồ nhẹ bước văn-chương vui lòng.
Thu-vi tỏ mặt anh-hùng,
Ra tay bạch-chiến thỏa lòng thanh-khâm.
Lục bào ngân-hốt hoa-trâm,
Khôi-nguyên giáp ất han cầm Dương Lưu.
Ai hay con tạo cơ-cầu,
Nỡ đem danh-lợi làm rầu nam-nhi.
Bảng rồng treo cửa thu-vi,
Son chua tên họ, mực ghi anh-tài.
Chàng Lưu hầm vận thua người,
Trông tên tên đã ra ngoài Tôn-sơn.
Văn-chương ghẹo khách thơ đàn,
Anh-hùng có trải lầm-than mới già.
Chàng Dương tỏ mặt tài-hoa,
Lòng thêu cẩm-tú, tay giả phong-sương.
Bốn kỳ ra sức văn-chương,
Hoa sinh về bút rỡ-ràng cân-đai.
Khoa-danh đáng giá thiên-tài,
Ơn vua mây phủ, lộc trời mưa sa.
Cát-thuần đổi lấy cồn-ba,
Tấn-thân nối giữ nếp nhà ngày xưa.
Chiếu trời năm thức mây đưa,
Dương-công lĩnh chức huyện-thừa một phương.
Giang-san đón khách tuần-lương,
Nhân-dân quan-miện miếu-đường can-mao.
Gió xuân nở ngọn hoa đào,
Hạc cầm mượn thú tiêu-dao tháng ngày.
Tuyết in phủ ngọn mai gầy,
Chim kêu giọng mới hoa thay nhị vàng.
Đốt tay tính mấy năm trường,
Qua cầu gian-khổ đến đường hiển-vinh.
Ngán thay riêng phận Lưu Bình,
Mông-mênh bể hoạn, lênh-đênh cánh bèo.
Trường thi ngọn bút không hèo,
Sinh-nhai bình bát tiêu-điều gia-phong.
Của riêng cạn túi lâm-cùng,
Ngờ đâu trộm cướp sinh lòng tham-ô!
Cùng đường tính bước giang-hồ,
Hanh truân phó mặc hóa-cơ xoay vần.
Cũng liều nhắm mắt dời chân,
Đem thân tìm chốn cố-nhân nương nhờ.
Ấy ai nghĩa cũ tình xưa,
Sơn-tây Dương Lễ bây giờ họa chăng.
Rẫy nghe lĩnh chức huyện-thừng,
Thăm dò chẳng quản suối rừng xa khơi.
Yên-hà nhẹ bước thảnh-thơi,
Nước mây chốc đã tới nơi huyện-thành.
Lầu trên gác dưới rung-rinh,
Chòi canh chót-vót cung-đình nguy-nga.
Rập-rìu đồng-bộc lân-la,
Mượn người thưa gửi đưa tờ thiếp-danh.
Những là kẻ quí người khinh,
Nghĩ mình mình lại thương mình đắng-cay.
Gương ô đã xế ngàn tây,
Gia-đồng mới động bóng cây dưới lầu.
Hỏi rằng: «Khách lạ người đâu?
Quan truyền cho phép vào hầu nhà trong.
Được tin lòng những mừng lòng,
Thảo-hài dạo gót vào trong sảnh-đường.
Đôi bên bài-trí nghiêm-trang,
Mặt tường gấm phủ tai màn hoa in.
Thẹn-thùng đưa mắt trông lên,
Dương-công chễnh-chện ngồi trên bảo-sảnh.
Ra ràng cao-quí quan sang,
Thờ-ơ bạn cũ mơ-màng tình xưa.
Mắng rằng: «Chẳng liệu mà dơ,
Rằng quen quen những bao giờ mà quen,
Nước đời lắm nỗi càn-xiên,
Quen thần quen thế quen tiền quen ai.
Đến đây hãy tạm ra ngoài,
Biết đâu giao-tất nhận người vu-vơ.»
Nghe rồi Lưu những ngẩn-ngơ,
Đề-môn truyện cũ ai ngờ cố-nhân.
Nửa đi nửa ở ngại-ngần,
Càng ngao-ngán nỗi càng ân-hận mình.
Ra đây đợi chút cũng đành,
Họa may người có nghĩ tình sâu nông.
Cà chua muối mặn cơm nồng,
Ngờ đâu ăn ở ra lòng đơn-sơ.

Sự mình nghĩ đến mà dơ,
Sự đời nghĩ đến mà ngơ-ngẩn lòng.
Cất mình giã cảnh phù-dung,
Dặm trường ngao-ngán đau lòng Man-khanh.
Đường mai dặm liễu một mình,
Biết đâu hoa-ổ vân-đình là đâu.
Trời xanh nước trắng một màu,
Xẻ buồn cho gió chia sầu cùng trăng.
Cảnh thu thưa-thớt dặm băng,
Ngẩn-ngơ bước thấp chập-chững bước cao.
Thân chàng lắm nỗi lao-đao,
Thương thầm Dương cũng ruột bào châu sa.
Lưu-lang từ bước chân ra,
Dương-công trở gót lầu hoa ngại-ngùng.
Truyền đòi ái-thiếp Châu-Long,
Nhỗ to Dương mới thung-dung dặn-dò:
« Phong-trần đến kiếp hàn-nho,
Dở-dang thư-kiếm giang-hồ lênh-đênh.
Bạn ta tên gọi Lưu Bình,
Cùng nhau cửa Khổng sân Trình ngày xưa.
Tất-giao đã mấy năm thừa,
Một đèn một sách sớm trưa một lòng.
Hiển-vinh thương kẻ bình-bồng,
Màn-vi chưa xót tấm lòng bá-y.
Gót trần mấy độ lưu-ly,
Từ ngày lạc bước thu-vi đến giờ.
Còn gì chữ-nghĩa văn-thơ,
Lấy ai gióng-giả sớm trưa học-hành.
Tìm đâu cơm hẩm áo manh,
Nghĩ ai mà lại thương tình cho ai.
Cậy em em có nghe lời,
Vì ta gắng sức nuôi người hàn-vi.
Miệng đời mặc sức thị-phi,
Đá vàng đề dạ bấc chì ngoài tai. »
Nghe lời ủ liễu rầu mai,
Lòng riêng nghĩa nặng tình dài ngổn-ngang.
Ngại mình trẻ phấn thơ nhang,
Năm chầy không ngẩn dặm đường thì xa.
Liệu lời nàng mới thưa qua,
Rằng: « Tôi chút phận đàn-bà ngây-thơ.
Chỉ hồng trọn nghĩa tóc tơ,
Yếu-thơ dây cát nương nhờ bóng quân.
Một ngày là chữ thanh-xuân,
Huống-chi bể Sở sông Tần xa-xôi.
Sợ khi gió táp mưa vùi,
Hồ thân băng-tuyết thẹn lời nước-non.
Thiếp xin giữ tấm lòng son,
Hoa tươi chín chục trăng tròn ba thu.
Lượng trên thương phận liễu-bồ,
Phấn son phải kiếp giang-hồ xưa đâu. »
Nói xong nàng những cúi đầu,
Ruột tằm chín khúc lệ châu hai hàng.
Chàng rằng: « Trong cuộc lửa-hương,
Cùng nhau nặng nghĩa đá vàng trăm năm.
Biết nàng nghĩa trọng tình thâm,
Nặng vì chút nghĩa tri-âm chưa đành.
Cùng nhau nguyền-ước tử-sinh,
Mà nay ngảnh mặt làm thinh nỡ nào.
Thành-nhân mượn sức má đào,
Khoi sông lấp bể công nào cho cân.
Niềm riêng gác nỗi xa gần,
Hồng-nhan tô-điểm thanh-xuân còn nhiều.
Quản chi lặn suối trèo đèo,
Năm chầy nào có bao nhiêu mà chầy.
Vàng này gọi chút cầm tay,
Thư-trai đắp-đổi tháng ngày cho ai.
Cơm đèn chăm-chút hôm mai,
Bốn mùa quần áo vẩn dài sắm-sanh.
Bao giờ công toại danh thành,
Thỏa lòng tri-kỷ xứng tình tâm-giao.
Gót sen nhẹ bước buồng đào,
Đừng cho người biết tiêu-hao sự-tình.
Mấy lời ký-chú đinh-ninh,
Tạc sâu hai chữ tâm-minh chớ dời. »
Tai nghe dạ những bồi-hồi,
Nề lòng khôn lẽ chối lời cho đang.
Ngậm-ngùi sửa túi hành-trang,
Dòng thu tuôn ứa hai hàng lệ châu.
Tạ-từ lạy dưới hồng-lâu,
Đem thân khuê-các nhuộm màu trần-ai.
Mênh-mông một nước một trời,
Bức tranh sơn-thủy vẽ người bồng-phương.
Lối mòn cỏ lạt màu sương,
Bóng hồng phủ liễu bụi vàng bay hoa.
Gió chiều đưa lớp mây xa,
Quán đâu trông thấy một tòa thanh-vanh.
Nghênh-xuân tên quán cũng tình,
Phù-dung tha-thướt mấy cành bên sông.
Lưu Bình từ giã Dương-công,
Sầu riêng chất nặng bên lòng khôn nguôi.
Giữa đường thấy quán thanh-thơi,
Ngâm-đề mượn bút san vơi dạ sầu.

Thơ sầu ngâm chửa hết câu,
Mối tình dường đã đâu đâu dẫn vào.
Chàng còn đương cuộc thôi-xao,
Bỗng đâu thấy khách động đào đứng bên.
Biết đâu rằng lạ rằng quen,
Biết đâu rằng nợ rằng duyên bây giờ.
Người đâu sen ngó đào tơ,
Nước non chừng có đợi chờ ai đây.
Hay chăng vầng nguyệt cung mây,
Người tiên mà chửa dứt giây duyên trần.
Hay chăng quán Sở lầu Tần,
Người xưa cốt-cách thanh - tân vẫn còn.
Lòng riêng riêng những bàn-hoàn,
Đem câu phong-nguyệt hải-san ướm lời.
Lân-la khách những bồi-bồi,
Giếng vàng gửi lại mấy lời thung-dung.
Rằng : « Tôi hồ phận má-hồng,
Cũng toài khuê-khổn cũng dòng thư-hương.
Thẹn mình tủi phấn e hương.
Hoài thân kim-ốc lỡ đường hồng-ti.
Liều mình cất gót ra đi.
Bèo mây thân-phận bấc chì nhân-duyên.
Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
Mong sâu chỉ thắm mà đền xuân xanh.
May sao tình lại gặp tình,
Trông người thi lễ thẹn mình long-đong.
Hay chăng giải-cấu tương-phùng,
Biết lòng xin gỏ tấm lòng cho nhau.
Bây giờ bể rộng sông sâu,
Thuyền tình xin chở cho nhau sang cùng.
Trăm năm ghi tạc chữ đồng,
Yên thân bốn bể thỏa lòng ba sinh.
Dù khi sen rẽ cây ngành,
Khó nghèo thiếp chịu hiền-vinh thiếp cùng.
Gian-tân xin chớ ngại-ngùng,
Tư-trang còn cũng đủ dùng hôm mai. »
Nỉ-non nàng khéo liệu lời ;
Chàng Lưu nghe cũng êm tai gật đầu.
Sông Ngân a khéo bắc cầu,
Mà cho ả Chức chàng Ngâu tới gần.
Lam-kiều ghi dấu hồng-vân,
Ngọc thanh phủi sạch bụi trần lâng-lâng.
Núi phiên đạp đỏ mấy tầng,
Sầu riêng ai lấp cho bằng bể khơi.
Nhặt khoan sinh mới liệu lời :
«Cảm lòng ơn-nghĩa thương người lưu-ly .
Bây giờ cách-trở sơn-khê,
Bóng chiều để ngả dặm về còn khơi.
Nàng dù nghĩ đến một hai,
Được như gia-thất duyên-hài là may.
Chẳng nề gió bụi mưa bay,
Hương-quan lối cũ chẳng chầy là bao.
Thung-dung sửa chốn buồng đào,
Buốc hoa rang vẻ ba sao bóng lồng.»
Nàng rằng : « Thiên-lý tao-phùng,
Chàng về thiếp cũng quyết lòng xin theo.
Chút thân yếu liễu thơ đào,
Dám đem dây cát mà leo bóng tùng.
Nhân-duyên dù nối chỉ hồng,
Núi xanh mây bạc nghìn trùng quản chi.»
Cùng nhau cất gót ra đi,
Một đường liễu-bộc hoa-tì thanh-thơi.
Mây đưa nhạn liệng lưng trời,
Đầy vơi thu-thủy ngắn dài xuân-sơn.
Đường trường khỏi bước gian-nan,
Qua tầm liễu-mạch đến ngàn phần-hương.
Bơ-vơ một thiếp một chàng,
Trông phong-cảnh cũ lòng càng ngẩn-ngơ.
Đầy vườn cỏ biếc lau thưa,
Chim lay cành cỗi hoa trơ nhị vàng.
Tro tàn vẽ dấu lan-can,
Sân rêu quanh-quẽ thềm lan lạnh-lùng.
Chàng thì vẻ ngọc não nùng,
Mà nàng riêng những một lòng sắt gang.
Ra tay bồi bạc bán vàng,
Cùng chàng lo liệu mọi đường thủy-chung.
Thao-đường sửa chốn thung dung,
Một gian tử-các văn-phòng chia đôi.
Năm canh một đĩa dầu vơi,
Tấc gang mà lại gấp mười quan-san.
Chàng thì ân tuyết phòng lan,
Khi ngâm cổ-cú khi bàn kim-liên.
Sớm trưa kinh thánh truyện hiền,
Bút thần điểm-xuyết thơ tiên não-nùng.
Song trăng tỏ ngọn đèn hồng,
Bóng huỳnh thấp-thoáng thư-phòng ngày xưa.
Tưởng bây giờ là bao giờ,
Rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao.
Cảm ngươi nghĩa mến tình yêu,
Càng say gan sắt càng xiêu dạ vàng.
Nàng thì riêng chốn lầu trang,
Cơm thường nuôi-nấng áo thường vá may.

Một mình giở nỗi niềm tây,
Đèn khuya trong bóng canh chầy thở-than.
Trót lời nặng với gia-lang,
Ngàn dâu cao thấp sông Tương vẫn dài.
Lòng này ai thấu cho ai,
Tình trong vàng-đá tiết ngoài băng-sương.
Băn-khoăn chưa hết nỗi nàng
Sầu riêng nghĩ nỗi Lưu-lang mà buồn.
Giấc thần gió táp mưa tuôn,
Gối uyên mấy độ li-hồn đêm thanh.
Gương Nga bóng xế ngang mành,
Lòng văn thoát đã động tình mây-mưa.
Song đào bát-ngát hoa đưa,
Hiên tây khắc-khoải đợi chờ chiêm-bao.
Sẵn tay mở khóa động đào,
Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên-thai.
Lời vàng thoang-thoảng bên tai,
Thoát nghe nàng đã liệu bài gạt đi.
Nghĩ mình trong lúc lưu-ly,
Trăm năm danh-tiết cũng vì đêm nay.
Lỡ-làng hoa rụng hương bay,
Tình kia đã vậy thân này làm sao.
Buồng xuân trướng rủ hoa đào,
Kẻ tai nàng mới thấp cao giãi lời.
Rằng : « Trong tác-hợp cơ trời,
Cùng nhau trót đã nặng lời non sông.
Vẻ chi một mảnh quần hồng,
Tóc tơ dám để bận lòng trượng-phu.
Ba sinh chút nghĩa bẹn-hò,
Hoa xuân đương nhị trăng thu đương tròn.
Liễu-bồ chút phận con con.
Trăm năm chắc đã vuông tròn khuôn duyên.
Thẹn chàng hồ phận thuyền-quyên,
Chút còn vương nợ sách đèn chưa xong.
Sợ khi say đắm khuê-phòng,
Phong-hoa đánh đổ tang-bồng như chơi.
Vội chi liễu ép hoa nài,
Còn non còn nước còn trời còn xuân.
May mà gặp hội thanh-vân,
Thì công sửa túi nâng khăn cũng đành.
Xin chàng gắng sức công-danh,
Lòng văn bấy gác mối tình một bên. »
Động đào ai khéo cài then,
Trông trăng chẳng thẹn bóng đèn đêm thu.
Khiến người nghe nói như ru,
Sầu xuân pha lộn khí thu lạnh-lùng.
Tình riêng gác để bên lòng,
Năm canh án tuyết ban cùng bút nghiên
Đòi phen thử lửa thử than.
Nàng càng tuyết trắng chàng càng hoa yêu.
Thư-trai cách mấy buồng điều,
Càng treo giá ngọc càng cao phẩm người.
Đòi phen lá rụng sương rơi,
Con gà eo-óc gọi người thư-hương.
Thiên-tài tuyết điểm hoa trang,
Phong-tình càng nhã văn-chương càng mầu.
Phong-trần đã trải mấy thâu,
Quảng-hàn rầy đã bắc cầu tiên-cung.
Sương thu rụng lá ngô-đồng,
Nam-nhi rầy đã chạnh lòng chế-khoa.
Thợ trời nung đúc tài-hoa,
Vẻ cây càng muộn mầu hoa càng nồng.
Mừng thầm riêng dạ Châu-Long,
Nỗi riêng đường đã cạnh lòng vơi-vơi.
Tân-hưng bỗng thấy chiếu trời,
Tiền lương gạo đốn cho người đi thi.
Ngại-ngùng kẻ ở người đi,
Khuê-phòng thiếu-nữ kinh-kỳ văn-nhân.
Áo xanh rũ lớp hồng-trần,
Xát vai trung-hiếu chen chân miếu-đường.
Quyền vàng ra sức văn-chương,
Bốn kỳ cầm-tú một trường vinh-hoa.
Bấy nay xa cách tin nhà,
Vội-vàng thảo bức tiên-hoa đưa về.
Nàng từ trở gót thâm-khuê,
Một buồng xuân-tỏa bốn bề thu-phong.
Ngổn-ngang trăm mối bên lòng,
Sao cho nghĩa bạn lời chồng vẹn hai.
Ngẫm từ chiếc bóng song-mai,
Tin hồng mấy độ xa vời cố-hương.
Ấy ai đặn ngọc thề vàng,
Xa-xôi có thấu tâm-tràng này chăng.
Những là đợi gió chờ trăng,
Tin hoa sớm đã lựa chừng tới nơi.
Nghe tin nàng những bồi-hồi,
Sắm-sanh phẩm-vật cho người vinh-qui.
Cất mình giã cảnh ra đi,
Thu-viên vắng-vẻ xuân-vi tơi-bời.
Bích-khê minh-nguyệt sương-đài,
Thiên-thai phó mặc cho người đào-nguyên.
Cảnh tình đón rước người quen,
Nước mây chốc đã tới miền phần-hương.
Bấy nay vắng-vẻ lầu trang,
Quan-san cách-trở đôi đường xa khơi.

Xụt-xùi lạy trước hiên mai,
Giãi lòng ly-hợp ngỏ lời riêng chung.
Rằng : « Tôi suốt mấy năm ròng,
Nước non xa cách tấm lòng ngày xưa.
Bây giờ vượt bể đến bờ,
Lượng trên soi xét còn nhờ bóng tê. »
Chàng rằng : « Muôn dặm san-khê,
Nghĩa tình một gánh nặng-nề hai vai.
Vuông tròn loan-phượng trúc-mai,
Băng-sương ghi giá nữ-hài non cao.
Kiên-trinh đáng mực má đào,
Mà trong non Tản sông Thao mấy người. »
Cùng nhau truyện ngắn tình dài,
Hòa câu non nước nối lời sắt son.
Chàng Lưu đã mấy năm tròn,
Khi vui vui quá khi buồn buồn sao.
Thu-vi giật giải hồng-bào,
Thẳng giong dặm liễu giương cao bóng tàn.
Cẩm-hoàn nhẹ bước hương-quan,
Gió đưa nước thẳm mây tàn non xa.
Đến nhà vừa thấy tin nhà,
Mặt hoa vắng-vẻ lầu hoa lạnh-lùng.
Ngờ đâu ra sự lạ-lùng,
Nghĩ lòng lại xót-xa lòng đôi cơn.
Vì đâu liễu oán mai hờn,
Nước non dìu-dắt cung đàn tiêu-nga.
Cùng nhau bỗng chốc nên xa,
Tình này ai thấu cho ta hỡi tình ?
Vì đâu tơ thắm chỉ mành,
Biệt-ly ai nỡ dứt tình cho đang.
Duyên đâu sao khéo lỡ-làng,
Người đâu sao khéo vội-vàng xa nhau.
Hay chăng nước Nhược ngàn Dâu,
Duyên xưa nợ cũ cùng nhau bao giờ.
Hay chăng ả Chức dì Nga,
Thương người hàn-sĩ thói nhà phỉ-phong.
Biết nhau thêm nỗi bận lòng,
Biệt-ly ngán nỗi tao-phùng lắm thay.
Bây giờ nước chảy mây bay,
Gặp nhau còn biết có ngày nào không.
Nỗi buồn ghi với non sông,
Cuộc vui hãy tạm khuây lòng làm vui.
Tiệc bày gọi chút pha-phôi,
Rượu đào nồng nhạt chén mồi đầy vơi.
Tiên hồng đưa tới hiên mai,
Kiệu hoa Dương cũng thảnh-thơi lên đường.
Sắm-sanh lễ-vật đưa sang,
Lưu càng trông thấy dạ càng đầy vơi.
Gạn-gùng chén ngọc khuyên mời,
Giận riêng luống những bời-bời chưa khuây.
Tình thâm chưa chút giãi bày,
Đành cam mặt dạn mày dầy với ai.
Cuộc vui xin cạn chén mời,
Hàn-ôn Dương mới giãi lời thủy-chung.
Rằng : « Đôi ta nghĩa đồng-song,
Cùng nhau nặng chữ tương-phùng bấy nay.
Từ ngày hạt lệ chia tay,
Quan-san cách-trở cỏ mây lạnh-lùng.
Bây giờ ngư-thủy vân-long,
Ước-ao đã thỏa tấm lòng ngày xưa.
Tình này như nắng mong mưa,
Gót sen soi đến thảo-lư cho cùng. »
Nề lời khôn lẽ cầm lòng,
Cùng Dương dạo bước đường hồng qua chơi.
Huyện-thành chốc đã tới nơi,
Trần-ai thủa trước lâu-đài ngày nay.
Một tòa gió bụi hương bay,
Dừng chân xuống kiệu giắt tay lên lầu.
Thảnh-thơi thơ túi rượu bầu,
Sự mình mới kể gót đầu từ xưa.
Rằng : « Em số muộn tài sơ,
Lênh-đênh nghĩ đến bây giờ mà kinh.
Đã buồn hai chữ công-danh,
Hàn-vi nghĩ đến gia-tình càng thương.
May sao cơ tạo khôn lường,
Thương người lưu-lạc mở đường trầm-luân.
Phong-lưu giũ sạch nợ trần,
Mà duyên tao-tế nhiều phần lạ thay.
Nhớ từ lạc bước tới đây,
Giữa đường gặp khách cung mây cùng về.
Giang-san một gánh nặng-nề,
Ba năm nuôi-nấng mọi bề gian-tân.
Người đâu trong giá trắng ngần,
Hồng-nhan rất mực thanh-xuân trong đời.
Nghìn xưa danh sắc tuyệt vời,
Chẳng tiên cũng thể là người Bồng-lai.
Gương trong chẳng chút trần-ai,
Chẳng tiên cũng khách Thiên-thai giáng trần.
Tràng-an từ được tin xuân,
Non Vu khuất bóng mây Tần xa-xa.
Bể tình thâm lấp sầu pha,
Lênh-đênh thân-thế nghĩ mà buồn tênh.
Trăng già cợt khách ba sinh,

Nỡ đem xẻ gánh chung-tình cho nhau.
Thương càng nghĩ nói càng đau,
Tình theo ngọn nước sông sâu vẽ đông.»
Dương rằng : « Xin hãy thung-dung,
Này đây nước Nhược non Bồng là đây.
Để ai cỏ héo hoa gầy,
Người tiên vốn ở chốn này đâu xa.»
Đũa thần gọi khách Hằng-nga,
Vạch mây cung Quảng rẽ hoa đông Đào.
Tay tiên rót chén rượu đào,
Chân đưa sen nở miệng chào hoa tươi.
Xa trông chàng đã tỏ mười,
Mơ-màng còn vẫn tưởng người tiên-cung.
Bây giờ lòng mới tỏ lòng,
Nghĩ ra mà lại thẹn-thùng mấy ai.
Nàng thì đứng tựa hiên mai,
Tay bưng chén ngọc khuyên mời thung-dung.
Rằng : « Trong vân-thủy tao-phùng,
Dối lừa cam đã phụ lòng cố-nhân.
Bây giờ bằng-dực thanh-vân,
Dung-quang xem đã mười phần khác xưa.
Rượu này giải tấm lòng thơ,
Chén này đối với câu thơ chúc mừng.»
Đứng lên Lưu mới thưa rằng :
« Trùng-sinh ân-đức xem bằng bể Đông.
Thương yêu anh chị một lòng,
Mắt xanh có một má hồng không hai.
Bọt bèo hồ phận làm trai,
Giang-hồ lạc-phách đến tôi là cùng.
Vì dù đương lúc bình-bồng,
Hốt vàng ai dễ biết lòng Tô-công.
Nhạt kia càng tỏ thức nồng,
Trắng kia càng tỏ mầu hồng hơn xưa.
Con tằm thác hãy vương tơ,
Nợ lòng biết trả bao giờ cho xuôi.»
Cùng nhau lời chẳng hết lời,
Truyền vui đìu-dặt chén mời thung-dung.
Tình bầu-bạn nghĩa vợ-chồng,
Nghìn thu để một tấm lòng chưa phai.
Non cao bể rộng sông dài,
Dấu thơm vằng-vặc muôn đời gương trong.
Bút thần khôn vẽ hoa-dung.
Sông Thao nước chảy non Nùng trăng soi.
Nói ra thêm nỗi ngậm-ngùi,
Người xưa đã trải mấy hồi tang-thương.

Bùi Đức-Triệu

LỊCH-SỬ HỌ BẤT

(*Hài-văn*)

Khách có một người đi du-lịch một xứ, gọi là xứ « Phi-vô 非無». Bắt đầu hẳng xét ra, thì *phi-vô* nghĩa là chẳng phải là không. Đã chẳng phải là không, thì hẳn là có. Xứ này chắc cũng không đến nỗi là xứ tịch-diệt, xứ hắc-ám, xứ vô-hà-hữu, xứ diểu-mang. Nhân hẳng thử đi vào xem.

Khi vào mà xem ra, thì non cao nước dài, hoa thơm cỏ lạ, xứ này phi-vô thổ-địa. Thu đông xuân hạ, mưa gió thích-thời, xứ này phi-vô khí-hậu. Thóc lúa đầy đồng, trâu dê béo tốt, xứ này phi-vô vật-sản. Có thôn-trang phố-xá, biểu ra mầu lạc-lợi phồn-hoa, có viện-tháp lâu-đài, biểu ra vẻ trang-nghiêm thanh-tĩnh, xứ này phi-vô cảnh, phi-vô tình. Lại có tấm cổ-bi và những cây cổ-thụ, đại ước là cái vật ngoại mấy nghìn năm, xứ này cũng phi-vô lịch-sử. Thế thì nhân-vật xứ này, chắc là có cái đặc-sắc gì hơn người ; dù chẳng hơn người, thì cũng bằng người ; dù chửa bằng người, thì cũng có thể tiêm-nhiễm giáo-dục được, mà mai kia sẽ có ngày tấn-tới kịp người ; xứ này cũng chắc là phi-vô nhân-vật. Khách bắt đầu đã nghĩ bụng rằng ta đi du-lịch chuyến này, chắc có một kho tài-liệu phong-phú và xứng-đáng hẩu-hoi, hoặc phát ra nghị-luận, hoặc biểu ra tán-tụng, hoặc lộ ra thi-

ca, làm một câu chuyện hay-ho, một bức tranh tốt đẹp, để cống-hiến cho đời, tưởng còn gì thú hơn. Lòng người khách bấy giờ đã lấy làm hăm-hở lắm.

Khách đi quan sát phong-cảnh ít lâu. Kịp đến lúc gặp một người, thì thấy mày râu cũng ra dáng nhẫn-nhụi, áo quần cũng ra bộ bảnh-bao. Người khách nghĩ bụng rằng ta với người ấy, tuy rằng bỡ ngỡ nhất-kiến, song tứ-hải giao-tình, há không phải là nghĩa anh em ; chi bằng ta cứ xử thân, ta chào người ấy là bác. Kịp đến lúc chào, thì không thấy người ấy trả lời, lại hình như có ý không bằng lòng, mà cho mình là một kẻ quê - kệch không biết gì. Đi một lúc, lại gặp một người. Trong bụng lại nghĩ rằng ta cẩu-thân đã chẳng được, có khi ta phải tôn người ấy là ông. Mới chào rằng : « Chào ông, đi chơi đâu ? » Liền gặp một người nữa, trong bụng lại định tôn người ấy là thầy. Mới lại chào rằng : « Chào thầy, đi chơi đâu » ? Thì hai người ấy cũng không trả lời cả, mà lại mỉm miệng cười, rồi ngảnh mặt đi. Trong bụng người khách cũng không hiểu là vì cớ sao. Sau mới nghĩ ra rằng ta quê lắm rồi ; có một tiếng *ngài* là tiếng lịch-sự xưa nay, buổi mới lạ-lùng, ta phải chào họ là ngài mới là lịch-sự. Vả lại tiếng ngài cũng là tiếng phổ-thông, đối với hạng người nào cũng được, ta mất gì mà ta chẳng chào họ bằng ngài. Lại gặp một người, liền chào rằng : « Chào ngài, chào ngài ; ở đâu mới lại chơi ? ở đâu mới lại chơi ? » Người ấy tuy có trả lời, nhưng vẫn có ý nhạt-nhẽo lắm, coi mình chẳng qua là một người khách qua đường đấy thôi, không kịp có câu chuyện câu trò gì cả. Khách lại nghĩ bụng rằng phàm đi du-lịch, kẻ Việt người Hồ, lạ non lạ nước ; bắt đầu trong khi gặp-gỡ, cốt nhất là một câu chào ; rõ thật mình xử với người, xử thân có, xử tôn-kính có, xử lịch-sự có, thế mà cũng không xong ; hay là các khoa-học về lối giao - thiệp, mình còn khuyết - điểm đó chăng ; mà mình thì thêm câu chuyện quá. Nếu đi du-lịch mà không được một câu chuyện gì, thì chẳng uổng lắm ru. Không biết nhân-vật trong xứ Phi-vô này, là nhân-vật thế nào. Nhưng mình cũng chắc rằng nhân-vật trong xứ Phi-vô này, không phải là không có câu chuyện, chỉ mình chưa hiểu thấu được cái thái-trạng của các nhân-vật đấy thôi. Nếu mình hiểu được cái thái-trạng của họ, mà mình giao-thiệp lấy một cách sửng-sốt khác thường, thì lo gì họ lại chẳng chuyện nổ ra pháo rang, mà mình thì ứng-tiếp bất-hạ (1) đấy. Song cứ nghĩ đi nghĩ lại một mình mãi, mà vẫn chưa tìm ra được một cái khóe gì.

Chợt thấy một bọn người, cũng khá đông, người thì theo lối trưởng-giả, trông ra dáng chễnh-chện cổ-phong ; người thì theo lối thời-trang, trông ra bộ văn-minh diêm-dúa, người thì hãy còn ít tuổi, nhưng nón lông chóp bạc, áo đoạn dầy « dôn », bóng-bẩy chững-chạc, trông cũng ra cách quan cả nay mai. Khách còn đương nghĩ câu chào ; chợt lũ ấy đi đến nơi, khách vội-vàng chạy ra, chào thẳng ngay rằng : « Bẩm các quan-lớn. » Thì thấy người nào người ấy đều cười ha-hả, xúm-xít lại vòng trong vòng ngoài, vồn-vã hỏi-han, tỏ ra lòng hoan-nghênh lắm. Người thì hỏi khách rằng : « Quan-lớn ở đâu mới lại chơi ? » Người thì khen khách rằng : « Tội trông quan-lớn ra người lịch-thiệp lắm, lịch-thiệp lắm ! » Người thì tán khách rằng : « Tôi trông quan-lớn ra người phong-thể lắm, phong-thể

(1) *Ứng-tiếp bất-hạ* = Ứng tiếp không xuể.

lắm ! » Rồi cùng nhau mời khách vào một nơi công-quán ngồi chơi, để nói chuyện, tiếp-đãi một cách sang-trọng khác thường.

Khách mới nghĩ bụng rằng cái miếng quan-lớn, tưởng cũng không khó gì ; vừa mới ban nãy, thì mình rõ ra một kẻ lỡ đò đường, đến bây giờ thì mình đã nghiễm-nhiên là một ông quan-lớn, chỉ ăn thua nhau về cái đầu lưỡi đấy thôi, ở đời hễ trẻo là được ; mình kêu họ là quan-lớn, họ cũng kêu mình là quan-lớn, cái hơi-hướng quan-lớn nó bám đến mình, thì nghe cũng hay-hay, ừ thì quan-lớn, ở đời tội gì mà chẳng quan-lớn !

Tiếp chuyện ít lâu, khách nhân hỏi : « Mĩ-tự các quan là gì, cho chúng tôi được biết, để chúng tôi ghi nhớ về sau, thì quí-hóa lắm. » Các quan mới kể ra, người thì mĩ-tự là Phật-tại-gia 佛在家, người thì mĩ-tự là Tác-chi-phúc 作之福, người thì mĩ-tự là Siêu-nhiên 超然, người thì mĩ-tự là Thực-bành 實行, vân-vân. Những tên hay là tên hay, thế thì quí-hóa thật. Khách lại nhân hỏi lịch-sử các quan thế nào, các quan cũng sẵn lòng kể ra cho nghe.

Bắt đầu hỏi lịch-sử quan Tác-chi-phúc. Quan kể : « Nhà tôi giàu đã ba bốn đời. Đời thứ nhất làm ruộng, chuyên một lối hà-tiện mà khởi-gia ; dán sành mãi cũng phải ra mỡ, vắt cổ chầy mãi cũng phải ra nước. Đời thứ hai đi buôn, thật-thà cũng thề lái buôn, chẳng thay đen đổi trắng, chẳng đong dầy khảo vơi, sao có tiền rương, sao có thóc tích. Đến đời thứ ba chuyên nghề đặt lãi ; người ta đặt lãi ba phân, nhà tôi đặt lãi mười phân ; bắt đầu giao tiền, hẵng khấu ngay lấy lãi trước đã, hễ quá hạn, thì vườn đấy, ruộng đấy, ao đấy hoặc nhà đấy, cứ lệ mà cầm liền. Năm nọ có một đứa nó thua bạc, nó xin viết văn-tự nó đem cầm vợ cho ông cụ thân-sinh tôi ; ông tôi cứ ngần-ngừ ; tôi thưa ông tôi rằng vợ nó đẹp ông cứ cầm. Đến hạn nó không chuộc, được văn-tự, tôi định đi bắt vợ nó về ; vợ nó không thuận đi, tôi bảo chồng nó rằng. — Này, thôi tao tác-chi-phúc cho mày, tao đốt cái văn-tự ấy đi cho. — Thế mà nó cảm ơn tôi mãi. Tôi chỉ hiềm rằng tiền nhà tôi thì cứ đề mốc ra, mà nghề làm quan thì tôi cũng hơi biết ngứa. Năm nọ tôi thấy những ông nọ đi tri-châu, ông kia đi tri-phủ, tôi đã sốt-sắng toan làm. Sau lại có người bảo tôi rằng anh muốn làm ông nọ thì cũng phải biết đôi ba chữ chi-vô, muốn làm ông kia thì cũng phải biết đôi ba chữ a-bê, để nạt đời mới được. Tôi nghĩ bụng rằng chi-vô cho ra chi-vô, a-bê cho ra a-bê, chứ chi-vô với a-bê mà để nạt đời ấy, thì chi-vô với a-bê làm gì. Tôi lại thôi. Sau gặp dịp may-mắn, mới vớ được một đạo sắc cỏn-con, từ đấy, ai ai cũng tâng mình là quan, cũng thú-vị quá. »

Thứ chi hỏi đến lịch-sử quan Phật-tại-gia. Quan kể : « Thôi thì thần-thông là tôi, biến-hóa là tôi, thôi thì đánh đu với tinh, thôi thì viết văn-tự bán trời, thôi thì bát-sát là tôi, thập-thành là tôi Hiện bây giờ trong tay tôi đã được khá của. Bây giờ thì tôi tu rồi, tôi chỉ hàng ngày tôi đóng cửa lại, tôi tụng một quyển kinh khoái-lạc, tôi cũng như ông Phật tại-gia đấy thôi. Người ta họ thấy tôi có tiền, họ hay rủ tôi dự cái hội nọ, hợp-cồ cái công-ti kia, nay ỷ-eo cái vấn-đề nọ, mai rộn-rịp cái nghĩa-vụ kia, nay om-thòm cái danh-dự nọ, mai tấp-nập cái công-ích kia. Nhưng mà tôi cũng chửa cần, tôi hẵng xin tĩnh-tu. Người ta lại thấy tôi rù-rì như ông Phật, họ lại cứ khuyên tôi sao không cứu-khổ cứu-nạn. Tôi trả lời rằng : Chả dám, lạy Phật, tôi muốn xin để kiếp sau ; ông Phật thác-sinh ra đời, những mười mấy kiếp kia, tôi mới có một kiếp, tôi đã vội gì. — Mới rồi tôi đang ngồi uống rượu, có

hai mẹ con người con gái đeo vành khuyên vàng, đi ăn mày, mếu-máo vào nhà tôi. Tôi ngạc-nhiên tôi hỏi. Bà cụ nói : «Xứ tôi bị nước lụt hai năm liền, người chết đói như rạ ; nhà tôi cấy hơn ba-mươi mẫu, nhà cửa sạch không ; mẹ con tôi sống sót, phải đi tha-phương cầu-thực .» Mình trông mặt-mũi con bé ấy cũng xinh-xinh, giá con gái kinh-kỳ cũng chửa tất ăn đứt ; nhân phát ngay đại-bồ-đề-tâm, vội-vàng đem bố-thí cho mười đồng bạc. Rồi hỏi cô này bao nhiêu tuổi, đã chồng con gì chưa. Thì bà cụ ấy cứ lôi - thôi kể chuyện nước lụt mãi. Tôi bảo tôi không nghe chuyện nước lụt nữa. Rồi mẹ con bà cụ ấy quầy đầu trở ra. Bấy lâu mình vẫn tu, mình chỉ nhân hủng-tửu một tí, mà mười vị kim-cương của chúa mình, đang ở cửa sắc, chạy vào cửa không ; chả trách nhà Phật vẫn có quyền kinh đề giới-tửu. Nhà tôi, đồ sứ đồ sành, đồ kim đồ cổ, đồ vàng đồ bạc, đồ ngọc đồ ngà, người ta có cái gì, tôi cũng có cái ấy, tôi không chịu kém ai. Duy có cái lọng, hàng ngày người ta vẫn bán ở bên đường phố, chóp nó bằng gỗ, cán nó bằng tre, tán nó bằng giấy, bông nó bằng sợi, sự-nghiệp nó chỉ non già một đồng bạc, mà nhà tôi vẫn chửa có ; nghề gì tôi cũng đã trải qua cả rồi; tôi còn muốn học thêm một nghề làm quan nữa cho đủ nghề. Tôi chỉ thích đi ăn tiệc, tôi cũng chẳng thiết gì hải-sâm với yến - sào, long-tu với vây-cá ; nhất là mất tiền không, mà chỉ ăn bàn ăn ghế ăn thìa ăn cốc thôi cũng phải ; vì đời bây giờ họ hay học làm sang, trong đám tiệc-tùng, họ hay tôn nhau là quan - lớn. Tôi mấy năm nay, tốn-hại về sự hát ả-đào, không biết là bao nhiêu; tôi thề có bóng mặt trời, tôi không phải là có ham gì cái sắc họ đẹp, mà có mê gì cái tiếng họ hay đâu. Chỉ vì rằng bề vào đến nhà ả-đào, thì họ chào ngay rằng : Chị em tôi chào các quan ạ. Ngồi xuống chiếu uống chén nước, thì họ lại mời ngay rằng : « Chả mấy khi các quan quá-bộ đến chơi, các quan giùm cho nhà em chầu hát. » Khi hát đoạn, thì họ hay có câu rằng : « Thấm-thoắt đã nửa tháng rồi đấy, mới lại được nghe chầu quan.» Khi uống rượu, thì họ thỉnh - thoảng có câu rằng : « Nào em săng-tê với quan thìa rượu nào ! » Khi rượu đã sắp tàn, thì họ lại có câu rằng : « Mời quan sơi cháo, nhá ? » Khi cháo xong, thì họ thường có câu rằng : « Quan thì cũng tệ, chả ai đo được bụng quan, em ghét quan thì em ở với ai ? » Sáng mai trở ra về, thì họ lại có câu rằng : « Mai kia các quan lại lên chơi nhà em nhé, quan nhé! » Một điều một quan, mười điều mười quan, trăm điều trăm quan, những quan là quan, có mà vất đi cũng chả hết quan. Nghe những lời nói, mà thật sướng tai. »

Rồi hỏi đến lịch-sử quan Siêu-nhiên. Quan kể : « Tôi chữ nho cũng phê nổi cái đơn kiện ; chữ tây tuy rằng học ít, nhưng mà cái cách « mét-xi » với cái cách « uầy mông-sừ » chẳng hạn, tôi cũng chẳng kém gì ai. Cứ cái tài tôi, đường-quan thì chả dám, chứ cái miếng hậu - tuyển với cái miếng trợ - biện, thì tôi tưởng tôi làm ngay được tự thủa tôi thiếu-thời kia rồi. Chỉ vì tôi kiết quá, không có tiền, đi đến đâu cũng giơ cùi ra, cho nên tôi cứ lật - đật mãi. Đã mấy mươi phen tôi đi tùy-phái ông nọ, tùy-phái ông kia, đã mỏi cả chân, đã mòn cả gót, các ông ấy cứ bảo rồi các ông làm ơn cho, rút cục lại thầy trò thì thầy trò, chứ không có câu-cú gì, thì cũng hão. Chẳng thầy gì bằng thầy tiền. Sau tôi nhân-tình với một thím tài, khấp-khởm thế nào, tôi được đi tri-huyện. Nhặt-nhạnh vơ - vét được

mấy tháng, cái trứng dận ở trong tay áo dân, cái nào chắc, cái nào lép, mình cũng đã có công-phu dò xét được hết cả ; trả xong được mấy món nợ Tây-đen Chợt cái dê vỡ oặc, cách tuột. Từ đấy thím tài thím ấy đi đàng thím ấy, tôi đi đàng tôi. Tôi lại trót đa-mang cái nước chè Liên-tử ; gươm bạc với điếu ngà của tôi, tôi đã đem cung-đức vào công-ti Ninh-thái cả rồi. Nhưng mà, *thiên bất sinh vô-lộc chi nhân*. Tôi được anh em bạn làm quan nhiều, tôi ngất-ngưởng cái xe cao-xu, đi giúp công giúp việc cho người, tôi cũng đủ chè tôi uống. Thế mà cũng có lắm lúc phát-tài, lại rí-rách mấy cuộc tài-bàn, bi-bõm mấy tối cắc-tõm nữa kia đấy. Nhưng tôi chẳng nói giấu gì ai, những bác làm quan bây giờ, họ đã đem thân vào vòng thế-lợi, họ-hàng thân-thích họ, họ còn chẳng thiết, nữa là họ thiết gì bạn, dễ mà hớt được mồi của họ, chẳng qua vào chơi với họ, bồ đạo-nghĩa cố-nhân, chén chú chén anh, chén tôi chén bác, tán một vài câu chuyện duềnh-đoàng ao bèo chi nước lã thế là tốt, chứ giúp-đỡ gì cho ai, chẳng qua đồ nói khoác cả đấy. Nhưng nói khoác mà thiên-hạ còn lắm kẻ nghe, thì cũng không nên vội trách gì người nói khoác. »

Lại hỏi đến lịch-sử quan Thực-hành. Quan kể : « Tôi thì dốt. Nhưng mà gan tôi to, lý-sự tôi giỏi ; nhà tôi thì chỉ nhất-gian dĩ-hạ đấy thôi, tiền tôi thì nhất-văn dĩ-thượng cũng không có, thế mà năm tôi mười-sáu tuổi, tôi đã ngồi vào sòng bạc tôi xóc cái, được thua có kể hàng nghìn. Hai-mươi-nhăm tuổi tôi làm lý-trưởng, làm chín năm, kể có mười mấy cái đơn kiện, tôi chỉ trăng mấy nén bạc, là tôi đâm toạn được hết. Chợt gặp cái phong-trào cải-lương, tôi đứng đầu, tôi gióng-giả lên trước, tôi đem bác nó ra làm nghị-trưởng, đem cậu nó ra làm thủ-quĩ, đem chú nó ra làm thư-ký. Chú nó cũng tai-quái, có cái phép tính thần-thông ; lúc chú nó mới nhân ra, thì số xuất số nhập thấy lan-chan lắm, không biết chú nó chia trừ thế nào, đến lúc cộng lại một cái, thì thấy gọn-ghẽ ngay. Quanh năm trong công-quĩ vẫn thường rỗng tuếch, thủ-quĩ không mấy khi phải giữ đến tiền, thật là nhẹ mình cho thủ-quĩ lắm. Chi thu việc gì, thì đã lập biên-bản, những ông hội-đồng tề-mề thuốc xái kia, chỉ đãi cho mấy điếu phiện, thì hót ra đàng, bảo sao nghe vậy, cứ rầm-rấp mà ký vào, sự thuộc đồng-dân, mà lại có biên-bản chắc-bằng, đố ai có thể kiện được. Trước mình vẫn ngỡ cải lương là hại, thế mà hóa ra cải-lương lại là lợi. Ngoại ba-mươi tuổi, tôi ra làm Chánh-tổng, họ đã gọi tôi là ông quan trong hàng tổng. Làm chánh-tổng ngoại mười năm, nhà thì kiết, nhưng mà phiện đủ xơi, rượu đủ uống, ngựa đủ nuôi, thầy tớ đủ sai, xóc - đĩa đủ dam, ả-đào đủ hát. Kỳ bầu-cử nghị-viên mới rồi, tôi ra ứng-cử, cứ cái danh-giá tôi ở trong hàng huyện, thì tôi chắc là tôi được mười mươi. Thế mà đến lúc bỏ phiếu lại hóa ra một anh con nhà giàu, tuổi còn ít trắng-phốp như bòn bột nặn ấy hẳn được ; hàng huyện họ gọi tôi là ông nghị trượt. Thế mới biết tay mang túi bạc kè-kè, nói quấy nói quá cũng nghe ầm-ầm. Mình nói thì ai nghe mà mình chả trượt. Bấy giờ tôi trông những các quan thân-hào trong hàng huyện ra bầu-cử, ông nào ông ấy có chiều phong-vận lắm, có chiều văn-minh lắm. »

Cuối cùng hỏi đến lịch-sử các quan thiếu-niên. Các quan kể : « Chúng tôi thì thú thật : chúng tôi còn ít tuổi, đối với cuộc đời, chẳng qua mới đủ lưng đấy thôi ; đối với mùi đời, chẳng qua còn suông tình đấy thôi ; chưa phải đã được là chân cước-sắc. Chúng tôi hình linh, nhưng mà chúng tôi tính quan, chúng tôi chơi với nhau, chúng tôi lếu - láo bông - phèng, thường gọi

nhau là quan-lớn. Đó cũng là một lời dở bỡn dở thật, ai biết thì là tôi bỡn, ai không biết thì là tôi thật, chúng tôi hẳng bông chơi. Một là học-tập sẵn lấy những cách sang. Hai là cuộc tồ-tôm đã đến gần sáng, thuộc về hội cuối cùng, tiền làng đã cạn, ý làng đã dở nghỉ dở đánh, mắt làng đã dở lành dở đui, thắng mà được đã lên ông, ông mà thua đã xuống thằng. Chi bằng ta cứ phỗng réo lên tứ cửa, ăn quanh cho thập-thành, chứ cứ giữ lề-lối như trước thì lại hốc, mà con bát-vạn có thể đánh tráo ra làm con bát-sách, con cửu-văn có thể nhánhem ra làm con thất-văn được cả, dù cước-sắc mà chèo đò, cũng còn hơn ù suông mà ngủ gật. Tồ-tôm đến hội cuối cùng, mà chẳng cước-sắc cũng hoài ; cuộc đời đến hội nhánhem, mà chẳng quan-lớn cũng thiệt.»

Khách có nghĩ bụng rằng lịch-sử các quan nghe cũng đã đủ, mà cũng đã thú. Ừ mà thật ; «*Nhập thế-cục bất khả vô công-nghiệp* 入世局不可無功業.» Cái gương nhập - thế, mình thật sáng mắt ra từ đây. Mới từ-giã với các quan, rồi đứng lên.

Đi một lát, lại gặp ba người, mới trông ra thì đã khác với người thường lắm. Một người tuổi độ ngót bảy mươi, phương-phi oai-vọng, trông ra cách do-lại xuất-thân. Một người tuổi độ ngoại sáu mươi, tôn-nghiêm thanh-tú, trông ra cách khoa-mục xuất-thân. Một người tuổi độ ngoại năm mươi, diêm-dúa mạnh-mẽ, trông ra cách văn-minh xuất-thân. Chợt trông thấy, đã biết ngay rằng là ba vị đại-nhân, chắp tay chào bầm «cụ lớn», rồi đứng ré ra một bên đường. Ba cụ thấy khách là người có lễ, đứng dừng lại hỏi-han. Lại thấy khách là người bảo-sảng tuấn-nhã, nhân hỏi khách rằng : « Tôi trông thấy cũng làm nên được, hiện nay đã được làm gì chưa ? » Khách thưa : « Chúng tôi cũng muốn theo đòi về đường du-hoạn ; nhưng cái cách nhập-thế, chúng tôi còn vụng lắm, hiện nay chửa được làm gì ; các cụ là bậc tiền-bối, chúng tôi là phận môn-sinh ; ước gì các cụ giáo-dục cho một hai điều, để chúng tôi được ghi tâm, chúng tôi lấy làm hân-hạnh lắm, hân-hạnh lắm.» Ông sáu mươi nói : « Phàm làm quan, đối với quan trên, cứ chống lại cho cứng cổ, thì mình có tiếng ; đối với dân cứ đánh cho giả, thì mình có oai ; đối với bạn đồng-liêu cứ bóp cẳng cho khỏe, thì mình có bước mà lên. » Ông năm mươi nói : « Phàm làm quan, tìm lấy một cái thế mà dựa cho thật vững, thì ai vật cũng không nổi mình ; có tiền cho nhiều, giao-thiệp với đời một cách thật sang, thì ai cũng vì nể mình ; tự-khắc làm quan lên vùn-vụt. » Ông bảy mươi lắc đầu nói : « Làm quan khó lắm ! nhưng mà cũng dễ. Hai ngài nói đó, thì nghe cũng hơi phải. Nhưng mà đều chửa phát-minh được cái chân - lý trong hoạn - giới, ứng-tiếp được cái phong - ba trong hoạn-hải, thấu-đáo được cái thú - vị trong hoạn - trường cả. Một ngài thì quen lối cũ, triều - đình trọng nho, các ông nhà nho cứ hay làm trần ; ngày xưa thì thế được, chứ ngày nay thì không thế được. Một ngài thì thích lối mới, chỉ thế-lực với kim - tiền, nhưng phải xảo mới được, nếu mà chuyết ra, thì thế-lực với kim - tiền cũng không lại. Làm quan bất ngoại chữ xảo, cứ xảo là câu. Chỉ hiềm rằng các nước trong thế-giới ngày nay, chửa nước nào mở ra cái cuộc đấu-xảo về nghề làm quan. Nếu có cuộc ấy thì cái phần thưởng giải thứ nhất, may ra tôi cũng không phải nhường ai. Nay tôi hãy kể qua cái lịch-sử của tôi ra cho thày nghe, thì thày khắc hiểu ; thày đã hiểu, thì thầy khắc sành.»

Rồi cụ kể : « Tôi tự thủa tùng-sự ở

trong nhà giấy, chẳng qua ngọn bút cái tai đấy thôi. Tôi biết rằng ông quan thày tôi tin người vợ thứ tư lắm; tôi xui dân bà nhà tôi ra vào thì-thọt ở trong buồng thêu cô tư, rồi tôi được đi ra quyền huyện. Cái huyện lại phải cái huyện xấu, dân thì dân cò trắng, đất thì đất dế đùn, có bở gì đâu. Nhưng phải biết rằng làm quan không nên kể chỗ xấu chỗ tốt, xấu tốt ở mình ; càng chỗ tốt thì lại càng lắm kẻ dòm-hành, càng chỗ xấu thì lại càng ít kẻ cày-bầy. Trạch vàng vẫn thường nằm ở trong đất sỏi, cứ sắc tay mà bới cho thật sâu, đừng sợ đất nó đau là được. dù có động đất như Nhật-bản mới rồi chăng nữa, thì cũng chỉ hại ai, chứ chửa tất dã hại được đến ông đèn trời. Tôi cũng chẳng chê gì cái huyện ấy. Duy, lạ gì cái dân-tình xưa nay, họ sợ ông tri, chứ họ đã sợ gì ông quyền ! Chẳng qua quyền rơm vạ đá, tuy có tiếng, nhưng kỳ-thực chửa có miếng. Thế mà ai cũng tưởng mình mỡ lắm ; nào ông tham nọ, nào ông hậu kia, họ vẫn có ý ghen mình cả ; nào ông hạp nọ, nào ông lục kia, họ vẫn có ý vòi mình cả. Ấy đấy, bước chân vào hoạn-hải đã dễ đâu. Lại khổ nhất là cái nỗi bà quyền nhà tôi nữa, chửa chi đã tráp tròn đỏ chóe, khăn nhiễu tầy dế, dép cong tầy cùm, váy dài thườn-thượt buông mành-mành, ngồi xềm-xệp, ra phết bà quan, chỉ học têm trầu cánh tiên, tập hút thuốc lá cả ngày, khéo chẳng lại vỡ nợ mất quan về trầu với thuốc lá đấy. Nay bà kinh nọ, mai bà phán kia về chơi, chị em trò-chuyện, tha-hồ mà tán-tỉnh, tha-hồ mà khoe-khoang, có biết đâu cái trạch trong rỏ cua, chỉ muốn nín hơi nín tiếng đi mà chẳng được. Sau tôi biết tính ông quan thầy tôi hay ưa nịnh, khi tôi về tạ ơn, tôi chẳng nệm gấm, chẳng ngà voi, chẳng cốc vàng khay bạc, chẳng đĩa cỗ chóe kim gì cả, tôi chỉ về không, tôi xụp xuống tôi lỡi có mấy lỡi, tôi thưa rằng : « Con là thằng đại cứng đầu cứng cổ, nhất-sinh không lỡi ai, chỉ lỡi trời là một, lỡi ông Tề-thiên-đại-thánh là hai, lỡi cụ lớn là ba ; cái lỡi ở đời hủ-bại trước, là cái lỡi phổ-thông, cái lỡi ở đời văn-minh này, mới là cái lỡi đặc-biệt. » Ông quan thầy tôi vỗ đùi cười. Rồi tôi được thực-thụ tri-huyện. Nào cờ đến tay rồi mới phất. Những câu giơ cao đánh sẽ, mềm nặn rắn buông, ngọt lọt tận xương, năng nhặt chặt bị, đều là những câu thép ở trong hoạn-tràng cả. Việc quan tôi rất cần, người ta làm việc quan lúc đông người, tôi làm việc quan cả lúc vắng người ; người ta làm việc quan lúc ban ngày, tôi làm việc quan cả lúc ban đêm, người ta làm việc quan lúc ngỏ cửa, tôi làm việc quan cả lúc khép cửa. Một hôm tôi về dân công-cử lý-trưởng, có ba người tình-nguyện ra làm. Một người là phó-lý xin thôi-bồ, «hệ-thị cần-cán đề nhân». Một người là học-trò ra ứng-cử, «hệ-thị thức-tự đề nhân». Một người là con nhà giàu ra ứng-cử, « hệ-thị vật-lực đề nhân». Tôi cứ lấy lẽ công-bằng tôi bác đi cả, tôi bảo dân rằng làm lý-trưởng phải đủ cả ba cái tư-cách mới được, ba người đều không hợp cách, mai kia sẽ công-cử lại. Tôi lại hay lấy nghĩa-lý bảo người. Tôi bảo riêng cái tên hệ-thị cần-cán ấy rằng : « Danh-lợi bất như nhân, chẳng gì bằng cơm no bò cuỡi, tôi cũng muốn nghỉ quan đây, anh còn tranh chi cái lý-trưởng ấy nữa, ước gì anh từ cả phó-lý, tôi từ cả quan, thầy-trò ta được tiêu-dao ở ngoài vòng danh-cương lợi-tỏa, thì thú lắm nhỉ. » Tên cần-cán ấy nghe. Tôi lại bảo riêng cái tên hệ-thị thức - tự ấy rằng : « Làm gì cái bước lý-trưởng ấy, cái bước ấy là cái bước thượng-bất-chỉ, hạ-bất-đáo, đi dối quan, về dối dân đấy, anh có biết không ? Anh là người văn - học, tôi ngỡ anh tranh nhau với người ta đi du-học ở vạn-lý trùng-dương, để thâu - thái lấy văn-

minh, tăng-quang cho tổ quốc thì mới phải, chứ anh tranh cái lý-trưởng ấy thì làm gì. » Tên thức-tự ấy cũng nghe. Tôi lại bảo riêng cái tên bệ-thị vật-lực ấy rằng : « Lý - trưởng cũng là một ông quan trong hàng xã, anh nhờ trời đã có bát ăn, phương-ngôn người ta vẫn nói : bán gia-tài mua danh-diện, anh ra làm lý-trưởng, chả hơn anh đi nhân-tình với chị ả-đào, hay anh đi đánh bạc ư. *Ninh vi bách phu trưởng, thắng tác nhất thư-sinh*, 寧爲百夫長。勝作一書生。anh có biết nghĩa sao không ? Nghĩa là ra ngoài mà làm sỏ trăm người, hơn ở nhà mà ẵm con cho vợ. » Tên vật-lực ấy lại nghe. Thì ra không gì bằng nghĩa-lý, nghĩa-lý nói ra, ai cũng phải nghe. Tôi làm quan không những trọng pháp-luật mà thôi đâu, lại kiêm cả nghĩa-lý nữa. Sau tên vật-lực ấy có nhiệt - thành lắm, nhờ tôi làm ơn cho, mà cứ giục tôi mãi. Tôi bảo tên ấy rằng : « Cạn ao rồi bèo sẽ đến đất, tôi đã làm ơn cho, thì lý-trưởng làng anh chả đến anh thì đến ai ; nhưng mà anh phải gia-tâm mà tát ao cho cạn nữa đi mới được. » Thế mà khi tôi thăng-quan đứng lên lại có mấy chú lại già ở trong nha, với mấy chị hàng-xáo ở cửa huyện ái-mộ nữa kia đấy. Từ đấy tôi cứ thăng-quan tiến-chức dần-dần. Tôi làm quan, không có tiếng chóng, mà cũng không có tiếng hách, cứ sống lâu lên lão làng. Ruộng của tôi mới được ngót một nghìn mẫu, nhà của tôi mới được mươi mười hai tòa. Hiện nay tôi đã được về hưu-trí, thác-danh mấy khóm cúc-tùng, dự - nhập vào chiếu hương-lão, thế là vượt bể đã đến bờ. Duy con tôi thì nó hỏng cả, cậu ấm cả rượu tứ bất-tử, cậu ấm hai nghiện oặt-xà-la, cậu ấm ba đánh bạc như trời, cậu ấm tư ve gái ra chớp. Còn vài cô chiêu nữa, những một cái đức ăn quà, cũng đủ ra bộ con quan, còn cái đức khác thì không kể, hiện đã to tuổi cả rồi, thật là cưỡi đầu voi dữ ; mấy năm nọ tôi cầm chắc là bà cử bà tú, đã trượt ; mấy năm nay tôi cầm lỏng là bà tham, chừng lại muốn trượt nốt. Thì ra cái của làm quan, hình như chửa tất đã mát. »

Khách mới nghĩ bụng rằng lời cụ lớn phán cho đó, mới nghe thì cũng bùi tai, nhưng nghe lâu thời cũng chột dạ. Thì ra cái nghề làm quan, cái tình-cảnh làm quan, với cái kết-quả làm quan, cụ lớn kể ra cũng đã đích-xác. Ở đây không tiện đường-đột. Sau hỏi ra mới biết rằng một cụ hiệu là Liêm-phủ 廉甫. Một cụ hiệu là Trực-bá 直伯. Một cụ hiệu là Ái-hầu 愛侯.

Lại gặp một bọn, người nào cũng trạc độ bốn năm mươi tuổi trở ra, mày râu đã ra màu điểm bạc, hình-dung buồn-bã, thân-thể gầy-gò, rõ thật nét buồn như cúc mà mình gầy như mai, cả chăn-mặc thì lướt-mướt, có dáng cổ-phong, cách đi thì dẹo-dọ, cách nghe thì ngơ-ngác, cách nói thì khề-khà, có ý giả say giả điếc, người không biết thì cái bộ người thật là chán ngắt, người biết ra thì cái hơi chữ thật là thơm lừng, nhác trông đã biết ngay là các ông cựu-nho. Khách đã nghĩ bụng rằng giao-thiệp với những các ông này, phải có một cách xuồng-sã lý-thú mới được, khéo chẳng các ông ấy lại mat-sát mình ngay, rồi thành ra cũng không có câu chuyện gì. Nếu gặp nhau mà không có câu chuyện gì, thì cũng chẳng thú. Chi bằng ta xử lấy một ách đôi bên vong cả hình-hài chơi.

Đến nơi, khách liền chào ngay rằng: « Ấy ! chư-vị tiên-sinh đi đâu đấy ? » Các ông ấy đứng dừng ngay lại, giương mắt ra trừng-trừng, nhìn kỹ khi lâu-lâu, rồi mới hỏi khách rằng : « Ông là hà-hử-nhân, ông lại hỏi đến chúng tôi nữa ư ? Ông mà hỏi đến chúng tôi,

thì ông cũng là hớ lắm đấy.» Khách nói : « Cứ người có tóc, chứ cứ gì người trọc đầu ; nay muốn nói câu chuyện có lý-thú chơi, chả cứ nhà nho thì cứ ai ; tôi cũng có hơi-hướng nho đây, chư-tiên-sinh ạ.» Các ông ấy nói: « Chúng tôi tưởng ông có câu chuyện tân-kỳ gì, chứ ông lại giở nho ra nữa, thì đò nát đụng nhau đấy, chứ lý-thú gì. » Khách nói : « Này, chư-tiên-sinh ạ. Cái đò mà đã đến cái thời-kỳ nó nát, thì chẳng đụng nhau, rồi nó cũng nát. Chi bằng ta hẳng đụng nhau một chuyến cho ra tuồng, trên thấu đến cửu-trùng, dưới đạt đến tam-phủ, trong cảm tình với con mọt gỗ, ngoài cảm cảnh với vũ-trụ non sông, khiến cho con rồng đất cũng phải ngóc đầu lên mà xem, thằng người gỗ cũng phải giơ tay ra mà múa, thì dù nát cũng cam, chứ sợ gì nát. Nhưng mà đã nát đâu, cái mui thì nát, chứ cái đáy thì còn tốt chán, còn có thể dụng nhau được vài ba mươi thế-kỷ nữa, chư tiên - sinh ạ. » Các ông ấy cười sằng-sặc nói: « Ái-chà ! cà-cuống chết đến đít vẫn còn cay à. » Khách cũng cười tủm-tỉm, rồi nói: « Ông tạo-hóa đã sinh ra một cái giống bé mà cay, cay mà thơm, để điều-hòa với chất ngọt chất béo cho người, khiến cho người ta khi ăn vào mồm, không đến nỗi vì chất ngọt mà tắc cổ, vì chất béo mà rùng mình. Cứ cái lẽ tự-nhiên mà suy ra, thì vũ-trụ không khi nào hết được giống cà-cuống, mà người ta cũng không khi nào bỏ được hương-vị cà-cuống. Duy cà-cuống cũng có hai giống. Một giống bé mình mà cay, thì gọi là cà-cuống quế-chi, là cà-cuống thật. Một giống to mình mà không cay, thì gọi là cà - cuống thịt, là cà - cuống giả. Giống cà-cuống thật kia, dù chết mà cay, thì chết cũng như sống. Giống cà-cuống giả kia, dù sống mà không cay, thì sống cũng như chết. Chả cay ai gọi là cà-cuống, trời cho cay cớ gì mà chẳng cay. Giống gì mà chẳng có lúc chết, cứ gì một giống cà-cuống, bao giờ chết hẳng hay, chửa chết thì ta hẳng cay với đời cái đã. Cay mà có hương-vị hẳn-hoi, thì cái cay ấy có hồ-thẹn gì với đời. Chư-vị tiên-sinh ơi ! Chư-vị tiên - sinh cứ cay đi, cho tôi cay với, chư-vị tiên-sinh ạ. »

Khách nói xong, có nghĩ bụng rằng mình cố nói ra câu chuyện có can-đởm, có lý-thú, có tình-tự như vậy, khác nào tay phù-thủy ra khuyên-luyện gã thanh-đồng, mép mẹ dàu ngồi dỗ-dành chàng công-tử. Tưởng rằng sắt cũng phải mềm ruột, mà đá cũng phải gật đầu. Nào có biết đâu, khách nói một đàng, thì các ông ấy nói đi một nẻo, cứ nhùng-nhẳng như cưa rơm, rút lại cũng chẳng được câu chuyện gì cả. Khách mới gác hẳn sự nho đi, không nói đến nữa.

Nói về cải - lương, thì các ông ấy rằng: Đã có các người văn-minh, chúng tôi đây hủ-bại. — Nói việc làm ruộng, thì các ông ấy rằng: Tôi đây phi nông phi công, phi thương, mà thường phi cả sĩ nữa, tôi đây ngoài cõi tứ-dân. — Nói đến phong-cảnh nhà quê, thì các ông ấy rằng: Phong-cảnh nhà quê chỉ con trâu cày chiêm với cái liềm cắt cỏ đấy thôi, chứ phong-cảnh gì mà phong-cảnh. — Nói đến con gái nhà quê, thì các ông ấy lắc đầu mà rằng : Chớ, chớ ! con gái nhà quê chỉ thắt lưng bó que, trùm khăn mỏ quạ đấy thôi, chị nào có cái yếm nhất-phẩm-hồng, cái thắt lưng dũi tím, hay hoặc bộ nhẫn đồng đeo tay, thế là sang nhất rồi đấy, chứ mĩ-miều gì. — Hỏi đến tử-đệ nhà các ông, các ông có cho học hành gì không, thì các ông ấy chắp tay mà rằng : Van, van ! đời bố đã lầm rồi, lại còn để lầm cho đời con nữa ư, mai sau tôi cũng dặn con tôi rằng : chúng bay đi làm nghề phường-chèo mà kiếm ăn, đừng học sách thánh - hiền nữa. — Hỏi đến

công-nghệ, đến phong-tục thuộc về mọi đường sinh-hoạt, mọi đường tinh-túy ở nhà quê, thì các ông ấy tặc lưỡi mà rằng : Thôi, thôi ! chúng tôi ngỡ ông có đa-văn đa-kiến, thì ông nói những chuyện khinh-khí-cầu, chuyện vô-tuyến-điện, chuyện hỏa-sơn băng-hải cho chúng tôi nghe, chứ ông lại hỏi chi những sự tủn-mủn trong đám nhà quê ấy, chúng tôi đã hủ, mà ông lại hủ nốt nữa, tôi xin bán rẻ cái hủ cho ông một đồng xu đấy, ông có mua lấy thì mua.

Khách nghe chuyện, khách cũng không thiết trả lời, khách chỉ thở dài một cái ít lâu, rồi nghĩ bụng mà than rằng : Rõ thật mình ăn phải một bữa cơm nếp nát, mà dễ thường chán mãi đến già. Thôi, ta lại nói chuyện khôi-hài với các ông một lúc nữa cho vui.

Khách vừa mới toan nói, mới nói được hai chữ «tiên-sinh», thì chợt có một ông vỗ ngay vào vai khách mà bảo khách rằng : Từ rầy ông đừng gọi chúng tôi là tiên-sinh nữa nhé ! Cái danh-hiệu tiên-sinh ấy, xin để nhường các ông thiếu-niên văn-sĩ bây giờ, chúng tôi đây là ngữ vô-danh, xin ông miễn cho chúng tôi cái danh-hiệu ấy. — Khách bật cười mà nói rằng : Thế thì gọi là quan-lớn nhé ? — Các ông ấy vội-vàng gạt đi mà nói rằng : Chết, chết, chết ! quan-lớn thì lại càng chết nữa. Chúng tôi tiền đâu mà sắm ngựa sắm xe, bạc đâu mà sửa-sang phòng ăn, phòng ngủ, phòng tắm, phòng chơi, vi-thành với bái-phụng đâu mà giao-thiệp với đời, mà ông gọi chúng tôi là quan-lớn. — Khách mỉm cười, rồi nói rằng : Các ông năm nọ vác lều đi thi, cũng đã từng lăm-le cái miếng thi đỗ trạng-nguyên, lấy vợ công-chúa, làm quan tể-tướng cả đấy mà ; các ông cũng có tính-tướng quan-lớn cả đấy mà, trước sao hăng mấy, giờ sao đụt mấy. Thế thì bây giờ gọi các ông là gì được ? — Các ông ấy bảo khách rằng : Này từ rầy cứ gọi chúng tôi là cái lão ấy, thế cũng xong. — Khách lại bật cười mà nói rằng : *Chư-lão giả thiên-hạ chi đại-lão*, 諸老者天下之大老, mấy khi đã được tiếp chuyện với chư-lão.

Khách lại nhân vỗ vào vai các ông ấy mà rủ-rỉ nói rằng : « Chư-lão cứ ở chỗ nhà quê, chư-lão không biết ở chỗ kinh-kỳ bây giờ, đèn điện sáng lắm đấy, nhà hát đông lắm đấy, tân-thư tân-báo vui lắm đấy, lạ lắm đấy, con trai con gái văn-minh và tự-do lắm đấy, đám cưới đám hỏi sang lắm đấy, nhiều xe ô-tô xe song-mã lắm đấy. Bấy lâu nay chư-lão có ra chơi chỗ kinh-kỳ đấy không ? » Các ông ấy nói : « Chúng tôi đã ngoại mười năm nay không hề bước chân ra đến chỗ kinh-kỳ. Vì rằng những các cô con gái đẹp ở chỗ kinh-kỳ năm xưa, coi chúng tôi như trời, xem chúng tôi như thần-thánh, hễ đến khoa thi, thì hoặc cũng có cô sắp sẵn tiền đấy, để mà chực mua lấy chúng tôi ; đến bây giờ thì gió đông hình như đã quay mặt rồi ; cho nên chúng tôi cũng chẳng tiện-lợi gì nữa, mà ra chỗ kinh-kỳ. » Khách lại mỉm cười mà nói rằng : « Chư-lão một mình được hưởng-thụ cái thú xuân-sắc ở chỗ kinh-kỳ, đã kể có ngót một nghìn năm, tưởng cũng đã lâu lắm rồi mà cũng đã thỏa lắm rồi. Đến bây giờ ông chúa-xuân có ý muốn tham thanh chuộng lạ, thay đổi cái cuộc ái-hoa sang cho người khác ; người khác hưởng-thụ, chẳng qua mới được có mấy năm nay, mà chư-lão đã vội ghen lắm thế ru ! Chư-lão dù có ghen chăng nữa, thì chư-lão cứ dạy lấy con, cứ cho con học sách thánh-hiền, để mà giữ-gìn lấy nhân-cách, hoặc nổi tiếng về nghề văn-chương, hoặc nảy tài về

sự kinh-tế, xứng-đáng là kẻ quốc-dân, đối với cỏ hoa, đối với non-nước, nghiễm-nhiên là một vị chủ-nhân-ông, thì khối người con gái đẹp ở chỗ kinh - kỳ họ muốn lấy, chứ chẳng cứ gì nho - học, mà cũng chẳng cứ gì tây - học. Nếu nho - học mà nho-học gàn-bát-sách, tây-học mà tây-học lâu-cá, tây-học giả-cày, thì đừng có ngõm ngọ cái khoản con gái đẹp ở chỗ kinh-kỳ mà lỡ.» Các ông ấy cười ha-hả, rồi nói rằng : « Ừ, con chúng ta cũng lắm đứa mặt mũi sáng-sủa, dễ thường chúng ta lại phải cho con học sách thánh-hiền, để giữ-gìn lấy nhân-cách mới được ». Khách cũng cười ha-hả, rồi nghĩ bụng rằng : « Rõ thật từ nãy đến giờ mình nói gì cũng chẳng chuyền ; kịp nói đến xuân-sắc một cái, thì thấy chuyền đi rầm-rầm ngay, thì ra cái sức của xuân - sắc cũng có mạnh thật ! Chả trách truyện có câu rằng : *Lạ cho cái sóng khuynh-thành*. Mới biết cụ Tiên-điền là ghê-gớm lắm!»

Khách lại nhân nghĩ bụng rằng tiếp chuyện với các ông nho, cũng đã vất-vả thay, vì chuyện các ông nho phần nhiều rắc - rối lắm, chứ chả ông - chuốt như chuyện các quan-lớn với chuyện các cụ lớn đâu. Thôi ta tiếp chuyện đã lâu rồi, mà cái lịch-sử của các ông nho, đã bày ra ở đấy cả rồi, tưởng cũng không phải hỏi nữa. Duy cũng muốn hỏi mĩ-tự và qui-hiệu của các ông ấy là gì, thì các ông ấy đã tự-nhận là phải vô-danh rồi, cũng không có thể hỏi vào đâu được nữa, thôi thì cứ biết rằng các ông ấy là các ông nho, thế là đủ.

Khách nhân nghĩ bụng rằng xét ra nhà nho cũng có ba cái thời-kỳ, trong ba cái thời - kỳ, cũng có ba cái sự-nghiệp. Một là cái thời-kỳ tự năm bảy mươi năm về trước, nào là danh-thần, nào là thạc-học, nào là phương-pháp kiến-quốc, nào là chính-sách thực-dân, nào là công-phu giáo-hóa, chẳng phải sự-nghiệp nhà nho thì sự-nghiệp ai? Hai là cái thời-kỳ khi hai cái văn-minh tân-cựu xung-đột nhau gần đây, nào là triều-sĩ, nào là xử-sĩ, nào là tẫn-nhân, nào là ngôn-luận hô-hào, nào là thi-pháp cải-cách, lại chẳng phải là sự-nghiệp nhà nho thì sự-nghiệp ai? Ba là cái thời-kỳ quốc-văn chế-tạo, với dân-xã cải-lương hiện nay, nào là ông lão-đại, nào là ông anh-niên, ông thì vẽ cò vẽ voi ở trong cuộc thư-báo, ông thì chia bùi xẻ ngọt ở các chốn hương-thôn, lại chẳng phải là sự-nghiệp nhà nho thì sự-nghiệp ai? Trong ba thời-kỳ ấy, cái địa-vị tuy có khác nhau, nhưng cái trách - nhiệm tưởng cũng không khác gì nhau. Duy nhà nho cũng có ba thứ. Một là thứ chân-nho (chân-chính). Hai là thứ thông-nho (thông-đạt). Ba là thứ câu-nho (câu-nệ.) Ngày nay, chân-nho thì ít lắm, mà câu-nho cũng chẳng ít đâu. Duy có một thứ nước giữa, là thứ thông-nho, học sách thánh-hiền, biết qua thời-thế, nhận lấy chút phần trách-nhiệm, để đối với non sông, đối với vũ-trụ, cho khỏi hồ-ngươi đó thôi. Vậy hồi du-lịch này, chỉ chuyên kể về phương-diện câu-nho, chứ chân-nho với thông-nho không hề phải tả đến.

Liền thấy một bọn, đứng ở đàng xa-xa mà trông: ông thì toàn là cách-bộ quốc-tục, ông thì toàn là cách-bộ văn-minh, ông thì một nửa văn-minh, chưa phải là toàn văn - minh, ông thì một phần quốc-tục, không phải là toàn quốc-tục. Đại-khái những cách-bộ ấy, đồ ngoại-hóa thì phần nhiều, đồ nội-hóa thì phần ít, đồ tân-kỳ bóng-bẩy thì phần nhiều, đồ nhuần - nhã cũ-kỹ thì phần ít, biết ngay là bọn các ông tân-học.

Khách đã nghĩ bụng rằng mình ăn bữa cơm nếp nát vừa rồi, rõ thật chán khổ chán nạn, chán ủ chán ê. May

sao lại gặp được bữa tiệc « sâm-banh » với « xi-gà », mình cũng muốn nhờ cái sức rượu để bồi-bổ cho tinh-huyết. nhờ cái hơi khói để tỉnh - giác cho tinh-thần. Cho nên khách đối với các ông tân-học, cũng muốn làm ra một cách hoạt-bát nhanh-chao.

Đến nơi chào ngay rằng : « Bông-dua mông-sử », các ông cũng « bông-dua » đáp lại ; rồi ông nào ông ấy đều chạy lại bắt tay « mét-xi », hai bên gặp-gỡ, thấy sửng-sốt vui-vẻ lắm. Tiếp chuyện với các người xong, khách mới nắm tay một ông lại, mời ra một chỗ để nói chuyện riêng, trước nói chuyện gần, sau nói chuyện xa, trước nói chuyện dân-tộc ở Đông-phương, sau nói chuyện dân-tộc ở Tây-phương. Ông ấy cũng thông-minh chắc-chắn, biết nghĩa văn-minh, biết nghĩa đồng-bào, kể về phần đạo-đức, về phần tư-tưởng thì thực cũng xứng-đáng là một người tân-học ; sau này cái vận-mệnh của xã-hội phương Đông, chẳng gửi vào tay các ông ấy thì gửi vào tay ai ? Chỉ hiềm rằng ông ấy khi nghèo-ngặt về tiếng nói, khi nói chuyện, ông ấy vay tiếng chữ nọ một ít, vay tiếng chữ kia một ít, vay quần vay quanh, khách cũng ít hiểu câu chuyện ra thế nào. Khách mới nói bỡn ông ấy rằng : « Giá tôi làm đàn-bà mà tôi lấy ông, thì vợ chồng để ngờ nhau cả đời ». Ông ấy bật cười. Khách cũng bật cười. Khách với ông ấy nhân cũng có cảm-tình, còn muốn gợi ra câu chuyện quốc-âm để nói chuyện với nhau nữa, vì thì-giờ của ông ấy ngặt-ngòi quá, đành phải ước lại để bận sau. Rồi ông ấy vội-vàng « ô-rơ-voa » mà trở đi, khách cũng phải vội-vàng « ô - rơ - voa » mà đáp lại. Mĩ-tự với lịch-sự các ông ấy khách cũng chưa kịp hỏi.

Khách mới nghĩ bụng rằng mình hôm nay đi chơi dễ thường gặp gái chắc, chỉ nói chuyện cơm nếp mãi, mà ít được nói chuyện « sâm-banh » với nói chuyện « xi-gà. »

Lại gặp một ông, khách chửa kịp chào, thì ông ấy đã chào ngay khách rằng : « Ông đi đâu thế, ông có thích nghe văn Tàu không ? » Khách nói : « Thích lắm, thâm-thúy gì bằng văn Tàu. » Lại hỏi : « Ông có thích nghe văn Tây không ? » Khách lại nói : « Thích lắm, tư-tưởng gì bằng văn Tây. » Ông ấy nói rằng : « Tôi văn Tàu cũng điền, mà văn Tây cũng cừ, ông ở đấy, rồi tôi đọc cho nghe. » Rồi ông ấy đọc luôn ra mấy xốc văn Tàu, lại đọc luôn ra mấy xốc văn Tây. Khách nghe ra thì đại-khái là cóp-nhặt lại những cái tài-liệu đã xếp sẵn của các nhà Đông-Tây hiền-triết khi xưa, nghe từng câu một thì thật hay, nghe đến một đoạn thì đã thấy dở, nhưng còn dở vừa, nghe đến một bài thì thấy dở lắm, không hiểu ra tư-tưởng ý-kiến làm sao cả. Sẽ biết rằng học người ấy là cái học kém về phần óc, văn người ấy là cái văn kém về phần hồn, bút người ấy là cái bút kém về phần máu. Thế mà lại thích làm văn Tàu với văn Tây, âu là muốn để lòe người đấy chăng. Nếu văn Tàu mà ra văn Tàu, văn Tây mà ra văn Tây, thì ai chẳng thích nghe. Nhưng chán thay, nào ông ấy có được thế đâu.

Khách cố đứng chờ, để ông ấy đọc văn Tàu văn Tây xong, khách mới hỏi rằng : Văn quốc-âm của ông, ông có cừ có điền không ? » Ông ấy nói : « Văn quốc-âm, thì tôi bệt(1) lắm, thì tôi xếch(2) lắm. » (Đoạn này là mượn những tiếng ở trong làng đánh bạc). Khách nói : « Quốc - dân phải lấy văn-chương quốc-âm làm đầu-gà (3) cái

(1) Bệt = Thua quá không gỡ lên được.
(2) Xếch = Hỏng ăn.
(3) Đầu gà = Món tiền cốt-tử trong làng bạc.

canh quốc-âm này nghe chừng lợi đấy, phải tẩy (1) lên chứ, sao lại chịu bệt, phải gộp (2) đi chứ, sao lại chịu xếch, ông là quốc-dân, mà ông lại chịu cái nước chạy non quốc-âm đi thế, chẳng sái lắm ư. Này, quốc-dân ta ngày nay đối với quốc-âm, hãy còn nợ-nần bê-bết đấy, chửa dã phếch (3) được đâu. Vẫn biết rằng quốc-âm ngày nay, là cái thời-kỳ xanh-chín (4), chửa phải là cái thời-kỳ khuôn-rền (5); nào là cặp bằng (6), nào là cặp lệch (7), ít khi trông thấy tứ-đối (8) với ba-bay (9); nhưng cũng không đến nỗi hồi-lùng (10) triệt-thiêu (11), mà chất-chưởng eó-le cho lắm. Chỉ hiềm rằng trong sòng quốc-âm ngày nay, còn ít tay cừ-điền, phần nhiều là quan viên cò-một, quan viên cò-con đấy thôi; nếu mà lại có những hạng quan viên sáo (12), quan viên chạc (13), quan viên bĩnh (14) chen vào thì nghĩ mà xởn (15) quá. Nhưng phải biết rằng quốc-dân đối với quốc-âm, là sự máu-mê, khi lâm vào sòng, chẳng qua khát nước (16) liều tình, đụng đầu cho rõ đến cột (17), đạt lấy một cái mục-đích vơ về mới thôi, không phải là sự buôn-bán chái-mồi, cò-gỗ (18) chực mồ cò-thịt (19) gì cả. Cho nên dù thế nào mặc lòng, khi sòng quốc-âm mới nhóm lên, những tay hơi đứng-đắn một chút, cũng phải ra tay sóc-cái, để gìn-giữ cho nghiêm làng; những tay hơi khéo-léo một chút, cũng phải xấn tay hồ-lỳ (20) để sửa-soạn cho vui làng. Nhưng lại phải biết rằng những tay quốc-âm bây giờ, phần mỡ thì ít, phần xác thì nhiều, không có lẽ sát-xương với nhau được; chắc là phải nhờ có tay xuất-thổ (21) chắc-chắn, hoặc tay hàng-sáo (22) rồi-rào, để mà mượn lưng mới xong, cái thế-lực văn Tây văn Tàu ở trong quốc-âm, còn là quật (23) lắm. Duy quốc-dân đối với văn Tây văn Tàu, cũng là nhờ vốn chung lưng, để mà chia phần hồ-kỷ (24) đấy thôi. Chứ cũng mong cho trong sòng quốc-

---

(1) Tẩy = Vận đỏ được to.
(2) Gộp = Số tiền mình bỏ ra để đặt với số tiền làng.
(3) Phếch = Trơn-trắng không nợ-nần ai.
(4) Xanh-chín = Chẵn lẻ bất-thường.
(5) Khuôn-rền = Hoặc chẵn hoặc lẻ rền một mặt.
(6) Cặp bằng = Hai chẵn hai lẻ.
(7) Cặp lệch = Hai chẵn một lẻ hoặc hai lẻ một chẵn.
(8) Tứ-đối = Bốn chẵn hoặc bốn lẻ.
(9) Ba bay = Ba chẵn sang một lẻ, hoặc ba lẻ sang một chẵn.
(10) Hồi-lùng = Nước bạc đang rền một mặt, thường hồi một cái, rồi mới ra khuôn.
(11) Triệu-thiêu = Nước bạc đang thiêu hai mặt mà đứng lại hai cái, rồi lại ra thiêu. Hồi-lùng triệt-thiêu đều là những nước khó đánh trong làng bạc.
(12) Sáo = Người không tiền mà đến gạ gẫm để chực ăn bẻo.
(13) Chạc = Chẳng-bướm không đứng-đắn sòng-phẳng.
(14) Bĩnh = Gây sự để chực phá đám.
(15) Xởn = Lo sợ.
(16) Khát nước = Thua mà cứ theo mãi một mặt.
(17) Đụng đầu đến cột = Đánh theo rền một mặt đến kỳ cùng mới thôi.
(18) Cò gỗ = Ví người sành-sỏi mà xác tiền.
(19) Cò thịt = Ví người ngờ-nghệch mà nhiều tiền.
(20) Hồ-lỳ = Người sạo tính tiền làng ngồi để lấy hồ.
(21) Xuất-thổ = Người xuất vốn cho con bạc.
(22) Hàng-sáo = Người cho con bạc vay tiền.
(23) Quật = Mạnh.
(24) Hồ-kỷ = Mượn vốn của người vào đánh bạc mà mình được tính lấy tiền đầu.

âm, có nhiều tay cừ-điền sinh ra, nổi được lưng làng, thì sòng quốc-âm mới có thể lấy lên được. Nếu chỉ trông về văn Tây văn Tàu, thì rời văn Tây văn Tàu ra, quốc-âm đành chịu cháy-thồ (1) hay sao. Tôi xin cả-quyết với ông mấy câu rằng người nào làm được văn Tây văn Tàu cho hay, đó là cách tràng - lưng ; người nào làm được văn quốc-âm cho phải, đó là cách bình-chân ; người nào làm được văn quốc-âm cho phong-phú, cho sắc-xảo, đó là cách khởi-nghiệp ; người nào đứng ở ngoài sòng quốc-âm mà lập-lờ dút - rát, đó là cách bỏ-bồ. » Ông ấy hỏi rằng : « Trong sòng quốc-âm bây giờ, ai là người sóc-cái, để tôi xin theo ? » Khách nói: « Phàm làm quốc-dân, đối với quốc-âm, ai ai cũng có cái địa-vị sóc-cái cả, không ai phải theo ai. Nhưng phải biết tư-cách người sóc-cái, khôn-khéo, đứng-đắn, mà gan-lì, lúc người ấy được, người ấy không ăn-non ; lúc người ấy thua, người ấy không chạy-làng (2). Bao giờ quốc-dân ai ai cũng có cái tư-cách sóc-cái ở trong sòng quốc-âm, thì sòng quốc-âm mới có thể ra sòng quốc-âm được. »

Khách nói đến đấy, ông ấy gật đầu mà khen khách rằng : « Câu chuyện ông nói thú ra phết ! thú ra phết ! Ông có biết lịch-sử tôi là gì không, lịch-sử tôi là lịch-sử văn-chương 文 章. Ông có biết tiểu - tự cũ tôi là gì không, tiểu-tự cũ tôi là Cừ-tiên-sinh 渠 先 生. Ông có biết tiểu-tự mới tôi là gì không, tiểu-tự mới tôi là Mông-sử Điển 典. »

Khách lại đi một lúc, gặp một bọn đàn-bà, nón nghệ quai thao, áo băng quần lĩnh, giáp-hoặc lại thấy một vài đôi giép-cong nữa, thật là một lối cổ-phong dịu-dàng, rõ ra một cách chân-chính của người đàn-bà phương Nam. Xem ra thì trong bọn, các cụ có, các bà có, các mợ với các cô cũng có, rõ ra bề khuê-các hẳn-hoi. Duy có một người đi trước nhất, tuổi chừng độ lẻ bốn mươi, trông ra khác với cách-bộ người thường lắm, mặc quần đỏ áo đỏ, đội khăn xanh, đi giày chấn-điều, một tay cầm chiếc quạt Tàu, một tay cầm chùm hoa, biết ngay rằng bà vua-mẫu ở trên thượng-ngàn mới giáng xuống hạ-giới đó.

Đến nơi, khách chào ngay rằng lạy mẫu. Mẫu cười khanh - khách hỏi : « Cái quan đi đâu tá ? cái quan có đi chơi điện ấy điện nọ bao giờ không ? Vợ cái quan ở nhà có được mạnh-mẽ không ? » Khách chưa kịp trả lời. Mẫu đã nói luôn ngay rằng : « Mẫu trông cái quan cũng là người có quan-cách đấy, chả phải người thường đâu. Cái quan bây giờ có muốn cầu gì không ? Cái quan muốn cầu của, thì mẫu tiếp-tài tiếp-lộc lại cho. Cái quan muốn cầu bình-yên, thì mẫu bắt tà bắt ma đi cho. Cái quan muốn cầu thăng-quan tiến-chức, thì mẫu phù-trì tiến-độ lên cho. Cái quan muốn cầu sống lâu thì mẫu sai vị Nam-tào Bắc - đẩu tăng số thọ lên cho. Cái quan muốn cầu con trai thì mẫu cho vị Kim-tiên đồng-tử, hay vị Thanh-tiên đồng-tử, Xích-tiên đồng-tử xuống làm con. Cái quan muốn cầu con gái, thì mẫu cho vị Ngọc-hoa công-chúa, hay vị Quế-hoa công-chúa, Hạnh-hoa công-chúa xuống làm con. Mẫu có bộ khăn chầu áo ngự đẹp lắm kia, mới sắm hết hơn nghìn đồng bạc kia, hôm nào cái quan cho vợ cái quan lên điện mẫu, mẫu thử cho vợ cái quan mặc bộ áo ấy, rồi đứng lên múa, để cái quan trông vợ cái quan có đẹp không. Điện mẫu lúc nào cũng có các cậu cung-văn tuổi trẻ mà

(1) Cháy-thồ = Trong làng bạc hết cả tiền.
(2) Chạy-làng = Tìm cớ tháo-thân, để chực chốn nợ-nần.

đẹp trai, đàn hay, chầu văn hay. Điện mẫu lớp này lại có hai ba vị bóng cô đẹp lắm ; hôm nào cái quan lại chơi điện mẫu, mẫu phán cho các bóng ra múa hát để cái quan xem. Cái quan có cách quí-nhân đấy, cái quan nên lấy hai ba vợ, thì mới hợp cách quí-nhân, cái quan ạ ! Này mẫu ban cho cái quan miếng trầu của lộc thánh đây này, cái quan bây giờ có cầu gì không ? »

Khách nói : « Trần có một điều sở-cầu thiết lắm. Nhưng trần sợ rằng trần nói ra, chả biết mẫu có nghe không? » Mẫu nói : « Cái quan cứ nói, cái quan có lòng sùng mẫu, thì điều gì mẫu cũng nghe ; mẫu chỉ làm ơn cho thiên-hạ đấy thôi, mẫu đã có đức Ngọc-hoàng thượng-đế giúp, điều gì mẫu cũng làm ơn được.» Khách nói : « Trần trông thấy những dân ở xứ bị nước lụt vừa rồi, kẻ chết người còn, kẻ đi người ở, tình - cảnh thê-thảm lắm, trần thương người, nhưng trần không biết vận-động vào đâu được. Bây giờ trần xin mượn cái bộ khăn chầu áo ngự của mẫu, trần đem lên Vạn-bảo, lấy vài trăm đồng bạc, để phát-chẩn cho dân ở xứ ấy, trần chỉ sở-cầu có một điều thế thôi. Chứ trần chết sống thì nhờ trời, của thì ở tay làm ra, tật-bệnh thì đã có phép vệ-sinh, thăng-quan tiến-chức thì chả dám, con thì nhờ trời trai gái đã đủ cả rồi, chỉ nỗi con học còn dốt đấy thôi. Vợ trần ngày thường chỉ quần chồi áo vải, khi đi lễ tổ tiên, hay khi lên chùa lễ Phật, thì khăn lượt, yếm cấp hoa, thắt lưng lụa đậu, quần lĩnh áo lương, dùng những đồ nội-hóa cho nhuần-nhã dịu-dàng, làm một hạng người khuê-tú ở trong trần, thế cũng đã đủ đẹp, dám dự đâu đến những phần khăn chầu với áo ngự. Vả lại làm người đàn ông chỉ một vợ là đủ, có làm gì bằng hai ba vợ. Nếu có vui bè vui bạn, vui anh vui em, mà mở cuộc hành-lạc chăng nữa, thì cũng chẳng thiếu gì các ả bồng-lâu. Trần chả phải sở-cầu gì cả, trần chỉ sở-cầu đạt cho cái mục-đích thương người một chút đấy thôi, chả biết mẫu có thuận không ? » Mẫu biết rằng cái người khách này là phàm là tục, không đủ nói chuyện tiên chuyện thánh nữa, mẫu mới trở đi.

Khách mới nghĩ bụng mà phán-đoán rằng các bà với các mợ các cô mê sự đồng-bóng, cũng như các ông với các bác các cậu mê sự hát ả-đào. Cái lý-thú : « *Bồng - lai cảnh - trí tự - nhiên, đăng-lung nguyệt-ảnh hoa truyền thiên-hương,* » cũng như cái lý-thú : « *Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách, quạnh hơi thu lau-lách đìu - hiu.* » Cũng trống, cũng phách, cũng đàn ngọt, cũng hát hay, cũng ngày ngày, cũng đêm đêm, cũng nguyệt hoa hoa nguyệt não-nùng, cũng câu chuyện bẻ-bai, cũng tiếng cười khúc-khích, cũng hình-chất, cũng tinh-thần. Duy các ông với các cậu các bác thì say về cái men rượu, các bà với các mợ các cô thì say về cái khói hương, là hơi khác nhau một chút đấy thôi. Rút cục lại cũng đều là hại cả tính-nết, tổn cả vệ-sinh, mất cả thì-giờ, hết cả sản-nghiệp. Thế mà các ông khi chuốt được cái roi chầu, thì thường phải giấu-giếm như mèo giấu cứt. Các bà khi may được bộ khăn chầu áo ngự, thì tha-hồ mà phô - phang. Các bà thì thường thấy có bà đi xe xồng-xộc đến tận nhà hát mà lôi tượt chồng về ; các ông thì chửa thấy ông nào dám đi giầy cồm-cộp đến tận điện thánh mà lôi tượt vợ về. Các ông đi chơi độ một tối về, thì thường nín hơi nín tiếng mà e-nề cả nhà ; các bà chảy đền độ nửa tháng về, thì thường lên mồm lên miệng mà bắt-nạt cả nhà. Người ta vẫn bảo rằng người đàn-bà bên Âu-châu mới có quyền, nhưng biết đâu cái quyền

người đàn-bà bên Đông-phương, trời còn phải đứng là hạng thứ nhì, người đàn-bà Âu-châu còn là chưa thấm. Nói tóm lại, thì hai cái lịch-sử ấy đều là cái lịch-sử ngây-dại, cái lịch-sử chiến-miên, cái lịch-sử thảm-hại, cái lịch-sử nực-cười. Nay muốn tả ra những cái lịch-sử ấy, thì phải tốn mấy mươi ao mực, mấy trăm cán bút, mấy nghìn tạ giấy mới có thể tả ra được. Thôi hẵng cứ biết rằng hai cái lịch-sử ấy, là hai cái món nợ. Một là cái món nợ hào-hoa 豪華. Hai là cái món nợ tiên-thánh 仙聖. Ông nào bà nào nặng kiếp thì nặng nợ, ông nào bà nào nhẹ kiếp thì nhẹ nợ đấy thôi. Ôi! mĩ-tự các ông, chừng mĩ-tự là Khiếp-hoa-lang 怯花郎. Mĩ-hiệu các bà, chừng mĩ-hiệu là Tu-nguyệt-phụ 羞月婦.

Lại thấy một bọn đàn-bà. Từ cách đi đứng, từ cách ăn mặc, từ cách nói-năng, đối với các hạng người ở trong xã-hội, cũng hơi có vẻ đặc-biệt; đối với cái không-khí ở trong thế-giới, cũng hơi có chiều tự-do, mà xuân-xanh thì lại đương vừa vào trạc xấp-xỉ, thật là một dặng hoa biết nói, biết cười, biết tư-tưởng ở trong cái thì-buổi văn-minh này.

Khi khách đi đến nơi khách mới chào một cô bé-con độ mười-bốn mười-lăm tuổi mà hỏi thăm đường. Cô ấy thấy khách là người hơn tuổi, xử lại với khách một cách khiêm-tốn dịu-dàng. Cô ấy lại là người có ý-tứ và nhanh-nhẩu, hỏi ngay khách rằng: « Ông đi đâu thế, mà ông phải hỏi thăm đường? » Khách mới kể rằng tôi là người ở xứ khác. đến du-lịch xứ này. Cô ấy nghe thấy hai chữ du-lịch, đã biết ngay rằng không phải là người khách thường, trỏ bảo đường-lối một cách ân-cần và minh-bạch kỹ-càng lắm, không khác gì một vị nữ-họa-sư giao cho khách một bức địa-đồ vậy. Khách cũng biết ngay rằng cô ấy hẳn là con nhà nguyên có giáo-dục, trong khi thừa-tiếp ứng-đối, vẫn còn theo có lối gia-phong. Khách nhân hỏi sự học, thì cô ấy còn ít tuổi, học-thức chưa được bao nhiêu. Khách lại nhân nói: « Tôi du-lịch đến đây, tôi cũng muốn tiếp chuyện một cô cao-đẳng nữ-sĩ, nhờ cô giới-thiệu cho. » Cô ấy mới ra giới-thiệu với một cô nữ-sĩ, tuổi độ ngoại hai-mươi. Cô nữ-sĩ ấy nhận lời. Khách lại nhờ cô bé con ấy thông-cáo trước rằng khi ra chào, thì xin theo cái lễ chào của Đông-phương. Cô ấy cũng nghe lời. Khách mới chắp tay như cách lạy vua ra chào. Cô ấy cũng chắp tay như cách lạy phật chào lại. Khách chúc cô mạnh-khỏe, cô cũng chúc khách bình-yên. Rồi khách kể cái lai-lịch và cái ý-kiến đi chơi, cho cô được hiểu.

Khách biết rằng cô là người Đông-phương, cho nên giở một vài câu thuộc về Đông-phương phong-tục, Đông-phương luân-lý, Đông-phương lịch-sử, nhân-loại sinh-hoạt, mọi đường quan-thiết ở trong xã-hội Đông-phương ra nói chuyện, thì cô ấy khiêm-tốn rằng bấy lâu nay còn bận học-hành, chửa lý-hội đến những đường thực-tế. Khách lại chắc rằng cô là người văn-học, cho nên lại giở một vài câu văn-chương quốc-âm ra nói chuyện, mà tỏ ra ý khao-khát rằng ước gì trong làng quốc-văn thường có tay tài-hoa nữ-sĩ xuất-hiện, khiến cho trong làng quốc-văn có cái ảnh-hưởng hồng-quần, có cái mô-phạm khuê-tú, thì quí lắm thay. Thì thấy cô ấy ngẫm-nghĩ mà hình như khiêm-tốn chửa muốn trả lời. Khách mới giở ra một vài câu chuyện tiểu-thuyết Đông Tây; kỳ-thủy cũng thấy cô ấy khiêm-tốn, sau nghe ra thì thấy cô ấy xem được rộng-rãi, nói được ba-lan.

Cô ấy có hỏi khách một điều rằng cái cách-bộ ăn-mặc của bọn chúng tôi, chúng tôi cũng muốn làm ra một cái

cách bộ đặc-biệt, cho khác với người ngoài, cái vấn-đề ấy, ông xét giúp cho ra làm sao ?» Khách nói : « Cái cách ăn mặc của đàn-bà nước ta, bì với đàn bà Âu-châu thì chả dám, nhưng mà so với đàn-bà Tàu cộc-tếch cộc-tác, đàn-bà Nhật-bản lụng-thụng lòa-xòa, thì đàn-bà nước ta gọn-ghẽ và dịu-dàng, là thích-trung hơn. Cứ cái cách-bộ ăn mặc của các bà các cụ ở Hàng-ngang Hàng-đào, thì con mắt chúng tôi đã lấy làm thần-thánh rồi, cứ theo cái lối ấy, tưởng cũng đã đủ phong-vận, đã đủ dung-nghi, không hề phải tìm cách đặc-biệt nữa. Tôi chỉ xin kính chúc các cô đang lúc xuân-xanh, thì đặc-biệt về đường văn-học, mai sau rấn mình vào trong xã-hội, thì lại đặc-biệt về đường kinh-tế, về sự từ-bi. » Cô ấy nói rằng : « Lời ông nói cũng hơi hợp lẽ, chị em chúng tôi cũng có người đã trộm nghĩ như thế. »

Tiếp chuyện xong, lại y như qui-tắc Đông-phương mà làm lễ chào, rồi đi. Xét ra thì lịch-sử cô ấy cũng chửa dám đoán-định là lịch-sử gì. Hỏi ra thì mĩ-tự cô ấy đâu là Thu-khuê 秋 娃.

Khách nhân nghĩ bụng rằng thì-buổi văn-minh này, chắc cũng có nhiều cô nữ-sĩ thông-minh sắc-xảo, học-vấn siêu-quần, so với bọn tu-mi nam-tử, còn hay hơn tám vạn nghìn tư, may ra mình cũng lại được gặp.

Khách lại nhân nghĩ bụng rằng khách tôi đây, vẫn ưa lối khôi-hài, khôi-hài mà vẫn giữ được phần đạo-đức, được phần trung-hậu, được lẽ công-bằng, được bề giá-trị, thì khôi-hài chẳng phải là một lối ngôn-luận có lý-thú hay sao. Duy người đàn-ông trong khi giao-thiệp với người đàn-bà không có phép được dùng lối khôi-hài. Phàm người đàn-ông đối với người đàn-bà trong xã-hội, trừ những người đàn-bà giữ cái nghề-nghiệp tầm-thường ra không kể, còn thì đều phải tôn-kính trang-nghiêm, nhất-thiết coi như thần-thánh. Cho nên khôi-hài ở đâu, chứ không có thể khôi-hài ở trước mặt thần-thánh được. Vậy một đoạn du-lịch này, trong khi quan-niệm ứng-tiếp, không có một chữ nào là chữ can-thiệp về lối khôi-hài. Sau khách cũng chỉ nghĩ bụng mà tả ra một đoạn chính-thức văn-thể nữa, để phán-đoán qua về sự học-hành với cách tiểu-thuyết mà thôi.

Khách tả rằng phàm trong học giới, vô-luận con trai hay là con gái, học chữ Tàu hay là học chữ Tây, có ba cái thời-kỳ, mà trong ba cái thời-kỳ, có ba cái trình-độ. Một là cái thời-kỳ mười bốn mười lăm tuổi trở xuống, còn là thời-kỳ đồng-ấu, đối với sự đời chưa biết cái chi chi, tuy có theo-đòi nghề học, nhưng chửa xem được nổi sách, cái trí-thức, cái đạo-đức, khôn dại hay dở thế nào? toàn là nhờ ở tay ông giáo bà giáo với miệng đức mẹ đức cha cả đấy thôi, đó là đồng-ấu-thời-kỳ, mà là chất-phác-trình-độ. Đến năm mười sáu mười bảy tuổi trở lên, con trai hoặc con gái đều đã đến cái thời-kỳ xấp-xỉ, sự đời đã tiệm hiểu, trong tâm-tình đối với cảnh đời đã tiệm có kích-thích. Gia-dĩ cái khiếu học vừa khai, mới xem được nổi sách. Chao ôi, trong đời người ta, còn gì sướng hơn cái thời-kỳ mới xem được nổi sách nữa, cái thời-kỳ ấy vi như con chim mới ra dàng, cái hoa mới nứt cánh, mặt trời mới rạng đông, mặt trăng mới mồng ba mồng bốn, cho nên vô-luận con trai con gái, mới xem được nổi sách, người nào cũng ham xem sách. Song những sách thuộc về văn-học, sử-học, khoa-học, triết-học, đã xem nổi được đâu, mà đã biết ham đâu ; cái xem cái ham đó, mới là xem nổi được tiểu-thuyết, mà ham cái thú-vị trong tiểu-thuyết mà thôi; bấy giờ cái trí-thức với cái đạo-đức, mới có

phần tự mình chế-tạo ra, đó là tiểu-thuyết-thời - kỳ, mà là cảm - tưởng-trình-độ. Đến ngoài hai mươi tuổi trở ra, học-vấn đã hơi kha-khá, trong tâm-não đã hơi biết suy nghĩ gần xa, đối với cuộc đời, con mắt đã hơi có cách tinh. Người nào tự mình có chí mà cố học cho thật giỏi lên, hay là cha mẹ cưỡng-bách, bắt phải học nữa không được dở chừng, ấy là phần tiến-bộ về đường văn-học, hay hoặc người nào biết cái cảnh tiểu-thuyết là cái cảnh hư-ảo, trong tâm-lý mình biết sáng-tạo ra một cảnh chân-thực riêng, mà quay về thực-nghiệp, để nhận lấy trách - nhiệm, ấy là phần tiến-bộ về đường hành - vi, đó là học-thức-thời-kỳ, mà là cao-siêu-trình-độ. Người nào không thế, thì tuổi dẫu nhiều, tư-tưởng dẫu lan-man, nhưng đối với chiếc thân, đối với cuộc đời, chỉ là cái trình-độ tiểu-thuyết đó mà thôi. Xét ra, trong ba cái thời kỳ, phân-minh là ba tầng không-khí. Một là cái tầng không-khí chất-phác. Hai là cái tầng không-khí tiểu-thuyết. Ba là cái tầng không-khí cao-siêu. Nguy-hiểm nhất là cái tầng không - khí tiểu-thuyết; vì cái tầng ấy chân không đến đất, cật không đến trời, để khiến cho cái hồn người ta bơ-vơ vô-định, chửa biết đâu là nhà mà dậu, chửa biết đâu là chốn mà về. Nay hãng phán - đoán qua về cách xem tiểu-thuyết.

Phàm tiểu-thuyết, vô-luận tiểu-thuyết Tàu hay là tiểu - thuyết Tây, mỗi một bộ tiểu-thuyết tức là một giấc mộng; bộ tiểu-thuyết ngắn tức là một giấc mộng ngắn, bộ tiểu-thuyết dài tức là một giấc mộng dài, người xem tiểu-thuyết tức là một người ngủ thiếp đi mà mơ-màng ở trong giấc mộng; trong khi mơ-màng ấy, bao nhiêu là sự run-run rủi-rủi, quái-quái kỳ-kỳ; đến khi tỉnh dậy, cũng phải biết rằng thế là cát-mộng, thế là ác - mộng mới được. Than ôi! cát-mộng có thể xui nên được cát-sự, mà mai kia sẽ có ngày ứng nên được cát-tường; ác-mộng có thể tạo ra được ác-nhân, mà mai kia sẽ có ngày kết ra được ác - quả. Xem ra, cái thế-giới ngày nay, cơ-hồ là cái thế - giới tiểu-thuyết; tiểu - thuyết không phải là không hay, không phải là không lợi - dụng được. Duy người xem tiểu - thuyết, phải đủ trí - thức phán-đoán được tiểu-thuyết, đủ cái lực-lượng sai-sử được tiểu-thuyết, chớ làm nô-lệ cho tiểu-thuyết, cũng như người trong giấc mộng khi tỉnh dậy, đủ cái tinh-thần sai-sử phán-đoán được giấc mộng, chớ làm nô-lệ cho giấc mộng. Tiểu-thuyết đối với hạng người khác, còn quan-hệ vừa, tiểu-thuyết đối với hạng nữ-lưu, thì lại càng quan-hệ lắm ; tiểu-thuyết đối với hạng nữ-lưu khác, còn quan-hệ vừa, tiểu-thuyết đối với hạng nữ-lưu xấp-xỉ xuân-xanh, thì lại càng quan-hệ lắm. Cho nên phàm trong nữ-giới, người nào xem tiểu-thuyết mà không phán-đoán sai-sử được tiểu - thuyết, thì tức là một đóa hoa sắc nước hương trời, mặc sức trầm-luân trong nghiệt-hải ; người nào xem tiểu - thuyết mà phán-đoán sai-sử được tiểu-thuyết, thì tức là một bà Quan-âm nghìn tay nghìn mắt, mặc lòng hóa phép cho thế-gian.

Lại thấy một ông, trông không ra dáng nông, không ra dáng thương, không ra dáng công, chỉ hơi ra dáng sĩ mà thôi, hình người thì chàng-nhàng, chẳng gầy chẳng béo ; cách người thì ngất-ngưởng, chẳng tục chẳng tiên, tựa như ông Đông-Phương Sóc 東方朔 (1). Khách đã nghĩ bụng rằng ông

(1) Đông-Phương Sóc = Người đời nhà Tây-Hán, nổi tiếng khôi-hài.

này hẳn là trạng khôi-hài. Khách hỏi mĩ-tự ông là gì? Ông ấy nói mĩ-tự tôi là Tự-do 自由. Khách hỏi qui-chức ông là gì? Ông ấy nói qui-chức tôi là « bố-dĩ ». Khách hỏi ông ăn lương của ai? Ông ấy nói tôi ăn lương mẹ-dĩ. Khách vỗ tay cười mà khen rằng cái chức ấy thế mà sang đấy, cái lương ấy thế mà chắc đấy.

Ông ấy nói: « Cái chức ấy thế mà cũng khó, phải tô-tỉnh cái lý-lịch bố-dĩ cho được tốt đẹp, dù chửa được tốt đẹp thì cũng được trong-trẻo; nếu có sự xấu, thì cũng nguy ngay; nếu nhiều sự xấu, thì lại càng nguy lắm. Tôi ba lần bị khiển-trách, một lần say rượu, một lần thua bạc, một lần trộm phép đi nằm nghiêng, tập-tè xơi thuốc phiện. Lại ba lần mông-đắc-cách mà lại triệt-lương, một lần vớ (1) cô Hai, một lần xuất-lợm (2) với cô Năm, một lần ma-la (3) với cô Tám. Tôi mấy năm nọ lật-đật mãi, những khiển-trách là khiển-trách, những đắc-cách là đắc-cách, những triệt-lương là triệt-lương. May sao lại được ân-xá, cho khai-phục nguyên-hàm duyên-nợ, về cung-chức bố-dĩ; mấy năm nay tôi đã được hanh-thản. Khi tôi ở chính-phủ buôn-bán của mẹ-dĩ, thì tôi thực-nhận cái chức thư-ký, để biên chép sổ hàng. Khi tôi ở chính-phủ canh-nông của mẹ-dĩ, thì tôi thay mặt bà điền-chủ ra làm ông điền-chủ, để đốc-suất người cày. Khi tôi ở chính-phủ tế-tự của mẹ-dĩ, thì tôi được hiển-nhiên làm một người gia-chủ, đứng kỷ-niệm tổ-tiên. Khi tôi ở chính-phủ giáo-dục của mẹ-dĩ, thì tôi lại được nghiễm-nhiên làm một ông giáo-sư, dạy mấy anh mấy chị tiểu-học-sinh về đường sơ-đẳng thể-dục, trí-dục với đức-dục. Tôi vẫn được tưởng-lục luôn luôn. Năm nọ tôi chẳng ra gì, tôi bị giáng làm chức thằng chồng, bây giờ tôi đã kha-khá, tôi mới thăng-thưởng lên chức thầy-nó. Mới rồi trong chính-phủ mẹ-dĩ có rục-rịch thi-hành một cái nghị-định về sự đặc-cách, thưởng cho thầy-nó một vị tiểu-tinh (vợ lẽ). Tôi từ chối rằng tôi đối với chính-phủ mẹ-nó, còn nhiều ân-ái chan-chan, miễn là mẹ-nó khỏi ngậm quả bồ-hòn, tôi khỏi mang tiếng là dần-ngu, để khỏi tạc bia lên cho thế-gian cười là hơn, chứ tôi là người dở thằng dở ông, dở anh-hùng, dở bị-bẹp, tôi được thăng chức thầy-nó, ăn yến bằng tương gừng cá gỏi, phẩm-phục bằng quần lụa áo chồi, ẩn ngà bằng cục phấn, gươm bạc bằng roi mây, quân-hầu bằng cậu cu với cô ả, vi-trát-sức-sự, vi-hiểu-thị-sự bằng *a ă â* với *e ê i*, tặng-phong tam-đại bằng một bó hoa với cái lư-hương, thuộc-hạ bái-phụng bằng mảnh giấy hồng hoàng với bộ liễn long-phượng, thế là tôi được yên thân-thế, chứ tôi còn toan nỗi nào. Rồi trong chính-phủ mẹ-dĩ có phát ra một đạo tưởng-lục rõ dài rằng: Xét ra, thầy nó hiện sung vào chức bố-dĩ, siêng năng việc nhà, gia công giúp vợ, kiền-thành khấn tổ, chăm-chỉ dạy con, không say sưa chè rượu, không nghiện ngập thuốc sái, không ham mê cờ bạc, lại tinh cập cả không say gái nữa, thật là người biết nghĩa-vụ mà cao-thượng khá khen; nay tưởng lục! — Nhưng tôi cũng chẳng dám khoe gì với ông, tôi học sách năm châu, xem qua thời-thế, chỉ những mong góc bể bên trời, chẳng may công-danh hai chữ lờ-đờ, vậy phải dạy con cho vợ mà nhờ miếng lương. Cái lịch-sử tôi, âu cũng là cái lịch-sử lờ-đờ đấy thôi.

(1) Vớ = Lấy.
(2) Xuất lợm = Nhân-tình.
(3) Ma-la = Ở với nhau. Vớ, xuất-lợm, ma-la, đều là tiếng lóng ả-đào.

nói ra lắm thì lại càng hồ nhiều đấy, ông ạ. »

Khách nói : « Vinh thì cũng chẳng vinh, nhưng mà hồ thì cũng chẳng hồ gì mà hồ. Nếu ăn lương mẹ-đĩ mà chỉ ăn báo-cô không biết nghĩa - vụ, thì mới hồ, chứ biết nghĩa-vụ, thì bố-đĩ cũng ra phết thày-nó hẳn - hoi, đối với hoàn-cảnh (1), đối với ký-vãng (2), đối với tương - lai (3), đều có cái trách-nhiệm to-tướng cả đấy, việc gì mà hồ. Tôi cũng chắc rằng bà mẹ-đĩ nhà ông cũng là một bà mẹ-đĩ thần-thánh đấy, đủ cái tư - cách thưởng-phạt ông, giáo-dục ông. Tôi lại chắc rằng bà mẹ-đĩ nhà ông cũng là một bà mẹ-đĩ thủ-cựu, yêu cái lý-tưởng cưỡng-bách, trọng cái luân-lý gia-đình, thì ông mới được thế. Nếu bà ấy là bà mẹ-đĩ duy-tân, ông được tự-do đàng ông, bà được tự-do đàng bà, thì ông đã mở ra được cái tân-thế-giới ở trên nguyệt-cầu rồi, chứ ông vi-tất đã được như thế. » Ông ấy cả cười. Khách cũng cả cười.

Khách bấy giờ mới nghĩ bụng rằng ta tự lúc du-lịch trong xứ Phi-vô này, gặp các nhân-vật, ta chỉ mới chăm hỏi lịch-sử với mĩ-hiệu mĩ-danh, các lịch-sử nghe cũng đã thú, các mĩ-danh mĩ-hiệu nghe cũng đã kỳ, nay ta lại muốn biết thêm qui-tính là gì nữa.

Nhân hỏi qui-tính của các nhân-vật trong xứ Phi-vô này là gì. Ông Đông-Phương Sóc đệ-nhị ấy lại cả cười mà rằng tiểu-tính chúng tôi là họ Bất, nhân-vật họ Bất chúng tôi, là nhân - vật hay cả đấy, duy có thứ Bất hay vừa, có thứ Bất hay lắm, ông mới được biết thứ Bất hay vừa, chứ ông chửa được biết thứ Bất hay lắm. Khách nghe nói, lại càng hăm-hở. Nhân lại hỏi nhà thờ họ Bất ở nơi nao, xin cho khách vào xem.

Khi khách vào xem, thì quả-nhiên thấy đề là «*Bất-thị từ-đường* 不氏祠堂». Xem ra thì qui-mô chỉnh-tề, cơ-sở chắc-chắn, kết-cấu tinh-vi, cũng xứng-đáng là một lối cổ-văn-minh. Chỉ nỗi hơi thấp với hơi hẹp, và đã lâu ngày, thì cũng hơi cũ mà thôi. Nếu được điều-hòa với cái vẻ văn-minh của thế-giới nữa, thì sẽ xứng-đáng là một cách kim-cổ kỳ-quan.

Trong nhà thờ, có hai chữ « *Tứ-duy* 四維 » yết lên ở gian giữa. Lại có bốn cái cột, thuộc về tứ-trụ. Một cột đề là cột *lễ* 禮. Một cột đề là cột *nghĩa* 義. Một cột đề là cột *liêm* 廉. Một cột đề là cột *sỉ* 恥. Lại có một bức đề mười sáu chữ rằng : « *Lễ-nghĩa, liêm, sỉ, thị vị tứ duy, tứ-duy bất trương, tộc nãi diệt - vong.* 禮義廉恥。是謂四維。四維不張。族乃滅亡。 » Xét ra thì là câu cách-ngôn của một vị tiền-triết ở Đông-phương, có đổi đi một chữ, nhưng nghĩa vẫn y-nguyên. Cắt lấy nghĩa ra, thì nghĩa là : điều lễ, điều nghĩa, điều liêm, điều sỉ, gọi là bốn cái mối-giường ; nếu bốn cái mối - giường ấy mà không rõ-rệt ra, thì họ hàng nòi-giống tất bị diệt-vong. Đó là cái lời người trước răn-bảo người sau, cũng ám - hợp với câu phương - ngôn ta rằng : « *Bảo con con phải nghe lời, con nghe ông hềnh đi đời nhà con.* » Ý cũng là bảo con những điều lễ-nghĩa liêm-sỉ, thì con phải nghe lời; đến như những điều phi-lễ, phi-nghĩa, vô-liêm, vô-sỉ, đều là những lời xui dại xui dột của ông Hềnh cả đấy, nếu con nghe ông ấy mà con bỏ những điều lễ-nghĩa liêm-sỉ đi, thì con cũng hóa ra một giống ngợm, mà con đi đời nhà con.

---

(1) Hoàn-cảnh = Các vật-tượng cảnh-tượng ở quanh mình.
(2) Ký-vãng = Những sự thuộc về ngày trước.
(3) Tương-lai = Những sự thuộc về ngày sau.

Khi khách mới trở ra, khách lại được giao-thiệp với một bọn người, bọn người ấy cũng khá đông, hồ đủ cả các hạng người, người thì bình-dân, người thì quan-trưởng, người thì cựu-học, người thì tân-học, người thì lão-đại, người thì thanh-niên, người thì phú-ông, người thì nữ-lưu. Coi ra thì hãy còn hơi hủ-bại, chứ chửa được là thật văn-minh, hãy còn khí hom-hem, chứ chửa được là thật béo-tốt. Nhưng khi giao-thiệp với khách, cũng hơi có ý tương-kính tương-thân, khi giao-thiệp với nhau, cũng hơi có ý hợp-quần hợp-đức. Duy có một điều cũng hơi khá khen, là một điều người tân-học với người cựu-học, cứ lối ra thì như nước với lửa, như mặt trời với mặt trăng, thế mà họ lại biết chơi với nhau, chắc là họ có một cái tinh-thần điều-hòa đó. Chao ôi! cái vấn-đề dân-tộc ở phương Đông ngày nay, cốt nhất là cái vấn-đề tân-cựu điều-hòa, nam-giới cũng vậy, mà nữ-giới cũng vậy. Nếu những cựu cả, thì ông cũng tiểu-giang-sơn đàng ông, mà bà cũng tiểu-giang-sơn đàng bà. Nếu những tân cả thì cô cũng tân-thế-giới đàng cô, mà cậu cũng tân-thế-giới đàng cậu. Ông, bà, cô, cậu, bên tân bên cựu, có cái tinh-thần điều-hòa với nhau, thì dân-trí dân-đức mới có thể tiến lên được. Nhưng muốn điều-hòa hai cái tinh-thần ấy, thì phải lợi-dụng một thứ văn-tự của mười hai bà mụ chế-tạo ra đó. Thứ văn-tự ấy là văn-tự gì? là văn-tự quốc-âm.

Khách nghĩ bụng phán-đoán xong, mới ngỏ lời xin phép các người, để được lần lượt ra kính hỏi từng người rằng: Thưa ông, mĩ-tự ông là gì? — Người ấy cũng thưa lại rằng: thưa ông, tiểu-tự tôi là Bất-nọa 不惰 (1). — Lịch-sử ông là gì? — Lịch sử tôi là lịch-sử đi cày. — Lại hỏi mĩ-tự ông là gì? — Tiểu-tự tôi là Bất-khi 不欺 (2). — Lịch sử ông là gì? — Lịch-sử tôi là lịch-sử lái-buôn. — Lại hỏi mĩ-tự ông là gì? — Tiểu-tự tôi là Bất-cảm-bất-tinh 不敢不精 (3). — Lịch-sử ông là gì? — Lịch-sử tôi là lịch-sử con nhà nghề. — Lại hỏi mĩ-tự ông là gì? — Tiểu-tự tôi là Bất-cảm-bất-tiến 不敢不進 (4). — Lịch-sử ông là gì? — Lịch-sử tôi là lịch-sử con nhà học. — Lại hỏi ông mĩ-tự với lịch-sử là gì? — Tôi tiểu-tự là Bất-tham 不貪 (5), lịch-sử là lịch-sử đèn trời. — Lại hỏi ông mĩ-tự với lịch-sử là gì? — Tôi tiểu-tự là Bất-lận 不吝 (6), lịch-sử là lịch-sử phú ông. — Lại hỏi ông mĩ-tự với lịch-sử là gì? — Tôi tiểu-tự là Bất-câu 不拘 (7), lịch-sử là lịch-sử chi-hồ (之乎), lịch-sử dã-giả (也者). — Lại hỏi ông mĩ-tự với lịch-sử là gì? — Tôi tiểu-tự là Bất-vong 不忘 (8), lịch-sử là lịch-sử « xê đin » (*c*), lịch-sử « ép phờ » (*f*).

Thứ-chi lại hỏi mĩ-hiệu với lịch-sử các bà với các cô. Các bà các cô kể ra, người thì tiểu-hiệu là Bất-nhị-thư

---

(1) Bất-nọa = Chẳng lười biếng.

(2) Bất-khi = Chẳng nói dối cái lương-tâm mình và chẳng nói dối người.

(3) Bất-cảm bất-tinh = Chẳng dám chẳng tinh-xảo.

(4) Bất-cảm bất-tiến = Chẳng dám chẳng tấn-tới.

(5) Bất-tham = Chẳng tham-lam của người.

(6) Bất-lận = Chẳng bỏn-sẻn, chẳng tiếc của mình.

(7) Bất-câu = Chẳng câu-nệ mà biết nghĩa tùy-thời.

(8) Bất-vong = Chẳng quên những đường nguồn gốc của tổ-tiên mình.

不二姐 (1), người thì tiểu-tự là Bất-nhẫn-nương 不忍娘 (2), Bất-muội-khanh 不昧卿 (3), vân-vân. Mà lịch-sử thì đại-khái cũng là cái lịch-sử danh-tiết, cái lịch-sử từ-bi, cái lịch-sử tư-tưởng.

Khách mới nghĩ bụng rằng nhân-vật trong xứ Phi-vô này, cũng nhiều vẻ lắm thay. Khách lại nhân kính hỏi vị thủy-tổ trong quí-tộc đây là vị gì? — Vị thủy-tổ họ chúng tôi là vị Bất-phàm 不凡 (4). — Lịch-sử vị thủy-tổ đây những thế nào? — Lịch-sử vị thủy-tổ chúng tôi là cái lịch-sử rực-rỡ, cái lịch-sử vẻ vang. — Khách lại lấy làm vui-vẻ lắm.

Khách nhân nghĩ bụng rằng mình du-lịch đến hồi này, cái thái-độ khôi-hài, đã chuyển ra cái thái-độ cảm tưởng, cho nên khôi-hài phần ít, m giải-thích với phán-đoán phần nhiều. Người xem cuộc đời nên hiểu rằng cuộc đời đương lúc phiền-phức đua chen, có vai hề ra đời là thú, mà thỉnh-thoảng lại có vai đồ-gàn ra đời, để giải-thích cho cuộc đời, phán-đoán cho cuộc đời một đôi chút, cũng là thú.

Khách mới trở ra về, khi sắp-sửa ra về, lại giơ tay kính chúc anh-linh vị thủy-tổ họ Bất sáng-láng ở trên trời, và kính chúc nhân-vật ở xứ Phi-vô này muôn tuổi, kính chúc chư-vị quí-nhân ở đây trăm tuổi, rồi từ-biệt ra về. Khi về, khách lại nghĩ bụng rằng cái lịch-sử họ Bất, là cái lịch-sử thú-vị, là cái lịch-sử li-kỳ, nhân ghi lại sự du-lịch đầu đuôi, diễn ra một bản khôi-hài, để tả về lịch-sử họ Bất.

TÙNG-VÂN

Je n'ai pour moi que l'Idée, un idéal de vérité et de justice. Et je suis bien tranquille, je vaincrai.

EMILE ZOLA

∴

On a le talent qu'on peut, mais on est le maître de son caractère, et la première œuvre d'un homme, c'est de défricher son caractère, de le maintenir, de l'élever. Les livres qu'on fait ne sont que les notes marginales de l'œuvre qu'on accomplit en soi-même.

CAMILLE MAUCLAIR

Tôi chỉ có một cái lý-tưởng ở trong lòng, một cái lý-tưởng chân-thật công-bằng. Mà tôi chắc thế nào tôi cũng thắng được.

∴

Người ta may ra thì có tài, nhưng nhân-cách là ở tự mình, và cái sự-nghiệp thứ nhất của một người là phải « khai-khẩn » cái nhân-cách ấy, bảo-tồn lấy nó, tăng-tiến nó lên. Những sách mình trước-thuật chẳng qua là những cước-chú của một quyển sách lớn mình làm ở trong mình.

---

(1) Bất-nhị-thư = Người đàn-bà chính-chuyên chẳng thờ hai chồng.

(2) Bất-nhẫn-nương = Người đàn-bà từ-bi biết thương người.

(3) Bất-muội-khanh = Người đàn-bà thông-minh hiểu được nhiều mọi lẽ.

(4) Bất-phàm = Là bậc thần-thánh, chẳng phải là bậc phàm-thường.

TÂM-LÝ HỌC (1)

II

IV

Dòng tư-tưởng

(*Le courant de la pensée*).

Trong óc người ta, hết tư-tưởng nọ, đến tư-tưởng kia, như mặt sông hết làn sóng nọ đến làn sóng kia. Trên kia (mục thứ hai : Tâm lý-học là khoa-học thần-hồn) đã nói rằng phần nhiều chữ dùng về tâm-lý-học là lấy ở vật-lý-học ; chữ « dòng tư-tưởng » này cũng là chữ mượn tạm để dễ hiểu mà thôi, chứ « dòng tư-tưởng » không như dòng nước. Bao nhiêu việc tưởng-tượng, ký-ức, trừu-tượng, khái-niệm, v. v., đều ở trong « dòng tư-tưởng » cả. Vậy trước khi xét các việc đơn-sơ kia thì ta hãy xét cái vấn-đề bao gồm, trùm lấp cả, là « dòng tư-tưởng » này. Tư-tưởng — tức là gồm cả các năng-lực khác như tưởng-tượng, ký-ức, trừu-tượng... — có những tính-cách gì ?

1°) Không tư-tưởng nào rời được cái nhân-tính người ta ;

2°) Tư-tưởng biến-hóa luôn ;

3°) Dòng tư-tưởng không bao giờ gián-đoạn ;

4°) Tư-tưởng biết chọn lọc.

Không tư-tưởng nào rời được cái nhân-tình người ta. — Mỗi người có một nhân-tính riêng thì mỗi người có một tư-tưởng riêng, không ai chung tư-tưởng với ai (2).

Nhân-tính thứ hai (*Personnalité seconde*) — Có khi nhân-tính người ta khai-phân ra làm đôi, hình như không có quan-hệ gì với nhau. Khi tự-nhiên thôi-miên, hay là bị người đánh thôi-miên, thì nhân-tính *tách làm đôi*, làm hai người. Đây ta không thể bàn kỹ về thuật thôi-miên được, nhưng đại-khái những việc « khăn xanh áo đỏ », có hồn đồng-thiếp, có lẽ cũng là thuật thôi-miên cả là lúc nhân-tính *khai-phân*, tách vỡ ra làm đôi cả. Khoa-học không chịu một lẽ gì, hiện nay các việc mà ta cho làm quái-gở đó, khoa-học đã tìm ra hầu hết các định-lệ rồi. Có một ngày kia, các môn học đó sẽ phổ-thông thì những việc ấy mới dễ hiểu. Nhưng đại-khái ta cũng biết rằng có nâu một cái chân-lý ở trong các việc ấy cả.

Tư-tưởng biến-hóa luôn. — Không bao giờ người ta qua một tư-tưởng hai lần. Hai lần cùng trông thấy một cái bàn, hai lần cùng ngửi một hương thơm, hai lần cùng nghe một tiếng, thì lần trước, lần sau, có cùng một cảm-giác không ? Ông W. James nói rằng : « Như thế mà còn chối rằng không cùng một cảm-giác thì hình như ngụy-biện ; nhưng, nếu xét cho kỹ thì cũng có lý. Tưởng là hai lần cùng một cảm-giác là vì cái cố-tật của người ta chỉ lấy cảm-giác làm vật-liệu để dò cái chân-lý nâu ở trong sự-vật mà không chịu xét ngay cái cảm-giác đó, cái vật đó. Này cỏ ở chỗ nắng sắc khác cỏ trong dâm, người thợ vẽ tất dùng hai thứ thuốc khác nhau mà vẽ. . . Ông Helmboltz có nói rằng : « Hòn đá trắng trên bức tranh vẽ sáng trăng, lúc ban ngày xem còn sáng gấp nghìn sắc hòn đá trắng thật để dưới bóng trăng thật » Ta đọc hai lần một trang sách mà hai lần hai hứng-thú khác nhau ; cảnh trời trước vui coi đẹp, mà nay buồn coi xấu... vân vân. Thật như lời ông Héraclite

(1) Xem *N-P*. số 89.

(2) Đã bàn rồi ở trên kia về mục : Tính-chất các tâm-lý hiện-tượng.

nói rằng : « Chẳng hai lần tắm một dòng sông » [(*Nous ne nous baignons pas deux fois dans le même fleuve*. HÉRACLITE, philosophe de la Grèce antique).]

Dòng tư-tưởng không bao giờ gián-đoạn. — Trước khi nói rằng dòng tư-tưởng không gián-đoạn, ta hãy xét trước mấy lúc mà thường vẫn cho rằng đến lúc ấy thì tư-tưởng gián-đoạn, như là lúc ngủ. Ngủ không làm cho tư-tưởng gián-đoạn, vì trước khi ngủ cũng biết rằng lúc ngủ là một lúc linh-hồn phảng-phất, qua một thời-kỳ « tiềm-thức » (*phase inconsciente*) chứ không bao giờ lại tưởng rằng giấc ngủ là một cái lỗ trống không ở tâm-lý, giấc ngủ cắt đứt tâm-lý ra làm hai đoạn. Khi tỉnh, không ai lấy đời láng giềng làm đời mình.

Nếu tư-tưởng không gián-đoạn thì nay lại phải xét xem các cảm - giác tình-tự tiếp-tục luân-lưu như thế nào. Chắc rằng trong tâm-lý nhiều lúc thay-đổi thật mau, như đang ngờ mà hốt-nhiên tin, đang yêu mà ghét, đang giận mà lành, nhưng trong khi thay đổi đó « dòng tư - tưởng » không dừng lại chút nào. « Dòng tư-tưởng » vừa chảy, vừa đón thêm dòng khác phụ vào cho to thêm ra, không lúc nào dừng lại mà đón dòng khác.

Đời tâm-lý có biến-cải luôn, lúc vui, lúc buồn, lúc yêu, lúc ghét. Nhưng, nếu cái ghét của tôi không có một hai điều đủ gợi ra cái yêu thì không khi nào đang ghét lại hóa yêu. Một tiếng nổ to, một cảm-tình mạnh sở-dĩ làm cho người ta khó chịu là vì không hợp với « dòng tư-tưởng » trong tâm-lý. Cái gì làm cho ta khó chịu là cái trái với ta : đang yên lặng mà hốt-nhiên có tiếng động to ; cái hốt-nhiên đó nó làm cho người ta khó chịu chứ không phải cái tiếng to. Nhưng « dòng-tư tưởng » cũng không vì đó mà đứt khúc, chỉ chuyển trạng-thái nọ sang trạng-thái kia mà thôi.

Như lúc quên một tên người tên đất mà nghĩ thì trong óc cũng có cái nghĩ chứ không có chỗ trống không. Ví như có người bảo rằng : « Này nghe đây ! » Chưa nghe được tiếng gì thì chưa có ý gì mới, nhưng mà linh-tính đương đợi chứ không phải linh-tính không hoạt-động. Những lúc tinh-thần vơ-vẩn, không nghĩ việc gì, không tưởng sự gì, không buồn, không vui, lúc đó tưởng rằng linh-hồn nghỉ. Có phải thế đâu : linh-hồn đang nghĩ sự vu-vơ.

Tư-tưởng biết chọn lọc. — Biết tri-giác, tức là biết chọn. Không cứ rằng khi làm một bài tính, nghĩ một vấn-đề gì ta mới cân-nhắc, chọn việc này, bỏ việc khác. Khi mới mở mắt ra trông thế-giới này là đã biết tuyển-trạch (chọn lọc) rồi ; khi tri-giác, khi ký-ức, khi tái-tưởng, khi mộng-tưởng, khi hôn-mê, ta đều biết chọn lọc cả.

Các nhà vật-lý-học nói rằng : bao nhiêu hiện-tượng vật-lý cảm giác-quan ta đều là sự «chiến-động» (*mouvements vibratoires* 顫動) cả. Mắt cảm các « luồng sóng ánh sáng, » tai cảm các «luồng sóng tiếng», vân-vân. Mắt không cảm được hết cả các « luồng sóng ánh sáng » (光波 = quang-ba = *ondes lumineuses*), tai không cảm được tất cả các «luồng sóng tiếng» (聲波 = thanh-ba = *ondes sonores*), tiếng nhỏ quá không nghe thấy, tiếng to quá cũng không nghe thấy. Giác-quan biết chọn cái vừa vào sức mình cảm được. Thế gọi là giác-quan biết chọn.

Lá cây trông mỗi lúc một khác, thế mà ta biết chọn một sắc xanh mà chỉ sắc lá ; cùng một cảnh, mỗi người trông có một cảm-tình riêng, đó cũng là biết chọn cái cảm-tình thích-hợp với ý mình.

V

Đời tiềm-thức (*La vie inconscienie* 潛識之力). — Từ trên đến đây ta vẫn phải gượng cho hai chữ ý-thức đồng nghĩa với hai chữ tâm-lý. Hiện-tượng nào đã thuộc về tâm-lý tất là có ý-thức, hiện-tượng nào không biết đến nữa thì gác ra ngoài cõi tâm-lý.

1o) Nói rằng : Có hiện-tượng tiềm-thức u-âm về tâm-lý, không có nghĩa gì cả, cũng tức như nói rằng có một cái tư-tưởng không phải là tư-tưởng. Cái gì mình biết là mình có nghĩ tới ; cái gì không biết

đến nữa, không nghĩ tới nữa, thì ở ngoài tâm-giới.

2o) Dù rằng có hiện-tượng tiềm-thức về tâm-lý nữa thì những cái hiện - tượng ấy không ai thấu được, không ai biết được. Hiện-tượng ấy đã là tâm-lý-hiện-tượng thì không thể xét ở ngoài như các hiện-tượng vật-lý được; hiện - tượng ấy lại tiềm-ẩn thì không tự xét ở trong được. Một hiện-tượng mà như thế thì có cũng bằng không.

Thuộc về câu thứ nhất thì nhà tâm-lý-học trả lời rằng : Ta thường quen cho rằng cái gì thuộc về ý-thức là thuộc về tâm-lý, vì ta chỉ xét cái ý-thức mà biết cái tâm-lý. Đời tâm-lý không cứ là đời tư-tưởng. Đời tâm-lý là gồm cả các hiện-tượng đã qua tâm-giới một lần, không cứ là nay còn rõ hay đã mờ.

Thuộc về câu thứ hai, nhà tâm-lý-học nói : Ta chỉ có thể trông thấy một nửa mặt trăng, thế mà không có nhà thiên-văn nào chối rằng nửa kia không có ; ta có cảm thấy luồng-sóng tinh-khí (精氣 = *éther*) đâu, mà nhà vật-lý-học vẫn đo được ? Vì rằng nhà thiên - văn cho mặt trăng là khối tròn; vì rằng nhiều hiện-tượng ép nhà vật-lý-học phải nhận có chất tinh-khí, có sóng tinh-khí.

Ý-thức-trường (*Champ de la Conscience*) — Nhà vật-lý-học nói có từ-khí-trường (*champ magnétique*), thị - giác-trường (*champ visuel*) thì nhà tâm - lý-học cũng nói có ý-thức-trường. Khi người ta mắc phải các bệnh về tâm-lý thì cái ý-thức-trường hẹp lại, người sáng-suốt thì cái ý-thức-trường rộng ra. Ở giữa cái ý-thức-trường có một chỗ thật sáng, rồi cứ nhạt dần, mờ dần cho đến những ven bên thì mập-mờ như tối. Thí-dụ như hiện nay tôi đang viết trang sách này, trong trí tôi nhiều việc bận lắm. Tôi trông giấy tôi viết, giòng chữ tôi viết, bụng tôi nghĩ đến một câu triết-học nào đó, tôi gợi nhớ những bài tôi đọc trước, hoặc các ý-tưởng tôi nghĩ trước có quan-hệ đến trang sách này ; những cái đó đang ở vào giữa ý-thức-trường của tôi. Nhưng trong khi tôi đang viết, đang nghĩ, tôi cũng phảng-phất nghe thấy tiếng xe chạy ngoài phố, tiếng đứa ở quét nhà, tiếng hàng phố rộn-rịp, tiếng lửa reo trong bếp, bụng tôi cũng biết đại-khái bấy giờ là mấy giờ ; những cái đó ở ven ý-thức-trường tôi cả, ở vào chỗ mập-mờ, ở vào chỗ tiềm - thức (Người Đức gọi chỗ sáng nhất của ý-thức-trường là *Blickpunkt*, ta dịch là trung-tâm ; gọi ý-thức-trường là *Blickfeld*.)

Bao nhiêu tư-tưởng, bao nhiêu cảm-giác đã đời trung-tâm ý-thức-trường mà ra ngoài ven tối rồi, thành ra một món tiềm-thức-tâm-lý rồi, cũng vẫn còn có ảnh-hưởng đến cuộc hành-động của người ta. Nhờ có cái đời tiềm-thức đó mà người ta có bản-năng (*instinct*), có tính-nết, có cảm-hứng, có tài-năng.

Đời tiềm-thức lúc bình-thường. — Trước khi chưa biết viết thì viết khó, đến khi biết viết rồi viết rất dễ, lúc ấy có để tâm đến sự viết không ? Có phải lúc ấy là lúc đời ý-thức không có không ? Ông W. James và Ông S. Mill bảo rằng những lúc ấy sự để tâm vào rất nhanh mà quên ngay đi (*Consience rapide suivie d'oubli*). Khi ngủ, nằm mộng thấy gì, đang lúc mộng thì tâm-lý qua hồi ý-thức, thức dậy lại quên ; thế cũng là ý-thức nhanh mà quên ngay. Nay xét cái nhiệm-vụ của các ý-tưởng tiềm-thức trong các năng-lực của người ta ra thế nào.

1o. *Lúc đời tâm-lý mới phôi - thai.* — Trên ta đã phân-biệt cái « bản-ngã » với cái « phi-ngã », cái thế-giới « chủ-quan » (*sujet*) với cái thế-giới « khách-quan » lúc sơ-sinh không có ngay. Trong cái thời-kỳ ấy, — ông Maine de Biran gọi là thời-kỳ « thuần-tính » (*affectivité pure*) thì cái « bản - ngã » lẫn với cái « phi - ngã », tâm-giới vật-giới hỗn-độn. Trong thời-kỳ

ấy, nhất cảm nhất giác đều u-âm phảng-phất, không có ký-ức gì cả, nghĩa là những cái ấy ra ven «ý-thức-trường» cả, thành ra phần tiềm-thức cả, phần tiềm-thức ấy rất quan-hệ cho sự cấu-thành tính-cách sau này cả.

2° *Lúc kết cảm-tình.* — Một sự cảm-động ngẫu-nhiên nhiều khi là phát-điểm của một sự khuynh-hướng to. Bao nhiêu sự khuynh-hướng, trước còn ở vùng ven «ý-thức-trường», còn ở chỗ tối-tăm u-ám, sau nhân một việc gì mới vụt phát-hiện ra. Nàng Kiều, khi còn ở nơi trướng rủ màn che thì còn trong-sạch ; khi đã phiêu-bạt giang-hồ rồi, sự bất-lương đã mờ-vẽ trong tâm-trí. Đến lúc ở Quan-âm-các trốn đi, cái hình-ảnh mờ-vẽ ở chỗ tối của «ý-thức-trường» mới xuất-hiện ra, cho nên nàng mới nghĩ đến kế bất-lương là kế lấy chuông vàng khánh bạc, là kế đến nói dối Giác-Duyên sư-trưởng. Nhiều khi thấy có người đổi tính cực chóng, nhưng tâm-lý-học xét ra thì sự đổi tính ấy đã mờ-vẽ trong trí đã lâu, chưa được dịp xuất-hiện mà thôi.

3° *Lúc tri-giác (perception).* — Sau này, ta sẽ biết rằng tri-giác là cảm-giác thêm ký-ức. Các điều ký-ức đó nhiều khi ở vòng tiềm-thức.

4° *Lúc hội-ý liên-tưởng (association d'idées)* — (Sẽ bàn sau, ở mục liên-tưởng).

5° *Lúc phán-đoán, lúc dựng các ý khái-quát.* — Khi đọc một chữ lên, tất có hình-dung các ý-nghĩa chữ ấy; nếu không thì chỉ là một tiếng kêu vô-vị. Sự hình-dung ấy ở trong vòng tiềm-thức, khi nào ta không cần-dùng đến; khi cần phải hình-dung ra thì tất bao nhiêu hình-ảnh ra ngay. Khi phán-đoán rằng : « Thúc-sinh là một thằng vừa si-tình, vừa ngốc». Câu ấy chỉ có nghĩa cho những người đã biết truyện *Kiều*, nghĩa là đã có sẵn hình-ảnh chú Thúc Kỷ-Tâm ở ven cái «ý-thức-trường».

6° *Lúc tưởng-tượng* — Lúc phải làm việc gì bằng trí, — như nghĩ một vấn-đề khoa-học, tìm một cái tính về số-học, nghĩ một hình mĩ-thuật, — có khi nghĩ nát óc không ra, phải vứt đi một chỗ mà nghĩ. Cách lâu lại giở ra nghĩ, chưa kịp nghĩ mà vụt thấy vấn-đề giải-quyết xong. Thường ra thì gọi là tự-nhiên, nhưng theo tâm-lý-học thì là sự hoạt-động của đời tiềm-thức. Khi nghĩ không ra mà vứt đi để nghĩ, tức là đem việc ấy vứt vào cái chỗ ven «ý-thức-trường». Khi đang nghĩ việc khác, hoặc đang nghỉ thì cái phần tiềm-thức vẫn hoạt-động ; khi phần tiềm-thức đã giải-quyết được vấn-đề rồi thì vụt chốc hiện ngay ra chỗ trung-tâm của « ý-thức-trường » (tức là *blickpuukt* của người Đức). Bởi thế cho nên trước khi đi ngủ học một bài chưa thuộc, sáng tỉnh dậy thành ra thuộc là vì thế.

7° *Trong sự tập quán* — Lúc đi, lúc viết, lúc đọc sách, lúc đi xe-đạp đã quen, tất không phải chú-ý đến sự cử-chỉ của chân tay, không phải nhận từng nét chữ, vì rằng những khi đó là cái đời tiềm-thức làm việc.

8° *Lúc quả-quyết.* — Khi quả-quyết làm việc gì mà ai bỏi cớ làm sao có khi bối-rối không nói được là vì các cớ ấy còn ở sô tối cả.

9° *Lúc ngủ và lúc mơ-màng.* — Trong lúc ngủ tinh-thần phảng-phất, qua một hồi tiềm-thức, bởi vậy nên diễn-dịch các cảm-giác sai-lầm. Như nghe trống đình bên cạnh, mê thấy xem rước, để tay lên ngực tưởng có người đè. Lúc mơ-màng hão, mộng-tưởng xằng, thì tư-tưởng bông-lông, không gì ngăn đón lại. Mộng-tưởng tô-điểm thêm cho cuộc đời, là một chỗ nâu thân, nâu trí để tạm gác những nỗi khó-khăn ở đời ra, bởi thế có người thích mộng hơn đời. Quá ra, có người bỏ hẳn đời mà để thân vào mộng.

10° *Lúc đãng-trí.* — Đãng-trí là một trạng-thái của linh-hồn, nửa phần thuộc về tâm-lý bình-thường, nửa phần thuộc về tâm-lý có bệnh. Đãng-trí đứng ở giới-hạn chỗ linh-hồn mạnh-khỏe và linh-hồn thụ-bệnh. Lúc đãng-trí, nhân-tính hồ như bị phân-

cách, rời-rạc ra, không chủ-tâm được vào một việc gì (1).

VI

Chú-ý.

(*Attention* 注意)

Ta đã biết rằng đời tâm-lý có một cái «ý-thức-trường», ở giữa thật sáng, càng ra ngoài càng nhạt. Ở giữa có một chỗ sáng nhất gọi là « trung-tâm» (tức là cái *blickpunkt* của ông WUNDT). Những chỗ ven lờ-mờ như tối là chỗ chứa các việc tiềm-thức của tâm-lý. Nay đưa hiện-tượng gì ra cái chỗ trung-tâm ấy và để ở đấy để xét, tức tâm-lý-học gọi là chú-ý.

Về sự chú-ý này, có hai phái phản-đối nhau. Một phái gọi là phái « Kinh-nghiệm» (*Empirisme*) cho rằng bao nhiêu sự chú-ý của người ta đều là sự «thích-hợp » (*adaptation*) của giác-quan cả, trí không để vào chút nào. Như bỗng tự-nhiên có tiếng động to, ánh sáng chói-lọi, tóm lại là những cái gì làm cho người ta choáng lạ, thì trước cơ-thể giác-quan còn lạ, sau rồi dần dần « thích-hợp » với cái cảm-giác mới; lúc đó gọi là chú-ý.

Phái « duy - lý » (*Rationalisme*) cãi lại rằng: Những lúc có cảm-giác mạnh quá như thế, không gọi là chú-ý được. Lúc đó, cái cảm-giác kịch-liệt ấy thường làm cho trí tê-mê đi, không đủ mà chú-ý nữa. Nếu cứ « thích-hợp » cơ-thể mà chú-ý được thì ra cứ đứng yên, nghiêng đầu, trừng mắt nhìn một bài tính đã đủ nghĩ được ư?

Tóm lại mà xét thì chú-ý có hai loài: chú-ý vào các việc ở vật-giới gọi là « quan-sát »; chú-ý vào các việc trong tâm-giới gọi là « tư-lự ». Khi quan-sát thì phải lấy hết thần-trí để ra ngoài, — tức là chú-ý của phái kinh-nghiệm. — Khi « tư-lự » thì gạt các việc ngoài đi mà quay thần-trí vào trong; bởi thế cho nên lúc người ta nghĩ việc gì trong tâm-lý thì đầu cúi, tay che mắt, lại ưa tĩnh; thế đủ chứng rằng phải lánh việc ngoài, mới xét được việc trong (2). Có lúc tự nhiên mà chú-ý; lúc đó cái ngoại-vật nó làm cho vui trí, trí thích mà chú-ý vào. Có lúc phải cố miễn-cưỡng mà chú-ý. Cái trên gọi là chú-ý tự-nhiên (*attention spontanée*); cái dưới gọi là chú-ý hữu-ý (*attention volontaire*)

Ảnh-hưởng của sự chú-ý. — Nay ta xét xem chú-ý có những ảnh-hưởng gì về trí người.

Lúc chú-ý, thì tinh-thần không tản-mát ra nhiều việc, vì phải dồn nhiều việc khác vào chỗ ven «ý-thức-trường» để cho một hai việc cần phải chú-ý đứng vào chỗ trung-tâm. Khi muốn trông một vật gì nhỏ tất phải rút hẹp cái thị-giác-trường (*champ visuel*) lại, thì khi muốn để ý xét việc gì tất cũng phải rút nhỏ cái «ý-thức-trường» lại.

A) Ảnh-hưởng đến cảm-giác. — Khi chú-ý vào một cảm-giác ấy rõ-rệt thêm ra. Khi nhìn thật kỹ vào một sắc, như sắc đỏ, rồi

---

(1) Đời tâm-lý người ta có hai phần, một phần tiềm-thức, một phần ý-thức. Khi bình-thường, thì những các tiềm-thức chỉ có ảnh-hưởng phảng-phất mà thôi. Đến khi linh-hồn thụ-bệnh, như khi mê, khi sảng, khi bị người ta đánh thôi-miên thì cái nhân-tính tách hẳn làm đôi (*dédoublement de la personnalité*); người ta lúc bấy giờ hình như phân làm hai cái «bản-ngã» (*le moi*). Có khi cái «bản-ngã bình-thường» (*le moi normal*) đang nói chuyện với người khác, «cái bản-ngã thứ hai» hay là cái « bản-ngã phi-thường » (*le second moi ou le moi anormal*) có thể bút-đàm với người khác. Có người trong cơn vựng nói toàn tiếng Ý-đại-lợi (bình-nhật người ấy không biết tiếng ấy, không nói tiếng ấy bao giờ). Xét ra thì người ấy có qua ở Ý-đại-lợi ít lâu có được nghe tiếng ấy nhưng phảng-phất quá, cho nên bao nhiêu những cái cảm-giác ấy đều dồn vào chỗ rất tối, rất đen của «ý-thức-trường», nay nhân-tính tách đôi phần tiềm-thức đứng riêng, phần ý-thức đứng riêng, nên các điều sở-hữu của phần tiềm-thức mới xuất-hiện ra. Còn nhiều việc kỳ-kỳ quái-quái nữa. Các việc ấy thuộc về thuật thôi-miên (*hypnotisme*) cả. Những việc ma mường làm, lúc mê nói tiếng mường, có lẽ cũng là một sự thôi-miên chăng?

(2) Có một cách chú-ý mà ông W. JAMES gọi là « chú-ý ở ven thị-giác trường » (*attention visuelle marginale*). Như ông giáo ngồi viết sổ trên bàn mà để ý được đến học-trò ở góc lớp. Đàn-bà giỏi cái lối chú-ý này hơn đàn-ông.

nhìn vào một bức tường hay một tờ giấy trắng thì sẽ thấy điểm đỏ ở tờ giấy (1).

B) Ảnh-hưởng đến sự Ký-ức — Chú-ý vào sự gì thì dễ nhớ, nhớ rai sự ấy. Khi một hiện-tượng được qua vùng trung-tâm của «ý-thức-trường» lâu, được tia sáng thông-minh dọi kỹ, thì khi ẩn vào bóng tối rồi, có muốn kéo ra chỗ sáng cũng dễ.

C) Ảnh-hưởng đến tri-tuệ. — Chú-ý, nhất là chú-ý hữu-ý, rất cần cho các công việc về tri. Người ta sở-dĩ biết được các hiện-tượng của trời đất cũng bởi chú-ý, vì chú-ý vào hiện-tượng nào thì hiện-tượng ấy rõ ra, mà xét được các sự quan-hệ của các hiện-tượng. Các sự phát-minh lớn-lao của các nhà bác-học cũng nhờ sự chú-ý mà thành. Ông NEWTON là một nhà thiên-văn-học, số-học, vật-lý-học trứ-danh của thế-giới có nói rằng ông sở-dĩ tìm ra được lẽ « vạn-vật hấp-dẫn » (*attraction universelle*) cũng vì là ông chú-ý nghĩ vào đó luôn.

D) Ảnh hưởng đến phẩm-hạnh. — Sự chú-ý lại quan-hệ đến phẩm-hạnh người ta. Người mà việc gì cũng thờ-ơ, không chịu chú-ý đến, trong lòng không có gì là mê, là thích, tức là người vô-tình, nhẹ-nhõm, nông-nổi.

VII

Nhân-tính

(*Personnalité* = 人性)

Khi người ta nói tiếng « tôi »; tiếng « ta », thì hình như tự-hiểu rằng bao nhiêu cảm-giác, bao nhiêu tình-tình, bao nhiêu sự hành-động, có một cái trung-tâm. Cái trung-tâm ấy, cái chỗ tụ các cảm-giác, các tình-tính ấy là cái, nhân-tính người ta.

Sự quan - niệm về « bản - ngã ». — Sự quan-niệm về « bản-ngã » (*idée du moi, de la personnalité*) lúc nào phát-hiện ? Theo ý-kiến hai nhà bác-sĩ LUYS và ROMANES thì khi nào đứa trẻ biết đặt mình vào ngôi thứ nhất, biết xưng-hô, lúc đó nó mới có cái ý-niệm về « bản-ngã » nó. — Ông LUYS nói rằng : « Trẻ con độ năm lên hai lên ba, cảm-giác thế nào, nói ra như thế. Nó tự coi nó là một « vật », có hình-thể, có dung-tích trong không-gian. Tự nó, nó vẫn coi nó hình như khách-quan. Thường thấy trẻ con, dùng ngôi thứ ba tự-chỉ mình mà nói rằng : « Đưa cho Giáp cái kia », « Ắt muốn ăn cơm », «Bính đau tay»... vân-vân... » (Lược dịch ý). — Bắt đầu đứa trẻ con phân-biệt nghìn vạn cái cảm-giác ra làm hai loài : các cảm-giác động đến thân-thể và các cảm-giác ở ngoài thân-thể. Như ẵm trẻ trong nhà, gian nọ sang gian kia, buồng nọ sang buồng kia, thì nó trông thấy cảnh-vật đổi ; nhưng dù đi đâu, nó cũng trông thấy tay chân nó, mình vẫn mình nó, thân-thể vẫn thân-thể nó. — Khi đó nó chia cảnh-vật ra làm hai phần : một phần biến-đổi và một phần không biến - đổi. Lại như muốn xem mây chạy chỉ có thể dùng mắt ; muốn xem tay cử-chỉ thì vừa dùng thị-giác, vừa dùng động-giác (*sens kinesthésique*). — Ở một đứa trẻ con thì thân - thể là cái để cảm-giác, để chịu cái khổ, để hưởng cái vui. Bao nhiêu cảm-giác của nó là bấy nhiêu cảm-tình của nó.

— Ông PREYER (2) có nói rằng : «Những trẻ con độ năm sáu tháng 1 năm tần-mần cầm tờ giấy sé vụn ra, nghịch ném đá xuống nước, xếp vỏ chai, vỏ sò, kẹo bỏng, thành

---

(1) Có khi nhìn sắc đỏ lâu rồi nhìn vào sắc trắng thì thấy sắc lục (*vert*). Vì rằng sắc trắng, theo Vật-lý học là gồm hai sắc lục và đỏ. Nhìn vào sắc đỏ lâu quá thành ra mất mù sắc đỏ; khi nhìn vào sắc trắng, — tức là sắc đỏ-lục (*rouge-vert*), — chỉ thấy sắc lục, vì mắt đã mù sắc đỏ thì không thấy sắc đỏ nữa, chỉ thấy sắc lục thôi. Khi nào nhìn có lâu quá mà sắc có thấm quá thì mới có như thế. Hai sắc hợp với nhau thành trắng gọi là sắc bổ-túc (*couleurs complémentaires*). Như : sắc trắng tức là : 1° sắc xanh-da-cam (*bleu orangé*), 2° sắc tím-vàng (*violet-jaune*) 3° sắc đỏ-lục (*rouge-vert*) — Cứ theo như trên thì trước nhìn sắc tím rồi nhìn vào trắng thì thấy vàng.

(2) Là một nhà sinh-lý-học, tâm-lý-học có tiếng ở nước Đức (1841 — 1897).

hàng, chớ có bảo là nó nghịch xẳng. Trong cái nghịch đó, chúng nó cũng có một cái thú riêng là cái thú rằng: *vì nó* mà mảnh giấy đang lành hoá vụn, *vì nó* mà hòn đá rơi xuống nước, *vì nó* mà vỏ chai cùng kẹo xếp thành hàng. Từ đó đứa trẻ con mới bắt đầu là một giống « sinh-vật làm nguyên-nhân » (*être causal*), mà cái nhân-tính, cái bản-ngã bắt đầu cũng từ đó».

Nguyên-tố cái bản-ngã. — *A. Cảm-giác* — Cái cảm-giác là khởi-nguyên cho cái ý-niệm về bản-ngã. Vì nhờ cái cảm-giác mà ta biết được thân-thể ta, phủ-tạng ta (cảm-giác cho ta biết sự tổ-chức nội-bộ ta, phủ-tạng ta gọi là « hữu-cơ-cảm-giác » 有機感覺, *sensations internes ou cénesthesie*).

B. Cái bản-ngã về hồi dĩ-vãng. — Bản-ngã trước nhất là cái đời cũ của ta. Ta là người có cái lịch-sử riêng cũ này, có những đoạn vui lúc tẻ, khi thịnh khi suy. Một người già về cựu-học-phái là người đã biết cái lúc nước còn cái chế-độ cũ, là người đã được mục-kích cái cuộc đặt Bảo-hộ, vân-vân... Người mới cũng có cái bản-ngã thuộc về cổ: người này là cháu quan hoàng này, hoặc quan thượng kia.

C) *Cái bản-ngã hiện-tại* — Ta không thể nghĩ đến ta mà lại không nghĩ đến cái địa-vị ta ở trong gia-đình, trong làng, trong tỉnh, trong xã-hội. Tên ta tức cũng là một phần cái « bản-ngã » ta, cái thanh-danh, cái địa-vị, cái thế-lực, cái nhiệm-vụ ta ở trong xã-hội, cũng là gồm ở trong cái «bản-ngã chi quan-niệm cả». Đó là những cái đời thực-sự của ta. Ngoài cái thực-sự ấy còn có cái đời mộng-tưởng của ta nữa.

D) *Cái bản-ngã tương-lai* — Ngoài cái đời thực-sự, ta còn có cái đời mộng-tưởng. Cái đời mộng-tưởng ấy, tuổi càng cao thì càng hẹp. Khi còn đồng-ấu chưa biết cái khó ở đời, sự mộng-tưởng rất vu-khoát. Trẻ con hay đọc truyện Tàu thường tưởng mình sau có thể làm được Nhạc Phi, Tần Hoàn, Hàn Tín. Người ta, lúc mới vào đời như đứng đầu đường; xa trông thấy đường phân trăm nghìn vạn lối, nghĩ rằng đường nào cũng qua được cả. Rồi sau, đi được một bước là tắc mất một đường, đến cuối cùng chỉ đi được một đường. Khi đã định được trí vào một đường rồi thì chỉ còn có một cái hi-vọng là cố làm sao đi con đường ấy cho khỏi vấp ngã, cũng như khi đã chọn một « nghiệp » rồi thì làm sao cho tròn « nghiệp ». Kịp đến tuổi già: đường còn xa, bóng chiều xế. Chắc rằng chẳng đạt hết được cái chí-nguyện nào, bấy giờ lại để cái mộng-tưởng ấy đến đàn con lũ cháu.

Thể-cách của bản-ngã. — «Bản-ngã» có thể-cách « thuần-nhất» (*unité*). Cái thể-cách «thuần-nhất» đây không giống như cái thể-cách thuần-nhất của vật-chất. Nhà số-học cho cái dấu chấm (điểm) có thể-cách thuần-nhất là vì rằng điểm không thể phân được nữa; nhà hoá-học cho vi-tử (*atome*) các vật có thể-cách thuần-nhất cũng là lẽ đó. Còn như cái « thuần-nhất tư-cách » của đời tâm-lý thì không thế. Gọi là thuần-nhất mà vẫn phân được, vì rằng đời tâm-lý là gồm cả các cảm-giác, cảm-tình. Gồm nhiều cảm-giác cảm-tình mà vẫn có tư-cách « thuần-nhất », vì rằng tuy nhiều cảm-giác, nhiều cảm-tình mới hợp nên đời tâm-lý, nhưng chỗ tụ các cảm-giác ấy, các cảm-tình ấy, kẻ chịu các cảm-giác ấy, có các cảm-tình ấy, trước sau vẫn là một. «Bao nhiêu điều vui nỗi khổ, bao nhiêu sự kỳ-vọng, bao nhiêu sự khiếp-sợ, bao nhiêu sự cảm-giác qua trí ta như nước chảy qua mắt khách đứng xem trên bờ.» Những lớp nước chảy, tức là các cảm-tình, cảm-giác, chảy qua « dòng tư-tưởng » ta, mà người đứng xem trên bờ tức là «ta».

Các bệnh của nhân-tính. — Các bệnh thuộc về tâm-lý thường là bởi «nhân-tính phân-tích». Ông RIBOT, trong sách « Các bệnh của nhân-tính» (*Maladies de la personnalité*) có chia ra ba loại sau này: 1· Tâm-thần điên-cuồng (*aliénation* = 心神癲狂). — 2· Tâm-thần luân-chuyển (*alternance* =

心神輪轉 — 3· Tâm-thần hôn-mê (*substitution* = 心神昏迷). Khi nào kẻ có bệnh quên «đời» cũ (1), hoặc có ai nhắc lại cho thì coi như không phải của mình thì gọi là tâm-thần điên-cuồng. Khi nào kẻ có bệnh «chuyển» đời nọ sang đời kia, mà đứng ở đời nọ hoặc quên đời kia, hoặc nhớ đời kia (2), thì gọi là «tâm-thần luân-chuyển». Khi nào bệnh-nhân hôn-loạn cả như đàn-ông mà tự lầm tưởng mình là đàn-bà, cùng-đinh mà tưởng là vua, thì gọi là « tâm-thần hôn-mê ».

(Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT

TIẾNG OAN NHỮNG MUÔN VẠCH TRỜI KÊU LÊN!

Hôm vừa rồi tôi có người bạn tâm-giao đến thăm (là con thứ hai cụ nghè Cựu-hào); trong khi anh em đàm-thoại cùng nhau, tôi có hỏi đến lời văn giọng phú thì bạn thở dài mà đáp :

— Văn với thơ mà làm gì ! . . . Cuộc văn-chương đến lúc gần tàn, thì ngọn bút nhà nho còn có mấy mà ngô-huynh cứ gợi ra làm chi mãi ?... Nhưng ngô-huynh đã hỏi thì đệ cũng xin thưa : đệ chỉ có bài thơ con « Cú mèo » mà thôi, ngô-huynh có khứng nghe đệ xin vâng đọc.

— Bác cứ nhún mình làm chi lắm thế, xin cho tôi nghe vài câu quỉ khốc thần kinh.

— Vâng đệ xin lĩnh ý :

Một thân ba cái nhất trần đời :
Không sắc, không hương, lại có chuôi.
Phúc tổ dãi-dầu ba cái rác,
Duyên tiên tấp-tểnh một cành mai.
Dám đâu dòm bệnh mà ăn cúng,
Nào phải kêu ma để nạt người.
Đằng-dẵng đêm dài than mấy tiếng.
Chẳng nên câu cú ghét chi hoài !

Bạn vừa đọc dứt, tôi vội hỏi ngay :

— Bác tự lấy con cú mèo ví vào thân bác, tự nhún mình không sắc là xấu như cú, không hương là hôi như cú, lại có chuôi là dốt như mèo, đã là phẫn-khích lắm, lại còn đeo nhiều giọng ai-oán bồi-hồi kia nữa, là sao?

Bạn đáp :

— Ấy cái nghiệp văn-thơ nó vẫn thế, ngô-huynh ạ. Kể như những văn thơ của các bậc cổ-nhân, tiền-bối thì tài cao học rộng, ý-tứ thâm-trầm, tư-tưởng cao xa, cho nên kẻ đọc, người xem, không sao hiểu thấu, chẳng trách chi:

Nghìn thu cái việc văn-chương,
Dở hay có tấc dạ vàng biết thôi ;

chứ như tôi đây thì tài hèn, học dốt, kiến-thức hẹp-hòi, tư-tưởng nông-nổi ; thì dẫu có học đòi mà làm câu văn câu thơ ra nữa cũng chẳng qua:

Câu thơ tất dã *đà khuyên gượng,*
Vần phú nhiên nhi *cũng điểm xoàng,*

thì ai đưa qua con mắt mà chả hiểu thấu đến tâm-can, thế mà tôi vẫn phải tiếng oan thường-thường, nào văn, nào thơ, mà nhất là câu đối.

(1) Khi tâm-hồn thụ-bệnh, nhân-tính tách làm đôi. Cái lúc tỉnh là cái đời lúc thường, lúc thụ-bệnh là qua một cái «đời» khác. Lúc lên đồng cô đồng cậu — thật lên đồng, không giả-dối — thì khi làm cô làm cậu là đứng cái «đời» thứ hai, khi bình-thường đứng cái đời thứ nhất. — (2) Có người lên đồng, một lúc hầu năm sáu bóng, có lẽ là bệnh «tâm-thần luân-chuyển» chăng ?

Than ôi!

Giang-hồ từ độ trăng tròn,
Tấm tình non nước gửi hồn khóc oan...

Những nơi ân-nghĩa, những chỗ giao-du, mà phải tả tấm lòng cho người xét đến, thì hoặc văn, hoặc thơ, hoặc câu đối, học-trò nghèo mảnh giấy là tình. Song cứ bị phải các ông ân-chủ, các chỗ giao-bằng trách oán. Không biết rằng những ông ấy hiểu lầm chăng, hay là có ông nào hoạt-kê vào chăng, để khiến cho tôi phải chịu tiếng oan là nói xiên nói móc.

Mới đây tôi có một bài ca đưa cho một ông ân-chủ để cảm ơn chút lòng quí-báu của ông, thì lại thành ra ơn chưa cảm được mà oán đã đeo vào.

Than ôi! Đưa văn thơ cho người, cũng chỉ mong người xét lòng cho, nghĩ tình cho, chứ có muốn gây mối cho người giận, người ghét đâu!

Ngô-huynh tính thế, thì còn văn với thơ mà làm gì nữa! Nhớ lúc tôi còn nhỏ, cụ tôi thường vẫn dạy tôi rằng: « Văn-chương đã là ngành-ngọn, mà lại làm những giọng khinh-bạc thì còn quí-hóa gì...» Biết đâu bây giờ tôi đã nổi tiếng «khinh-bạc» khắp mọi nơi, thì còn có khác chi con «Cú mèo» kia vậy. Xin ngô-huynh xét cho...

Tôi nghe xong truyện, ngậm-ngùi lúc lâu mà rằng:

— Cái oan của nhà văn đã kết-thành từ câu: «Nhà văn hay xỏ», với câu: «Văn-chương có móc mới hay». Không biết ai người độc mồm ác miệng mà bày đặt ra hai câu ấy, để nhà nho mắc phải tiếng oan. Phàm nhà nho đều phải có nho-hạnh, thì khi nào lại còn châm-chích đến ai; văn-chương là tỏ ý mình thì khi nào lại phải sói-móc.

Chỉ duy có những thứ văn luận-bàn về luân-lý, học-thuật, chính-trị, kinh-tế, v. v. thì mới chia rõ phải trái, hay dở, trắng đen, tà chính; còn văn-chương ứng-tiếp, tả-cảnh, tả-tình thì ai rồi hơi hoài bút mà ngậm máu phun người làm chi. Nhưng phần nhiều nhà văn hay tự nhận lấy địa-vị cao, hay chiếm giữ là gánh vác nặng, động chỗ nào cũng rở câu văn khí-tượng tâm-can ra, nên câu văn hay gai-ngạnh, giọng thơ hay pha chanh, lời từ hay ngậm ớt, khiến cho người không hiểu thường cứ tưởng là móc-máy chi đây!

Vả lại cũng có nhà nho giả hiệu, làng văn học đòi, cứ thấy những thứ văn chán đời, khôi-hài, ký-thác, như văn Đông-phương Sóc, truyện hoạt-kê hay là văn thơ cụ Hoàng Vả, ông tú Xương, thì nghĩ lầm là chỉ hay về giọng xiên lời móc, nên cứ học mãi cái giọng chông gai và pha thêm mùi dư-côn vào mãi, để cho phí tiếng cả làng văn. Một trứng mười quạ, con sâu nồi canh, khiến cho nghề văn-chương mang oan là nghề xỏ-lá, thì tiếng oan này nhường muốn vạch trời kêu lên, nhưng trời cao nào có thấu cho...

. . .

Nhân câu chuyện anh em than mảnh với nhau, xin chép ra đây, để nhủ các bạn làm văn cũng nên giữ mồm, giữ miệng, và để khuyên các nhà đọc văn nên thương lấy văn, nên xét lấy văn, kẻo văn-chương vẫn có tiếng khóc hồn oan kia đấy!

LÊ TÂN-HÂN

TRUYỆN MỘT NGƯỜI DU-HỌC-SINH AN-NAM

(*Đoản-thiên tiểu-thuyết*)

Tặng hương-hồn Lê Phong-Ảnh

« Xóm-Cồn, đêm hôm 16 Septembre.

«...Lần này thì em chết mất, em xem trong mình thấy không còn đủ sức mà chống lại được với cái chết nữa rồi. Em chết mất, anh ạ. Ngày hôm qua, hai lần thổ ra huyết, thầy thuốc xem mạch nói rằng cái tâm-bệnh của em đã đến độ cùng, dời em cho lâu lắm cũng chỉ còn vài ba ngày nữa. Ngay lúc ấy định viết thư cho anh mà tay cầm không nổi bút, đến hai con mắt cũng ráo hoảnh, không đủ nhỏ lấy được một hạt châu.

« Qua một đêm thu lạnh, nhờ có cơn gió bể nên em ngủ được nhiều, sáng nay bừng mắt tỉnh ra thì người đã như hồi-lực. Cầm đến gương soi thấy mặt-mày tiều-tụy, trán giãn má lõm, tóc bù rối, mắt thâm quầng, không còn cái vẻ yêu-kiều mĩ-lệ như thu này năm trước. Bây giờ anh có thấy em, còn yêu em nữa cũng là yêu một tấm lòng, chứ đối với em thật anh không còn chút gì là mĩ-cảm. Trông vào gương mà lòng chua-xót, muốn khóc cho cái tuổi xuân kia đã sớm vội lìa mình. Anh ơi! cuối thu sen đã tàn rồi, em bây giờ cũng như đóa quỳ đã cỗi, cánh tàn hương lạt, còn chăng có sợi tơ lòng.

«Từ độ mắc bệnh khái-huyết đến giờ, em tự biết mình rằng ngày một ngày hai đã đi dần vào cõi chết, mà chết là phải, người ta đã đến thổ ra huyết thì sống làm sao được, tức cũng như đóa hoa kia hết nhựa, còn mong gì lâu được xanh tươi?

«Trước kia, anh thường ngỏ với em rằng mỗi lần mắt anh được trông thấy một cảnh gì đẹp, tai được nghe một tiếng gì hay, nói tóm lại là bao nhiêu những cái nó có thể gợi được cái lòng cảm-mĩ của anh, anh lại nhớ đến em, như đã được với em tai cùng nghe, mắt cùng thấy; đến bây giờ, giả-thử anh được nhìn em một bận sau cùng trước khi đôi ta vĩnh-biệt thì cái cảm-tình của anh đối với cái hay cái đẹp thật không còn như trước, vì dung-nhan em đã tiều-tụy lắm rồi.

« Ấy, suốt một ngày hôm nay em cứ nằm mà mơ-màng, mà xót-xa cái tuổi xuân như thế, mắt cũng không còn lấy được một hạt lệ mà khóc cho cái tuổi xuân tàn. Than ôi, mộng-hồn của kẻ tha-hương đã như cùng với ngọn triều kia hôm mai lên xuống, rồi theo làn nước bể khơi mà mênh-mông bát-ngát, không còn biết bờ bến là đâu. Đang mộng-du giữa làn sóng bạc, chợt thấy cái cảnh một buổi chiều thu thê-lương mà thấm-đạm như trăm nghìn những chiều thu khác, sườn núi bóng chim, đầu non nhạn lạc, trông đóa hoa tự-do nở trong rừng mà buồn, nhìn bức tranh thu của Thiên-công mà cảm, thương thay đời phiêu-linh!

« Những buổi thu này, nhất là về lúc chiều hôm, cái ánh nắng của vừng Thái-dương càng lặt đi bao nhiêu thì cái nhiệt-độ trong trái tim em lại cao lên ngần ấy; trái tim ấy đã thành ra một khối lửa, nếu bây giờ được ấy một giọt lệ tình của anh tưới vầy thì khối tim ấy cũng đủ mà biến ra một khối tinh. Thật anh đã làm chết em, anh ạ. Em mắc phải tâm-bệnh là từ sau lúc biết anh. Đời em đang vui sướng, cái tuổi xuân-xanh của em nó hẹn em biết bao nhiêu sự hoan-lạc ở đời, nào hạnh-phúc gia-đình, nào sự sướng vui trong cái sống; sao em lại gặp anh, gặp anh rồi mà bao nhiêu sự hẹn-hò của cái tuổi xanh phải đến tiêu-trầm mất cả. Cái đời xuân-xanh của em mới 20 năm mà đã cỗi, em mới ngoài 20 tuổi sao đã phát ra cái tư-tưởng chán đời? Người ta, trong cái tuổi ấy còn chứa-chan biết bao hi-vọng, còn ham vui sự sống như người đánh bạc ham-mê cái cảnh huyên-náo ở sòng. Bây giờ thì đời em đã gần đến lúc tàn canh, cũng chẳng còn bao lâu nữa mà chết. Em chết mất, anh ạ, mà chính anh đã là người đầu-độc cho em! Đời người là gì? Chẳng phải là một mớ hi-vọng dự? Người ta đã đến tuyệt-vọng thì sống làm sao được! Em bây giờ thật không còn được một mảy-may hi-vọng, những cái hi-vọng của em ba năm trời về trước, một tay anh đã phá đổ cả rồi. Như thế sao em vẫn yêu anh, nhắm mắt mà yêu, yêu đến có thể nát thân liều-bỏ vì anh được. Từ độ em biết anh đến giờ, em mới nghiệm thấy rằng cái lực của ái-tình rất mạnh, mà anh là người có cái mãnh-lực sai-khiến được

em, em thật đã thành ra nô-lệ của anh mà em cũng không hiểu sao đứng trước anh, trước cái luồng sóng ái-tình, em phải yếu mềm đến thế.

« Anh thì đã có vợ, mà em thì một tấm liễu-bồ, tuổi xuân chưa quá, hoa chửa lìa cành, đào chưa đan gió, sao em lại yêu anh ? Lắm khi em tự biết như thế là không phải, cố quên hẳn anh đi mà không thể nào quên được. Có lúc em lại cố tìm những cái không hay không phải của anh để ghét anh, để làm tê-liệt cái cảm-tình của em đối với anh, mà cũng không sao được. Càng như thế, cái tình yêu anh lại càng đằm-thắm nồng-nàn, người ta đã đến phải lừa dối cái bụng của mình thật cũng đã là khổ-tâm lắm !

« Cái mình anh đã không phải là của em, mà em lại yêu anh, yêu đến não ruột não lòng thì chỉ còn có một cách là ngậm đắng nuốt cay mà khổ. Mỗi lần em thấy anh cùng với người yêu đi về đường cũ, em chỉ ôm đầu mà thổn-thức một mình, định rằng lần sau không muốn gặp anh, để lẩn anh ra bên ngoài cõi mắt ; định như thế mà nào có làm được, tính ngày về em lại tựa cửa chờ anh, rồi lòng em lại xót-xa, dạ em lại thổn-thức, tự thấy mình mình lạnh-lùng trơ-trẽn như một người đứng ở giữa cánh đồng bằng. Hai năm trời như thế, biết rằng mình đã lầm đường, nên em tìm cách đi xa cho tơ tình đoạn-tuyệt, khỏi gây nên cái ác-quả về sau. Không ngờ thần-giao cách-cảm, xa anh đã ngoài nghìn dặm mà có khi rõ - ràng mở mắt còn phảng-phất thấy anh ở góc hoa-viên như cái bóng trong cõi trời sương lạnh ngắt. Nào có thể mà thôi, nhắm mắt còn gặp anh trong cõi mộng, mộng thấy đời là nơi tiên-cảnh, đôi ta được tận-hưởng cái lạc-thú của hai chữ ái-tình, cái yên vui trong sự sống, thật như được nhìn một bức họa tả-mạc được cái chân-tướng của sự hạnh-phúc trong gia-đình; chợt tỉnh dậy thì mình vừa qua một giấc cô-miên mà cái cảnh vui sướng của ái-tình quả là mộng-cảnh, rồi đấy lòng lại đau, ruột lại xót, mắt lại trong suốt, vô-vô nằm cho đến sáng, tưởng chừng mai đây nhìn gương thì hẳn một mái tóc xanh của mình phải bạc vì mình đã quá dùng sức óc ; bởi thế bệnh khái-huyết năm xưa lại tái-phát, nhất là bây giờ, trời đã sang thu, về đêm hơi lạnh, quê người càng lại não lòng...

« Ngồi viết cho anh bây giờ đây là 1 giờ khuya, trừ ngọn đèn với em chung quanh không còn có vật gì là có cái vẻ sinh-hoạt cả. Cái hoàn-cảnh thật là buồn tênh tẻ ngắt, đêm khuya vô-vô một mình, dừng ngọn bút, trông đến cái gối lẻ, cái chăn đơn, mà bùi-ngùi thương-xót cho cái đời của những khách giang-hồ, người vong-mệnh. Ấy những đêm như đêm này và trăm nghìn đêm khác nữa, nghĩ cái kỷ-vãng của mình mà lo cho cái tương-lai, trông cái cảnh hiện-thời mà xót-xa cho mai-hậu, đêm khuya khắc-khoải, hết canh ấy sang canh khác, những đau-đớn như người nằm chờ cái chết nó sắp bước đến gần mình, bệnh cũ vì thế nay lại hoàn-nguyên, chắc vì trái tim mình nó cảm-xúc nhiều điều quá.

« Từ độ phiêu-linh đến giờ, nhất là từ ngày về ở chỗ Xóm-Cồn này là một giải cát vàng trông ra Nam-hải, đêm nào em cũng trải qua một cuộc đau-đớn mà êm-đềm như thế ấy. Anh ơi, bên trời góc bể, sao anh còn theo em cho đến cùng đường ? Em đã mất anh, cũng không còn cái quyền mà tìm anh nữa, thân-thể anh tuy đã vào tay người khác, mà tâm-hồn anh, em dám nhận là cái của báu của riêng em. Anh thương em lắm, anh yêu em lắm, cái thương yêu ấy đã thành ra một thứ khí độc làm cho em phải chết, lại là một thứ dưỡng-khí khiến em còn thoi-thóp được đến ngày nay. Từ độ biết anh, em chỉ còn hi-vọng trong cái chết, đôi ta cùng chết thì cái lạc-thú của ái-tình không còn ai chia xẻ được ! Hoàng-tuyền ! Hoàng-tuyền là nơi quê-hương rất đằm-ấm của những người ở đời phải cay-đắng đau khổ về hai chữ ái-tình, hãy mở cửa mà đón lấy ta cho ta còn được là người có chút đời hi-vọng. Bằng-giang anh ơi, em được chết về bệnh này thì may lắm, em muốn được thổ ra huyết trước khi từ-giã cõi trần để ta cái lòng anh đã thương yêu em trong năm năm trời nay vậy. Cái tiếng đồng-hồ sau cùng ấy cũng chẳng còn bao lâu mà sẽ đánh, mở cửa sổ trông ra đã thấy thần « Ái-tình » và thần « Chết » giương đôi cánh bạc mà bay đến dần dần. Mũi tên ở dây cung của thần « Ái-tình » kia đã nhằm trái tim em mà đến, cái lưỡi liềm sáng quắc của thần « Chết » cũng sắp đưa qua cái cổ hồng tân ; than ôi, máu chảy hoa tan, đó là cái giờ ta hãy tạm cách nhau âm-dương hai ngả ! Đêm nay trông cảnh trời trăng xa xa hai làn cát bể như hai cái vết xe thiên-cổ đi đến nơi vực thẳm

tận-cùng ; đường về Hoàng-tuyền, mai đây em sẽ là người khách bộ-hành trên con đường ấy. Than ôi! Hoa trôi nước chảy, sự ấy đã là sự đáng thương-tâm, mà bèo hợp mây tan, càng giục nỗi lòng son sương-tuyết...

« 17 Septembre

« Sự vui sướng đã không muốn có em nữa, thôi, thật là hết cái kiếp này. Ba giờ đêm hôm qua lại thổ ra huyết một lần nữa, ngất đi rồi tỉnh lại, lại đến một cơn ho, ho như xé gan xé phổi. Em xin phép anh thu cái tàn-lực ngồi chép nốt cuốn sách này. Một dòng máu và một tập lệ-sử, đó là những cái kỷ-niệm-vật xin tặng anh sau khi em chết. Sự vui sướng đã không muốn có em nữa, em sẽ đến nơi người ta thường bảo : « Sống là gửi, thác là về », ở đấy họa may em sẽ được yên, được là người còn có một hai hi-vọng...

« 20 Septembre.

« Em không còn đủ sức nâng tay vấn lấy hai lần tóc, tóc mây hai mươi, em đành để xõa xuống như ngày còn thơ... Chiều hôm nay trời hơi nắng nắng, cuối vườn thấy tiếng chim quyên giọng hót cuối mùa, nghe càng não ruột. Chim quyên kia ơi, tiết thu đã đến, ta sắp lìa cành, trong cành rừng thu mây chịu sao được bao cái gió sương những ngày thu lạnh mà ẩn nấp dâu để đợi cho đến ngày cây lại tươi xanh? Còn như ta, đường đi đã hết, xuân về hoa mọc, rồi ra ta chẳng được nhìn, nhưng mai đây ta sắp được về chốn Hoàng-tuyền mà dự buổi tiệc xuân vô-tận...»

* *

Tôi vừa đọc dứt tiếng, chưa kịp ngẩng lên nhìn thì bạn tôi nói :

— Tôi đi du-học trong ba năm trời, lấy được cái bằng cử-nhân rồi, khi về đến Bắc-kỳ thì tiếp được cuốn lệ-sử này và cái tin buồn rằng Phong-Ảnh đã chết.

— Có lẽ anh sang Pháp lần này là lần thứ hai thì phải.

— Vâng, lần thứ hai rồi...

Tôi nghe anh Bằng-giang nói, chợt nhớ đến độ cuối thu một năm trước, khi ở đất Hải-phòng bước chân xuống tàu bể đi Pháp, hai giờ đồng-hồ trước lúc tàu chạy, thấy anh xách một cái va-li lớn đã hơi cũ, ở mé đường Sáu-kho bước dảo ra bến rồi lên cầu tàu, anh cúi mặt mà đi rất nhanh, trông ra bộ một người đi doanh-thương chứ không phải là đi du-học.

Tám giờ tối, tàu cất cầu dời bến, tôi xuống phòng tàu thay áo để sang buồng ăn, khi mở cửa phòng bước vào, thấy anh đang mở va-li xếp lại đồ-đạc.

Trong phòng có bốn ô-giường chia thành hai tầng ; tầng trên tôi, cái ô-giường số 34 là chỗ anh Lê Thanh-Liên bạn đồng-học tôi nằm, ô-giường của tôi số 36, còn hai ô-giường mé bên kia, cũng cái trên số 35, cái dưới số 37. Giường số 35 không có người, còn cái ô-giường số 37 tức là cái đối với giường tôi, là giường anh Bằng-giang mà tôi trông lầm là người đi doanh-thương vậy.

Những phòng tàu thuộc về hạng nhì này, so với hạng nhất hơi hẹp. Phòng chúng tôi nằm cũng hẹp như thế. Bề mặt được độ 8 thước vuông tây, hai bên hai tầng giường, giữa cái lối đi rộng độ nửa thước, có giải thảm ; đối với cửa vào, có bộ bàn rửa mặt, dưới gầm hai ô-giường dưới là chỗ để hòm rương va-lít, trên hai tầng ô-giường trên là chỗ để phủ-phao.

Chuông của bọn bồi tàu đi lắc để báo hiệu đến giờ ăn đã gióng-giả đến hơn mười phút đồng-hồ rồi, khách ăn hạng nhì, cứ nhìn đĩa bầy trên bàn thì biết rằng có 8 người ; 7 người đâu đã ngồi vào đấy, tôi có ý nhận thì không thấy anh Bằng-giang. Bấy giờ, bụng bảo dạ : « Anh chàng này có lẽ chưa biết chuông báo niệu ăn chăng ? ». Vừa toan đứng dậy, định bụng lấy cách lịch-sự ra tìm mà bảo anh, thì thấy có tiếng sọc-sạch ở quả-đấm cửa. Cửa phòng ăn hé mở, tôi nhìn thấy một bộ mặt rất khắc-khổ dẫn vào, định-nhỡn mà nhìn thì chính là anh Bằng-giang, người tôi toan đi gọi. Bước vào phòng rồi, anh quay lưng khép cửa lại, tôi nhanh mắt nhìn anh suốt từ đầu đến chân.

Anh, người hơi cao mà mảnh, đầu hói rẽ, mặt xương-xương, trông nhanh-nhẹn lắm. Cái quần và cái áo dạ thâm cổ đứng anh mặc, đã hơi cũ, hai chỗ khuỷu tay đã bạc, đôi giầy tây đen có cổ, đầy những bụi ; bộ quần áo ấy và đôi giầy ấy vẫn là bộ quần áo và đôi giầy khi tôi nhìn thấy anh ở bến bước lên tàu.

Anh bước vào, ngồi xuống chiếc ghế không ở bàn ăn, điềm-nhiên như người đã biết rằng ghế ấy là ghế của mình từ trước. Đoạn anh mở rộng cái khăn « sà-vệt » để trên đĩa

mà phủ xuống hai đầu gối, rồi ngồi khoanh tay trên bàn, cúi nhìn cái đĩa để trước mặt như đang có sự gì nghĩ-ngợi. Lúc ấy tôi mới thật được nhìn rõ mặt anh. Cái mặt trái xoan mà rất xương, mầu da hơi đen sạm, hai mắt rất sắc, sống mũi và đôi gò má hơi cao. Cái mồm trông xinh, trên mép lơ-thơ mọc mấy cái râu, chừng như không năng sửa cạo. Đến cái trán thì thật cao, chính chỗ giữa có một đường gân nổi. Thỉnh-thoảng anh chau mày hình như cố tìm một cái hình-ảnh gì về cuộc đời dĩ-vãng thì cái trán cao ấy lại có vết giãn, chừng như sự đau khổ đã chạm khắc lên trên trán anh những cái vết giãn đã từ lâu ngày rồi vậy. Nhìn kỹ thì năm ấy anh chừng 25 tuổi, song thoáng trông thì ai cũng cho là đến 30, cái nét mặt khắc-khổ của anh chắc đã làm cho nhiều người phải lầm như thế.

Ăn xong, mọi người cùng đứng dậy, anh về phòng ngủ rửa mặt, tôi ngồi lại phòng ăn một lát rồi cũng ra theo. Vào khoảng 10 giờ tối, tôi ở phòng bước lên boong tàu đã thấy anh đứng tựa lan-can, hút thuốc lá, trông ra ngoài bể. Bấy giờ anh khoác một cái áo tơi dài, đầu đội cái mũ dạ đen vành hẹp.

Gió bể thổi tạt vào tàu rất mạnh, sóng bể đánh bắn nước lên boong tàu như mưa phùn, ngoài tiếng gió thổi sóng reo cùng tiếng máy tầu, không thấy có tiếng gì khác nữa. Mấy ngọn đèn điện trong các khoang tàu như không đủ sức sáng mà chống-chọi được với cái tối ở chung-quanh. Chuyến ấy có mấy người hành-khách đi hạng boong thì lúc bấy giờ đã quấn chặt chiếu vào mình mà nằm ngủ lăn ở trên sàn, trông như những cái bó người chết, những người ấy là hạng người lao-động, tức là bọn phu người ta mộ vào làm việc tại các đồn-điền cao-su ở Thủ-dầu-một hoặc Lộc-ninh, thành-thử trên boong, ngoài anh Bằng-Giang với tôi, không còn ai thức cả. Quan chúa tầu thì lên tầng thượng-lương, các thủy-thủ xong công việc cũng đã đi nằm, hành-khách hai hạng nhất nhì thì phòng nào đã yên phòng ấy cả. Phải những đêm như đêm nay, trăng sao không có, mây mù bể cả, mặt nước con tàu, gió thì lạnh, sóng thì to, phi người bận việc hoặc trong lòng cũng có những cơn sóng gió thì ai chịu thức mà đứng phơi ra chỗ rét-mướt này làm gì?

Tôi móc túi lấy phong thuốc lá ra hút cho ấm, đánh đến mười cái diêm mà tắt hết, tôi mới lại gần anh Bằng-Giang:

— Ngài cho tôi nối điếu thuốc.

Bằng-Giang không quay lại nhìn, chỉ giơ tay đưa điếu thuốc cháy đang hút giở cho tôi, tôi cầm lấy, nối, rồi trả:

— Xin gửi ngài.

Ý tôi vẫn định nhân dịp ấy mà làm quen để hỏi cái hành-tung của anh, song thấy anh đang có sự nghĩ-ngợi, lại thôi, giả điếu thuốc anh rồi, tôi đi bách-bộ trên boong tàu để hút cho hết điếu thuốc lá. 15 phút sau, tôi xuống phòng, thấy anh Thanh-Liên đã ngủ, tôi cũng nằm vào ô-giường mà nghỉ. Sóng to, bể cả, tàu lắc-lư, nằm trong ô-giường như nằm trên cái võng.

Buổi sáng hôm ấy đi xe-lửa từ Hà-nội xuống Hải-phòng đã thấy mệt vì đêm trước không ngủ được. Lại suốt một ngày hôm ấy đến Hải-phòng đi chào các người quen, loanh-quanh thành không có lúc nào chợp mắt được cả, bởi thế đặt mình vào ô-giường tàu chưa được một khắc đồng - hồ đã ngủ. Một tiếng động ở cửa làm cho tôi tỉnh dậy, ngẩng nhìn lên thì thấy anh Bằng - Giang. Ngọn đèn điện treo trên trần phòng chiếu ánh sáng vào mặt anh, tôi nhìn rồi mà người lạnh toát. Cái mặt xương - xương mà xám ngắt như không còn lấy được một hạt máu. Anh quay lại, khóa cửa, bước vào rồi cởi cái áo tơi ngoài, vắt lên thành giường trên, số 35. Bấy giờ cơn ngủ của tôi nó cũng theo cái tính tò-mò mà đi đâu mất. Tuy vậy, tôi vẫn cố nằm yên như người ngủ kỹ, chỉ hơi mở hai mắt để cố chụp lấy cách hành-động của anh vào óc mà làm tài-liệu để khám-phá sự bí-ẩn này. Tôi xưa nay vẫn không có tính tò-mò như thế, lần này, hoặc đi bể mà sinh ra thế để cho qua cái thời giờ nhàn rỗi và cho có công việc chăng. Cái ấy tôi nghĩ mãi rồi cũng cho làm phải.

Anh Bằng-Giang cởi áo tơi rồi, cúi xuống gầm ô-giường nằm của anh, kéo cái va-li anh xách sáng ngày, móc túi lấy chìa khóa mở khóa va-li. Trong cái va-li ấy, một bên có nắp vải đậy kín thì không biết đựng những gì, còn bên kia thấy chứa đầy những sách và một vài gói, chừng như gói đồ vặt. Anh lấy ra một cuốn sách khổ hơi rộng và một gói buộc giấy gai xanh, rồi lại khóa va-li, để vào gầm giường như trước. Anh tháo cái gói

buộc giây gai xanh ra thì có đôi dép nhật-bản ; còn cuốn sách kia, không biết là sách gì. Để dép xuống sàn rồi, anh cúi cởi đôi giầy tây rồi tung chăn, cứ nguyên bộ quần áo cổ đứng bằng dạ đen ấy mà nằm, chăn chùm lên đến ngực. Anh mở trang gần cuối sách ra xem, xem mãi một trang mà không thấy lật sang trang khác.

Đã hơn một giờ đồng - hồ rồi. Sóng bể ở ngoài vỗ vào vỏ tàu vẫn mạnh mà cái thái-độ anh cũng vẫn thản-nhiên, sau anh để sách xuống đầu giường rồi trằn-trọc như người có sự gì tức-bực. Sau cùng, anh tung chăn ngồi dậy, nhìn khu-vực cái phòng rồi chau mày như thấy không-khí bên trong ngăn-nề mà khó thở lắm. Anh sâu chân vào đôi dép, đứng dậy, bước lại cái bàn rửa mặt, giơ tay vén lá màn nhung che hai cái cửa kính tròn đục qua vỏ tàu, rồi mở tấm cửa kính ở hai cái ô cửa ấy. Ô cửa nhìn ra bể cả như hai con mắt cực to. Trời tối, trông qua ra ngoài không thấy gì, nhưng gió mạnh luồn vào, kêu vút như tiếng quất cái roi sắc cạnh. Tôi sẽ ngoái đầu nhìn vào cuốn sách để ngỗ ở đầu giường bên anh thì thấy một cái vết thẫm đã gần biến ra màu hung, mà những chữ trong sách là chữ bút viết. Tôi chưa luận đã nghĩ ngay ra là một vết máu chứ không phải vết mực ; bụng đang tưởng những sự bí-mật, mình đang ở trong cái cảnh mà một vật nhỏ gì cũng hình như có cái màu bí-mật bao-bọc thì ngay con dao nhỏ mình trông rõ đấy nó cũng thành ra một lưỡi dao găm, mà quanh mình mình, một vết đỏ gì cũng là vết máu. Sau tôi luận rằng : mực đỏ đồ ra, mới thì vết tươi, lâu thì vết lạt, vết đỏ đây đã thẫm mà lại sắp biến ra màu hung thì hẳn là vết máu khô ; bụng lại cang chắc lắm. Cái vết đỏ thẫm ấy như nhuộm thẫm cái lòng nghi-hoặc của tôi, làm cho tôi từ bấy giờ đến sáng không tài nào chợp mắt được. Anh Bằng-Giang thì đi đi lại lại trên chiếc thảm giải ở sàn phòng. Lúc gần 4 giờ, anh bỏ cuốn sách vào va-li, chùm kín chăn nằm đến mãi bữa ăn sáng.

Tàu tới bến Tourane đã được hai hôm, đêm hôm thứ hai, tôi vào phòng nằm, đã hơn một giờ khuya rồi, đợi mãi không thấy Bằng-Giang về ngủ. Tôi khoác áo lên boong tàu, trong cái khoảng tối đáng xa đã thấy anh, hai tay sâu vào túi áo, đứng cạnh lan-can, trơ như bức tượng mà trông ra ngoài bể, mặt đăm-đăm nhìn về một phía như cố tìm trong quãng tối một cái bóng tối hơn. Tôi xuống phòng, quẩn-quại suốt đêm, 4 giờ sáng lại lên boong, vẫn thấy anh đứng sững nguyên chỗ ấy, hai mắt mở trừng không chớp động.

Hành-khách hạng boong đã dậy khuân đồ-đạc lên quầy, bọn làm tàu đã rộn - rịp dẫn vòi rồng tưới nước rửa mặt boong tàu rồi mà Bằng-Giang thì vẫn đứng lặng yên ở đấy. Tia nước ở vòi rồng đã ướt đến chân mà anh không biết, tiếng người làm tàu giục anh ra chỗ khác, anh cũng như không nghe thấy, sau một người lại gần, đập vào vai anh mà nói :

«Ông đứng dịch ra chỗ khác, ướt hết rồi !» Cái đập ấy làm cho cả cái mình giong-giỏng cao của anh phải rung chuyển, anh quay mình lại, ngơ-ngác như người vừa tỉnh mộng, cái tiếng nói của người kia bấy giờ mới dần vào đến óc, anh nhìn người ta rồi, ngoảnh lại nhìn chân thì một chiếc giầy và một ống quần anh đã ướt đẫm những nước. Anh trông lên rồi lẳng-lặng bước đi, tự lúc người kia vỗ vào vai anh cho đến lúc anh nhìn người kia lần sau cùng, tuyệt - nhiên anh không nói một lời nào hết.

Bữa ăn sáng, bữa ăn chiều, không thấy anh đến, vào phòng thì thấy anh chùm chăn kín nằm ở ô giường. Khoảng ba giờ đêm hôm ấy, thấy anh dậy, lại mở va-li lấy cuốn sách. Anh xem một lúc, úp sách lên ngực, sắc mặt bấy giờ bạc phếch ; ở hai chũng mắt thấy có hai dòng nước mắt đang chảy xuống từ-từ. Tôi nghĩ bụng : Người này tất có một sự đau-khổ, cái đau - khổ ấy chìm đắm ở trong lòng, không thổ, cái mạt kia không dễ khóc được như thế.

Từ hôm con tàu lênh - đênh mặt bể, đến hôm ấy đã được vừa 4 ngày đêm, 4 ngày đêm không thấy anh nói với ai nửa lời nào cả.

Những lúc đi bể như thế này, người ta đến không từng quen nhau cũng còn tìm nhau mà nói chuyện, như anh thì không ; anh hình như sợ chỗ có người, lúc nào cũng lẩn-lút ở những nơi vắng-vẻ mà thơ-thẩn một mình. Bạn đường xa của anh chỉ có tập sách chữ viết kia và phong thuốc lá.

Cái đêm hôm tôi nhìn thấy anh khóc, lòng tôi như bị khích-động, mấy lần toan vùng dậy hỏi anh, sau nghĩ mình cùng người ta là khách giữa đường, mình không có

quyền được hỏi nỗi lòng người ta một cách đường-đột như thế, tôi lại thôi.

Sáng hôm sau, tàu đã vào đến cửa sông Sài-gòn, những người cùng chuyến ấy, đã từng đi bể nhiều lần nói rằng cũng còn đến 10 tiếng đồng-hồ nữa tàu mới tới bến; vì một sự tình-cờ, tôi được cùng anh nói chuyện, chuyện có bốn câu.

Khi ăn xong rồi, tôi cùng anh Lê Thanh-Liên vào phòng ngủ thay quần áo rồi lên boong, đến phòng hút thuốc, ngồi đợi tàu đến bến để lên thăm cảnh Sài-gòn. Tôi mở cửa phòng ấy bước vào đã thấy anh Bằng-Giang ngồi đấy. Cái tiếng giầy của tôi và anh Liên dẫm trên thảm dạ nó êm mà mất tiếng, anh không nghe thấy đã đành rồi, đến cái tiếng sọc-sạch ở cửa lúc chúng tôi mới bước vào, anh cũng như không nghe thấy nữa, vì cứ nhìn cái bộ anh ngồi lúc ấy, đủ rõ rằng anh vẫn tưởng trong phòng chỉ có mình anh. Chừng như anh đang mải nghĩ cái gì thì phải, vì tôi bước vào được hai phút, trông đến tay phải anh thì thấy điếu thuốc lá anh cầm để sát tấm dạ xanh phủ trên bàn, thuốc và dạ đang bốc khói lên ngùn-ngụt. Cái khói dạ cháy xông lên khét lẹt; tôi bước đến, kéo cái ghế bên cạnh, bấy giờ anh mới ngẩng lên nhìn. Tôi trông anh, nhìn xuống bàn, rồi vừa ngồi vừa nói

— Cái thảm dạ dưới tay ngài đang cháy. Anh nhìn xuống, tay trái vội vơ cái bình sứ gạt tàn thuốc lá để ở bàn rồi chặn lên chỗ cháy:

— Cảm ơn ngài đã bảo cho tôi biết. Cái cảnh ấy qua đi rất mạnh, chỉ trong có một chớp mắt.

Lúc ấy tôi đánh điếu, vừa hút thuốc, vừa hỏi:

— Ngài vào Sài-gòn, đã sắp-sửa xếp đồ lên bến.

— Không, thưa ông tôi sang Pháp.

Chưa kịp hỏi câu nữa thì anh đã bước ra, tôi quay lại phía anh Thanh-Liên:

—Chúng ta vẫn tưởng người ấy đi Sài-gòn, ra không phải.

— Sang Pháp sao hành-lý chỉ có cái va-li?

— Lát nữa gặp, ta thử hỏi xem anh ta sang Tây làm gì.

— Hỏi làm gì, trông anh ta ra dáng khinh người lắm, đã ra đến ngoài mà còn không biết cách xử-thế,... hỏi họ làm quái gì.

Tôi không nói nữa, bụng nghĩ bạn mình không có con mắt nhìn người.

Tàu đến hải-cảng Sài-gòn, anh Thanh-Liên và tôi rủ nhau lên bến, hỏi thăm, rồi đến xóm Khánh-hội tìm người bạn quen.

Tàu chúng tôi đi, yết-bảng đỗ lại Sài-gòn 48 giờ để «ăn-hàng», có dịp ấy, chúng tôi lên thăm thành-phố Sài-gòn trước khi tạm từ-biệt nước nhà, mà đi du-học.

Ngồi trong «xe-kiếng» qua các phố dài đường rộng, những dinh-thự nguy-nga, cửa hàng to-tát ở hai bên vệ đường cứ lần-lượt mà phô ra trước mắt; qua khung cửa kính xe, tôi có trông mà như không biết; bây giờ tôi đang nghĩ về chuyện anh Bằng-Giang. Trong xe chỉ có tiếng nói chuyện của anh Thanh-Liên và người bạn ở Sài-gòn, còn tôi, giọc đường ít nói chuyện.

Suốt hai ngày tàu ghé bến, chúng tôi không về tàu vì ăn ngủ ở nhà bạn; bữa ăn sáng đến bữa ăn chiều, hết thăm cảnh này lại xem cảnh khác, nào vào ca-lâu, nào xem chớp bóng, tôi thật như cái máy bị người sai khiến, mơ-màng như người không có óc, không cảm-giác những cảnh-vật bên ngoài.

Buổi chiều hôm thứ hai, lúc đèn vừa lên lửa, chúng tôi đến thăm một hiệu sách lớn ở đường *Catinat*, mua vài cuốn tiểu-thuyết để đọc trong khi đi bể. Bước vào hàng thì thấy anh Bằng-Giang. Anh cũng đang chọn sách, sau cùng, anh mua hai quyển, tôi có ý nhìn nhan sách, thấy một quyển đề: «*Histoire de la Révolution Russe*» (Lịch-sử Cách-mệnh nước Nga), còn quyển thứ nhì, tuy cái nhan sách ngắn mà tôi chỉ kịp nhìn có một chữ *Lenine* (Tàu dịch là Lỳ Ninh, lĩnh-tụ đảng quá-khích nước Nga). Tôi lại càng nghĩ lắm. Xem sách ấy thì người ấy chắc là người học-giả chớ không phải người khách-thương. Tối hôm ấy, tôi về Khánh-hội ăn cơm rồi, nói là đi có việc riêng, chủ-ý để khỏi phải bận lòng về sự tiếp chuyện.

Tôi lang-thang từ xóm Khánh-hội, qua cầu, đi theo đường bờ sông Sài-gòn ở Trại-Thủ rồi qua đường *Norodom* đến ngồi ở cái công-viên trước Thống-soái-phủ; bấy giờ ngựa xe tung bụi, đường phố cát mù, tôi cũng quên rằng mình đang ở trong cảnh phồn-hoa đô-hội.

Đêm đã khuya, trông tòa giáo-đường ở cuối công-viên trong bóng tối, đứng sừng-sững như một quả núi nhìn về đàng trước chỗ phủ Thống-soái, thấy lơ-thơ có mấy

ngọn đèn ; vườn rộng canh khuya, cái ánh sáng của các cây đèn điện-khí dựng ở bờ đường không phá nổi được hết cái tối. Chuông đồng-hồ nhà thờ thong-thả đánh hai tiếng, hai tiếng chuông ấy như hai nhát búa dịp-dàng đánh vào óc tôi, tôi thấy run tay, sờ lên ngực thì trái tim đập rất mạnh, lạ chửa, tôi chưa từng bao giờ mắc bệnh thần-kinh. Bấy giờ, tình cố-quốc nổi tha-hương cứ bời-bời trong dạ. Tôi nghe mình như không thể ở lâu được trong cái không-khí chốn ấy nữa, mới đứng dậy đi, qua công-viên đến nhà thờ, thẳng đường *Catinat*, theo đường bờ sông, qua cầu về Khánh-hội. Đêm hôm ấy thứ bảy, anh Thanh-Liên và chủ-nhân đi xem bát « sáng-đêm » cũng chưa về, tôi vào giường nằm, không sao ngủ được.

7 giờ sáng hôm sau, chúng tôi ăn lót dạ rồi về tàu, vào phòng thấy Bằng-Giang còn ngủ. 10 giờ, tàu cất neo chạy đi Tân-gia-ba (*Singapour*), 3 giờ, qua Vũng-Tàu (*Cap St Jacques*), từ đấy lại bắt đầu lênh-đênh mặt bể.

Ngót một tháng trời như thế, qua các hải-cảng, chúng tôi có ghé vào thăm, còn anh Bằng-Giang thì ngày nào cũng vậy, ngoài hai bữa ăn, không mấy khi anh bỏ cái ô-giường số 37. Trước tôi còn để ý xem xét, sau chán rồi cũng thôi, phần thì say sóng, phần thì buồn, cái tính tò-mò cũng đi đâu mất cả.

Đêm trước hôm tàu đến *Marseille*, qua một cơn say sóng dữ ở giữa Địa-trung-hải, bấy giờ tôi đã hơi tỉnh, mở mắt dậy mới có 3 giờ sáng. Anh Thanh-Liên còn ngủ, trông sang ô-giường bên, không có anh Bằng-Giang. Tôi khoác áo lên boong, đi bách-bộ cho đỡ mệt. Một giờ sau, tôi xuống phòng, thấy anh Bằng-Giang nằm gục đầu vào chiếc gối.

Biết rằng sáng ngày, thế nào tàu cũng đến *Marseille* mà tôi thì đi bể trong một tháng trời chỉ những nóng lòng lên bộ. Đánh thức anh Thanh-Liên dậy cũng sớm quá, tôi hi-hụi xếp các đồ vặt vào va-li một mình. Xếp xong, ngồi chờ sáng.

Tàu vào bến, chúng tôi tất-tả lên bộ theo người quen về nhà trọ, cái vẻ sinh-hoạt náo-nhiệt ở thành *Marseille* làm cho tôi quên hết những việc trong tháng đi bể vừa qua.

Hai hôm sau, một buổi chiều, nhân đến chơi ở công-viên *Borély*, cảm cái cảnh thanh-u mà nhớ lại người khách lạ. Bằng-Giang từ bữa ấy, đi đâu, làm gì, tôi không rõ, chỉ nhớ rằng đến hải-cảng *Marseille*, lúc chúng tôi sắp hành-lý lên bộ, còn thấy anh nằm gục trên chiếc gối ở phòng tàu.

* *

Đã ba năm trời nay rồi. Đã ba năm trời nay rồi mà cả cái tấm ảnh về thời-kỳ quá-khứ kia in trong óc tôi, chỉ vụt qua mắt tôi như một luồng chớp sáng ; bấy giờ tôi đánh diêm châm điếu thuốc mà không rõ châm thuốc để làm gì, vì lúc ấy thật tôi không định hút. Trí khôn tôi theo làn khói thuốc bay đi vơ-vẩn đến nỗi tôi bất-giác hỏi một câu vô-vị, tưởng không cái vô-vị nào bằng :

— Là lần thứ hai rồi ?

Tôi không thấy anh đáp, mới định-thần lại mà hỏi tiếp rằng :

— Anh đã đỗ Y-khoa bác-sĩ rồi thế bao giờ anh định về nước nhà ?

— Tôi cũng không còn mong gì trở lại nữa.

— Phong-Ảnh đã chết, nhưng có đâu vì thế mà anh trốn được cái nợ của xã-hội, gia-đình ? Nước nhà đang buổi nhu-tài, cần phải có những người như anh mà trông cậy. Bây giờ anh học đã thành-tài, cái tài ấy anh không đem ra mà ứng-dụng ở quê-hương xứ-sở mình thì anh còn định đem đi đâu nữa ?

— Tôi thật không phải vì tình mà có cái tư-tưởng như thế. Anh ơi, từ bé đến giờ, đời tôi thật là một đời chua-cay đau-khổ, tôi còn được có ngày nay, không phải là nhờ ơn họ hàng, cha mẹ. Cha mẹ tôi không có, cửa nhà tôi cũng không, 26 năm trời nay ăn gửi sống nhờ, nghĩ lắm lúc cũng thương thân tủi phận. Người ta đã không có cha mẹ ngay từ lúc mới lọt lòng, ở đời còn được có hai người vì mình mà yêu giấu, hai tấm lòng yêu ấy bây giờ đều tan-nát cả, anh tính công-danh sự-nghiệp còn có thiết gì. Cái thảm-sử của tôi tiếc rằng anh không biết, anh biết tất anh cũng rộng lòng mà tha thứ cái tội cuồng-dại của tôi. Nào tôi có được sung-sướng như các anh gì ? Các anh, cha mẹ còn cấp tiền cho đi du-học, lòng các anh còn mong công-thành danh-đạt mà ơn trả nghĩa đền,

tôi bây giờ, công-toại danh-thành cũng không còn biết tìm ai mà báo-đáp. Hai người ân-nhân của tôi đã chết, tôi chỉ còn nợ có xã-hội mà thôi. Đạo thờ nước có nhiều đường, tuy ở chỗ đất khách quê người, tôi cũng nguyện xin vắt óc phanh gan mà báo đền cái thâm-ân ấy. »

Ngồi trên chiếc ghế bành cạnh bên lò sưởi, mình khoác một cái áo dạ dài, cổ áo bưng kín lên đến gáy, hai tay sâu vào hai túi, mắt đăm-đăm trông vào đống lửa hồng, bạn tôi là anh Bằng-Giang nói với tôi những lời trên ấy ; bấy giờ là tiết mùa đông, một đêm đông trong tòa nhà kia ở ngoại châu-thành *Paris* bên Pháp. Lúc ấy, trên bàn viết, sách-vở giấy-má để ngổn-ngang bừa-bộn, dưới ánh sáng một ngọn đèn dầu, tôi trông bạn chỉ thấy rõ có bộ mặt, cái mặt bạc phếch như mặt một pho tượng đắp bằng đất thó trắng, điểm thêm những vết rắn trên đỉnh trán cao ; không cần biết cái độ khổ trong lòng, cứ cái mình-dung cũng đủ rõ rằng anh đã từng trải nhiều trận phong-ba trong trần-hải.

Bấy giờ, tôi cứ mơ-màng mà nghĩ-ngợi, anh Bằng-Giang thì chú-mục nhìn tôi, trong cái nhìn ấy như muốn hỏi : tôi có vì mà cảm-động. Tôi gạt tàn điếu thuốc cho có việc, vì hai tay lúc ấy thật cứng đờ mà trơ-trẽn, anh hiểu ý, trông vào cuốn sách viết, lại ngẩng nhìn tôi:

— Mấy trang trong tập Lệ-sử anh đọc vừa rồi, đấy là những bức thơ tuyệt-mệnh của Lê Phong-Ảnh. Cái vết đỏ trong sách là vết huyết của Phong-Ảnh thổ ra trước khi chết. Anh trông mà xem, vết máu đã khô rồi bây giờ còn biết làm sao cho tươi lại được. Tôi muốn cho vết máu ấy được tươi mãi để nghĩ như Phong-Ảnh mới chết ngày hôm qua, nhưng không, việc ấy đã 3 năm trời nay rồi, sao tôi lại cứ dối tôi như thế! »

Hồi lâu, anh tì hai khuỷu tay vào đầu gối cúi nhìn ngọn lửa trong lò sưởi, thủng-thẳng khẽ nói, chốc chốc lại ngừng lại, sẽ gật đầu tự cho làm phải như cố nhớ lại những việc đã qua đang cùng nhau tranh lộn trong cái bộ óc đã tê mỏi. Lúc ấy, lửa trong lò vẫn cháy, gió bên ngoài vẫn thổi, tuyết ngoài thềm chưa tan, những bóng tối các đồ-vật in ra ở phòng vẫn theo ngọn lửa trong lò mà múa nhảy, xa xa vẫn nghe thấy những tiếng huyên - náo của kinh-thành *Paris* đưa lại ; cái đêm đông mới buồn thay !...

Hình như anh Bằng - Giang nói đến việc đã quá xa rồi, như trong một giấc mộng:

— ..... Phải.... thật là một sự đau khổ, đau khổ nhất trong cái đời mình.... Đói khát, tàn-tật, mình có thể nhẫn nhục mà chịu được, đến việc ấy.... Sống trong hơn 20 năm trời cạnh một người mình yêu, mình quí, rồi bỗng-nhiên thấy người ấy ra đi, rồi được tin người ấy chết, rồi mình ở lại một mình, một mình trước cái cảnh đời hiu-quạnh.....chưa xót biết chừng nào...»

Một lúc, anh ngồi ngay dậy, nhìn tôi rồi lại nói :

— Từ đấy, tôi cũng không biết tại sao mà tôi sống. Suốt ngày, tôi lò-dò ở trong phòng theo bắt một cái mình-ảnh như người đuổi bóng, cứ ngủ rằng lát nữa Phong-Ảnh sẽ vén rèm mà bước đến ...., mùi hương thoang-thoảng còn thấy như phảng-phất trong các phòng không. . . .»

Anh trỏ tay lên bàn :

— Đấy, một hôm tôi thấy cái này, cái đóa hoa tím này trong túi áo. Phong-Ảnh để vào túi tôi một buổi chiều, chiều hôm cùng tôi đi thăm trại. Hoa ấy đã khô mất rồi mà mùi hương thơm còn như thoang-thoảng, thấy cái hương thơm ấy tôi cứ chắc rằng Phong-Ảnh còn sống, còn đứng đâu ở cạnh mình tôi. . . . nhưng mà không,..... mọi cái đều mất cả rồi, bây giờ chỉ còn có cái buồn là ở lại..... »

Nói rồi anh cúi đầu xuống như muốn giấu tôi hai dòng nước mắt, tôi nghĩ lấy làm không phải, cứ lẳng - lặng ngồi yên. Sau, anh ngẩng lên nhìn, tôi nhắn đẩy nói sang việc khác :

— Mai thì tôi xuống *Marseille* chờ tàu về nước, anh không về có cần nhắn gửi cái gì không ?

— Cảm ơn anh, tôi cũng không còn ai

mà thăm gửi, anh ra về, tôi xin chúc anh được mạnh giỏi luôn.

Tôi từ bạn, cầm mũ đi ra, Bằng-Giang cầm cây đèn tiễn chân tôi đến cửa. Tôi cúi chào rồi rảo bước về nhà trọ, ba bước sau còn thấy tiếng rít cửa nghe ảo - não như những tiếng rên.

Chuyến tàu bể về, đỗ lại Sài-gòn 3 hôm. Tôi lên bộ, ngay sáng sớm hôm sau mua giấy xe-lửa đi Ba-ngòi, rồi đợi đấy để lại đáp chuyến tàu bể ấy về Bắc.

Xóm-cồn, nơi Phong-Ảnh chết là chỗ thôn-lạc của bọn ngư-nhân ở ngay ven bể thuộc địa-phận Ba-ngòi.

Bảy giờ tối, xe-lửa đến nơi, tôi tìm vào trọ ở nhà Công-quán.

Hôm sau, ra chơi Xóm-cồn, hỏi chuyện về Phong-Anh thì một người đánh cá có dẫn tôi đến mộ nàng ở địa-hạt Trà-long, cách đấy chừng 4 ki-lô-mét. Bây giờ về tiết trọng-thu, một nấm đất vàng sau cái đồi rừng đã thấy rầu-rầu ngọn cỏ.

Hôm sau nữa, chuyến tàu bể tôi tạm-biết ở Sài-gòn lại ghé hải-khẩu Ba-ngòi, tôi xuống tàu, nghỉ lại chuyến đi, Bằng-Giang đứng sững suốt đêm như một pho tượng trên tàu khi qua chỗ hải-phận này, đôi mắt đăm-đăm, là nhìn về phía mồ Phong-Ảnh.

Tôi về Bắc-kỳ ngót một năm thì tiếp được lá thư này của Bằng-Giang.

Paris, ngày 23 Juillet.

Anh Trần Văn-Tâm,

Hai tháng trước đây tôi có lập được một cái bệnh-viện nhỏ tại miền ngoại-ô thành *Paris* để chữa không lấy tiền cho những trẻ con lai vô-thừa-nhận của các binh-lính An-Nam.

Đồng-bào mình sang đây lấy vợ người Pháp, sinh con rồi, lúc về thường bỏ lại. Những người đàn-bà Pháp ấy, sau vì cảnh-ngộ hoặc vì sự khác mà không nhìn nhận đến con, thanh-thử những trẻ kia, cha mẹ có khi còn mà sự nuôi dạy phải nhờ ở các Cô-nhi-viện.

Tôi đối với những trẻ ấy có một cái cảm-tình riêng, cảm-tình người cùng nước.

Trước kia, tôi cũng là đứa trẻ vô-thừa-nhận, người ta nhặt được ở đầu đường khi hãy còn oe-oe tiếng khóc. Được có ngày nay là nhờ ở sự dạy nuôi của mẫu-thân Lê Phong-Anh.

Nghĩa-mẫu tôi đã qua đời mà Phong-Ảnh cũng đã chết, bây giờ ở xứ nhà không còn tìm đâu được lấy một tấm lòng yêu; ở xã-hội mình, anh còn lạ gì, đứa con dẻ hoang đi đến đâu mà chả bị người ta khinh-bỉ.

Hồi tôi sang du-học lần trước ở Pháp, người vợ mà nghĩa-mẫu tôi lấy cho tôi, đã thụ-bệnh mà chết ở quê nhà, tôi ở đâu cũng vò-võ có một mình, lần này không muốn trở về, vì về nước bây giờ cũng không còn ai nhìn nhận nữa.

Nghĩa-mẫu tôi nuôi tôi từ lúc còn là hòn máu đỏ cho đến năm 21, cái công-dức ấy cao nặng biết là bao?; Phong-Anh thương yêu tôi, khiến tôi được an-ủi trong cái sống thừa, thấy chút vẻ xuân đầm-ấm trong cuộc đời bi - thảm, tình - nghĩa ấy cũng không là nhỏ; hai người ân-nhân ấy đã qua đời cả, tôi cũng không còn biết tìm đâu mà nghĩa trả ơn đền. Xã hội đối với tôi có cái ơn giáo - hóa, nay tôi xin lấy công-cuộc lập bệnh-viện ở chỗ « quê-hương thứ hai » này mà đền bù, như thế chẳng biết có xứng không, song được đến thế nầy xin trình anh hay như thế...

Bằng-Giang. »

Một năm sau, tôi tiếp được bức điện-tín của anh Lê Thanh-Liên, bạn học cũ với tôi tại trường Luật-học thành *Aix*, bấy giờ còn đang học ở bên Pháp.

Bức điện - văn như sau này:

« Paris, 17 Septembre — Bằng-Giang tạ-thế đêm hôm qua, tập lệ-sử của Phong-Ảnh còn thấy úp trên ngực sau khi tắt nghỉ — Mai sẽ cất đám về nghĩa-địa « Père La Chaise »

(Thuật theo lời một người bạn)

Vũ Đình-Chí

VĂN-UYỂN

THƠ CŨ (1)

THƠ CỤ NGUYỄN CÔNG-TRỨ

XII

Nói phô nghe cũng lối con trai,
Vì nỗi không tiền hóa dở người.
Khôn-khéo dễ hầu bưng lấp miệng,
Khen chê thôi cũng mặc ngoài tai.
Tính quen mặt nọ cùng nhiều kẻ,
Song biết lòng cho dễ mấy ai.
Sự đã thế thì thôi cũng mặc,
Đi lâu thôi mới biết đường dài.

XIII

Vì chữ cho nên mực phải mòn,
Những tuồng nông-nổi khéo là buồn.
Bởi mình hay nhịn cho nên dại,
Thấy đứa nhiều điều cũng hết khôn.
Lúc giận dệt-thêu ngay hóa vậy,
Khi ưa tô vẽ méo nên tròn.
Dù ai cũng nghĩ cho mình với,
Thực giống sen thời chẳng sợ bùn.

XIV

No thời ra bụt đói ra ma,
Chẳng là nhân-tình đất kẻ ta.
Khôn khéo lại ra thằng lắm của.
Yêu vì đâu đến đứa không nhà.
Ngẫm đời mới biết không thời dễ,
Muôn việc cho hay nhịn cũng qua.
Con tạo có đi thời có lại,
Vạch vôi lấy mãi thế du mà.

XV

Chớ thấy người thương bụng hớ-hăm,
Phải xem cho kĩ kẻo mà lầm.
Chẳng ưa thoắt chốc ra bèn mạt,
Không lụy càng nhiều tiếng nói dằm.
Tưởng nỗi ở ăn đà ghét độc,
Nghĩ trong thế-tục cũng cười thầm.
Thôi thôi chớ nói chi cho lắm,
Vốn hễ ân thâm oán cũng thâm.

XVI

Nỗi nọ đường kia xiết nói-năng,
Đêm nằm chẳng ngủ biết mãn-răng.
Đầu ghềnh một tiếng chim kêu gió,
Trước cửa năm canh chó xủa trăng.
Phấp-phỏng lòng trần ai muốn những,
Mơ-màng cuộc thế cũng cầm bằng.
Cánh chim dìu-dặt đêm chưa sáng,
Tình-tự ai đà có biết chăng.

XVII

Nghĩ lại ông trời vốn cũng công,
Trời nào vì rét bỏ mùa đông.
Mây về ngàn cả đen như mực.
Gió lot rèm thưa lạnh tựa đồng.
Cảo mực chưa long ngòi bút tuyết,
Cầm loan còn nối sợi tơ đồng.
Bốn mùa dầu nhẫn xuân đi cả,
Gót núi ai hay sức lão-tùng.

XVIII

Bần-tiện song-le vốn tính lành,
Gặp sao hay vậy dám đành-hanh.
Phiếm đàn nịp sách là nghề cũ,
Quạt gió đèn trăng vốn của dành.
Nhân-nghĩa trước trời thời phải giữ,
Lợi-danh đường nhục cũng nên khinh.
Tin xuân đã có mai-hoa đó,
Chẳng lệch song mà cũng chẳng chênh.

XIX

Kẻ ghét song còn có kẻ ưa,
Biết đâu mà uốn được cho vừa.
Khó giàu đã định nơi không oán,
Khôn dại đành hay há dám từ.
Bề học đào nguồn cho chúng trẻ,
Ngày nhàn vui chuyện với người xưa.
Lâng-lâng rũ sạch niềm nhân ngã,
Ngẫm thú phồn-hoa được thế chưa ?

(1) Tiếp theo số báo trước 89.

XX

Trời đất cho ta một chữ tài,
Dắt lưng dành để tháng ngày chơi.
Dở duyên với rượu khôn từ chén,
Trót nợ cùng thơ phải chuốt bài.
Cờ sẵn bàn sơn xe ngựa đó,
Đàn còn phiếm trúc tính-tình đây.
Ai say ai tỉnh ai thua được,
Ta mặc ta mà ai mặc ai.

XXI

Chẳng phải sương sa chẳng phải mù,
Ào-ào một trận kéo dần vô.
Tưởng là gió cuốn mản mây lại,
Ai biết trời tuôn lộc nước cho.
Khi ấy não-nùng thời lỡ đã,
Bây giờ chua xót biết chừng mô.
Ai ôi ướt-át đừng lo luống,
Có lỡ năm nay có được mùa.

THƠ MỚI

Đêm nằm không ngủ

Vào trường túy-mộng đã lâu rồi,
Tỉnh trước đồng-bào có một ai.
Cảnh-tượng quạnh-hiu khi vắng khách,
Non sông hờ-hững lúc không người.
Đinh-ninh tấc dạ dân cùng nước,
Khắc-khoải thâu đêm đứng lại ngồi.
Muốn hét một hơi trong vũ-trụ,
Bốn nghìn năm ngủ, ngủ chửa thôi.

Phẫn-chí

Muốn điếc ai ơi lại muốn mù,
Mặt đời giáo-giở thế này ư?
Cầm cho lũ nịnh ba phân lưỡi,
Tỏ với trời xanh một bức thư.
Khí tức xông lên lòa chín đợt,
Nỗi oan ngậm mãi để nghìn thu.
Tấm lòng băng-tuyết không dơ bụi,
Dù biết dù không tớ cũng ừ!

Cảm-tác

Xô-đẩy trường đời đã mấy phen,
Phong-trần càng nếm lại càng quen.
Tuôn dòng huyết-lệ thương đàn ngốc!
Vang tiếng ruồi xanh gớm lũ hèn!
Buồn ngó người thân khi trở mặt,
Đau nhìn lòng đỏ lúc pha đen.
Sài-môn tuyệt khách từ đây nhé,
Trong chốn thư-hương có bạn hiền.

Đi xa nhớ nhà

Mấy đoạn xa-xôi mấy đoạn tình,
Bấy nay thư-kiếm chạy lùng-quanh.
Gia-đình thú cũ xui lòng khách,
Lữ-thứ sầu riêng tủi phận mình.
Bốn bề làm nhà âu vẫn biết,
Cảnh bèo lạc bến dạ sao đành.
Trông về cố-lý nào đâu thấy,
Chỉ thấy da trời vẫn sắc xanh.

Lữ-thứ sầu-ngâm

Ngẩnh mặt trông ra rộn phố-phường,
Nào người thanh-lịch kẻ giàu sang.
Bầu trời hớn-hở riêng ta thảm,
Khắp cõi vui-vầy một khách oan.
Nghĩ đến gia-hương thêm đứt ruột,
Nhìn xem cảnh-vật luống cầm gan!
Bước đi đã lỡ về thêm lỡ,
Ai biết cho mình nỗi dở-dang!

Chiều hôm nhớ nhà

Ai khéo tô nên cái vẻ buồn!
Này người lữ-thứ cảnh hoàng-hôn.
Đàn chim xao-xác bay về tổ,
Lũ mục ỷ-ẻo trở lại thôn.
Trời đất bỗng treo tranh thảm-đạm,
Quê-hương như nhắc dạ bồn-chồn,
Riêng mình dòi-đoạn riêng mình biết,
Đồ giục bên tai tiếng trống dồn.

Cảm-hoài

Đóng góp cùng đời trải mấy đông,
Mày râu khôn vỗ nợ non sông.
Á-Âu chung vẻ tô tai mắt,
Trung-hiếu đôi vai nặng gánh gồng.
Vơ-vẩn bên trời con phách lạc,
Bồi-hồi dạ khách tấm tình chung.
Bao giờ đổi cảnh thay lòng dặng,
Vùng-vẫy tầng cao rạng bóng hồng.

TRẦN HUY-LIỆU

.·.

Thơ lưu-giản

(Tặng bạn Cao-bằng)

Tình nghĩa tri-giao đã bấy lâu,
Lòng thêm thổn-thức lúc chia bào.
Thành Cao đoái cảnh nhờ tin nhạn,
Đạo Bảo trông với nhẹ vó câu.
Mảnh đá non Sầm in nghĩa cũ,
Vừng trăng sông Hiến giãi niềm sâu.
Chen chân trót vướng vòng danh-lợi,
Chén rượu trùng-phùng hẳn có nhau.

GIẢN-KHANH

.·.

Cảnh sáng Bắc-kạn

Tối-tăm đã chán nỗi đêm trường,
Mỏi mắt ngàn đông chút bóng dương.
Sườn núi chim kêu hoa tỉnh giấc,
Mặt ghềnh sóng gợn cá ăn sương.
Lờ-mờ lâu-các lồng mây bạc,
Hiu-hắt vi-lau thoảng gió vàng.
Quì-hoắc luống thương cây cỏ ấy,
Nỗi lòng ai biết cảnh thê-lương.

Cảnh chiều Bắc-kạn

Vừa mới tan sương bóng đã tà,
Mịt-mù sương phủ nước non Hoa (1).
Bờ kia cụ Lã ôm cần lại,
Sườn nọ ông Chu quẩy gánh ra.
Tháo ách voi Ngu nơi ruộng vắng,
Gõ sừng trâu Ninh quãng đồng xa.
Hỏi ai lữ-khách buồn chăng tá ?
Loạc-quạc (2) kìa trông một lũ gà.

Hồng-lâu oán

(*Tập Kiều*)

Nghĩ mình túng đất xẩy chân,
Lạc đàn mang lấy nợ-nần yến-oanh.
Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,
Nắm xương biết gửi tử-sinh chốn nào.
Chém cha cái số hoa đào!

Ph. T. T.

.·.

Cuộc du-quan làng Bản-Mún (B-K)

(Hai anh em cùng liên-cú 5 bài

I

Lên đường

Vẳng ô le-lói sương từ núi,
a. Vó ngựa thung-thăng cỏ rạt đường.
Vách đá thẹn mình rêu phủ lớp,
e. Rừng hoa mừng khách gió đưa hương.

II

Đến nơi

Những khe cùng núi đá cùng cây,
e. Dắt-díu nhau chi đến chốn này.
Nào phải chán đời toan lánh tục,
a. Chẳng qua tìm nhằng để mua ngây.

III

Sáng dậy

Mỏi lưng tựa gối chưa yên giấc,
e. Mở mắt trông trời đã rạng đông.
Sườn núi bên tê người xáo-xác,
a. Anh em ta có dậy đi không ?

IV

Ra về

Buộc yên ai đó xin chong-chóng,
e. Quẩy nịp trò ơi chớ ngại-ngùng.
Bàu nước ống lam đâu đủ chửa,
a. Trèo non lội suối đợi nhau cùng.

V

Dọc đường

Ngựa quen lối bắc đưa người lại,
e. Chim đậu cành nam giục bạn ra.
Mù-mịt rừng xanh mây khói tỏa,
a. Lạnh-lùng mặt trắng tuyết sương pha.

Ph. T. L.
Ph. T. T.

---

(1) Hoa-sơn ở Bắc-kạn.
(2) Tục-ngữ : « Loạc-quạc như gà ban hôm.

Đông-cảm

(Lối thơ chiết-tự)

Mưa bay gió bấc lạnh lùng,
Rét buốt lòng này ngọn sóc-phong
Quả đất xoay vòng sao chóng thế,
Thợ trời vần-chuyển khéo hay không.
Thời thay tiết đổi năm gần hết,
Áo mẹ cơm thầy tính chửa xong.
Nghĩ cuộc trăm năm còn mấy nữa,
Mà mình chỉ cứ vẫn lông-bông.

Tự-thán

(Lối thơ chiết-hạ)

Tuy chẳng ra chi cũng gọi là..,
Cũng phường râu tóc cũng con nhà...
Gặp thời gặp vận may ra cũng..,
Lầm lối lầm đường mới hóa ra...
Ngồi ngẫm cuộc đời nào có mấy...,
Thử liệu với kiếp thế nhưng mà...
Xem ai tai mắt ai là chẳng..,
Ta chẳng bằng ai có lẽ ta...

Nhắn bạn làng say

(Lối vĩ-tam-thanh)

Gọi đời gà đã té-te-te,
Mà khách còn say nhé-nhé-nhé.
Hãy gượng tỉnh lên ti-tí-tị,
Mà xem hoa nở tỏe-lòe-toe.
Thương đàn cuốc cũng cuông-cuồng-cuốc,
Rủ bạn ve còn vé-vẻ-ve.
Mở mắt xem trời kia-kía-kịa,
Vẫng đông rồi cũng lỏe-lòe-loe.

Ngoạn nguyệt lữ-hoài

(Lối thơ ngũ-ngôn)

Lặng ngẫm bóng Hằng-nga,
Vào ngồi chán lại ra.
Buồn trông trời đất khách,
Nhớ lại nước non nhà.
Chín khúc tơ tằm rối,
Đôi dòng nước mắt sa.
Cùng ai mà giãi tỏ,
Than thở với trăng già.

ĐẶNG XUÂN-QUỲNH

.·.

Cảm-đề

Cầm gan tim ruột lắm ai ơi
Có thấu tình chăng ai hỡi ai?
Tơ rối họa may còn lúc gỡ,
Lòng sầu chưa dễ đã khi nguôi.
Con chim mất tổ kêu xào-xạc,
Cái kiếp không nhà chạy tả-tơi.
Sức yếu khôn xoay trời đất lại,
Trời này đất ấy lệ châu rơi.

NGUYỄN VĂN-NĂNG

.·.

Chiều thu đất lạ

Chiều chiều nghe vẳng tiếng chuông chùa,
Càng nghĩ càng thêm nỗi thần-thờ!
Lác-đác lá vàng chen ngõ hẹp,
Long-lanh trăng bạc rọi rèm thưa.
Tưởng tình tri-kỷ mong tin nhạn,
Buồn nỗi tha-hương giở cuộc cờ
Tính nước nào ngờ không thấy nước,
Bâng-khuâng một tỉnh chín mười mơ.

Canh khuya đất khách

Chợt tỉnh canh khuya luống ngậm-ngùi,
Trông ra làng xóm xóm làng ai?
Mây bay ngơ-ngẩn niềm tan-hợp,
Dế hát bâng-khuâng truyện khóc cười.
Bạn vắng nhà xa sương thánh-thót,
Trời cao đất rộng nguyệt chơi-vơi.
Vì dù ta được lên cung Quảng,
Khi nhớ thương trông xuống cõi đời.

PHI-VÂN NGUYỄN VĂN-TỐ

.·.

Mưa tạnh sáng trăng

Ngọn đèn khi tỏ lại khi mờ,
Mở cửa ra xem mới tạnh mưa.
Giọt nước mái tranh còn lách-tách,
Bóng cây bên vách đã lơ-thơ.
Lá vườn lóng-lánh màu trăng ướt,
Mặt đất âm-thầm giọng dế thưa.
Gà gáy nhà ai còn ngủ cả,
Rạng đông ướm hỏi đã gần chưa?

Đánh thức bạn

Đã dậy hay chưa hỡi các anh,
Cuộc đời đương lúc phải đua ganh.
Cơm cha áo mẹ nợ non nước,
Có lẽ mần ngơ cho nó đánh ?

LƯƠNG VỊ-THỦY

.·.

Loa-thành hoài-cổ

Trông cảnh Tư-long (1) luống ngậm-ngùi,
Nỏ rùa truyện cũ phải hay sai.
Hình thành sao khéo xoay trôn ốc,
Nước giếng nay còn sáng ngọc trai.
Trừ hại ma gà (2) nhờ có thuật,
Mắc mưu lông ngỗng vị thương ai.
Bể nam sóng gió mê đường ngựa,
Đà-cuống (3) tin chi hối chậm rồi.

Đêm thu qua mộ ông Vũ Công-Mật

Lác-đác sương sa cỏ dãi-dầu,
Một tòa cố-mộ bóng trăng thâu.
Phủ Lê trống điểm thông hồi dịp,
Diệt Mạc cờ bay gió phất lau.
Sự-tích khi xưa còn lại đó,
Anh-hùng nay biết ở như đâu.
Trăm năm hương khói sao đà lạnh,
Vượn hót ve kêu đượm vẻ sầu.

Chơi núi Khâu-khánh (4) lưu-đề

Ai khéo đưa nhau đến chốn này,
Cửa nhà cao ngất giữa từng mây.
Lơ-thơ đỉnh núi dân làng ở,
Rải-rắc sườn non đám ruộng cày.
Phong-cảnh xinh thay con tạo xếp,
Giang-sơn mừng thấy chủ-nhân đây.
Đào-nguyên lối cũ đâu là phải,
Nhớ khách Lưu-lang mượn chén say.

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

.·.

Ngũ-thập tự-thọ

I

Vừa mới ngày nào đã năm-mươi,
Tính cuộc trăm năm được nửa rồi.
Ơn nước Mậu-tài thi có đỗ,
Lệ làng Bô sớm vọng vào ngôi.
Chua cay bùi ngọt trong hồ rượu,
Hay dở chê khen mấy trận cười.
Tấp-tửng nói bông bà cháu mãi,
Hầu non mừng lão một vài đôi.

II

Hầu non mừng lão một vài đôi.
Tính cuộc trăm năm đã nửa rồi.
Giương kính vuốt râu ra dáng cụ,
Đội khăn búi tóc vẫn thằng tôi.
Phố phường thôn ổ coi như một,
Cờ bạc trăng hoa cũng đủ mùi.
Muốn vẽ truyền-thần ai vẽ được,
Chờ khi tóc bạc với da mồi.

ĐÔNG-GIANG

---

(1) Loa-thành một tên là Tư-long-thành.

(2) Truyền rằng Loa-thành khi xưa, xây xong lại lở, là vì ở đó có loài kê-tinh, sau phải dùng phép thuật trừ đi mới xây được.

(3) Truyền rằng Triệu Đà khi xưa có đem con cà-cuống dâng vua Tàu, nói dối là quế-đố (桂 蠹 mọt cây quế). Sau có người mách vua Tàu biết rằng : « Phi-thị quế-đố, thử Đà cuống dã », nghĩa là không phải mọt quế, Đà nói dối đấy, nên thành tên là Đà-cuống.

(4) Núi Khâu-khánh ở phủ Yên-bình tỉnh Tuyên-quang, núi đá lẫn đất, cao độ 300 thước tây. Làng Xuân-sinh nhà cửa ruộng nương trâu bò ở cả ngọn núi, trông ra biệt thành một cái thế-giới khác.

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Pháp và Nhật. — Năm ngoái quan Toàn-quyền MERLIN thay mặt Chính-phủ Pháp sang Nhật-bản ; năm nay Chính-phủ Nhật-bản cử một phái-bộ Nhật sang Đông-Pháp. Những sự vãng-lai giao-thiệp đó không phải chỉ là một cách thi-lễ đáp-lễ của hai cường-quốc mà thôi, chắc là còn có ý-nghĩa sâu-xa hơn và có quan-hệ với tình-thế chính-trị chung trong thế-giới và trong cõi Á-Đông này. Người An-Nam ta chưa tường việc thế-giới, có lẽ chửa hiểu được rõ tình-thế ấy thế nào. Nay thấy có một bài trích trong tạp-chí Mĩ : *Far Eastern Review* (Viễn-Đông Tạp-chí) bàn về vấn-đề Pháp-Nhật, lược-dịch như sau để công-đồng-lãm :

« Nhân việc quan Toàn-quyền Đông-Pháp sang Nhật-bản, Chính-phủ Nhật và Chính-phủ Pháp đều tuyên-bố rằng việc ấy không có ý-nghĩa gì về chính-trị. Nhưng ngoài thì nói thế mà trong thì thật là có ý hai nước muốn cầu thân với nhau. Dù biện-luận thế nào mặc lòng, có một điều hiển-nhiên không thể giấu được, là nước Pháp bây giờ thấy các bạn đồng-minh cũ có ý nhạt, một mình phải đối với nước Đức đương khôi-phục, đối với nước Nga hùn với Đức, mà cái tình-thế khó xử ấy, Pháp đổ lỗi tại Mĩ. — Nay tình-thế ấy lại chính là tình-thế nước Nhật nữa. Mĩ họp hội-nghị Hoa-thinh-đốn tưởng là giải-quyết được việc Thái-bình-dương và việc Đông Á ít ra cũng được mười năm, không ngờ các điều-ước ký ở hội-nghị còn khuyết-điểm, mà khuyết-điểm là đã gác nước Nga ra ngoài hội-nghị, và không dự-bị một cuộc đồng-minh để thay vào cuộc đồng-minh Anh-Nhật. Trong cuộc Đồng-minh Anh-Nhật, Mĩ sợ nhất là Anh giúp Nhật khi hữu-sự với Mĩ. Mĩ cố phá cho được cuộc đồng-minh ấy, và đặt ra một cuộc đồng-minh bốn nước (Mĩ, Nhật, Anh, Pháp) để giữ nhau không được xâm-lấn các đất chung-quanh Thái-bình-dương, nhưng nước Nga không có vào đấy, thành ra hoặc Nga tràn sang Đông-Á mà đàn-áp Nhật về mặt Tàu, Nhật trơ ra có một mình phải đối-phó lại. — Mĩ phá được cuộc Đồng-minh Anh-Nhật, là một sự đại-thắng của ngoại-giao Mĩ, nhưng lợi cho Mĩ tức là hại cho Nhật. Nhật mất mất một bạn đồng-minh mạnh, giữa lúc kẻ cựu-thù là nước Nga kia muốn lấn sang cõi mình, mà không được cái gì bù lại sự thiệt đó. Thành ra một bên thời nước Pháp đương tu-bổ phải đối-phó với nước Đức đã khôi-phục, một bên thì nước Nhật mất đồng-minh phải đối-phó với nước Nga muốn xâm-lấn, hai bên cái tình-thế cũng cô-độc như nhau, tất phải tìm đường kết-liên với nhau để phòng sự bất-kỳ. — Lại nghe thấy mới rồi có một phái-bộ Nhật sang *Bucarest* để định một cái quân-ước nước Nhật với nước *Roumanie*, phòng khi Nga sang đánh. Ai cũng biết rằng Nga với *Roumanie* có sự hiềm nhau về đất *Bessarabie*, *Roumanie* muốn giữ đất ấy thì có ngày phải xung-đột với Nga. Mà *Roumanie* lại chính là thuộc vào cuộc Tiểu-Đồng-minh (*La Petite Entente*), nghĩa là thuộc nước Pháp che-chở. Cũng có lẽ là ông MERLIN sang *Tokyo* chỉ chủ nghiên-cứu về việc thông-thương mà thôi, nhưng có mấy điều sau này không thể quên được, là : Nghị-viện Pháp chưa duyệt-y điều-ước Hoa-thinh-đốn ; địa-vị Nhật ở Đông-Á mỗi ngày một nguy-ngập ; nước Pháp và các nước Tiểu-Đồng-minh thuộc Pháp che-chở đương lo về sự vận-động của Nga và của Đức ; Nhật và Pháp lại cũng lo về sự Anh đặt quân-cảng ở *Singapour*. Ông MERLIN sang *Tokyo* mới rồi mà không bàn qua đến những vấn-đề ấy để dự-bị về cách hiệp-lực hành-động phòng khi hai nước bị bách về mặt nào chăng, thời cũng là một sự lạ vậy. — Những dân-tộc muốn

cho thế-giới lấy sự khoan - dung, sự hòa-bình làm gốc, mà trông thấy có nước mưu-tính với nhau những sự bè-đảng như thế, lo rằng bè này lập ra tất đảng kia đối lại, không khỏi sinh lòng chán - nản, nhưng phải xét cho tình-thế nước Pháp, nước Nhật cùng các nước Tiểu-Đồng-minh, không làm thế thì không có cách nào đối-phó với cái âm-mưu của nước Nga được. Nước Pháp một mình, nước Nhật cũng một mình, không có trông cậy được gì ở liệt-cường, duy chỉ có một mảnh giấy hứa rằng hễ có nước nào đến đánh thì các nước sẽ liệu giúp, thế mà thôi. — Một cái lẽ mạnh khiến cho Nhật Pháp liên-lạc với nhau là mới đây Tàu mới công-nhận Chính-phủ Sô-viết và người Nga lại chiếm phần quản-lý các đường xe-lửa phía Đông nước Tàu. Pháp và Nhật đối với Nga đều có những lợi-quyền về tài-chính mà yêu-cầu chưa được, Pháp thì đòi nợ Nga chưa xong, Nhật thì đòi các bồi-khoản về trận năm 1904 cũng chưa hết, hai bên lợi-quyền cũng giống nhau, chắc sẽ hiệp-lực để lâm-thời có thể dùng võ-lực mà giữ quyền mình cũng được. — Nam-tước SHIDEHARA mới lĩnh chức Ngoại-vụ-tổng-trưởng nước Nhật, trong một bài diễn-thuyết vừa rồi có nói rằng : « Về đường ngoại - giao, nước Nhật đương phải đối-phó với mấy cái vấn - đề rất khó-khăn, quốc-dân phải đem sức can-đảm, đem bụng công-bằng ra mà giải-quyết cho được. Những cái lối quyền-mưu, những cái chính xâm-lược, là những thuật đời xưa. Sự ngoại-giao trong các nước bây giờ phải lấy công-lý, lấy hòa-bình làm gốc, theo như cái chủ-nghĩa của các hội-nghị *Versailles* và *Washington*. » — Lời nói đích-đáng lắm, nhưng ngoại-tướng Nhật nói thế tức là nói rằng cái mục-đích của sự ngoại-giao bây giờ là phải tìm đường giải-quyết thế nào cho ổn-thỏa những vấn-đề khó-khăn bởi hai hội-nghị *Versailles* và *Washington* đã bày ra cho thế-giới. Nam-tước SHIDEHARA thừa biết rằng Hội-nghị *Washington* chưa giải-quyết được các vấn-đề Đông-Á, trừ phải làm thêm một cái phụ-ước vào cái ước bốn liệt-cường để giữ riêng cho quyền-lợi nước Nhật ở Thái-bình-dương thì mới được, không thời Nhật tất hoặc kết-ước riêng với Nga, hoặc kết-ước riêng với Pháp hay là các nước Tiểu-Đồng-minh. Người Mĩ vẫn chắc rằng vấn-đề Đông-Á đã giải-quyết xong ở Hội-nghị *Washington* rồi, có lẽ cũng là xét lầm, vì càng ngày rồi mới càng rõ rằng Pháp cũng như Nhật, không thể đứng cô-độc được, không thể để cho có kẻ cường-địch lâm-thời đàn-áp mà lại không có nước nào chịu lấy vào đấy. »

.·.

Việc đặt quân-cảng ở Singapour. — Những nhà quan-sát về việc thế-giới lấy làm một sự chắc rằng các liệt-cường hiện đương tranh nhau lấy cái bá-quyền kinh-tế ở Á-châu, rồi có ngày đến xung-đột nhau bằng võ-lực. Không biết còn có ai ngờ điều đó nữa không, nhưng người Anh thì xem chừng cho là một lẽ tất-nhiên vậy. Cứ xem cái chí của họ cố đặt cửa *Singapour* (Tân-gia-ba thành cái quân-cảng đệ-nhất ở Ấn-độ-dương thì đủ biết. — Mới rồi ở Thứ-dân-Nghị-viện nước Anh, nghị-viên SIR NEWTON hỏi Chính-phủ rằng hiện đã kinh-phí mất bao nhiêu về việc đặt quân-cảng *Singapour* còn phải trù bao nhiêu nữa để làm cho hoàn-thành, và Chính-phủ có ý muốn bắt hai thuộc-địa *Australie* (Úc-châu) và *Nouvelle-Zélande* cung-cấp vào việc ấy không. Ông BRIDGEMAN là chánh-hội đồng Hải-quân trả lời rằng hiện đã kinh-phí mất 90 500 *livres* — mỗi một *livre* ước 100 phật-lăng) — và cứ cái số trù trong chương-trình cũ thì phải 11.000.000 *livres*, chia làm 9 năm. Lại nói rằng ngay từ trước khi Nội-các trước định đinh việc quân-cảng, hai thuộc-địa *Australie* và *Nouvelle-Zélande* đã xin sẵn lòng cung-cấp một phần rồi. Lại nói rằng hai thuộc-địa ấy phải coi sự cung-cấp này là tự cung-cấp cho việc quân-phòng của mình, như thế thì chưa biết sẽ quyết-định thế nào. Ngay ngày hôm ấy, ở *Melbourne* (là thủ-phủ thuộc-

địa *Australie*), thủ-tướng BRUCE tuyên-cáo rằng những khoản trù về việc quân-phòng Nghị-viện phải coi là phần cung-cấp của Úc-châu về việc làm quân-cảng *Singapour*. — Cách mấy tuần-lễ sau, ông BRIDGEMAN diễn-thuyết ở *Oswestrey* nói rằng cả tòa Nội-các đã đồng lòng cho phép ông khởi-công làm quân-cảng *Singapour*, vì nhân-vì số chiến-hạm bị giảm, cần phải có một nơi căn-cứ để cho lâm-thời các tàu có thể đến đấy mà tu-bổ, khỏi phải đi về tận mẫu-quốc, vừa mất thì-giờ và vừa phí-tổn nhiều. Ông lại nói thêm rằng : « Có kẻ nói rằng lập quân-cảng ở *Singapour* là có ý muốn công-kích nước nào, nói thế là nói sai. Nước ta vẫn muốn giữ tình bạn-bè với nước MĨ và nước Nhật, và tôi chắc rằng các nhà chính-trị nước Nhật và nước MĨ cũng không cho chính-sách nước ta là một chính-sách công-phạt, nhưng là một chính-sách phòng-bị, cốt để chỉnh-đốn hải-quân của chúng ta, và cốt nhất để bảo-toàn sự yên-ổn của chúng ta. Hiện nay, trên trời ngoại-giao không có đám mây đen nào, nhưng việc tương-lai thì không ai dự-đoán được, và bao giờ cũng phải nên sẵn-sàng để đối-phó với sự bất-kỳ » — Cứ cái địa-vị và cái tư-cách của ông BRIDGEMAN thời mấy lời nói sau đó là quan-hệ lắm. Nghĩa là hiện nay người Anh đã lấy sự xung-đột để tranh bá-quyền kinh-tế ở Á-châu là một sự thuộc về tương-lai gần đây vậy. Cho nên những sự dự-bị của nước Anh, các lân-bang không phải là không chú-ý, không phải là không lấy làm quan-tâm. Nhất là nước Hòa-lan lại có ý xem-xét về việc đặt quân-cảng *Singapour* lắm. Nhân vì một người thông-tin ở *Londres* của báo *Manchester Guardian* có nói rằng chính-phủ Hòa-lan ở *Indes Néerlandaises* lấy việc đặt quân-cảng ấy làm mếch lòng, nước Hòa-lan cực-lực phản-đối điều ấy, nói rằng không có ý gì muốn giao-thiệp với chính-phủ Anh về việc đó, tuy vậy nhưng cũng tuyên-cáo rằng sẽ hết sức phòng-bị để giữ lấy địa-vị trung-lập của mình, cứ thế-lực nước Hòa-lan thì chỉ chủ làm được thế mà thôi. — Nước Nhật thì xem ra có ý bất-bình hơn, vì việc này trực-tiếp quan-hệ đến mình. Báo *Jiji* nói rằng : « Việc lập quân-cảng *Singapour* dẫu là một việc nội-chính của nước Anh, song cũng là trái với cái tinh-thần của điều-ước *Washington*. Quốc-dân Nhật được biết rằng cái công-trình ấy là chủ để mưu sự đàn-áp nước Nhật-bản, thật cũng lấy làm tức mình. Cách làm như vậy chỉ đủ sinh ra các nước mất cảm-tình nhau, và rồi đến xung-đột nhau. » — Báo *Kokumin* thì nói rằng nước Anh ra bộ không tin sự giao-ước, lòng thành-tín của vạn-quốc. Lại nói rằng khi xưa có nước bản muốn đặt pháo-đài ở đường vận-hà *Suez*, nước Anh cực-lực phản-đối, lấy cớ rằng đường ấy là đường giao-thông của vạn-quốc. Nay nước Anh đặt quân-cảng ở *Singapour* thì có khác gì như ở *Suez*. — Báo *Chugai Chosy* nói rằng Chính-phủ Anh tuyên-bố rằng đặt quân-cảng ở *Singapour* là cốt để phòng-bị cho Úc-châu, nhưng thử hỏi ngày nay trong Liệt-cường nước nào là nước muốn đánh lấy Úc-châu mà phải phòng-bị ? — Cứ như dư-luận các nước, thuật trên đó thì rõ bẵn rằng nước Anh đặt quân-cảng ở *Singapour* là quyết-chí muốn khôi-phục cái chính-sách xâm-lược, cái chủ-nghĩa đế-quốc đã tạm-dình trong khi Nội-các MAC DONALD cầm quyền vậy. — Báo Pháp ở Nam-kỳ bàn về việc này có khởi ra một câu hỏi rằng : Đối với sự dự-bị của nước Anh như thế, thì nước Pháp ở Đông-Pháp này định xử-trí ra làm sao, định phòng-bị ra thế nào ? Hay là cứ an-nhiên như bây giờ mà quên lời cổ-ngữ : « Muốn bảo-hòa, phải dự-chiến » ? ..

. . .

Sự võ-bị của nước Xiêm. — Nước Xiêm ở vào giữa thuộc-địa nước Anh (là Diến-điện và đất *Straits Settlements*, tức bán-đảo Tân-gia-ba) và thuộc-địa nước Pháp (Đông-Pháp), nhờ cái địa-thế ấy nên giữ được toàn lĩnh-thổ và quyền độc-lập ; lại nhờ cái tình-thế ấy nên trong mấy mươi năm gần đây, thảm-đạm kinh-doanh, gây nên thế-lực, liệt vào bậc liệt-cường ở cõi Đông-Á. Bây giờ đương chú-ý về việc võ-bị trong nước, muốn gây lấy quân-đội rất mạnh, theo như quân-chế các nước đời nay. Sự dự-bị đó đã

làm cho các nước lân-cận có ý ngờ, tự hỏi rằng nước Xiêm cũng là một nước nhỏ, vả nhờ địa-thế không lo phải nước ngoài nào xâm-lấn, như thế thì đặt quân-đội nhiều để làm gì. Các báo Pháp ở bên ta, các báo Anh ở Tân-gia-ba, thường thấy nghị-luận về sự đó, và nghi cho Xiêm có cái dã-tâm gì. Việc thuộc hồ-nghi, ta không bình-phẩm, chỉ nên xét xem quân-lực nước Xiêm thế nào mà khiến cho các nước phải chú-ý như thế.

Nước Xiêm chăm về đường võ-bị là tự ông vua bây giờ đã từng học ở trường võ bên Âu-châu về. Theo quân-chế mới thì phàm người dân trong nước đều phải cưỡng-bách binh-dịch. Con trai từ 18 đến 40 tuổi phải đi lính, chia ra ba thời-kỳ như sau : a) hai năm tại-ngũ ; b) năm năm vào đệ-nhất-ban trừ-bị ; c) mười năm vào đệ-nhị - ban trừ-bị. Những người thuộc vào đệ-nhất-ban trừ-bị thì mỗi năm có thể bắt hai tháng vào ngũ ; những người thuộc đệ-nhị-ban thì rút xuống mỗi năm 15 ngày. Phép tuyển lính thời theo cách « địa-phương », nghĩa là đại-để lính bắt nào cho nhập-ngũ ở bắt ấy, không ngăn-trở công-việc trong dân-gian. Lại trong luật có trừ binh-dịch cho mấy hạng người, như thầy tu, quan-lại nhà nước, sinh-viên mấy trường lớn, v. v. . Ở *Bangkok* có hai trường võ-bị để dạy quân-quan ; lại mỗi năm kén những người có tư-cách cho sang học các trường võ bên Âu-châu. — Quyền thống-soái các quân-đội là ở vua, làm chức đại-nguyên-soái. Các quân-đội chia ra làm ba quân-đoàn (*corps*), mỗi quân-đoàn có ba sư-đoàn (*divisions*), mỗi sư-đoàn có : 2 đại-đội (*régiments*) bộ-binh, 1 đại-đội kỵ-binh hay là khu-trục-binh (*chasseurs*), 1 đại-đội pháo-binh, 1 tiểu-đội công-binh, 1 tiểu-đội tri-trọng (*train des équipages*), 1 tiểu - đội vệ - sinh (*ambulance*), 1 phân-đội tàu bay. — Lúc bình-thời thời mỗi đại-đội bộ-binh có bốn tiểu-đội 100 người một, mỗi đại-đội kỵ-binh có hai trung-đội 120 người một, mỗi đại-đội pháo-binh có hai đội 4 chiếc đại-bác một. — Tổng-tư-lệnh bộ Tham - mưu hiện nay là Hoàng - thân Nagor Svarga. Trong quân-đội có kỷ-luật, và cách ăn-mặc sạch-sẽ nghiêm-chỉnh lắm, khách du-lịch đều lấy làm khen, nói rằng quân nước Xiêm không phải là quân để điều chơi, chính là quân để thực-dụng. — Thủy-quân nước Xiêm thời trước nhờ người Đan-mạch tổ-chức, các tàu chiến phần nhiều mua ở Âu-châu và ở Nhật-bản. Thủy-quân hiện nay có : một chiếc tuần-dương-hạm, hai chiếc ngữ-ngư-lôi-hạm, bốn chiếc phóng-đại-bác-hạm, bốn chiếc phóng-ngư-lôi-hạm, hai chiếc tàu vận-tải, mười chiếc tàu thông-tin, với độ 60 chiếc tàu nhỏ đi sông. Thủy-quân chỉ chủ dùng để phòng - bị mà thôi. Quân-cảng thời có cửa *Paknam*, từ năm 1893 thủy-tướng Pháp Bory vẫn được qua vào tận *Bangkok*, thời chính-phủ Xiêm đã đặt pháo-đài hai bên, bây giờ tàu ngoại-quốc vào được cũng khó. — Nhưng người Xiêm chú-ý nhất là về đội tàu bay. Từ năm 1913, Chính-phủ Xiêm đã phái người sang học tàu bay ở nước Pháp, trong khi chiến - tranh lại có người sang nhiều nữa, cũng chuyên về tàu bay ; hiện nay thì đội tàu bay của Xiêm đã chỉnh - đốn lắm, máy mua của Pháp, người luyện bên Pháp, thật là một cái sức mạnh trong quân-đội.

Vấn-đề « kim-phật-lăng ». — Vấn-đề « kim-phật-lăng » (*francor*) tức là vấn - đề bồi-khoản mà Tàu phải trả Pháp về việc Quyền-phỉ năm 1900 (*indemnité des Boxeurs*). Các bạn đọc báo cũng nhớ rằng hồi nhà «Trung-Pháp thực-nghiệp ngân-hàng» vỡ nợ, Chính-phủ Pháp muốn giữ cho danh-dự nước Pháp, có đảm-nhận trang-trải các nợ, và hứa rằng sẽ lấy tiền bồi-khoản về việc Quyền-phỉ của Tàu để trả dần những trái-chủ của ngân-hàng. Các trái - chủ vẫn chắc bụng rằng thế nào sớm trưa cũng lấy được tiền. Không ngờ mấy năm nay rồi mà không lĩnh được đồng nào. Nguyên-do là tại Chính-phủ Tàu và Chính-phủ Pháp không đồng-ý nhau về cái vấn-đề bồi-khoản đó. Chính phủ Tàu thì vẫn nhận trả, nhưng xin trả theo giá phật-lăng bây giờ, nghĩa là giá phật-lăng giấy rất hạ. Pháp không chịu, đòi bằng giá phật-lăng vàng, vì nghe đâu trong điều-ước cũ đã định rõ như thế. Việc cứ nhùng-nhằng mãi trong bấy lâu, không giải-quyết xong, phần nhiều là bởi tình-hình nội - chính nước Tàu còn phân-vân, bấy lâu chưa có Chính-phủ nào chắc bằng mà giải-quyết được. Gần đây lại thấy đề-cập đến việc ấy mà nói rằng bao giờ Chính-phủ chấp-chính mới nước Tàu được vững-vàng thì sẽ giải-quyết việc ấy. Lại đồn rằng trong việc điều-đình này sẽ nhờ nước Nhật-bản làm môi-giới. Không biết tin ấy thực như thế nào, nhưng nước Pháp đã có công-sứ, có đại-biểu ở Bắc-kinh, không hiểu cớ sao lại phải nhờ đến Nhật làm môi-

giới. Vả việc này nghe như trước cũng đã điều-đình tiệm xong rồi, duy đợi đến khi Nghị-viện Pháp duyệt-y các điều-ước *Washington* mới công-bố mà thôi. Cho nên không hiểu cớ sao lại cậy đến Nhật và cái địa-vị của đại-biểu Nhật trong việc này thế nào. Báo *Echo de Chine* gần đây có bài bàn tường về «vấn-đề kim-phật-lăng», xin lược-thuật như sau. Trong bài ấy nói rằng liệt-cường cử công-sứ Nhật ở Bắc-kinh để điều-đình với nước Tàu về việc hiệp-ước năm 1901. Hiệp-ước này là liệt-cường ký với nước Tàu ngày mồng 7 tháng 9 năm 1901 bắt nước Tàu phải trả bồi-khoản về việc giặc Quyền-phỉ năm trước. Sau trong liệt-cường có nhiều nước vì lẽ riêng trừ bỏ cho Tàu cái phần bồi-khoản của mình; duy có nước Pháp bị thiệt-thòi trong việc chiến-tranh vừa rồi không chịu trừ mà thôi. Nay thử xét xem trong hiệp-ước ấy nói về quyền-lợi nước Pháp thế nào, và vì lẽ gì nước Pháp lại có quyền đòi trả bằng tiền vàng. Điều thứ 6 trong hiệp-ước ấy nói rằng tổng-số bồi-khoản nước Tàu phải trả cho liệt-cường về việc Quyền-phỉ là 450.000.000 bải-quan-lạng (*haikouan taëls*, khi trả phải lấy tiền bản-vị bằng vàng của mỗi nước làm bằng, mỗi lạng tính ra tiền Pháp là 3 quan 75 và tiền Anh là 3 *schellings*. Khoản thứ 1 trong điều thứ 6 ấy nói rõ-ràng như thế này: «Số 450.000.000 lạng đó là một khoản nợ bằng tiền vàng, tính theo giá tiền vàng của mỗi nước như sau này: mỗi một bải-quan-lạng tính ra tiền nước Đức là 3 mã-khắc 055; tính ra tiền nước Áo là 3 *couronnes* 595; tính ra *dollar* vàng là 0$752; tính ra tiền nước Pháp là 3 phật-lăng 75; tính ra tiền nước Anh là *Osterling* 3 *schellings*; tính ra tiền nước Nhật là 1 *yen* 407; tính ra tiền nước Hòa-lan là 1 *florin* 796; tính ra tiền nước Nga là 1 *rouble* vàng 412. Số bồi-khoản bằng tiền vàng đó phải sinh lãi mỗi năm là 4 phân, và tiền gốc thời nước Tàu phải trả trong hạn 39 năm.» Trong ước lại nói rằng sẽ lấy tiền dư về thuế thương-chánh mỗi năm để làm đảm-bảo cho số nợ đó, nghĩa là nếu Chính-phủ Tàu không có tiền khác mà trả thì sẽ khấu-trừ vào tiền thuế nhà «doan». Nay nước Tàu ở hội-nghị *Washington* đã xin tăng thuế «doan», hội-nghị đã giải-quyết việc đó rồi, nhưng về phần nước Pháp thời chưa công-nhận. Nước Pháp mà chưa công-nhận thì các nước khác cũng phải đợi, vì nếu các nước theo giá quan-thuế mới mà nước Pháp vẫn theo giá cũ thì các nước thiệt. Bây giờ Tàu đối với vấn-đề kim-phật-lăng còn cứ nhùng-nhẳng thì Pháp đối với sự công-nhận quan-thuế mới cũng không vội gì, Pháp chỉ còn có cách đó để đàn-áp Tàu mà thôi. — Ấy việc bây giờ còn như thế, mà cái lý của nước Pháp là cứ bằng ở điều-ước đòi cho được bằng tiền vàng. Người Tàu còn tìm đường thoái-thác, còn tìm cách ngụy-biện, nhưng cứ lý thì cũng đến phải chịu, trừ muốn làm như Tôn Văn định chối cả các nợ ngoại-quốc thì không kể. Nay liệt-cường đã cử Công-sứ Nhật ở Bắc-kinh là ông *Yoshizawa* để điều-đình việc ấy, chưa biết ông điều-đình ra thế nào. Nhưng dù thế nào, các nhà có tiền ở Thực-nghiệp-ngân-hàng cũ cũng còn phải đợi lâu nữa.

.˙.

Việc nước Tàu (*theo báo Tàu*). — Gần đây thời-cục nước Tàu về phương Bắc từ khi Tào Côn 曹 琨 bị truất ngôi, Ngô Bội-Phu 吳 佩 孚 bị thua chạy, thì Phùng Ngọc-Tường 馮 玉 祥 chiếm giữ Bắc-kinh. Nhưng Phùng lại đến Thiên-tân để hoan-nghênh Đoàn Kỳ Thụy 段 祺 瑞, Trương Tác-Lâm 張 作 霖 cùng hội-nghị, gọi là Thiên-tân tam-đầu hội-nghị. Vì có Đoàn hòa-giải ở giữa, nên Trương, Phùng không đến nỗi xung-đột với nhau. Sau lại vì có tin điện Trường-giang các tỉnh liên-minh, định lập hộ-hiến-quân-chính-phủ ở Võ-xương. Trương, Phùng thấy thế nguy-cấp liền suy-tôn Đoàn làm lâm-thời tổng-chấp-chính, giục Đoàn kíp vào Bắc-kinh tựu-chức. Các tỉnh nghe tin Đoàn nhận chức đều tán-thành cả. Giang-tô, Hồ-bắc, Tích-giang, Thiểm-tây, Phúc-kiến, Giang-tây, An-huy, Hà-nam tám tỉnh và các tướng mặt hải-quân đều liên-danh thông-điện mời Đoàn ra để duy-trì đại-cuộc. Ở Bắc-kinh thì dân-quân ủng-hộ cho Đoàn, Trương Tác-Lâm cũng ủng-hộ Đoàn, các đốc-quân về phía tây-bắc và các tướng-lĩnh Tứ-xuyên, Hồ-nam cùng Trần Quýnh-

Minh 陳 炯 明 đều suy-tôn Đoàn, thế là Đoàn được cả toàn-thể võ-nhân nước Tàu tôn-phục, trong nước có thể thống-nhất yên được. Nhưng cũng còn nhiều sự khó-khăn, vì phái Trực-lệ dư-đảng còn nhiều, như Tề Nhiếp-Nguyên 齊 燮 元 vẫn còn chưa phục-tùng hiệu-lịnh chính-phủ Bắc-kinh, muốn mưu giữ lấy phần địa-bàn của mình. Vì thế Trương Tác-Lâm quyết-định tảo-trừ Trực-phái 直 派 ở các tỉnh miền đông-nam, đã sai Lư Vĩnh Tường 盧 永 祥 đem quân Phụng-thiên theo đường Tân Phố thiết-lộ xuống miền Nam đánh lấy Giang-tô (Nam-kinh) để chặn mặt hạ-du sông Trường-giang. Phùng Ngọc-Tường 馮 玉 祥 thì sai Hồ Cảnh-Dực 胡 景 翼, Hồ Tôn 胡 孫 đem quân do miền Kinh Hán thiết-lộ đến Hà-nam để giữ mặt thượng-du Trường-giang. Đó là muốn lấy võ-lực chinh-phục phía đông-nam. Nhưng Đoàn hết sức chủ-trì hòa-bình, đối với Trương, Phùng thì khuyên ngăn việc dụng-binh, mà đối với các tỉnh liên-minh miền Trường-giang thì nhất-điện sai phái-viên đi hòa-giải.

Ngày 24 tháng 11 năm 1924, Đoàn vào Bắc kinh nhận chức, hạ-lịnh tuyên-bố bốn điều : 1o Phàm những điều-lịnh hành-chính tư-pháp từ trước mà không trái với lâm-thời chính-phủ, thì đều theo như cũ ; 2o Các quan văn-võ trong ngoài đều cứ chiếu thường cung-chức ; 3o Tuyên-cáo nhận chức; 4o Bổ-nhiệm các viên Nội-các (đã tường nói ở bản-chí số 89). Đoàn lại định tổ-chức ra một thiện-hậu hội-nghị để giải-quyết các công-việc bối-rối hiện-thời. Lại hẹn trong ba tháng thì triệu-tập quốc-dân-hội-nghị.

Nhưng từ khi Đoàn chấp-chính đã hơn một tháng nay, chỉ thấy bổ-dụng các quan-lại toàn là người tả-hữu chân tay mình cả, mà các công-việc thiện-hậu cũng chửa thấy thực-lực tiến-hành. Ở Kinh thì Phùng Ngọc-Tường thốt-nhiên tuyên-bố từ-chức, nhưng chưa chắc có phải là thực-tình. Trương Tác-Lâm cũng thốt-nhiên đem quân ra khỏi Bắc-kinh. Còn Tôn Văn 孫 文 ở Quảng-đông từ khi qua Nhật-bản trở về đến Thiên-tân thì còn bị bệnh phải nghỉ, cũng chưa thấy động-tĩnh gì cả.

Bắc-kinh lại còn một việc xét bắt những nghị-viên ăn tiền hối-lộ mà bầu Tào Côn khi trước, cho khám tất cả các nhà 90 người nghị-viên và các ngân-hàng để lấy chứng-cứ. Nhưng những bọn nghị-viên ăn tiền hối-lộ như : Vương Thừa-Mân 王 承 斌, Vương Dục-Chi 王 毓 芝, Biên Thủ-Tĩnh 邊 守 靖, Ngô Cảnh-Liêm 吳 景 濂 nghe tin khám xét thì đều chạy trốn cả vào tô-giới Anh Nhật ở Thiên-tân, hiện còn đương tra xét.

Mặt Hà-nam thì Ngô Bội-Phu trước kia có khai-chiến với toán quân Hồ Cảnh-Dực ở đường Kinh Hán thiết-lộ. Nhưng từ khi Đoàn chấp-chính thì Ngô thông-điện tỏ ý phục-tùng, Đoàn hạ-lịnh cho Hồ Cảnh-Dực không được tiến quân nữa. Nhưng một mặt Đoàn lại thông-điện cho miền tây-bắc hợp-lực đánh Ngô. Hồi đầu tháng chạp toán quân Lưu Chấn-Hoa 劉 鎮 華 đội-nhiên đánh Lạc-dương, hẹn cho Ngô Bội-Phu phải lập-tức ra khỏi cõi. Ngô phải bỏ Lạc-dương đến Trịnh-châu, sau lại quay về miền nam đến Tín-dương. Ngô thấy thế-lực cùng-quẫn phải lui vào núi Kê-công 鷄 公, thanh-ngôn rằng về hưu-dưỡng ở núi, không biết gì đến việc nước nữa.

Mặt Trường-giang-hạ-du lại còn Tề Nhiếp-Nguyên là một tay cừ-khôi trong phái Trực-lệ. Tề sơ-ý chỉ mong giữ lấy phần địa-bàn của mình là phần đất Giang-tô. Nhưng nhân-dân Giang-tô rất thâm-oán Tề, chỉ muốn đuổi Tề đi. Trương Tác-Lâm ở Thiên-tân hội-nghị đã hạ-lịnh miễn-chức Tề Nhiếp-Nguyên, cho Hàn Quốc-Quân 韓 國 鈞 làm Giang-tô tỉnh-trưởng, Vương Ấp-Đường 王 揖 唐 làm An-huy tỉnh-trưởng. Lư Vĩnh-Tường 盧 永 祥 làm Tuyên-phủ-sứ Giang-tô và An-huy, đem quân Phụng-thiên xuống miền nam, nếu Tề kháng-cự thì đánh lấy Nam-kinh. Nhưng Tề được tin phải miễn-chức thì bằng lòng giao ngay công-việc cho Hàn Quốc-Quân. Còn cái việc Lư Vĩnh-Tường

ra làm Tuyên-phủ-sứ, thì Giang-tô nhiều người phản-đối, nên về mặt này Tề với Lư còn xung-đột nhau, chửa có thể yên được.

Xem thế thì từ khi Ngô đã thất-thế, Tề phải miễn-chức, dư-đảng Trực - lệ về mặt Trường-giang này đã bị phá-hoại. Chỉ còn Tiêu Diệu-Nam 蕭耀南 ở Hà-bắc, Tôn Truyền-Phương 孫傳芳 ở Tích-giang, Chu Ấm-Nhân 周蔭人 ở Phúc-Kiến, cũng là dư-đảng Trực-lệ trước, nhưng cũng không có thế-lực gì mấy. Đoán là người chủ-trương hòa-bình để giải-quyết thời-cục nếu khu-xử khéo ra thì có thể thành-công được.

Sửa lại những điều ưu-đãi vua nhà Thanh. — Vua Tuyên-thống nhà Thanh từ khi Trung-hoa dân-quốc thành-lập vẫn được ưu-đãi ở riêng cung-cấm trong hoàng-thành. Nhân dịp Bắc-kinh chính-biến này (ngày 5 tháng 11 năm 1924) Phùng Ngọc - Tường sai Lộc Chung-Lân 鹿鐘麟 (Cảnh-sát tư-trưởng). Trương Bích 張璧 (Cảnh-sát tổng-giám) vào cung bách vua Tuyên-thống ra ở ngoài, và sửa đổi lại cái điều ưu-đãi: 1° Bỏ-trừ đế-hiệu không được xưng hoàng-đế nữa, cùng hưởng quyền-lợi như quốc-dân mà thôi. 2° Dân-quốc mỗi năm bổ-trợ cho nhà Thanh 50 vạn và chi ra 200 vạn, mở các xưởng công-nghệ để thu-dung những dân nghèo thuộc về Cờ-tịch (sổ đinh dân Mãn). 3o Vua Tuyên-thống phải bỏ cung-cấm ra ở ngoài, tự-do muốn chọn ở đâu thì ở, nhưng vẫn do Dân-quốc bảo-hộ. 4o Phàm các tôn-miếu lăng-tẩm nhà Thanh vẫn vĩnh-viễn phụng-tự như xưa, Dân-quốc phải binh bảo-hộ. 5o Phàm tư-sản của nhà Thanh thì về nhà Thanh hưởng-dụng, còn công-sản thì trả lại Dân-quốc.

Thiệu Anh 紹英 là Nội-vụ đại-thần nhà Thanh phải lập-tức báo-cáo vua Thanh thừa-nhận những điều ưu-đãi mới sửa đổi lại trên đó. Vua Thanh là Phổ-Nghi 溥儀 liền cùng với lũ thê-thiếp, Thái-giám, cung-nữ, theo Lộc Chung-Lân, Trương Bích đi năm chiếc xe hơi ra ở nhà phụ-thân là Thuần-vương 醇王 phủ. Lộc, Trương phái binh hộ-vệ. Thế là đế-hiệu vua Thanh chỉ trong một ngày là bỏ-trừ giải-quyết xong.

Người ta truyền rằng những đồ bảo-vật trong cung vua Thanh còn nhiều, hồ-giá tính còn đến một nghìn triệu (1.000,000,000) bạc. Cung-nữ giải-tán ra đến hơn 500 người.

Việc trong nước

Phái-bộ Nhật-bản sang Đông-Pháp. — Phái-bộ Nhật-bản của Chính-phủ Nhật cử sang Đông-Pháp để đáp lễ quan Toàn-quyền Merlin năm ngoái sang chơi Nhật có công-tước *Yamagata* đứng đầu và hai mươi bậc quan-viên bộ Ngoại-giao Nhật cùng những hội-viên hội « Nhật-bản Ấu-độ Chi-na hiệp-hội » (*Société japonaise des Amis de l'Indochine*). Đến Hải-phòng ngày mồng 3 tháng 2 năm 1925, có quan Đốc-lý Hải-phòng, các thân-hào trong thành-phố và các quan đại-biểu của quan Toàn-quyền ra đón. Ngay ngày hôm ấy đi xe lửa lên Hà-nội, đến nhà ga có quan Phó Toàn-quyền, quan Thống-sứ Bắc-kỳ, quan Đốc-lý Hà-nội và các quan văn-võ ra đón đông. Ngày mồng 4, Công-tước *Yamagata* lên chào quan Toàn-quyền ở qui-phủ và trình các phái-viên cho ngài biết. Công-tước đọc một bài chúc-từ ngắn-ngắn, đại-khái tỏ lòng Chính-phủ và quốc-dân Nhật cám ơn Đông-Pháp năm ngoái đã lạc-quyên giúp hồi nước Nhật bị thiên-tai động đất lại chuyền lời Nhiếp-chính-vương Nhật cám ơn quan Toàn-quyền đã có lời mừng hồi làm lễ cưới bà phi năm ngoái, sau hết nói rằng chuyến này sang đây mong rằng sự giao-hiếu của Nhật-bản với Đông-Pháp ngày một thân-mật. Quan Toàn-quyền trả lời cám ơn lại Công-tước, nhắc lại khi sang chơi Nhật-bản được người Nhật hoan-nghênh thế nào, và mong rằng phái-bộ chuyến này sang chơi đây khi trở về cũng sẽ giữ được cái kỷ-niệm tốt như thế, khiến cho Đại-Pháp, Đông-Pháp, Nhật-bản, ngày một thân gần nhau hơn lên. Ngày hôm ấy quan Toàn-quyền đặt tiệc mừng Công-tước và các phái-viên ở phủ Toàn-quyền. Mãn tiệc, quan Toàn-quyền diễn-thuyết nói rằng những lời ngài chúc-tụng phái-bộ không phải là những lời lễ-lối trong sự giao-tế mà thôi, chính là lòng thành-thực muốn cho nước Pháp và nước Nhật đi lại với nhau ngày một thêm thân vậy. Ngài nói rằng quyền - lợi nước Nhật ở Tây - phương

không gì là trái với quyền - lợi nước Pháp, mà ở Á-Đông này cũng vậy. Ngài nói rằng Đông-Pháp ở cõi Đông-Á này về đường kinh-tế có quan-hệ với cả các nước lân-cận, vậy thời cần phải giao-thiệp với các nước ấy, mà giao-thiệp một cách thân-mật; hiện nay nước Nhật mua đồ vật-liệu của Đông-Pháp nhiều, mà Đông-Pháp phải mua ngoại-hóa cũng nhiều, hàng - hóa Nhật có thể chiếm một phần trong số nhập - cảng đó, tưởng không trở - ngại gì cho sự buôn - bán của Đại-Pháp và Đông-Pháp cả. Ngài mong rằng hiện ở Nhật-bản và ở Đông-Pháp đương nghiên-cứu về vấn-đề thông-thương ấy, tuy là hai bên thương-thuyết ngoài chính-thức ngoại-giao, nhưng chắc sẽ có ảnh-hưởng đến việc quyết-nghị chính-thức của hai Chính-phủ Pháp Nhật. Ngài lại nhắc đến Tử-tước KUREDA, hội-trưởng Hội « Nhật-bản Ấn-độ-Chi-na Hiệp-hội », mới mất năm ngoái, ai cũng thương tiếc. Sau hết cám ơn quan đại-sứ CLAUDEL (là sứ-thần Pháp ở Nhật-bản) đã đi cùng phái-bộ Nhật sang đây, rồi nâng cốc rượu chúc Hoàng-đế, Nhiếp-chính-vương, quốc-dân và phái-bộ Nhật. — Công-tước YAMAGATA đáp lại cám ơn và chúc-tụng Đại-Pháp và Đông-Pháp. — Trong phái-bộ Nhật có ông SABURI là một bậc quan to ở bộ Ngoại-vụ Nhật, tức là đứng thứ nhì trong phái-bộ, tiếp các nhà báo Tây ở Bắc-kỳ, đại-khái cũng nói về sự liên-lạc Nhật-bản với Đông-Pháp, có một câu rằng: « Nước Nhật chúng tôi rất là phản-đối những cái tư-tưởng xâm-lược, dù về đường chính-trị, dù về đường kinh-tế mặc lòng. Nước chúng tôi chỉ ước-ao muốn hiệp-lực cộng-tác với cả liệt-quốc ở hai bên bờ bể Thái-bình, cộng-tác mà lấy sự điều-hòa, sự tôn-trọng quyền-lợi của nhau làm cốt. » Ông lại nói rằng phái-bộ Nhật sang đây, được quan-dân đón tiếp trọng-thể như thế lấy làm cảm-động lắm, sẽ tăng thêm cho cái tình thân-thiết hai nước về sau này. — Hội-đồng-thành-phố Hà-nội và các hội-nghị Nông-Thương Bắc-kỳ cũng đặt tiệc mừng phái-bộ. Ông SABURI đáp lại lời diễn-thuyết mừng của ông Hội-trưởng hội Thương-mại Bắc-kỳ, có nói qua về vấn-đề thuế thương-chính, nói rằng nước Nhật xin giảm thuế thương-chính cho đồ hàng Nhật sang Đông-Pháp, không phải dám xin một cách biệt-đãi hay một sự đặc-ân gì, chỉ xin lấy sự công-bằng mà thôi, và tuyệt-nhiên không có cái ý gì làm thiệt thòi cho sự buôn-bán công-nghệ của Đại-Pháp hay của Đông-Pháp cả. — Ông SABURI nói xong rồi đến ông MATSUKI thay mặt Hội «Nhật-bản Ấn-độ — Chi-na Hiệp-hội » cũng diễn-thuyết nói về sự liên-lạc Nhật-bản với Đông-Pháp; ông nhắc lại lời quan Toàn-quyền MERLIN ở bên Nhật-bản rằng: « Đông-Pháp ngày nay như người con gái đã đến tuổi lớn, mới bắt đầu ra giao-thiệp với đời, » rồi nói đùa một câu rằng: «Nhật-bản chúng tôi thấy cô con gái đẹp nên đến ve là phải lắm, » cử-tọa đều buồn cười. — Trong mấy ngày phái-bộ Nhật ở Bắc-kỳ thời đi xem trường Bác-cổ, xem các làng cải-lương tỉnh Hà-đông, xem đồn-điền trồng cà-phê của ông BOREL ở núi Ba-vì, xem các nhà máy ở Hải-phòng, xem phong-cảnh vịnh Hạ-long và mỏ than Hon-gay. — Khi sắp dời Hà-nội thời Công-tước YAMAGATA và hội Hiệp-hội đều có đặt tiệc mời quan Toàn-quyền và các quan-thân Tây Nam. Rồi cách một hôm sau thì vào Huế, cả đại-sứ CLAUDEL cũng đi theo. Qua Thanh-hóa, Nghệ-an, rồi đến Kinh - đô, quan Khâm - sứ PASQUIER đón, phái-bộ vào yết Hoàng-Thượng, dự tiệc trong Cung, đi xem các Tôn-lăng, ở vài ngày rồi đi đường bộ vào Sài-gòn. Nghe đâu ở Nam-kỳ có ít ngày thôi, rồi sang Cao-miên xem cảnh Đế-thiên-đế-thích, đến cuối tháng hai thì đáp tàu ở Sài-gòn về Nhật. — Phái-bộ Nhật sang chơi Đông-Pháp chuyến này, ngoài Công-tước YAMAGATA là đặc-phái đầu bộ, còn nhiều những tay danh-giá trong chính-giới, thương - giới, học - giới, v. v., như các ông: SABURI, trưởng sảnh Thương-vụ ở bộ Ngoại-giao; MIYAKOSHI MOTSISHIMA, thư-ký bộ ngoại-giao; Tử-tước MATONO, thư-ký coi việc phiên - dịch bộ ngoại-giao; TOMADA, tùy-viên các sứ-quán; KURIYAMA, chuyên - gia bộ Tài - chính; MACHIJIRI, lục-quân thiếu-tá; KAJIRI, hải - quân thiếu-tá; UTÉ, chuyên-gia bộ Nông - Thương; NAKUSÉ, thư-ký Đốc - phủ Đài-loan; NOMURA, y-khoa bác-sĩ. Hội Hiệp - hội thì có những ông MATSUKI; MAKITA MATSUOKA; MATSUOKA, quản-lý Hội; Bác-sĩ SATO, chuyên-gia của Hội nghiên-cứu các bệnh truyền-nhiễm; bác-sĩ KANO, công-trình kỹ-sư; KIMURA, nông-nghiệp kỹ-sư; GOBAI, văn-sĩ. — Ngoài các ông ấy còn đến mươi mười hai nhà báo, nhà nghề, nhà buôn đi theo nữa.

Ngày 14, trước khi dời Hà-nội, hai ông

trong Hiệp-hội lại có diễn-thuyết ở trường Đại-học, ông Nam-tước MATSUOKA thì nói về sự giao-tế Nhật-bản với Đại-Pháp và Đông-Pháp; ông GOBAI, thì nói về « vấn-đề xã-hội ở Nhật-bản ». — Ông GOBAI, giáo-học ở trường Đại-học *Waseda*, làm chủ mấy cái nhật-báo và tạp-chí ở Nhật, thông-hiểu tiếng Pháp lắm. Ông có ý muốn nghiên-cứu về chữ nôm và chữ quốc-ngữ của ta, nói rằng bên nước ông hiện có cái phong-trào muốn dùng vần tây để phiên-dịch các âm Nhật, chế ra một thứ chữ « quốc-ngữ » Nhật, vì chữ Nhật bây giờ không tiện lắm, nhưng chưa thể làm được, nay muốn xét xem chữ quốc-ngữ An-Nam thế nào để bắt chước.

Nói tóm lại thì phái-bộ Nhật sang chơi chuyến này, xem chừng có một cái cảm-giác tốt về khắp các phương-diện.

. . .

Học-sinh An-Nam sang Pháp. — Những học-sinh ta sang học bên Pháp thường phải một điều bất-tiện, là khi sang đến nơi bỡ-ngỡ không quen-thuộc ai, không có người chỉ-dẫn cho cách ăn ở học-hành thế nào. Năm trước các đồng-bào ta ở bên ấy đã lập được một hội « Đông-Pháp Hỗ-trợ Hội » (*Association mutuelle des Indochinois*), hội-sở ở *Paris* — (15, Rue du Sommerard) — và có đặt các chi ở các tỉnh, cũng là chủ-ý giúp cho người mới sang khỏi lạ-lùng. Nay lại có tin các học-sinh ta ở *Marseille* mới lập một hội nữa, để đón các học-sinh mới sang ở ngay tàu lên và chỉ-dẫn cùng giới-thiệu cho mọi điều cần. Hội đặt tên là « Việt-Nam tân-cựu-học-sinh hội » (*Association des Etudiants et anciens étudiants annamites*), quan năm Đỗ Hữu-Chẩn bảo-trợ, hội-sở ở 45, *Rue Montgrand, Marseille*. Các học-sinh định sang học bên Pháp cứ viết thư hoặc đánh giây-thép cho Hội, thời khi tàu đến bến, Hội sẽ phái người ra đón. Hội nay mới thành-lập, muốn cổ-động cho quốc-dân biết mà giúm-giúp cho được phát-đạt, vậy các ngài hảo-tâm muốn quyên cho Hội ít nhiều chừng nào xin cứ gửi về ông Thư-ký Hội ở tại hội-sở đã nói ở trên. Ngài nào quyên từ 20 đồng trở lên thì Hội sẽ tặng chức tán-trợ-hội-viên.

Nhân báo cho bản-chí biết về sự lập hội học-sinh ở *Marseille*, ông Trần Văn-Hỷ là đồng-bào ta ở bên ấy lại gửi tiếp theo một bức thư nói tường về cách-thức sang học bên Tây thế nào, xin lược-đăng những điều cốt-yếu như sau để cống-hiến các học-sinh ta muốn sang Pháp.

Học-sinh vào học trường trung-học phải có người làm bảo-chứng (*correspondant*) để thay cha mẹ và giữ trách-nhiệm về tiền học, không thì nhà trường không nhận. Khi xin vào học phải đưa cho ông đốc các giấy-má như sau : 1) một bản khai-sinh vào tín-chỉ; 2) giấy nhận thực đã chủng đậu rồi ; 3) giấy hạnh-kiểm ; 4) giấy nhận rằng trước học ở trường nào và các tiền học-phí đã trả đủ cả. — Học-trò ăn-ở nhà trường thì khi vào trường phải có đủ các đồ dùng ăn mặc như sau : 1 bộ quần áo đi ra phố, cả *pardessus*; 2 bộ quần áo ở nhà trường ; 2 đôi giầy lành tốt ; 6 cái áo « sơ-mi » có cổ mặc ban ngày ; 3 cái « sơ-mi » mặc đêm ; 8 cái cổ « cồn » ; 18 cái « mù-soa » ; 3 cái quần đùi ; 10 đôi tất ; 1 cái bao bằng vải để đựng áo thay (dài 0 m 60, rộng 0 m 50); 2 cái khăn bằng « len » ; 4 cái mền giải giường bằng vải (3 m 25 × 1 m 60) ; 12 cái khăn (0 m 65 × 0 m 85). — Học-trò ăn có một bữa trưa ở trường thì phải đem sáu cái khăn ăn (0 m 65 × 0 m 85).

Số tiền học cả ăn ở, nửa ăn ở và ở ngoài kê như sau :

CÁC LỚP HỌC	Ở TRƯỜNG		Ở NGOÀI	
	Cả ăn ở	Nửa ăn ở	Có trông-nom	Ở ngoài hẳn
Lớp đặc-biệt số học (mathématiques spécial) để dự-bị thi P. C. N. và thi vào các trường chuyên - môn (Công - chính, Võ - bị, Thương-nghiệp, Hàng-hải, v. v.).....	2529 quan	1710 quan	684 quan	540 quan
Lớp số-học và triết-học (lớp 1 và 2).....	2313 —	1485 —	477 —	333 —
Lớp 3, 4, 5, 6.....	2214 —	1422 —	432 —	288 —
Lớp yếu-lược (7, 8).....	2034 —	1233 —	360 —	234 —
Lớp dự-bị (năm thứ 1 và năm thứ 2).....	1899 —	1125 —	270 —	171 —
Lớp đồng-ấu.....	1791 —	1071 —	243 —	144 —

Xem như thế thì học-trò trung-học nên vào hạng ăn ở cả trong trường lợi hơn, vì ở ngoài ăn nhà hay ăn hàng mỗi tháng ít ra cũng phải 250 quan, không kể tiền thuê buồng ít ra phải 100 hay 150 quan một tháng.

Học-sinh theo học các trường Đại-học, hay là các trường cao-đẳng chuyên-môn thì không có lệ ăn ở nhà trường, chỉ phải nộp tiền học-phí (*frais de scolarité*) hay là học-tịch (*droits d'inscription*).

Như ở trường Đại-học (các ban luật-học, khoa-học, y-học), thời hạn học hoặc ba năm hoặc năm năm, cứ ba tháng phải đóng học-tịch một lần, mỗi lần 30 quan, thêm các tiền phí thư-viện và phí thí-nghiệm, ước cả thảy là 50 quan, lại mỗi năm thì một lần phải nộp ước 50, 60 quan.

Còn các trường chuyên-môn công-chính, hóa-học, v.v., thì học-phí mỗi năm ước từ 1000 đến 1500 quan.

Gọi là kể đại-khái mấy điều cốt-yếu như trên, còn ai muốn sang học bên Pháp cần phải biết hơn nữa thì cứ viết thư cho hội « Việt-Nam học-sinh » ở *Marseille* (45, Rue Montgrand), hay là viết thư cho ông Trần Văn-Hỷ (33, Rue Sibié, Marseille) cũng được, ông sẽ sẵn lòng trả lời cho tường-tận.

* *

Một lời bàn về vấn-đề tiểu-học bằng quốc-ngữ. — Bản-chí tiếp được bài lai-cảo của một ông giáo ở Nghệ-an, bàn thêm về vấn-đề tiểu-học bằng quốc-ngữ, xin vui lòng đăng như sau này:

« Đọc nghị-định thi văn-bằng tiểu - học mà mừng thay cho con em từ rày lại được thêm một mảnh giấy nữa. Từ rày sẽ biết quí tiếng nước nhà, biết trọng văn tổ-quốc. Người Nam-Việt học tiếng Nam-Việt, thi chữ Nam-Việt thì còn gì chính-đáng hơn. Nào địa-dư, nào cách-trí, nào luân-lý, nào vệ-sinh, đem quốc-văn mà giảng dạy quốc-dân, sự ích-lợi kể sao cho xiết! Khốn - nạn mấy ngàn năm nay người minh chỉ « việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng», trăm sự gì cũng chịu người ngoài cảm-hóa, mà sinh lòng rẽ-rúng của giống của nòi, nòi giống mới chậm bước văn-minh đến thế!

« Nay nhờ Chính-phủ Bảo-hộ, khôn-khéo trăm đường, tâm-tính của cháu rồng con tiên, tỏ rõ mười phần in một; « có thi mới học, học cốt để thi, học mà không thi, đường danh-lợi không ích gì, không học! » Bởi vậy Chính-phủ vẽ kiểu thi cho bọn thiếu-niên trông đó mà xây đắp nền Việt-văn, treo giải thưởng cho bọn tân-tiến thấy đó mà trau-giồi nền Nam-ngữ. Như thế dân-trí chắc ngày một chóng mở-mang, khỏi vơ-vẩn mơ-màng trong giấc mộng. Xem đó đủ biết Chính-phủ Bảo-hộ hết lòng hết dạ chăm lo gây dựng cho con cháu họ Hồng-Bàng, thiệt không hổ cái tiếng một nước văn-minh đệ-nhất hoàn-cầu, biết lấy lòng bác-ái, lấy lẽ công-bằng mà đối-đãi với dân thuộc-địa.

« Cứ trong ý-tứ mà suy, thời Chính-phủ đặt ra cách thi văn-bằng Tiểu-học tiếng Việt này tựa-hồ như khuyên bảo bọn thiếu-niên ta rằng: « Nước Nam còn, tiếng Nam phải học

người Nam học, học để làm quốc-dân có tư-cách hoàn-toàn của nước Nam, chẳng phải học chỉ trông đậu được ông Tham, làm nên ông Đốc ; học để bảo-tồn quốc-túy, học mà hấp-thụ văn - minh, « văn - minh cốt học tinh-thần, văn-minh không tại áo quần, bao tay da lợn tất chân mỡ gà » ; học làm sao cho lợi nước ích nhà, thì làm sao cho kịp kẻ đời người thế, để vin vai Bảo-hộ mà lên cõi phú-cường, khi ấy mẫu-quốc mới khỏi mang cái tiếng bấy nhiêu năm khai-hóa cho dân Nam-Việt. — Chắc nay đầu buổi mới, Chính-phủ chỉ thực-hành cái chủ - nghĩa « người Nam học tiếng Nam » cho ba lớp dưới ở các trường sơ-đẳng, nhưng lần-lượt thi-pháp một mở rộng, trình-độ một lên cao, ta sẽ có ngày được thấy trong các trường Trung-học, các trường Cao-đẳng cũng có cái phong-trào học quốc-văn, thì quốc-văn vậy.

« Tới lúc ấy thời cái hi-vọng đứng vững múa tròn trên vũ-đài với liệt-quốc ắt chẳng bao lâu mà đạt được. Nhưng tưởng cũng còn phải chầy ngày ta hãng để xem thời - cục đổi thay, cuộc tương-lai mơ-mộng đó cứ bền lòng mà chờ đợi.

« Nay hãng xin bàn việc hiện-tại là thi tiểu-học văn-bằng. Cái nghị-định này ra cũng lắm người mừng mà cũng nhiều kẻ sợ. Người mừng là mừng cho con em đã có nhịp thi quốc-văn, kẻ sợ là sợ cho con em được ít giờ học Pháp-tự. Chẳng nói thời kẻ thức-giả cũng biết, ai lo như vậy là người tri-thức còn hèn, tư-tưởng còn kém, còn coi sự làm việc ăn lương là cái mục-đích cho con em đi học. Chỉ như người mừng cũng lắm kẻ chưa thật mừng, vì còn nơi chưa thỏa dạ, còn ước-ao Chính-phủ thêm môn quốc-sử vào chương-trình khảo-thí cho con em lo học mà thi, kẻo bỗ vậy lẳng-lơ hóa ra người vong-bản. Ôi ! Nước ta có văn-minh, có lịch-sử kể hàng mấy ngàn năm, trẻ con lên 11-12 tuổi tưởng đã phải cần hiểu nhiều điều thiết-yếu, nào những buổi hưng vong trị loạn, nào là người cứu quốc phò-nguy, anh-hùng như Trần Hưng-Đạo, tan tành mấy vạn Nguyên-binh, như Lý Thường-Kiệt, vùng - vẫy hai châu Tống-địa, Lam-sơn cờ nghĩa, Chi-lăng dậy tiếng Lê-hoàng; anh-thư như hai bà Trưng, đuổi đài Tô Định, như Triệu Thị-Âu, chẳng dung giặc Ngô ; biết bao nhiêu người đã hi-sinh tính-mệnh cho giang-sơn mà gìn-giữ, mà đắp bồi nền tổ-quốc. Đến bây giờ dưới trời Nam hãy còn giống Việt, ngồi an-hưởng cuộc hòa-bình, theo thầy Bảo-hộ, lần bước văn-minh, mà vun-vén cỗi Lạc cành Hồng, tô điểm non sông gấm vóc, há chẳng phải nhờ ơn những trang hào-kiệt ấy ru ? Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, ta lẽ nào mà dám mập-mờ, con em ta lẽ nào mà dám lơ-láo. Có soi gương trước, mới lập được thân sau, mới có nghị-lực mà học-hành, mà lâm-lụng cho trọn nghĩa-vụ. Tưởng như vậy quốc-sử rất có quan-hệ với đường tiến-hóa của quốc-dân, mong rằng Chính-phủ lưu-tâm đến mà thêm vào khoa Tiểu-học văn-bằng giảm ba câu sử-ký cũng như địa-dư, như luân-lý, như cách-trí, như vệ-sinh, thời mới hợp với cái trình-độ của một dân-tộc như dân-tộc người Nam vậy.

« La-Tứ Mộng-Bạch ».

. . .

Cáo các đồng-bào sắp vào Nam-kỳ. — Bản-chí lục đăng sau này lời thông-cáo của Hội « Bắc-kỳ Ái hữu » mới lập ở Sài-gòn, và nhân thể chúc cho Hội ấy phát-đạt, vì mục-đích rất hay :

« Người nước nọ đi nước kia, dân xứ này sang xứ khác, hoặc vì việc công hay việc tư mặc lòng, tổng-chi là vì một vấn-đề sinh-nhai cả. Xứ Bắc ta người cũng chưa lấy gì làm đông, rừng đất còn bỏ hoang vô-số, công-nghệ lại thịnh-đạt, như thế thì cái nạn « nhân-mãn » (surpopulation) chưa sợ, chỉ lo sao có nhiều nhân-công để khai-thác đất hoang, để cung-cấp vào việc công-nghệ thôi ; song mấy năm nay thiên-tai cứ liên-hành trong xứ cho nên nghề làm ruộng có vẻ tiêu-điều. « Nông-giả thiên-hạ chi đại bản », nghề làm ruộng mà đã không phấn-phát được thì công-nghệ và thương-mại còn mong chi ?

« Ấy bởi lẽ đó mà vấn-đề « di-dân » đã nhiều người bàn tới. Di-dân đi đâu ? Đi Trung-kỳ thì cảnh-ngộ Trung-kỳ lại còn chán hơn xứ nhà ; đi Tân-thế-giới (Nouvelle calédonie) thì đường-xá xa-xôi mà ở đó cũng không có làm ăn hưng-thịnh được ; chỉ vào Nam-kỳ là hơn cả. Nam-kỳ cũng

một đất nước nhà, đường bộ đường thủy đi đều thuận tiện cả, bởi thế cho nên số người Bắc ở Nam-kỳ mỗi năm mỗi tăng thêm. Chúng tôi trộm nghĩ rằng người ta thao-lược đến đâu khi tới xứ lạ cũng phải bỡ-ngỡ, như thế thì trước khi vào Nam-kỳ nên có người làm môi-giới. Nói đến người làm môi-giới chợt nhớ đến quyển sách nhan là « Thế-lực khách-trú và vấn-đề di-dân vào Nam-kỳ » của ông Đào Trinh-Nhất xuất-bản vừa rồi có nói : «Anh em ngoài Bắc muốn vào trong Nam còn bỡ-ngỡ không biết lấy ai làm môi-giới được. Trừ anh em Bắc-kỳ đã ở Nam-kỳ và anh em Nam-kỳ thì không ai chịu cái trách-nhiệm ấy, song le nghĩ lại không chắc anh em người Bắc ta ở trong ấy bây giờ có lương-tâm hay có nhiệt-thành làm việc ấy cho không, vì nghĩ đến cái tình-hình người Bắc ta ở trong Nam mấy năm trước không ai khỏi có bụng bi-quan được... Những tình-cảnh ấy ở mấy năm trước chắc đến nay cũng vào thời-đại qua rồi, mong rằng anh em Bắc-kỳ ta hiện ở trong Nam bây giờ giải-quyết cái vấn-đề làm môi-giới ấy cho. »

«Điều ước-ao của ông Nhất thật đúng với ý-nguyện của một hai ba số người trong quốc-dân; cũng bởi ý-kiến ấy mà chúng tôi kiều-cư ở xứ Nam này có lập một hội chủ-đích để liên-lạc tình thân-ái trong anh em đồng-xứ ở đất Nam-kỳ và thực-hành cái vấn-đề làm môi-giới cho đồng-bào sắp tới sau này. Hội này là hội « BẮC-KỲ-ÁI-HỮU » (Amicale des Tonkinois en Cochinchine) mới thành-lập tại Sài-gòn do kỳ đại-hội-đồng ngày 29 Novembre 1924 Hội-viên có đủ các nhà tòng-sự tại các sở công, thương, các nhà thương-mại, các nhà kỹ-nghệ....

« Tôn-chỉ Hội là để bênh-vực nhau trong khi tai-ách, giúp đỡ nhau trong khi hoạn-nạn, lập một nhà Hội-quán làm nơi trú-sở để anh em thường họp tập xem sách, đọc báo, trước là rộng đường kiến-văn, sau là gìn-giữ lấy tình thân-ái.

«Mong rằng ông nào vì việc quan thuyên-chuyển hay vì mưu sự buôn-bán làm ăn mà vào xứ Nam này có điều gì chưa tường xin cứ lại nhà Hội ở phố Mac-Mahon số nhà 113 mà hỏi, Hội sẽ hết lòng mách bảo. »

« Bắc-kỳ-ái-hữu Hội lai-cảo. »

.·.

Giới-thiệu sách mới

Bưu-điện thể-lệ. — Ông Trần Hữu-Mậu chủ-sự nhà giấy-thép Hanoi-Gare, mới xuất-bản một quyển *Bưu-điện thể lệ* kể tường các cách-thức gửi thư-tín, gửi mẫu hàng, giấy in, nhật-báo và tạp-chí, cách gửi tiền-bạc, thơ khai giá tiền, hộp khai giá tiền, cũng là cách gửi giấy thu tiền, mua nhật-báo, các thứ tem dùng dán thư, các thứ tem và giấy tiền-chỉ, cách gửi kiện hàng, gửi điện-tín, gửi vô-tuyến-điện, cách dùng điện-thoại, tiền cước gửi hàng, v. v., đều là những thể-lệ cốt-yếu thường dùng về việc bưu-điện. Đương lúc đường giao-thông càng ngày càng mở-mang, việc kinh-tế càng ngày càng phát-đạt, thì quốc-dân ta lại cần nên tường biết những thể-lệ Bưu-chính. Nay được quyển này xuất-bản thì tiện cho những người chưa hiểu biết thể-lệ sở Bưu-chính, cứ theo đó mà làm cho hợp-thức để gửi các thư-từ hàng-hóa, khỏi đến nỗi sai lầm phí mất thì giờ. Thế thì quyển này là một quyển sách thiết-thực chỉ-dẫn về đường giao-thông kinh-tế, không phải là vô-ích. Giá bán 0$60.

— Ông Nguyễn Mạnh-Khoa mới soạn một quyển sách quốc-ngữ vở lòng, gọi là sách *Khải-đồng*, có đủ cả vần bằng vần trắc, lại có các bài tập đọc mỗi câu bốn chữ, như những bài nói về phép học-trò nhỏ sửa mình, vệ-sinh, đọc-sách v. v. đều là những bài thiết-thực, chữ in rõ-ràng. Đương lúc cần cho quốc-ngữ phổ-thông này thì phải có nhiều sách cho trẻ con tập đọc tập viết, mà giá bán rất rẻ, thì quốc-ngữ mới có ngày phổ-cập được. Quyển sách này cũng là một món quà tốt cho trẻ con mới vỡ lòng học quốc-văn. Giá 0$06.

— *Minh-hương thảm-sử.* — Là một quyển tiểu-thuyết của ông Đinh Mai mới soạn, tả ra một nhà trái-chủ kia giả tay bóp nặn, đến nỗi một người cháu gái phải chìm nổi phong-trần, phải mượn cửa từ-bi để nương thân bồ liễu. Trên đầu sách đã có lời giới-thiệu rằng: « Quyển sách này tuy chưa được là kiệt-tác nhưng cũng không đến nỗi hại đến nhân-tâm » Thế thì quyển tiểu-thuyết này mà tỉ với những quyển văn-chương thì rất những lời bướm lả ong lơi, kết-cấu thì toàn những lối hoa tường liễu ngõ, đã không ích gì cho phong-hóa, mà lại hại đến cả luân-thường, giá-trị quyển này chẳng có khác chăng. Sách in được 72 trang, giá 0$32.

— Ông Nguyễn Duy-Ngung mới diễn ra quyển *Kim-Vân-Kiều tiểu-thuyết*, nguyên là theo bộ *Thanh-tâm tài nhân lục* mà diễn ra văn xuôi. Ông Phan Bá-Cần xuất-bản, sách dầy 293 trang, nội-dung chia làm 17 đoạn, từ đoạn đầu đi Thanh-minh cho đến đoạn cuối sông Tiền-đường rồi đến đoạn tái-hợp.

Văn-chương truyện *Kiều* đến như quyển văn vần lục-bát của cụ Nguyễn Du, thì ai mà chẳng ngâm chẳng vịnh, ai mà chẳng hiểu sự-tích, ai mà chẳng chịu là một áng văn-chương tuyệt-tác, mà thực là một kho tài-liệu quốc-văn của nước nhà. Cụ Cao Bá-Quát đã từng phê-bình quyển văn ấy cho là lời văn « Thiệp-thế 涉世 ngôn ». Thế thì truyện *Kiều* mà hay, không phải hay ở sự-tích, chính là hay ở văn-chương. Dầu đem chớp ảnh, đem diễn trò, cũng không thể tả hết được cái tinh-thần văn-chương ấy ra được. Nếu sợ khó hiểu được cái tinh-thần văn-chương quốc-hoa quốc-túy ấy, mà lại theo bộ *tài-tử* diễn ra văn xuôi, cốt để cho rõ thêm sự-tích mà thôi, tưởng cũng không phải là thừa vậy. Lời văn dịch cũng chải-chuốt, thỉnh-thoảng lại mượn những câu văn vần mà điểm-suyết thêm vào để xem cho vui câu chuyện. Giá bán 0$85.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn hai tháng, trong các hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết :

Xin vào chân chủ-trì.

1. — Nguyễn Đình-Tụ, phó-hương-hội ở làng Lã-điền, tổng Bách-tính, huyện Mĩ-lộc, tỉnh Nam-định *(do ông Nguyễn Đức-Long ở Thái-bình giới-thiệu)*

2. — Nguyễn Văn-Khương, Secrétaire à la Direction de l'Instruction publique, 25 k, Rue Jambert, Hà-nội. *(do ông Vũ Văn-Nhạc giới-thiệu)*

3. — Nguyễn Văn-Quỳnh, nguyên giáo-học, ở 21 Rue Jules Ferry, Hà-nội.

4. — Phạm Tấn-Chỉ, Chánh-hương-hội xã Huyền-trực, tổng Nội-lãng, huyện Thư-trì, tỉnh Thái-bình *(do ông Nguyễn Đức-Long giới-thiệu)*.

5. — Phạm Viết-Chiêm, phó-hương-hội xã Huyền-trực, tổng Nội-lãng, huyện Thư-trì, Thái-bình, *(do ông Nguyễn Đức-Long giới-thiệu)*

6. — Trần Văn-Tiện, tộc-biểu, ở xã Dũng-thúy, tổng Vô-ngại, huyện Thư-trì, Thái-bình. *(do ông Nguyễn Đức-Long giới-thiệu)*

.·.

Hội-viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng báo số 88 (Octobre 1924), nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ 1er Février 1925.

A. Vào chân tán-trợ. — Ông Vũ Duy-Thành *(đã nộp vào Hội 100 đồng.)*

B. Vào chân chủ-trì. — Ông Hoàng Văn-Được, — Kiều Thế-Khánh, — Kiều Trí-Quỳnh, — Lê Văn-Ngọc, — Nguyễn Văn-Đa, — Trần Đức-Ký.

C. Vào thường hội-viên. — Ông Nguyễn Đức-Tố, — Phạm Ngọc-Thư.

.·.

Giấy xin ra Hội. — Hội nhận được giấy hai ông này xin ra Hội, vậy kể từ 1er février 1925 không có chân hội-viên Hội Khai-Trí nữa :

1. — Ông Kính, Commis indigène à la Cour d'appel.

2. — Ông Lệ Vũ-Huân, ở Fort Bayard.

.·.

Phủ Toàn-quyền trợ-cấp cho Hội. — Nhân Hội có giấy xin, ngày 2 Février 1925, quan Toàn-quyền MERLIN có viết thư báo cho biết rằng ngài chiều cái mục-đích hay của Hội và muốn giúp cho Hội sắp đặt trong Hội-sở cho chỉnh-đốn, định trích trong sổ dự-toán chung Đông-Pháp một khoản 4000 đồng trợ-cấp cho Hội về năm 1925. — Ông Chánh Hội-trưởng đã thay mặt Hội viết thư cảm ơn quan Toàn-quyền.

.·.

Biên-bản kỳ hội-đồng chấm thi kiểu nhà. — Hội-đồng chấm thi kiểu nhà của Hội Khai-Trí đã họp tại nhà Hội ngày 3, 4 và 5 *Février* 1925, từ 5 giờ 1/2 đến 7 giờ 1/2 chiều, Ông HÉBRARD là chánh sở kiến-trúc Đông-Pháp làm chủ tọa.

Có mặt những ông sau này :

PARMENTIER, Kiến-trúc kỹ-sư, coi việc bảo-tồn cổ-tích ở trường Bác-cổ ;

LAGISQUET, chủ-sự ở sở Lục-lộ thành-phố, đại-biểu cho thành-phố Hà-nội ;

BERNARD, Kiến-trúc kỹ-sư, đại-biểu của Hội « Crédit foncier de l'Indochine » ;

MARTY, Hội-trưởng Hội Khai-Trí ;

COPPIN, Y-khoa bác-sĩ ;

PHẠM QUỲNH, Tổng-thư-ký Hội Khai-

Trí, thay mặt ông Phó-Hội-trưởng Trần Văn-Thông ;

LÊ VĂN-PHÚC, Tổng-thủ-quĩ Hội Khai-Trí, thay mặt ông Phó Hội-trưởng Nguyễn Hữu-Thu, làm thư-ký cho hội-đồng.

Hội-đồng xét : 1) mười-sáu cái kiểu nhà ở cả vườn, biên vào sổ theo số 201, 202, 203, 205, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 217, 219, 220 và một cái gửi đến quá hạn ; 2) chín cái kiểu cửa hàng 8 thước mặt, biên vào sổ theo số 202, 204, 205, 206, 213, 214, 217, 221, 223 ; 3) bảy cái kiểu cửa hàng 6 thước mặt biên vào sổ theo số 205, 215, 216, 217, 218, 222, 224. Lại nhận 22 cái bao-bì niêm-phong đựng tên các người ứng-thí.

Xét qua một lượt, hội-đồng định rằng cái kiểu số 207 và một cái kiểu không có số, không đúng chương-trình thi, bị bãi ra ngoài, cái trên là vì tác-giả có ký lộ tên ra ngoài, cái dưới là vì mãi đến ngày 2 février mới gửi đến, quá hạn 10 ngày. Xong rồi xét kỹ từng kiểu một, thấy đại-khái kiểu nhà có ý làm kỹ hơn kiểu cửa hàng, vậy định rằng giải nhất kiểu cửa hàng để lại mà đặt thêm mấy giải để thưởng cho những người vẽ kiểu nhà.

Xét xong hội-đồng đặt thứ-tự như sau này :

A. — Kiểu nhà.

Giải nhất...	120 $	vào kiểu số	203
— nhất nhì...	80	—	210
— nhì. . .	60	—	202
— ba. . . .	30	—	201
— ba. . . .	30	—	214
Giải tưởng-lệ	20	—	220
—	20	—	212
—	20	—	219
—	20	—	208
—	10	—	211

Số 203 và 210 vẽ cũng khéo bằng nhau nhưng hội-đồng đặt số 210 xuống dưới là vì vẽ thiếu mất một bản « phối-cảnh » (*perspective*).

B. — Kiểu cửa hàng 8 thước.

Giải nhì . . .	60 $	vào kiểu số	204
Giải ba . . .	30	—	214
Giải tưởng lệ	20	—	221
—	20	—	223
—	10	—	206

C. — Kiểu cửa hàng 6 thước.

Giải nhì . . .	50 $	—	222
— ba . . .	30	—	224
— tưởng-lệ.	20	—	215

Đặt thứ-tự rồi, mới bóc các bao-bì niêm-phong để xem tên những người trúng giải, thì thấy như sau này :

A. — Kiểu nhà.

Giải nhất	120 $	số 203	là của ông	Đỗ Văn-Y,	hội-họa ở sở Công-chính, ban kiến-trúc;
— nhất nhì	80	— 210	—	Đỗ Văn-Y,	d°
— nhì . . .	60	— 202	—	Bùi Tích-Ngọc.	d°
— ba . . .	30	— 201	—	Cao Ân,	hội-họa ở sở Kinh-tế.
— ba . . .	30	— 214	—	Nguyễn văn-Minh,	hội-họa ở Sở Công chính —
— tưởng-lệ	20	— 220	—	Bùi Đình-Bảng,	d°
—	20	— 212	—	Phương Đình-Hảo,	d°
—	20	— 219	—	Nguyễn Văn-Oanh,	d°
—	20	— 208	—	Nguyễn Văn-Giang,	d°
—	10	— 211	—	Lê Văn-Hiền,	d°

B. — Kiểu cửa hàng 8 thước.

Giải nhì	60 $	số 204	—	Đỗ Văn-Y,
— ba . . .	30	— 214	—	Nguyễn Văn-Minh.
— tưởng-lệ	20	— 221	—	Nguyễn Văn-Oanh.
—	20	— 223	—	Bùi Đình-Bảng.
—	10	— 206	—	Trần Huy-Ba, hội-họa trường Bác-cổ.

C. — Kiểu cửa hàng 6 thước.

Giải nhì	50 $	số 222	—	Nguyễn Văn-Oanh,
— ba . . .	30	— 224	—	Bùi Đình-Bảng.
— tưởng-lệ	20	— 215	—	Đỗ Văn-Y.

Hội-đồng đã chấm xong các kiểu, đặt thứ-tự như trên, vậy lập tờ biên-bản này để, làm bằng ngày thứ năm 5 février 1925.

Thư-ký : LÊ VĂN-PHÚC ký

Chánh Hội-đồng : HÉBRARD ký

.·.

Hội-đồng đã chấm các kiểu nhà xong định bày trong nhà Hội mấy ngày cho thiên-hạ vào xem. Ngày chủ-nhật 15 février, Hội có giấy mời các quan-viên trị-sự và quí-quan đến xem, rồi hội-đồng phát thưởng và phát bằng cho các nhà hội-họa được trúng giải đã kê tên trên kia. Hội định chụp ảnh những kiểu đẹp để lưu lại làm kỷ-niệm.

.·.

Cuộc thưởng văn-chương của Hội Khai-trí. — Kỳ trước đã đăng điều-lệ cuộc thưởng văn-chương của Hội. Nay đăng lại lần nữa cho rộng người biết.

— Bắt đầu từ 1 tháng giêng năm 1925 Hội Khai-trí mở một cuộc thưởng văn chương để khuyến-khích các nhà làm thơ làm văn trong nước.

— Giải thưởng có 4 hạng như sau này :

1°) Thưởng một bộ sách bằng vận-văn
2°) — — bằng tản-văn
3°) — một vở tuồng lối cổ;
4°) — một bộ sách bằng pháp-văn.

— Sách vận-văn phải là một bộ tiểu-thuyết bằng vận-văn, lối lục-bát hay là lục-bát gián-thất, toàn-thể ít ra là *hai nghìn câu* (2000).

— Sách tản-văn thời có thể làm một bộ tiểu-thuyết lối tả-thực, hoặc về tâm-lý, hoặc về tình-trạng gia-đình xã-hội, hay là một quyển sách nghiên-cứu về một thời-đại hay một nhân-vật trong quốc-sử, phê-bình và nghị-luận theo lối mới, bỏ hết những sự huyền-hoặc. — Sách tản-văn phải ít ra là 200 trang giấy rộng.

— Vở tuồng phải làm theo lối cũ, lấy tích ở truyện ta hay truyện tàu cũng được, lời văn thời theo giọng-điệu cổ, duy phải xếp ra thành hồi thành cảnh, có thể diễn trong một buổi được.

— Sách bằng pháp-văn thì bất-cứ lối gì, miễn là lời văn phải trôi-chảy và có ý-tứ. Sách phải dày ít ra là 150 trang.

— Bốn hạng trên kia, đều định mỗi hạng là ba giải thưởng : giải nhất 300 đồng, giải nhì 150 đồng, giải ba 60 đồng. Nếu hạng nào không có sách hay đáng thưởng thì giải thưởng ấy có thể để đến kỳ sau.

— Các quyển dự-thưởng bằng quốc-văn phải làm bằng chữ quốc-ngữ.

— Sách dự-thưởng phải gửi đến Hội Khai-trí trước ngày 30 tháng 8 năm 1925. Sách không được đề rõ tên ; phải đặt hiệu hay đánh dấu riêng, còn tên thì bỏ vào bao-bì niêm-phong gắn sì cùng đưa với sách, khi nào xét xong mới mở ra.

— Hội Khai-Trí sẽ đặt một hội-đồng các nhà tân-học cựu-học có tiếng để xét và định giải.

— Phát thưởng định vào hạ-tuần tháng chạp tây.

.·.

Nhân cuộc thưởng văn-chương ấy, hội có nhận được mấy cái thư hỏi mấy điều : 1) Có ông hỏi rằng về mục tiểu-thuyết bằng tản-văn có thể góp nhiều bài đoản-thiên-tiểu-thuyết lại cho đủ số 200 trang được không ? — Xin trả lời rằng : không được. Phải làm một bộ tiểu-thuyết trường-thiên, ít ra là 200 trang mới được. — 2) Có ông hỏi trang giấy đây là trang giấy nào. — Xin trả lời là giấy khổ rộng, tức là *papier écolier*, nguyên cả trang.

.·.

Tờ đạt cho các hội-viên Hội Khai-trí. — Ngày 1er Février 1925, ông Hội-trưởng L. Marty có gửi tờ đạt số thứ 2 cho các hội-viên như sau này :

Thưa các ngài.

Tháng trước mới quyền nhận chức Hội-trưởng hội Khai-trí tôi đã có giấy đạt kính chào các ngài và cùng các ngài bàn qua về việc Hội. Nhân tiếp được nhiều thư ở các nơi gửi về, tỏ rằng các ngài Hội-viên đều có lòng ân-cần về việc Hội, bàn nhiều cách để chỉnh-đốn cho Hội ta được mở-mang phát-đạt. Tôi bèn nghĩ rằng cách gửi giấy đạt này có lẽ cũng là một sự hay, nếu cứ cách một vài tháng lại một lần đạt giấy cho các hội-viên để bàn việc Hội thì có lẽ cũng giúp cho cái tình liên-lạc người trong một hội ngày một thân-mật thêm lên và gây được một cái mối đồng-tâm hiệp-lực làm cho Hội ta thành một đoàn-thể hữu-ích trong nước.

Vậy tháng này tôi lại xin có mấy lời cùng các ngài bàn chuyện Hội Khai-trí.

Hội ta thành-lập đã năm năm, dù ai phẩm-bình dị-nghị thế nào mặc lòng, hiện nay cũng là Hội lớn nhất trong nước Nam. Lệ thường ở đời, nói vẫn dễ, làm mới khó. Hoặc có kẻ ngồi một chỗ, cả miệng lớn tiếng, chê người nọ, bác người kia, cho ai làm việc gì cũng là không ra gì cả, những thả ra tự mình làm, có lẽ chẳng bằng ai. Đó cũng là sự thường, không lấy gì làm lạ, và hạng người ấy đâu đâu cũng có. Duy trong cuộc tiến-hóa một dân một nước, cái phái thóa-mạ đó không có ảnh-hưởng gì, và phái thực-hành mới

thật là có ích-lợi. Mà sự thực-hành lại khó-khăn lắm, nhất là ở một xã-hội bán-tân bán-cựu như xã-hội nước Nam này. Tôi chính là một người khởi-xướng ra Hội Khai-trí, đã từng biết những nông-nỗi gian-nan từ khi thành - lập đến giờ. Nên nay trông thấy Hội đã vững-vàng, trên được Chính-phủ tín-dụng, dưới được quốc-dân hoan-nghênh, dẫu chưa được thập-phần hoàn - toàn, cũng đủ khiến cho ta vui lòng làm việc, gác bỏ những lời chê bai ra ngoài tai.

Nay muốn làm việc cho công-hiệu thời phải định phương-châm ra thế nào ?

Hội ta là gồm cả các nhân-đẳng trong xã-hội Việt-Nam : kẻ làm quan, người đi học, người buôn-bán, kẻ làm nghề ; hạng người nào cũng có cả, thật không có hội-đẳng nào bao-quát được cả toàn-thể nước Nam như Hội ta. Bấy nhiêu người họp nhau lại để làm gì ? Chẳng qua là để thực-hành câu ngạn-ngữ : « Hiệp-lực thành thế-lực » (*L'union fait la force*). Những việc lớn-lao sức một người làm không được, họp nhiều người có thể làm nổi. Vậy thời phận-sự của chúng ta là phải làm cho thế-lực Hội ta rất mạnh để bao nhiêu những việc công-ích trong xã-hội có thể đương được nổi, hoặc là tự-lực thi-hành, hoặc là giúp sức cho người ngoài hay các đoàn-thể khác thi-hành.

Cứ ý tôi thì tưởng có thể làm theo cách như sau này :

Phàm những việc công-ích hay là việc từ-thiện có quan-hệ đến xã-hội Việt-Nam, Hội ta đều nên chủ-trương xướng-suất hoặc phù-trợ tán-thành. Hiện nay số hội-viên đã được hơn một nghìn người, nên cổ-động cho mỗi ngày một thêm lên. Nếu mỗi người giúp công giúp của vào một ít thì việc gì làm không nổi. Nay ví có một người riêng hay một đoàn-thể nào khởi-xướng ra một việc hay mà không đủ sức thi-hành được, nhờ Hội ta giúp, Hội-đồng Quản-trị xét việc nên giúp thời loan-báo cho cả đồng-nhân trong Hội biết, mỗi người quyên vào ít ra là hai đồng bạc, cộng lại cũng được bốn năm nghìn đồng, ở một người không là bao mà gom-góp lại thành số to, có thể làm nên việc. Nghĩa là Hội Khai-trí ta phải là cái cơ-quan để tư-trợ cho các việc nghĩa (*la providence des bonnes œuvres*)

Tỉ-dụ như ở Hà-nội có trường Thể-dục của mấy ông hữu-tâm về nòi-giống gây-dựng lên, bữa trước tôi có đến xem, thấy cách xếp-đặt chỉnh-đốn, mà cái chủ-nghĩa thời rất hay, cốt dạy cho kẻ thanh-niên Nam-Việt biết tập-luyện thân-thể cho thành con người tráng-kiện sau này. Một việc hay như thế mà không thể mở-mang được hết sức, là chỉ vì cái vấn-đề tiền-tài. Nay nếu các hội-viên ta vui lòng quyên vào mỗi người một ít để giúp cho trường Thể-dục khoảng-trương thêm lên, thì không những có công với trường Thể-dục mà có công với quốc-dân nữa.

Lại như việc Ấu-trĩ-viên. Việc này là chính Hội ta đề-xướng, chủ-ý không phải là thân-hành đến mọi nơi mà lập Ấu-trĩ-viên đâu, nhưng là cổ-động cho các dân làng hiểu sự ích-lợi của Ấu-trĩ-viên mà tự-lập lấy, Hội chỉ giúp chỉ-bảo cách-thức và trợ-cấp cho ít nhiều mà thôi. Năm đầu nhờ có mấy quan chủ tỉnh và mấy quan địa-phương sốt-sắng, đã được giám bảy nơi lập Ấu-trĩ-viên. Đến năm ngoái đây, phần thì bởi các dân làng chưa hiểu, cho Ấu-trĩ-viên là việc quan, không phải việc dân, phần thì bởi mấy tỉnh bị thiên-tai ngập lụt, không thấy đâu lập được sở nào mới nữa. Nay các hội-viên ta nên cổ-động cho các làng lập Ấu-trĩ-viên rồi báo về cho hội biết, nếu xét ra có cơ thành-lập thời hội sẽ lấy tiền quyên mấy năm trước mà trợ-cấp hoặc mở cuộc lạc-quyên mới. Việc là việc hay, lại là việc cần, các hội-viên ta phải nên nhiệt-thành giúp vào.

Còn một việc cần nữa, phàm người tri-thức ai cũng công-nhận, là việc làm một bộ Việt-âm tự-điển. Hội đã cử một Hội-đồng 10 ông, toàn là những tay làm sách làm báo, lập-thành văn-học-ban để khởi-thảo bộ tự-điển ấy. Từ năm ngoái đến giờ, Hội-đồng vẫn làm việc, cứ mỗi tháng họp hai lần, tôi có đến xem mấy lần mới biết việc khó-khăn và lâu dài, không thể trong tuần-nhật thành được. Tiếng An-Nam xưa nay chưa có tự-điển bao giờ, nên muốn thích nghĩa một tiếng cho rõ-ràng đích-xác, nhiều khi phải bàn đi bàn lại đến mấy giờ đồng-hồ chưa xong. Nhưng các ông có chân hội-đồng đều là những người nhiệt-thành về quốc-âm cả, nên hiện nay đã thảo xong được mấy chữ đầu, đương khảo-sát và hiệu-đính lại. Tôi có bàn với các ông cho in thử để phát cho các hội-viên kiểm-duyệt lại một lần nữa, rồi mới đem công-bố. Nhưng in chắc phí-tổn mất nhiều. Vậy tôi muốn bàn với các ngài lại dùng cách lạc-quyên trong các hội - viên ; thí-dụ như nay muốn in thử chữ A và chữ B, các ngài hội-viên giúp vào mỗi người một đồng bạc để in, khi in xong sẽ gửi cho mỗi ngài một bản.

Ấy là lược-kể mấy việc công-ích, các hội-viên có thể hiệp-lực làm cho thành-công được. Ngoại-giả còn nhiều việc khác nữa (như việc cổ-động để trừ bỏ những sự mê-tín dị-đoan, vấn-đề di-dân lên mạn ngược, v. v.), nếu dùng phương-pháp như trên mà có hiệu-nghiệm thì sẽ lục-tục thi-hành về sau.

Hoặc-giả nói : phàm hội-viên Hội Khai-trí theo lệ đã phải góp tiền vào Hội, nếu nay có việc gì công-ích lại phải quyên tiền nữa thì tiền góp kia để làm gì ?

Xin trả lời rằng : hội ta có ba hạng hội-viên ; tán-trợ, chủ-trì và thường-hội-viên. Tán-trợ là những người giúp cho hội từ 100$ trở lên ; hạng này cố-nhiên là ít lắm; chủ-trì là những người khi vào hội phải nộp 20$ một lúc, hay là mỗi năm nộp 2$ những người vào hai năm đầu (1919-1921) phần nhiều là nộp 20$ cả, vĩnh-viễn không phải nộp gì nữa, còn người vào sau phần nhiều theo lệ mới nộp 2$ một năm, thành-thử nay chỉ trông vào hạng hội-viên nộp thường-niên đó, kể cũng không được mấy tí ; đến thường hội-viên thì chỉ phải nộp một lần 2$ khi nhập-hội mà thôi, số tiền ấy lại ít nữa. Vì tiền góp của Hội-viên đó ít quá không đủ chi-dụng các việc thường (như tiền công người làm, tiền đèn, tiền nước, tiền tu-bổ nhà Hội-quán, v.v.), nên đã có đặt ra một thứ tiền thu về công-quán (*droit du cercle*), định là 3$ một năm cho hội-viên Hà-nội và 1$ một năm cho hội-viên các nơi, nhưng trong hơn một nghìn hội-viên không được hai trăm ông đóng, ông thì nói rằng đã nộp tiền Hội rồi không nộp tiền Công-quán nữa, ông thì nói rằng không đến nhà Công-quán bao giờ không nộp, v. v., thành ra khoản ấy cũng không được bao nhiêu.

Nói tóm lại thì tiền thu-nhập của một hội lớn nhất ở nước Nam, mỗi năm chừng độ hơn nghìn đồng ! Nếu không có Chính-phủ trợ-cấp, không có các nhà hảo-tâm trong Nam ngoài Bắc lạc-quyên, chỉ trông vào một khoản tiền đóng của hội-viên, thì sinh-tồn được cũng khó, đừng nói hành-động việc gì nữa.

Như từ khi hội thành-lập đến giờ, những tiền xây nhà Hội-quán và sắm-sửa đồ-đạc có tới năm vạn đồng, phần nhiều là nhờ Chính-phủ trợ-cấp và các nhà hảo-tâm lạc-quyên cả, nếu chỉ trông vào tiền đóng của Hội-viên thì có đâu làm được như thế.

Cho nên muốn thi-hành c c việc công-ích, phải nhờ đến cả đồng-nhân trong hội giúp vào, khiến cho hội Khai-trí thành như một cái đảng lớn những người có bụng tốt,

sẵn lòng làm việc nghĩa. Các hội-đảng ở các nước văn-minh cũng thường làm như thế, trông vào sự lạc-quyên của hội-viên để hành-động, còn tiền đóng hàng năm thì chỉ để chi-dụng về việc kinh-phí thường trong hội-sở mà thôi.

Nay các ngài hội-viên ta toàn là những nhà hằng-tâm hằng-sản cả, vậy tôi trông mong rằng mỗi khi có việc nghĩa nên làm, các ngài sẽ sẵn lòng giúm-giúp.

Nhưng muốn cho hội ta thật có thế-lực để mỗi khi xướng-suất việc gì làm được thành-công, thì cốt nhất là số h i - viên phải thật đông. Tôi xin khẩn - cầu các ngài nên cổ-động trong chỗ quen thuộc cho được nhiều người vào hội, khiến cho số hội-viên tăng lên đến năm sáu nghìn người thời bấy giờ thế-lực mạnh, tài-lực nhiều, thi-hành việc gì cũng dễ. Hiện ở nước Pháp có hội như *Ligue Maritime et coloniale*, đông tới mấy mươi vạn người, nên thế-lực rất mạnh, thường xuất tiền cho học-sinh đi du-lịch các nước. Hội Khai-trí ta cũng phải mong có ngày được như thế.

Xin các ngài nhận được tờ đạt này có ý-kiến gì về việc cổ-động cho Hội viết thư về cho tôi biết.

Lại xin nhắc lại các ngài rằng chiều ngày thứ tư và ngày thứ bảy nào, từ sáu giờ đến bảy giờ, tôi cũng thường có mặt tại hội-quán, ngài nào quá-bộ lại nhà Hội cho tôi được tiếp chuyện thì lấy làm vui-vẻ lắm.

Nay kính ạt

Quyền Hội-trưởng Hội khai-trí,

Ký tên L. MARTY

Tái-bút. — Theo lệ thường, những khoản lạc-quyên cho Hội để giúp cho các việc công-ích sẽ đăng lên các báo để khuyến-khích cho cả quốc-dân.

— Khi đương in tờ đạt này thì có giấy của quan Toàn-quyền MERLIN báo cho Hội biết rằng Chính-phủ Đông-Pháp trợ-cấp cho Hội trong năm 1925 này bốn nghìn đồng (4000) để sửa-sang trong Hội sở. Chính-phủ còn có bụng chiếu-cố như thế, các hội-viên ta há lại không nên gia-tâm giúm-giúp ư?

Kính-cáo các ngài hội-viên Hội Khai-Trí

Xin có lời nhắc các ngài hội-viên mỗi khi đổi chỗ ở nhớ viết thư về báo cho Hội biết, kẻo những khi có thư-từ giấy-má gửi đến hay lạc mất. Như mấy tờ đạt của ông Hội-trưởng mới rồi, sở Giây-thép gửi về trả lại Hội đến năm sáu chục tờ, nói rằng không tìm thấy. Vậy ngài nào không nhận được tờ đạt xin cũng viết thư cho biết, và để rõ chỗ ở để lần sau gửi cho tới nơi.

Nay kính cáo